

VBF VIETNAM BUSINESS FORUM

DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN VÀ GẶP GỠ CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP FDI

Doanh nghiệp FDI tiên phong thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh



Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

KHUYẾN CÁO

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (“**VBF**”) là một cơ chế đối thoại liên tục và chặt chẽ giữa Chính phủ Việt Nam với cộng đồng doanh nghiệp nhằm cải thiện các điều kiện kinh doanh cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của khối doanh nghiệp tư nhân, thuận lợi hóa môi trường đầu tư, đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế bền vững của Việt Nam.

Tài liệu này được phát hành để phục vụ cho Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên & Gặp gỡ Cộng đồng Doanh nghiệp FDI được tổ chức vào ngày 19/03/2024 tại Hà Nội.

Các kết luận và nhận định đưa ra trong tài liệu này, cũng như trong các bài thuyết trình của đại diện các doanh nghiệp tại Diễn đàn, không thể hiện quan điểm của Hội đồng Quản trị Liên minh VBF, Ban Thư ký VBF, cũng như các tổ chức đồng chủ tọa VBF bao gồm Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, Ngân hàng Thế giới, và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC). Hội đồng Quản trị Liên minh VBF, Ban Thư ký VBF, và các tổ chức đồng chủ tọa VBF không đảm bảo tính chính xác của các dữ liệu được sử dụng trong tài liệu này cũng như trong các bài thuyết trình nói trên, và không chịu trách nhiệm đối với hậu quả do việc sử dụng các dữ liệu này gây ra.

Tài liệu này không được cho thuê, bán lại hoặc phát hành cho mục đích thương mại.



MỤC LỤC

PHẦN I: VAI TRÒ CỦA FDI TRONG BỐI CẢNH MỚI

- 1.1 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc - BritCham
- 1.2. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ - AmCham
- 1.3. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc - KoCham
- 1.4. Bài phát biểu của Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản - JCCI
- 1.4.1. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản - JCCI
- 1.5. Bài phát biểu của Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu - EuroCham
- 1.5.1. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu - EuroCham
- 1.6. Báo cáo của các Hiệp hội thành viên liên kết

PHẦN 2: TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP FDI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH

- 2.1. Bài phát biểu của Nhóm Công tác Nguồn nhân lực
- 2.2. Báo cáo của Nhóm Công tác Nguồn nhân lực
- 2.3. Bài phát biểu của Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng
- 2.4. Bài phát biểu của Nhóm Công tác Thị trường vốn
- 2.4.1. Báo cáo của Nhóm Công tác Thị trường vốn

PHỤ LỤC

- 3.1 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Úc - Auscham
- 3.2 Báo cáo của Nhóm Công tác Ngân hàng
- 3.3 Báo cáo của Nhóm Công tác Giáo dục & Đào tạo
- 3.4 Báo cáo của Nhóm Công tác Khoáng sản
- 3.5 Báo cáo của Nhóm Công tác Điện & Năng lượng
- 3.6 Bài phát biểu của Nhóm Công tác Thuế & Hải quan
- 3.6.1. Báo cáo của Nhóm Công tác Thuế & Hải quan



HỘI NGHỊ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GẶP MẶT CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP FDI VÀ DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN

Thời gian: 08:00 – 12:00 ngày 19 tháng 3 năm 2024
Địa điểm: Grand Ballroom, Khách sạn Lotte, 54 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

DOANH NGHIỆP FDI TIÊN PHONG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH

CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN

07:30 – 08:00	Đăng ký đại biểu
08:00 – 08:20	Phát biểu khai mạc - Bộ Kế hoạch & Đầu tư – <i>Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (5')</i> - Tổ chức Tài chính Quốc tế – <i>Ông Thomas Jacobs, Giám đốc Quốc gia (5')</i> - Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam <i>Ông Phạm Tấn Công, Đồng Chủ tịch (5')</i> <i>Ông Nitin Kapoor, Đồng Chủ tịch (5')</i>
PHẦN 1 VAI TRÒ CỦA FDI TRONG BỐI CẢNH MỚI	
08:20 – 09:20	Vai trò của FDI trong bối cảnh mới và tham vấn chính sách - Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam – <i>Ông Denzel Eades, Phó Chủ tịch (7')</i> - Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam – <i>Ông Joseph Uddo, Chủ tịch AmCham Hà Nội (7')</i> - Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam – <i>Ông Hong Sun, Chủ tịch (7')</i> - Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam – <i>Ông Muto Shiro, Phó Chủ tịch (7')</i> - Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam – <i>Ông Gabor Fluit, Chủ tịch (7')</i> - Đại diện các Thành viên Liên kết (Hiệp hội Doanh nghiệp Singapore) – <i>Ông Seck Yee Chung, Phó Chủ tịch (7')</i>

	Khuyến nghị nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam - Đại diện Samsung Việt Nam – Ông Choi Joo Ho, Tổng giám đốc (5') - Đại diện Bosch Việt Nam – Ông Dominik Meichle, Tổng giám đốc (5') - Đại diện Intel Việt Nam – Ông Phùng Việt Thắng, Giám đốc Quốc gia (5')
PHẦN 2 TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP FDI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH	
9:20 – 9:45	- Báo cáo kết quả khảo sát ESG, Ông Stuart Livesey, Giám đốc quốc gia, Copenhagen Offshore Partners Vietnam (CIP) (10') - Phát triển nguồn nhân lực gắn với tăng trưởng xanh – Ông Colin Blackwell, Trưởng Nhóm Công tác Nguồn nhân lực (5') - Phát triển hạ tầng bền vững – Ông Tony Foster, Đồng Trưởng Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng (5') - Tài chính ESG – Ông Dominic Scriven, Trưởng Nhóm Công tác Thị trường Vốn (5')
9:45 – 10:00	NGHỈ GIẢI LAO
10:00 – 10:25	- FDI xanh: Góc nhìn toàn cầu và thông điệp cho Việt Nam – Ông Arnaud Ginolin, Giám đốc điều hành Tập đoàn tư vấn Boston Consulting Group (BCG) Việt Nam (5') - Kế hoạch của doanh nghiệp đối với triển khai tăng trưởng xanh và thực hiện ESG - Đại diện Erex – Ông Honna Hitoshi, Chủ tịch kiêm Giám đốc đại diện (5') - Đại diện Heineken – Ông Alexander Koch, Tổng Giám đốc (5') - Đại diện Coca-Cola – Bà Claudia Chan, Giám đốc cấp cao chính sách công của ASEAN & Nam Thái Bình Dương (5')
PHẦN 3 PHẢN HỒI CỦA CÁC BỘ NGÀNH	
10:25 – 11:00	- Bộ Công thương - Bộ Kế hoạch & Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên & Môi trường - Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội - Bộ Giáo dục & Đào tạo - Bộ Y tế
11:00 – 11:45	PHÁT BIỂU CHỈ ĐẠO CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM MINH CHÍNH

11:45 – 12:00	Phát biểu bế mạc • Ngân hàng Thế giới – Bà Carolyn Turk, Giám đốc Quốc gia (5') • Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Ông Nitin Kapoor, Đồng Chủ tịch (5') • Bộ Kế hoạch & Đầu tư – Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (5')
12:00 – 12:10	TRAO BẰNG KHEN CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
	TIỆC TRƯA

PHẦN 1

VAI TRÒ CỦA FDI TRONG BỐI CẢNH MỚI



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP ANH QUỐC TẠI VIỆT NAM

Kính thưa quý vị,

Kính thưa Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính; Bộ trưởng bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng, các vị khách quý và các đồng nghiệp,

Trước tiên, Hiệp hội doanh nghiệp Anh quốc tại Việt Nam xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Chính phủ Việt Nam và các cơ quan liên quan vì sự hỗ trợ không ngừng cho các doanh nghiệp, đặc biệt trong việc giải quyết những thách thức do những khó khăn kinh tế đặt ra.

Trong 50 năm qua, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Vương quốc Anh đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Cam kết mở rộng và nâng tầm quan hệ đối tác chiến lược đã tạo dựng niềm tin giữa các doanh nghiệp và cá nhân, thúc đẩy sự hợp tác vì lợi ích chung cho cả hiện tại và thế hệ mai sau.

Chúng tôi hoan nghênh sự cam kết của Việt Nam cho mục tiêu phát thải ròng bằng không và phát triển bền vững, cũng như những nỗ lực của Chính phủ trong việc thực hiện chương trình nghị sự này. Khu vực tư nhân Vương quốc Anh sẵn sàng đóng góp đáng kể trong các lĩnh vực quan trọng như năng lượng, tài chính, được phẩm và hàng tiêu dùng.

Việc thông qua Quy hoạch Phát triển Điện lực 8 ("PDP8") gần đây cho thấy cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc khử cacbon. Để phù hợp với mục tiêu chung về tính bền vững, chúng tôi khuyến nghị triển khai nhanh chóng PDP8, đặc biệt liên quan đến phát triển LNG, năng lượng mặt trời và gió cùng với việc xây dựng các quy định pháp lý cho phép việc thực hiện, ví dụ như các quy định liên quan đến Hợp đồng mua bán điện trực tiếp ("DPPA"). Để hỗ trợ thêm cho sáng kiến này, chúng tôi khuyến nghị triển khai phối hợp Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) phù hợp với PDP8 và đảm bảo tính sẵn sàng của các dự án thí điểm cụ thể, đặc biệt là về năng lượng gió ngoài khơi.

Khu vực tư nhân Vương quốc Anh cam kết hỗ trợ chính phủ Việt Nam trong các nỗ lực bền vững, ủng hộ việc xây dựng và thực hiện Trách nhiệm mở rộng nhà sản xuất (EPR) và thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn trong quản lý rác thải nhựa. Vương quốc Anh có kinh nghiệm đáng kể trong lĩnh vực này và các khuyến nghị của chúng tôi bao gồm khuyến khích sử dụng nhựa tái chế (PCR) trong bao bì, tạo lợi thế cạnh tranh cho các vật liệu này, khuyến khích các nhà sản xuất sử dụng PCR trong sản xuất của họ và phát triển ngành tái chế để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

Việc phát triển Trung tâm Tài chính Quốc tế (International Financial Centre - IFC) tại Việt Nam với sự hỗ trợ của Nhóm Công tác Anh-Việt Nam là một sáng kiến mang tính thay đổi cuộc chơi. Để đảm bảo sự thành công của nó, chúng tôi khuyến cáo nên ghi nhận vai trò quan trọng của ngành Dịch vụ Tài chính trong việc thúc đẩy nền kinh tế trong nước và xuất khẩu của Việt Nam; phát huy năng lực kinh tế của Việt Nam ở thị trường nước ngoài. Việt Nam cần nâng cao năng lực và điều kiện hoạt động dịch vụ tài chính, đảm bảo sự phát triển của ngành phù hợp với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, theo đuổi các chính sách thuận lợi về kế toán, thuế, chứng khoán, ngân hàng. Tầm quan trọng của nâng hạng thị trường mới nổi cho thị trường vốn của Việt Nam và việc áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) trên khắp Việt Nam là những vấn đề quan trọng cần cân nhắc tới và chúng tôi cũng như các doanh nghiệp Vương quốc Anh sẵn sàng hỗ trợ chính phủ Việt Nam đạt được những mục tiêu này.

Chúng tôi đánh giá cao những nỗ lực và tiến bộ của Chính phủ Việt Nam trong cải cách hành chính. Vẫn cần những động thái mạnh mẽ hơn để phục vụ doanh nghiệp và người dân tốt hơn. Cụ thể: a) Tăng cường Chính phủ điện tử trong quản lý các hoạt động xúc tiến và thông báo; b) đơn giản hóa thủ tục và thời gian cấp giấy phép kinh doanh; c) thống nhất giữa các quy định của trung ương và địa phương; d) bỏ yêu cầu phê duyệt trước quảng cáo, chuyển sang kiểm soát sau thị trường.

Chúng tôi đánh giá cao những ý tưởng đổi mới và nỗ lực nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe trong dự thảo Luật Dược và Luật Bảo hiểm Y tế sửa đổi, bao gồm việc công nhận kết quả thẩm định quốc tế để đẩy nhanh thủ tục đăng ký thuốc trong nước, và mở rộng phạm vi thanh toán bảo hiểm y tế bao gồm khám sàng lọc bệnh không lây nhiễm, cùng với nhiều sáng kiến khác. Dựa trên hướng tiếp cận tiên bộ này, chúng tôi khẩn thiết đề xuất việc tự động gia hạn hiệu lực giấy phép đăng ký lưu hành thuốc để tránh sự gián đoạn trong cung ứng thuốc, và việc cập nhật thường xuyên và định kỳ Danh mục thuốc được BHYT chi trả nhằm đảm bảo bệnh nhân được tiếp cận với các loại thuốc mới. Để thu hút thêm FDI và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khoa học đời sống tại Việt Nam, chúng tôi đặc biệt khuyến nghị cần hài hòa các quy định nhằm đẩy nhanh tốc độ phê duyệt các nghiên cứu lâm sàng tại Việt Nam; quy định các biện pháp ưu đãi có ý nghĩa trong đăng ký thuốc và mua sắm thuốc đối với hoạt động nghiên cứu, phát triển và sản xuất dược phẩm trong nước; tạo môi trường thuận lợi với việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ hiệu quả, và đảm bảo đầy đủ các quyền của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Đối với đầu tư nước ngoài nói chung, việc giải quyết các thách thức pháp lý, chẳng hạn như kiểm soát ngoại hối, chậm trễ cấp phép và nhu cầu về tính nhất quán và khả năng dự đoán là rất quan trọng. Chúng tôi đánh giá cao các hiệp định thương mại mà Việt Nam có với Vương quốc Anh như UKVFTA và CPTPP. Việt Nam nên tận dụng các điều ước quốc tế để đơn giản hóa và lược bỏ quy định giấy tờ nước ngoài cần hợp pháp hóa để sử dụng, như hơn 100 quốc gia khác đã làm. Thu hút nhân tài toàn cầu đến Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là quy trình xin thị thực và giấy phép lao động không nhất quán. Trước sự cạnh tranh mạnh mẽ trong khu vực, Việt Nam cần tiếp tục giảm bớt gánh nặng cho nhân tài và những du khách khác (chẳng hạn như khách du lịch) và đẩy nhanh tiến độ về quy trình ứng dụng kỹ thuật số và sử dụng công nghệ tại các sân bay.

Trong lĩnh vực du lịch, Việt Nam chưa điều chỉnh nhanh như các đối thủ cạnh tranh để thích ứng với thực tế hậu Covid và Việt Nam cần xem xét các biện pháp khẩn cấp để theo kịp tốc độ tăng trưởng của các đối thủ cạnh tranh, bao gồm thêm miễn thị thực cho các thị trường mục tiêu chính, như Trung Quốc, Ấn Độ, Châu Âu, Úc, New Zealand, Canada và Mỹ. Chúng ta cũng cần xem xét thị thực lưu trú dài hạn để nghỉ hưu và thị thực nghỉ hưu cho những người muốn nghỉ hưu ở Việt Nam.

Cuối cùng, các doanh nghiệp Anh bày tỏ sự lạc quan về việc đóng góp đáng kể cho nền kinh tế Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực. Chúng tôi kêu gọi Chính phủ đảm bảo hoạch định chính sách mạnh mẽ và nhất quán nhằm thúc đẩy một môi trường nơi các doanh nghiệp có thể hoạt động và phát triển một cách tự tin.

Xin chân thành cảm ơn.



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HOA KỲ TẠI VIỆT NAM

Các thành viên của Hiệp hội thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam (Amcham) xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến Ngài Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng tất cả các đối tác trong Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam và Ban Thư ký đã đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và Chính phủ để thảo luận về giải pháp cải thiện điều kiện kinh doanh, góp phần cho sự tăng trưởng bền vững của Việt Nam.

Năm 2014 đánh dấu mốc kỉ niệm 30 năm AmCham hiện diện tại Việt Nam và khởi đầu mối quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam – Hoa Kỳ. Các thành viên Amcham đã có các dự án đầu tư hàng tỷ đô la tại Việt Nam, thu hút hàng chục nghìn lao động trực tiếp, hàng trăm nghìn nhân viên gián tiếp và đóng góp một phần đáng kể trong xuất khẩu và nguồn thu thuế của Việt Nam. Hoa Kỳ trở thành một trong những nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất của Việt Nam và các tập đoàn, công ty thành viên của Hiệp hội chúng tôi đã đóng vai trò lớn trong quá trình chuyển đổi và phát triển của Việt Nam. Quan trọng hơn, mặc dù phải đối mặt với những thách thức đáng kể do những cơn gió ngược của nền kinh tế toàn cầu đặt ra, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, góp phần đáng kể vào thúc đẩy đầu tư và tăng trưởng trên khắp Việt Nam.

Cơ hội và thách thức của năm con Rồng

Nền kinh tế năm 2023 đã bộc lộ một số điểm yếu, bao gồm sự phụ thuộc mạnh mẽ vào xu hướng thị trường nước ngoài, khu vực tư nhân trong nước dễ bị tổn thương, thủ tục hành chính còn một số bất cập và tình trạng thiếu nguồn cung cấp điện. Để Việt Nam có thể lấy lại được động lực và phát triển chuỗi cung ứng, Việt Nam cần tiến hành thêm cải cách cơ cấu trong các doanh nghiệp nhà nước, quản lý Chính phủ và quy trình quản lý đối với khu vực tư nhân.

Tin vui là hơn một nửa thành viên của Amcham thông tin rằng họ đang kinh doanh đạt kế hoạch hoặc tốt hơn kỳ vọng. Tuy nhiên, tin không vui là hơn một nửa thành viên cảm thấy môi trường kinh doanh cần được cải thiện hoặc Việt Nam đang không đi đúng hướng trong một số lĩnh vực then chốt.

Hành động của Chính phủ có thể giúp đất nước duy trì lợi thế cạnh tranh khi các nhà đầu tư toàn cầu tìm kiếm các điểm đến đầu tư và sản xuất trên khắp Tây bán cầu, Châu Á, Châu Phi và Châu Âu. Về vấn đề này, AmCham chú trọng vào các ưu tiên của Việt Nam trong việc tháo gỡ các nút thắt trong huy động nguồn lực sản xuất và kinh doanh; giải quyết nhu cầu phát triển năng lượng và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang năng lượng sạch và tái tạo; khai thác toàn bộ tiềm năng của nền kinh tế số; đảm bảo khả năng tiếp cận, khả năng chi trả và đổi mới trong ngành y tế; thúc đẩy đầu tư bền vững và tích hợp chuỗi cung ứng; phát triển khu vực tài chính trong đó có thị trường vốn; tạo ra một môi trường trong sạch.

Tốt hơn, nhanh hơn, dễ dàng hơn

Yếu tố quan trọng nhất tạo nên môi trường đầu tư thuận lợi là môi trường pháp lý công bằng, minh bạch, dễ dự đoán và tinh giản, coi trọng sự đổi mới để không chỉ thu hút đầu tư mới mà còn để

duy trì và phát triển các dự án đầu tư hiện tại. AmCham đã ủng hộ tích cực các nỗ lực cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam trong hơn 15 năm qua thông qua hoạt động của chúng tôi ở Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính và các chương trình liên quan. Chúng tôi thấy rằng đã có một số thủ tục hành chính được loại bỏ và đơn giản hóa, tuy nhiên một số luật và quy định mới vẫn tiếp tục đưa ra các thủ tục hành chính mới. Chúng tôi khuyến nghị tất cả các luật và quy định mới nên được xem xét và hạn chế đưa ra các thủ tục hành chính mới.

Cũng như nhiều doanh nghiệp có mặt ở đây hôm nay, các thành viên Amcham phải đối mặt với sự chậm trễ trong thủ tục phê duyệt và các gánh nặng hành chính tốn thời gian. Điều này gây cản trở hoặc đình trệ các dự án của họ và ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của Việt Nam. Vì vậy, cần có sự phê duyệt kịp thời đối với giấy phép về quy hoạch và các giấy phép liên quan, giấy phép kinh doanh, đầu tư, phát triển bất động sản, thị thực cho người lao động nước ngoài, đặc biệt là các chuyên gia, cũng như việc sử dụng Chính phủ điện tử và phê duyệt điện tử cần sự đáng tin cậy và nhất quán. Ngoài ra, mặc dù Chính phủ thúc đẩy số hóa nhưng nhiều thủ tục hành chính như báo cáo, đăng ký, thông báo vẫn phải nộp bằng giấy hoặc thậm chí bằng cả hình thức giấy và điện tử.

Các thành viên AmCham có hoạt động kinh doanh đa dạng trong lĩnh vực kinh tế ở Việt Nam. Chúng tôi hợp tác chặt chẽ với các đối tác của Chính phủ để đảm bảo các quy tắc và quy định được đề xuất nhất quán và đồng bộ với luật pháp hiện hành, tiêu chuẩn quốc tế và không gây quá nhiều gánh nặng cho doanh nghiệp. Trong những tháng gần đây, chúng tôi đã tham gia vào tham vấn chính sách cho các quy định về sản xuất và môi trường như EPR, phát triển năng lượng như PDP8, VAT và các vấn đề về thuế khác, chính sách chăm sóc sức khỏe như Luật Dược cũng như nhiều đề xuất và quy định khác tác động đến tăng trưởng của nền kinh tế số.

Chuỗi cung ứng cũng cần phải tương thích với chính sách thuế toàn cầu. Việt Nam nên áp dụng các chuẩn mực toàn cầu về kế toán, kiểm toán, về chuyên gia và áp dụng các thỏa thuận trước về Phương pháp xác định giá tính thuế đã được Quốc hội thông qua. Hiện nay, rất nhiều công ty phải đối mặt với các chính sách thuế không minh bạch và khó lường, thường là ở cấp cục thuế thành phố hoặc cấp tỉnh.

Chúng tôi sẽ tiếp tục làm việc với Chính phủ để xác định và loại bỏ những nút thắt này, đồng thời hướng tới một môi trường pháp lý đáp ứng các tiêu chuẩn toàn cầu. Chúng tôi khuyến khích Chính phủ làm rõ những yếu tố của pháp luật Việt Nam gây cản trở việc triển khai hiệu quả đầu tư nước ngoài và mọi gánh nặng hành chính bổ sung trong dự thảo luật và quy định phải được cân nhắc xem xét cẩn thận hoặc loại bỏ nếu có thể.

Duy trì nguồn cung ứng điện

Chúng tôi vô cùng hoan nghênh việc Chính phủ tập trung vào tăng trưởng chuỗi cung ứng, thu hút đầu tư và sản xuất công nghệ cao. Nếu không có nguồn điện ổn định, giá cả phải chăng, và nguồn cung cấp điện bền vững, nhiều mục tiêu được thảo luận hôm nay sẽ khó có thể đạt được. Một trong các nhu cầu chính của tất cả các doanh nghiệp và bất kỳ nhà đầu tư trong tương lai đó là nhu cầu về sự ổn định của nguồn cung cấp năng lượng và khả năng tiếp cận năng lượng tái tạo ngay lập tức. Duy trì các hệ thống năng lượng hoạt động là mục tiêu thiết yếu của quản trị năng lượng tốt và cung cấp cho các nhà đầu tư khả năng tiếp cận năng lượng tái tạo giúp cho đất nước có lợi thế cạnh tranh hơn. Động lực cung và cầu điện rất phức tạp và cách tiếp cận hợp tác giữa khu vực công và tư nhân là điều cần thiết để phát triển nguồn điện bền vững, đáng tin cậy và giá cả phải chăng. Việt Nam có thể thu hút nguồn tài chính toàn cầu nhờ hệ thống quản lý năng lượng hiệu quả.

Chúng tôi khuyến khích tiếp tục đối thoại giữa Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các bên liên quan trong khu vực tư nhân để có thể đưa ra các giải pháp khả thi ngắn hạn và dài hạn để Việt Nam đáp ứng nhu cầu an ninh năng lượng, bao gồm thúc đẩy phê duyệt các dự án khí tự nhiên hóa

lỏng (LNG) quy mô lớn nhằm hỗ trợ an ninh năng lượng. Cơ sở hạ tầng năng lượng không thể được thiết lập trong một sớm một chiều và việc lập kế hoạch cho sự tăng trưởng bền vững của Việt Nam cần phải được thực hiện ngay từ bây giờ. Chúng ta cần loại bỏ những bất ổn về quy định và hướng sự tập trung mới vào việc phê duyệt các dự án trong ngắn hạn có tính thực tế và khả thi về mặt tài chính để đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng ở đây.

Chính phủ mong muốn đạt được tiến bộ nhanh chóng trong Kế hoạch huy động nguồn lực được đặt ra bởi tuyên bố chính trị JETP và chúng tôi mong muốn tiếp tục thực hiện mục tiêu này. Cam kết của khu vực tư nhân hướng tới việc 1) cải thiện chính sách và môi trường thuận lợi trong nước và quốc tế; 2) sự sẵn có của tài chính công, bao gồm cả các cơ cấu có thể giảm thiểu rủi ro và tập trung vào tài chính tư nhân; và 3) một hệ thống mạnh mẽ gồm các dự án được đấu thầu cạnh tranh phù hợp với lộ trình chuyển đổi của JETP.

Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ xem xét điều chỉnh các Thỏa thuận mua bán điện (PPA) theo tiêu chuẩn quốc tế để tạo điều kiện cho các tổ chức đa phương và tổ chức Tài chính Phát triển cho vay các dự án lớn về Chuyển đổi Năng lượng và lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Các nhà đầu tư hiện tại cần các quy định hợp lý hơn để có thể có thể cung cấp năng lượng tái tạo, vì nhiều nhà đầu tư mới và các dự án mở rộng cần có khả năng tiếp cận năng lượng tái tạo để xem xét đầu tư. Những vấn đề then chốt bao gồm việc triển khai Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, xây dựng Nghị định về phát triển điện mặt trời trên mái nhà, tiếp cận năng lượng tái tạo trong các khu công nghiệp và hướng dẫn cơ chế Hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA). Chúng tôi rất vui và được khích lệ bởi những tín hiệu cho thấy DPPA có thể được triển khai vào ngày 1 tháng 7 năm nay. Các thành viên của Hiệp hội chúng tôi – cùng với các nhà đầu tư và khách hàng, luôn sẵn sàng hỗ trợ triển khai sớm nhất chương trình đáng mong đợi từ lâu này.

Cơ hội phát triển chuỗi cung ứng

Việt Nam đang có một vị trí thuận lợi để thu hút các khoản đầu tư lớn khi các công ty đa quốc gia đang tăng cường tìm cách đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu. Như các nước sở hữu chuỗi cung ứng lớn khác, Việt Nam cần liên tục đánh giá lợi thế cạnh tranh của mình là gì. Chúng tôi tin rằng Việt Nam cần ưu tiên đào tạo lao động và kỹ sư, cấp phép lao động cho kỹ sư nước ngoài và khả năng hỗ trợ các ngành công nghiệp theo chiều dọc, đặc biệt khi các công ty đang tìm cách đa dạng hóa các nhà cung cấp cấp hai và cấp ba ra khỏi Trung Quốc.

Chúng tôi khuyến nghị dỡ bỏ các rào cản đối với các khoản đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực đào tạo nghề và chuyên môn để hỗ trợ phát triển các kỹ năng và năng lực quan trọng của lực lượng lao động. Chúng tôi cũng kêu gọi Chính phủ cung cấp thêm nhiều khoản hỗ trợ hơn cho các nhà sản xuất vừa và nhỏ. Các công ty này tuy là các công ty rất nhỏ lẻ với vốn thấp nhưng lại là một phần thiết yếu của các ngành công nghiệp hỗ trợ. Dựa trên các cơ sở đánh giá hiện tại của các Sở Kế hoạch và Đầu tư (DPI), các nhà đầu tư nhỏ lẻ như vậy thường gặp nhiều bất lợi và chậm trễ trong việc cấp phép và cấp phép. Các công ty này thường là nhà tuyển dụng lao động có tay nghề và chuyên môn cao và đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng hệ thống hỗ trợ mà các nhà sản xuất toàn cầu cần ở Việt Nam.

Để nắm bắt kịp thời các cơ hội đa dạng hóa, các thành viên của Hiệp hội chúng tôi cũng kêu gọi Chính phủ nhanh chóng xây dựng cơ chế tốt hơn để phê duyệt các dự án đầu tư mở rộng (mua hoặc thuê các cơ sở sản xuất hiện có để triển khai hoạt động sản xuất mới) Các nhà sản xuất quốc tế gặp khó khăn trong việc bán các cơ sở mà họ đã xây dựng/đầu tư và những người mua tiềm năng gặp khó khăn trong việc xin được phê duyệt, thực hiện các giao dịch mua cũng như xin giấy phép kinh doanh cho các dự án này. Một thị trường chuyển nhượng các dự án hiện hữu hiệu quả là một yếu tố hỗ trợ quan trọng cho các dự án đầu tư vào Việt Nam.

Đồng thời, Việt nam cần cải thiện hoạt động tài trợ chuỗi cung ứng (hỗ trợ nhu cầu tiền mặt trong các giao dịch sản xuất), điều này sẽ giúp tăng trưởng đầu tư tại Việt Nam. Ở hầu hết các thị trường cạnh tranh, đơn đặt hàng của khách hàng là hồ sơ đầy đủ để ngân hàng cung cấp tài chính ngắn hạn cho phép nhà sản xuất nhận được nguyên liệu và thực hiện trước khi nhận thanh toán từ khách hàng.

Khai phá tiềm năng của nền kinh tế kỹ thuật số và sáng tạo

AmCham đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ trong việc hỗ trợ Việt Nam chuyển đổi sang nền kinh tế kỹ thuật số – điều này rất quan trọng đối với tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế nói chung. Chính phủ đang xây dựng rất nhiều các quy định và chúng tôi đã rất tích cực tham gia vào quá trình này. Các thành viên Amcham làm việc rất tích cực để hỗ trợ quá trình chuyển đổi này, đối với các đối tác Việt Nam và các dự án cá nhân. Chúng tôi kêu gọi Chính phủ thực hiện cách tiếp cận toàn diện và tầm nhìn toàn cầu trong việc phát triển khung pháp lý kỹ thuật số. Việc tự do lưu thông dữ liệu qua biên giới và quyền tiếp cận của người dùng Việt Nam vào các dịch vụ đám mây có tiêu chuẩn toàn cầu và dịch vụ khác cũng như việc bảo vệ dữ liệu là rất quan trọng cho quá trình chuyển đổi đó, không chỉ đối với các công ty kỹ thuật số mà còn với tất cả các thành phần của nền kinh tế. Chia sẻ dữ liệu xuyên biên giới là điều cần thiết để các doanh nghiệp tiếp cận thị trường toàn cầu, tương tác với khách hàng, thực hiện nghiên cứu và phát triển cũng như liên lạc với các nhà cung cấp/chỉ nhánh trên toàn cầu, từ đó tăng cường hiệu quả và năng suất.

Một ưu tiên về chính sách quan trọng là Dự thảo Nghị định hiện hành thay thế Nghị định số 72/2013/ND-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trực tuyến. Sau nhiều vòng tham vấn, chúng tôi hiểu rằng hầu hết các vấn đề quan ngại mà chúng tôi đã có ý kiến nhưng vẫn chưa được cân nhắc trong dự thảo mới nhất, mặc dù nhận được phản hồi trước đó rằng những vấn đề này sẽ được giải quyết. Do vậy chúng tôi rất lo ngại việc các công ty sẽ có khả năng không thể tuân thủ các quy định sẽ được đề ra.

Chúng tôi vô cùng tự hào việc Việt Nam có lực lượng lao động Kinh tế ứng dụng lớn nhất Đông Nam Á. Trong đó có sự tham gia của các nhà phát triển ứng dụng và các nhân viên khác vào việc tạo ra, duy trì và hỗ trợ loạt ứng dụng di động ngày càng mở rộng. Việc làm trong lĩnh vực Kinh tế ứng dụng trải rộng trên đa dạng các ngành của nền kinh tế Việt Nam, bao gồm công nghệ thông tin, tài chính, vận tải, y tế và sức khỏe, thương mại điện tử, du lịch và giải trí, bất động sản và xây dựng, giáo dục và năng lượng. Sự tăng trưởng trong ngành công nghiệp quan trọng này phụ thuộc vào sự hỗ trợ trong môi trường pháp lý, bao gồm việc đơn giản hóa các quy định và giảm bớt các rào cản đối với luồng dữ liệu xuyên biên giới, đồng thời loại bỏ chế độ cấp phép và giảm thiểu gánh nặng hành chính mà chúng tôi thấy có trong các Dự thảo Nghị định.

Sự sáng tạo và nền kinh tế kỹ thuật số rất quan trọng đối với các thành viên của Hiệp hội chúng tôi. Một số Dự thảo Nghị định và các quy định quan trọng khác mà AmCham tiếp tục làm việc với các đối tác Chính phủ để cải thiện bao gồm Luật Bảo vệ Người tiêu dùng, Luật Tiêu chuẩn Kỹ thuật, Luật Viễn thông, Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân, Luật Dữ liệu, v.v.

Một quy định khác cũng ảnh hưởng đến nhiều thành viên của chúng tôi là Dự thảo Nghị định về Chữ ký điện tử và Dịch vụ ủy thác do Bộ Thông tin Và Truyền thông chuẩn bị. Dự thảo Nghị định có quy định về đăng ký chữ ký điện tử chuyên dùng là gánh nặng bất hợp lý đối với doanh nghiệp. Ví dụ, toàn bộ hệ thống thiết bị phải được đặt tại Việt Nam và phải có 12 nhân viên phụ trách hệ thống. Nhiều thành viên của Hiệp hội chúng tôi hoạt động như các chi nhánh hoặc công ty con của công ty mẹ và sử dụng hệ thống toàn cầu chung. Các công ty này sẽ không thể tuân thủ các điều kiện trong Dự thảo Nghị định. Chúng tôi mong muốn hợp tác với Bộ Thông tin Và Truyền thông cùng các cơ quan chức năng khác để phát triển khuôn khổ hiệu quả và sự công nhận pháp lý chính thức về chữ ký điện tử và chữ ký số nhằm giúp khắc phục những trở ngại cho các công ty.

Chúng tôi thấy được những cơ hội phát triển lớn và khuyến khích Việt Nam ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, dịch vụ đám mây và trung tâm dữ liệu. Tuy nhiên, có những quy định về dịch vụ đám mây và trung tâm dữ liệu gây trở ngại cho khả năng đầu tư của các công ty Hoa Kỳ vào các lĩnh vực này. Chúng tôi cũng nhận mạnh rằng các thủ tục nhập khẩu thiết bị kỹ thuật số quá phức tạp là rào cản đối với sự phát triển kỹ thuật số. Do đó, AmCham khuyến nghị đơn giản hóa các thủ tục nhập khẩu và cho phép chấp nhận chứng chỉ chất lượng được cấp bởi các quốc gia đáng tin cậy.

Lĩnh vực thương mại điện tử ở Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ theo cấp số nhân. Việc Chính phủ và các công ty tập trung vào xuất khẩu trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt có thể thúc đẩy sự phát triển của thương mại điện tử của Việt Nam. Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ nên có các chính sách nhằm thúc đẩy xuất khẩu trực tuyến và nói lòng thủ tục hải quan và thanh toán. Đồng thời, đơn giản hóa các tài liệu mà ngân hàng, thẻ và ví điện tử yêu cầu để xử lý các giao dịch thanh toán thương mại điện tử có giá trị thấp, khối lượng lớn cho các công ty trong và ngoài nước.

AmCham mong muốn tiếp tục hợp tác với Chính phủ trong việc thu hút đầu tư và thúc đẩy đổi mới nhằm hỗ trợ tăng trưởng bền vững, ban hành các chính sách nhằm tiếp tục thu hút ngành sản xuất có giá trị cao và nâng cao vai trò của nền kinh tế kỹ thuật số ở Việt Nam. Các thành viên AmCham mong muốn tiếp tục đóng góp vào các khuôn khổ chính sách hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy đổi mới.

Sức khỏe tinh thần và thể chất là chìa khóa then chốt cho sự phát triển bền vững

Các chính sách tốt trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cũng rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Việt Nam. Nhu cầu về dược phẩm đang ngày càng tăng ở Việt Nam và được thúc đẩy bởi việc cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ, phạm vi chăm sóc sức khỏe được mở rộng, thu nhập cá nhân tăng, việc nhận thức và quản lý sức khỏe cũng tốt hơn. Tuy nhiên chúng tôi nhận thấy những thách thức liên quan đến các hạn chế và quy trình phê duyệt kéo dài về nhập khẩu và phân phối các sản phẩm và công nghệ chăm sóc sức khỏe mà Việt Nam đang cần.

Việt Nam nên hạn chế các thủ tục, giấy tờ trùng lặp, tốn kém để nhập khẩu thuốc mới vào nước một cách nhanh chóng. Chúng tôi cũng khuyến nghị giảm gánh nặng cho các công ty muốn đầu tư vào chuyển giao công nghệ để sản xuất dược phẩm trong nước. Chúng tôi lo ngại rằng về sự phân biệt đối xử trong pháp luật đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIEs) trong lĩnh vực dược phẩm, điều này gây ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của ngành. Ví dụ, dự thảo Luật Dược hiện nay bổ sung một điều khoản (điều 53a) hạn chế quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp FDI trong một số hoạt động kinh doanh và vận hành.

Cải cách thị trường vốn để thúc đẩy đầu tư

Chúng tôi được khích lệ bởi quyết tâm mạnh mẽ của Chính phủ trong nỗ lực nâng cấp vị thế của thị trường vốn Việt Nam lên “Thị trường mới nổi” so với “Thị trường cận biên”, đặc biệt là về việc loại bỏ yêu cầu cấp vốn trước cho sản giao dịch chứng khoán và nâng cao Giới hạn sở hữu nước ngoài – đặc biệt là trong lĩnh vực ngân hàng. Việc nâng cấp này sẽ mở ra khả năng tiếp cận nguồn vốn quốc tế lớn hơn cho Việt Nam, tạo ra các xu hướng tích cực: quan điểm tích cực hơn về nền kinh tế sẽ thu hút nhiều đầu tư và thương mại trực tiếp hơn, dẫn đến tăng trưởng kinh tế cao hơn cho Việt Nam.

Chúng tôi khuyến nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam triển khai mô hình đối tác bù trừ trung tâm an toàn, hiệu quả và phù hợp với thông

lệ quốc tế, trong đó thiết lập vai trò của các bên tham gia phù hợp với chức năng của họ. Công ty chứng khoán và ngân hàng cần tránh việc chuyển rủi ro thanh toán của thị trường chứng khoán sang hệ thống ngân hàng.

Ổn định tài chính

Việc sửa đổi Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp trong chương trình nghị sự 2024-2025 có thể ảnh hưởng đáng kể đến tăng trưởng kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp. Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ tiến hành đánh giá kỹ lưỡng về tác động kinh tế xã hội của những thay đổi này trước khi tiến hành trong khoảng thời gian ngắn như vậy.

Thương hiệu đáng tin cậy và Bảo vệ người tiêu dùng

AmCham hoan nghênh những sửa đổi của Luật Quảng cáo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường kinh doanh cạnh tranh và chúng tôi mong muốn được hợp tác với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để chia sẻ những kinh nghiệm hữu ích trong ngành. Để tránh gánh nặng không đáng có cho các thương hiệu khi phát triển nội dung quảng cáo, chúng tôi khuyến nghị xem xét lại Điều 19 và 19a của dự thảo sửa đổi để đảm bảo các định nghĩa và hướng dẫn rõ ràng về “nội dung thông tin” và nội dung bắt buộc đối với quảng cáo mỹ phẩm. Các thành viên của Hiệp hội chúng tôi cũng mong muốn xác nhận rằng định nghĩa và cách hiểu về các nhà cung cấp sản phẩm có ảnh hưởng nhất quán với định nghĩa về “người có ảnh hưởng” trong Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng.

Tạo môi trường kinh doanh hấp dẫn, minh bạch và ổn định hơn

AmCham đánh giá cao mối quan hệ hợp tác và đối thoại chặt chẽ với Chính phủ và chúng tôi vô cùng vui mừng khi hai nước đã nâng cấp mối quan hệ ngoại giao vào năm ngoái. Với tư cách là nhà đầu tư lớn và thị trường trọng điểm cho xuất khẩu của Việt Nam, các công ty Hoa Kỳ quan tâm đến sự thành công liên tục của nền kinh tế và chúng tôi rất vui vì có cơ hội được làm việc với Chính phủ để giải quyết các vấn đề pháp lý. Môi trường kinh doanh sẽ được cải thiện tốt nhất thông qua các biện pháp tăng năng suất, dỡ bỏ rào cản kỹ thuật và điều kiện kinh doanh, giảm thiểu chi phí không cần thiết, ví dụ như việc tương thích chuẩn hóa với các quy trình và chính sách của ngân hàng quốc tế. Việc giảm bớt sự phức tạp trong kinh doanh cũng sẽ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp Việt Nam – đa phần là các doanh nghiệp vừa và nhỏ - sẽ thúc đẩy tinh thần kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của Việt Nam.

AmCham cam kết đạt được sự tăng trưởng bền vững phù hợp với các giá trị Môi trường, Xã hội và Quản trị. Chúng tôi sẽ tiếp tục đóng vai trò hữu ích và mang tính xây dựng trong việc xác định và thực hiện các giải pháp, đồng thời sẽ không ngừng ủng hộ cho sự tăng trưởng và sức mạnh của nền kinh tế Việt Nam.

AmCham xin gửi lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công tới các vị lãnh đạo, các vị khách quý và các thành viên có mặt tại đây ngày hôm nay. Xin chân thành cảm ơn.

BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM

1. Cần có biện pháp bổ sung liên quan đến việc thực hiện thuế tối thiểu toàn cầu:

Việc quy định thuế tối thiểu toàn cầu chính thức được áp dụng từ năm 2024 đang gây ra lo ngại cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư tại Việt Nam về việc các ưu đãi thuế họ được hưởng hiện nay có thể trở nên gần như vô nghĩa.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cơ bản của Việt Nam là 20%, tuy nhiên thuế suất có hiệu lực thực tế đối với các tập đoàn lớn có sự chênh lệch trong khoảng 5-10%, do đó nếu doanh nghiệp phải nộp khoản thuế đối với mức chênh lệch này thì hiệu quả miễn giảm thuế hiện tại sẽ bị mất đi. Nội dung dự thảo Nghị định được Bộ Kế hoạch và Đầu tư công khai lấy ý kiến từ ngày 19/12/2023 bao gồm kế hoạch thành lập Quỹ hỗ trợ đầu tư nhằm thực hiện thuế tối thiểu toàn cầu và các nội dung về ưu đãi hỗ trợ, phạm vi và phương pháp hỗ trợ thông qua Quỹ hỗ trợ đầu tư, tuy nhiên nhiều ý kiến cho rằng mức hỗ trợ chưa rõ ràng nên chưa đủ để thu hút sự quan tâm và đồng tình từ các nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, theo nội dung của dự thảo Nghị định này, đối tượng hỗ trợ chỉ giới hạn ở quy mô vốn đầu tư từ 500 triệu đô-la Mỹ trở lên, gây ra lo ngại về việc số doanh nghiệp có khả năng được hưởng hỗ trợ rất ít và phần lớn doanh nghiệp nước ngoài không được hưởng ưu đãi. Trường hợp hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp này bị thu hẹp lại do quy định này, sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến cả hoạt động sản xuất, kinh doanh của toàn bộ các doanh nghiệp cung ứng đã đầu tư vào Việt Nam theo doanh nghiệp đó, cuối cùng sẽ gây ra trở ngại cho việc mở rộng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, đề nghị Chính phủ Việt Nam sẽ phân tích kỹ lưỡng và dự báo tác động của việc thực hiện thuế tối thiểu toàn cầu, lấy ý kiến rộng rãi của các ngành về nội dung Nghị định để sửa đổi, bổ sung, qua đó có biện pháp để tránh gây ảnh hưởng tiêu cực tới các nhà đầu tư nước ngoài.

2. Cần giải quyết vấn đề cung cấp điện không ổn định

Trong thời gian từ tháng 6-7/2023, nhiều khu vực ở miền Bắc Việt Nam (Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nam, Phú Thọ, Vĩnh Phúc v.v...) xảy ra tình trạng bị cắt điện do thiếu điện và ở một số khu công nghiệp cũng đã tiến hành cắt điện có báo trước với tần suất khoảng 1-2 lần/tuần.

Chính phủ Việt Nam cũng nhận thức được rằng hiện tượng thiếu điện như vậy là yếu tố gây trở ngại lớn cho việc thu hút đầu tư nước ngoài và nâng cao năng lực cạnh tranh sản xuất của doanh nghiệp Việt Nam, đồng thời đã có nhiều nỗ lực nhằm đề ra giải pháp, tuy nhiên đây là vấn đề khó có thể giải quyết được trong thời gian ngắn.

Các doanh nghiệp Hàn Quốc mong muốn đầu tư vào Việt Nam, đặc biệt các doanh nghiệp công nghệ cao như bán dẫn đang chỉ ra rằng hiện tượng thiếu điện của Việt Nam là một trong những yếu tố lớn khiến họ chần chừ trong việc đưa ra quyết định đầu tư. Lập trường của các doanh nghiệp toàn cầu khác trong lĩnh vực công nghiệp cao mà Chính phủ Việt Nam mong muốn thu hút đầu tư cũng tương tự.

Các công ty Hàn Quốc hiện rất quan tâm đến các ngành sử dụng nhiều công nghệ, phù hợp với xu hướng thân thiện môi trường như điện mặt trời áp mái, tuy nhiên họ đang ngần ngại việc tiến hành

đầu tư do việc cung cấp điện không ổn định và các quy định pháp luật liên quan chưa rõ ràng. Đề nghị Chính phủ Việt Nam có phương án cung cấp điện thông suốt trong các khu công nghiệp để các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, trong đó có doanh nghiệp Hàn Quốc có thể duy trì hoạt động sản xuất ổn định.

3. Cần đơn giản hóa thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

Đối với các doanh nghiệp sản xuất đầu tư vào Việt Nam, căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam được sửa đổi từ ngày 01/1/2022, thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được thay đổi từ cấp tỉnh thành cấp cơ quan trung ương (Bộ Tài nguyên và Môi trường) tùy theo khả năng gây ô nhiễm môi trường và công suất.

Điều này khiến thời gian và chi phí xin phê duyệt báo cáo tác động môi trường gia tăng, gây ra gánh nặng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có quy định rõ danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, tuy nhiên trên thực tế ngay cả dự án sản xuất sản phẩm không gây ô nhiễm môi trường (linh kiện, thiết bị điện, điện tử) nếu có công suất vượt quá mức tiêu chuẩn (từ 1.000 tấn sản phẩm/năm hoặc 01 triệu thiết bị, linh kiện/năm trở lên) thì cấp có thẩm quyền phê duyệt cũng không phải là cấp tỉnh mà là Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên cạnh đó, ngay cả trường hợp mở rộng nhà máy thông qua đầu tư bổ sung hay đầu tư mới, nếu vượt quá điều kiện này cũng phải xin phê duyệt từ cơ quan trung ương (Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Trong khi đó, đa phần các doanh nghiệp hoạt động trong ngành điện tử đều có công suất trên 01 triệu linh kiện, thiết bị/tháng nên hầu hết các doanh nghiệp sản xuất linh kiện điện và điện tử của Hàn Quốc sẽ thuộc diện đối tượng này. Với lý do đó, các doanh nghiệp cần xin phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường mới, như doanh nghiệp đầu tư mới hoặc doanh nghiệp đầu tư mở rộng đều lo ngại về việc thời gian kéo dài và phát sinh nhiều chi phí. Thời gian xin phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bị kéo dài như vậy đang gây ra khó khăn cho kế hoạch sản xuất của nhà máy.

Hiện nay, thủ tục đánh giá đã thuận lợi hơn so với giai đoạn đầu mới thực thi quy định, tuy nhiên thực tế là thời gian đánh giá tác động môi trường đang mất ít nhất từ 2 tháng (60 ngày) đến 3 tháng (90 ngày), hồ sơ trình xin phê duyệt cũng tăng khoảng 50-60% so với hồ sơ đã nộp trước đây để xin phê duyệt ở cấp tỉnh. Điều này đang là trở ngại cho hoạt động đầu tư nhanh chóng của các nhà đầu tư.

Mọi doanh nghiệp Hàn Quốc đều tôn trọng nỗ lực và hệ thống quản lý để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường của Chính phủ Việt Nam, tuy nhiên việc giảm thiểu chi phí và thời gian thực hiện thủ tục hành chính quá mức đối với các doanh nghiệp xin phê duyệt được coi là phù hợp với định hướng cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ cũng như thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Do đó, cần điều chỉnh có tính thực tế các tiêu chí để cơ quan trung ương (Bộ Tài nguyên và Môi trường) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thời gian giải quyết: 30-40 ngày
- Nơi tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh và Ban Quản lý các khu công nghiệp cấp tỉnh
- Quy trình: Nộp hồ sơ lần đầu lên Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh và Ban Quản lý các khu công nghiệp cấp tỉnh (01 ngày) → Xem xét và chuyển hồ sơ sang Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh (25 ngày) → Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xem xét lần cuối (03 ngày) → phê duyệt (01 ngày)

4. Cần hợp tác để tăng cường năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam

Chính phủ Việt Nam không ngừng thể hiện quyết tâm phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ liên quan đến ngành sản xuất công nghệ cao nhằm phát triển nền kinh tế quốc gia và tăng cường năng lực cạnh tranh. Đây cũng là vấn đề quan trọng đối với các doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam vì họ sẽ được cung cấp sản phẩm chất lượng tốt từ doanh nghiệp địa phương về trung và dài hạn, do đó chúng tôi đang hỗ trợ tập trung vào các nhà đầu tư lớn trong việc mở rộng nhóm các nhà cung ứng địa phương và tham gia chuỗi cung ứng.

Chính phủ và các bộ, ngành của Việt Nam đang kỳ vọng các doanh nghiệp Hàn Quốc mở rộng các nỗ lực này, tuy nhiên số lượng doanh nghiệp địa phương có thể cung ứng sản phẩm / công nghệ phù hợp với nhu cầu trước mắt của doanh nghiệp Hàn Quốc vẫn chưa nhiều và việc cung cấp thông tin về các doanh nghiệp có khả năng cũng còn thiếu. Mặc dù Bộ Công thương đã có những nỗ lực như xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, tuy nhiên cần phải có những biện pháp tích cực hơn để mở rộng mối quan hệ hợp tác kinh doanh thiết thực giữa doanh nghiệp Hàn Quốc và doanh nghiệp Việt Nam.

Đặc biệt, khoảng cách trong một số lĩnh vực công nghệ cao như bán dẫn, điện và điện tử, IT v.v... đang ngày càng trở nên nghiêm trọng. Do đó, để đảm bảo năng lực cạnh tranh trong các ngành này, việc quan trọng không chỉ là cung ứng sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam mà còn cần cung ứng nguồn nhân lực chất lượng.

Từ góc độ này, chúng tôi hi vọng Chính phủ Việt Nam sẽ chủ động hơn nữa trong việc phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực liên quan. Không dễ để giải quyết vấn đề này trong thời gian ngắn, tuy nhiên chúng tôi mong rằng Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục nỗ lực để giải quyết vấn đề thông qua các phương án cụ thể hơn. Các doanh nghiệp Hàn Quốc hoạt động tại Việt Nam cũng sẽ nỗ lực hết sức để đáp ứng điều này và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp của Việt Nam.

5. Cần cho phép công ty có vốn đầu tư nước ngoài tham gia vào các ngành phân phối thể hệ mới như thương mại điện tử (e-Commerce)

Hiện nay, mã ngành 6321 – cổng thông tin điện tử phải đăng ký để hoạt động kinh doanh thương mại điện tử (kinh doanh nền tảng điện tử) vẫn chưa mở cửa 100% cho doanh nghiệp đầu tư nước ngoài theo biểu cam kết của WTO, do đó khi triển khai hoạt động kinh doanh này, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải xin ý kiến của Bộ Công thương và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Những năm vừa qua, Bộ Công thương và Bộ Thông tin và Truyền thông vẫn duy trì lập trường không cấp phép cho ngành nghề này, khiến con đường để các doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư vào lĩnh vực thương mại điện tử rơi vào bế tắc trên thực tế.

Do đó, đề nghị Việt Nam thông báo rõ ràng lý do không cấp phép và công khai các nội dung cần thiết để được cấp phép, tạo điều kiện mở rộng cơ hội để các nhà đầu tư nước ngoài có thể đầu tư vào nhiều hoạt động kinh thương mại điện tử đa dạng.

6. Cần sửa đổi một phần quy định trong dự thảo sửa đổi Luật Thuế giá trị gia tăng (điểm a khoản 1 Điều 9)

Tháng 12/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam đã quyết nghị đưa dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2024 và dự kiến sẽ xem xét dự thảo sửa đổi tại kỳ họp Quốc hội thường kỳ tháng 5/2024 và biểu quyết thông qua vào kỳ họp thường

kỳ tháng 10/2024.

Tuy nhiên, trong số các nội dung sửa đổi của dự thảo nêu trên, các doanh nghiệp Hàn Quốc bày tỏ lo ngại nghiêm trọng về việc triển khai quy định: “Bãi bỏ áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với dịch vụ tiêu dùng trong khu phi thuế quan” (điểm a khoản 1 Điều 9) và chúng tôi cho rằng cần phải giữ nguyên theo quy định hiện hành là: “Áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với dịch vụ được tiêu dùng trong khu phi thuế quan”.

Cả Luật hiện hành và dự thảo sửa đổi đều không có quy định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ này, do đó không tránh khỏi việc gia tăng gánh nặng lớn cho doanh nghiệp chế xuất vì gánh nặng thuế giá trị gia tăng.

Dịch vụ tiêu dùng trong khu phi thuế quan là hoạt động phục vụ sản xuất sản phẩm xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất, do đó việc áp thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ này chắc chắn sẽ cản trở hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu và đầu tư của doanh nghiệp chế xuất, đồng thời các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp dịch vụ này cho doanh nghiệp chế xuất cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Do đó, chúng tôi đề nghị khôi phục lại theo quy định hiện hành là: “Áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với dịch vụ được tiêu dùng trong khu phi thuế quan”.

7. Cần đa dạng hóa chủng loại thị thực

Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện cấp các loại thị thực là thị thực du lịch, thị thực công tác và thị thực đầu tư, tuy nhiên thời hạn thị thực tối đa người nước ngoài có thể được cấp là 05 năm. Ngay cả thị thực đầu tư có thời hạn 05 năm cũng phải đáp ứng điều kiện số tiền đầu tư khá lớn là từ 50 tỷ đồng trở lên, do đó thị thực công tác đa phần cấp cho những người nước ngoài lưu trú dài hạn cũng phải gia hạn 02 năm một lần.

Hồ sơ và thủ tục để gia hạn thị thực khá phức tạp, do đó đề nghị Chính phủ Việt Nam đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục, đồng thời xem xét thực hiện cấp loại hình thị thực mới cho phép lưu trú dài hạn theo hướng cấp tư cách thường trú vĩnh viễn cho các nhà đầu tư quy mô lớn để có thể giảm bớt những chi phí và công sức gia hạn thị thực.

Trong bối cảnh xã hội già hóa toàn cầu, chúng tôi mong rằng Việt Nam cũng sẽ cân nhắc việc thực hiện cấp loại hình thị thực mới cho người về hưu như một giải pháp thay thế để tăng đầu tư nước ngoài trong dài hạn.

8. Cần bãi bỏ quy định xin phép trước để tổ chức hội nghị quốc tế

Hiện có rất nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, do đó tại Việt Nam thường xuyên diễn ra các hội nghị quốc tế.

Loại hình hội nghị quốc tế cũng rất đa dạng, từ tham vấn, thảo luận đến diễn đàn, hội thảo, triển lãm, hội chợ, hội nghị v.v... và số lần được tổ chức cũng lên tới hàng trăm đến hàng nghìn lần mỗi năm với sự phối hợp giữa doanh nghiệp, chính phủ, tổ chức của Việt Nam và nước ngoài.

Tuy nhiên, theo quy định của Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/2/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam, thay thế cho Quyết định ban hành ngày 30/11/2010, muốn tổ chức hội nghị quốc tế tại Việt Nam, cần phải xin phép trước.

Các điểm chính của nội dung sửa đổi: Đối với các hội nghị, hội thảo quốc tế mong muốn tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam, đơn vị tổ chức phải gửi đầy đủ hồ sơ xin phép tổ chức hội nghị, hội thảo

quốc tế cho cơ quan của người có thẩm quyền trong thời gian ít nhất trước 40 ngày (nếu thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và ít nhất trước 30 ngày (nếu thuộc thẩm quyền quyết định của người có thẩm quyền).

Tuy nhiên, các doanh nghiệp nước ngoài cho rằng quy định sửa đổi đi ngược thời đại so với thực tế các hội nghị, hội thảo quốc tế gần đây đang ngày càng diễn ra thường xuyên tại Việt Nam, và họ cho rằng quy định thông báo việc tổ chức sẽ thỏa đáng hơn là quy định cấp phép, do đó đề nghị Việt Nam bãi bỏ quy định sửa đổi này để hội nghị, hội thảo quốc tế sẽ được tổ chức tích cực và thường xuyên hơn tại Việt Nam.

9. Cần minh bạch điều kiện đầu tư như tiêu chuẩn pháp lý về tỷ lệ sở hữu vốn đầu tư Việt Nam – Hàn Quốc

Trong bối cảnh ngày càng có nhiều doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam, mỗi tỉnh, thành đang áp dụng tiêu chuẩn pháp lý về tỷ lệ sở hữu vốn với các mức khác nhau.

Ví dụ: Công ty A của Hàn Quốc đầu tư số vốn trên 500 tỷ đồng để thành lập công ty tại Việt Nam, sau đó có ý định mua lại 100% vốn góp của công ty Việt Nam có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán do Ngân hàng Nhà nước cấp.

Tuy nhiên, mặc dù công ty đã xác nhận được từ Ngân hàng Nhà nước về việc không có giới hạn về tỷ lệ sở hữu vốn đối với các công ty nước ngoài nắm giữ vốn góp trong các công ty có Giấy phép kể trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư địa phương vẫn yêu cầu công ty Việt Nam phải giữ lại ít nhất 35% vốn góp trong số vốn góp của công ty thuộc diện mua bán mà không hề có bất kỳ căn cứ pháp luật nào.

Đương nhiên giao dịch kể trên đã không thành công và công ty Hàn Quốc này hiện đang xem xét rút khỏi Việt Nam.

Cần đưa ra tiêu chuẩn rõ ràng và công bằng đối với tỷ lệ sở hữu vốn của doanh nghiệp nước ngoài, đồng thời đề nghị hoàn thiện các thủ tục hành chính và hướng dẫn để có thể xử lý ngay các vấn đề liên quan phát sinh dựa trên các quy định và căn cứ thống nhất.

10. Cần bãi bỏ thủ tục phê duyệt giao dịch M&A không cần thiết

Trường hợp tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài tăng về mặt pháp lý hoặc vì lý do an ninh quốc gia, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh sẽ yêu cầu phê duyệt giao dịch M&A.

Tuy nhiên, trong trường hợp mua bán và sáp nhập giữa các nhà đầu tư Hàn Quốc, dù tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không tăng, Sở Kế hoạch và Đầu tư cũng vẫn yêu cầu phê duyệt giao dịch M&A. Bên cạnh đó, ngay cả trong trường hợp sáp nhập hai công ty tại Việt Nam là những công ty con của cùng một tập đoàn của Hàn Quốc, phòng quản lý doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh phụ trách sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vẫn yêu cầu doanh nghiệp phải xin phê duyệt giao dịch M&A từ phòng quản lý đầu tư thuộc cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Theo đó, phòng quản lý đầu tư tiếp nhận hồ sơ đăng ký phê duyệt giao dịch M&A lại cho rằng không cần phê duyệt M&A do không có lý do phê duyệt như do tăng tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài.

Ngay cả giữa các đơn vị của cùng một Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh cũng không thống nhất được ý kiến khiến các nhà đầu tư nước ngoài đang phải tốn thời gian và công sức không cần thiết

để giải quyết vấn đề này. Do đó, đề nghị bãi bỏ thủ tục phê duyệt không cần thiết.

11. Cần sửa đổi nhằm mở rộng việc cấp thẻ ABTC (thẻ đi lại doanh nhân APEC)

Trong trường hợp của Hàn Quốc, theo quy định của “Luật xúc tiến đầu tư nước ngoài”, ngay cả doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đầu tư vào Hàn Quốc số vốn từ 01 triệu đô-la Mỹ trở lên cũng có thể đăng ký xin cấp thẻ ABTC (thẻ APEC), nhưng ở Việt Nam, doanh nghiệp nước ngoài không thể đăng ký xin cấp thẻ APEC.

Các điều kiện cơ bản để đăng ký xin cấp thẻ ABTC được thực hiện tại quốc gia nơi công ty đặt trụ sở, do đó, đề nghị Việt Nam cũng sẽ sửa đổi quy định để các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài cũng có thể đăng ký xin cấp thẻ ABTC.

12. Cần bình thường hóa công tác hoàn thuế giá trị gia tăng của các cơ quan thuế

Chúng tôi không rõ liệu nguyên nhân có phải do có một số trường hợp công chức chính phủ bị bắt do sai phạm liên quan đến hoàn thuế giá trị gia tăng hay không, tuy nhiên có nhiều trường hợp cơ quan thuế trên khắp cả nước Việt Nam không xử lý hồ sơ đăng ký xin hoàn thuế giá trị gia tăng của các doanh nghiệp.

Điều này khiến việc hoàn thuế bị trì hoãn và nhiều doanh nghiệp Hàn Quốc đang gặp phải khó khăn trong việc quản lý dòng tiền.

Do đó, đề nghị tiến hành minh bạch và nhanh chóng thủ tục hoàn thuế giá trị gia tăng và quy trình kiểm tra để các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam hoạt động suôn sẻ.

13. Cần rút ngắn thời gian thủ tục giải thể doanh nghiệp

Thời gian để doanh nghiệp hoàn tất việc giải thể trên thực tế sau khi nộp hồ sơ xin giải thể ngày càng kéo dài. Trước đây, mất khoảng 06 tháng để hoàn tất thủ tục này, nhưng đến nay có nhiều trường hợp đã kéo dài hơn một năm nhưng vẫn chưa hoàn tất giải thể.

Nguyên nhân chính là do các cơ quan thuế và cơ quan hải quan Việt Nam không tiến hành kiểm tra thuế/hải quan đối với doanh nghiệp đăng ký giải thể nên doanh nghiệp không thể hoàn tất thủ tục liên quan đến thuế.

Do đó, thủ tục giải thể bị chậm trễ, các cổ đông cũng gặp khó khăn trong việc thu hồi số vốn còn lại sau khi giải thể. Điều này tạo ra nhận thức tiêu cực cho rằng việc thu hồi tiền đầu tư tại Việt Nam rất khó, khiến hoạt động đầu tư có thể trở nên e dè. Do đó, đề nghị có biện pháp để thủ tục giải thể được diễn ra bình thường trong thời gian ngắn.

14. Cần đưa ra hướng dẫn cụ thể về Hiệp định bảo hiểm xã hội Việt Nam – Hàn Quốc

Hiệp định bảo hiểm xã hội Việt Nam – Hàn Quốc được ký kết vào tháng 12/2021 và có hiệu lực từ tháng 01/2024. Hiện nay vẫn chưa có quy định và hướng dẫn chính xác liên quan đến việc Hiệp định này áp dụng như thế nào đối với công dân Hàn Quốc tại Việt Nam được ban hành, do đó công dân Hàn Quốc vẫn chưa được áp dụng.

Hiện nay, ngay cả trường hợp thuộc diện đối tượng được miễn tham gia bảo hiểm xã hội tại Việt Nam cũng vẫn đang phải tiếp tục đóng bảo hiểm tại Việt Nam trong tháng 01 và tháng 02 năm 2024.

Đề nghị đưa ra quy định và hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng Hiệp định, đồng thời có biện pháp để công dân Hàn Quốc tại Việt Nam có thể thực hiện Hiệp định này.



BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM

“KHUYẾN KHÍCH MÔI TRƯỜNG KINH DOANH ĐỔI MỚI VÀ BỀN VỮNG”

Kính thưa Ngài Phạm Minh Chính, Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam,
Kính thưa Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ KH&ĐT
Thưa toàn thể Quý vị đại biểu,

Tôi rất vinh dự khi có cơ hội được phát biểu đại diện cho JCCI.

Để tóm tắt ngắn gọn chủ đề của diễn đàn hôm nay, đó là “*Doanh nghiệp FDI tiên phong thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.*”

Cùng hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đó, chúng tôi cam kết hỗ trợ đầy đủ cho mục tiêu giảm phát thải cacbon của Chính phủ Việt Nam đặt ra đến năm 2050.

Nhật Bản sẽ hỗ trợ quá trình chuyển đổi năng lượng “thực tế” để đạt được mức phát thải ròng bằng 0 mà không làm cản trở tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Quá trình hợp tác này dựa trên khái niệm AZEC (Cộng đồng phát thải ròng bằng 0 châu Á). Cùng với AZEC, khu vực tư nhân Nhật Bản cũng sẵn sàng đóng góp vào công cuộc chuyển đổi xanh thông qua công nghệ giảm phát thải cacbon, đầu tư và tài chính.

Năm ngoái, JCCI đã thành lập Nhóm công tác thúc đẩy Chuyển đổi xanh/AZEC để thúc đẩy các dự án cụ thể trong lĩnh vực này và chia sẻ thực tiễn tốt nhất với các bộ liên quan.

Để nâng cao hơn nữa mục tiêu đạt được nền kinh tế bền vững, chúng tôi xin khuyến nghị 3 điểm quan trọng sau đây.

Thứ nhất, sớm xây dựng khung pháp lý và các hướng dẫn thực hiện cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án phát triển điện lực, bao gồm quy định liên quan đến việc sử dụng vùng biển cho các dự án nhà máy điện gió ngoài khơi quy mô lớn, nới lỏng điều kiện cho Hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA) trong các dự án năng lượng tái tạo và xem xét cơ chế định giá hiện tại đối với sản xuất điện sinh khối/điện rác.

Thứ hai, đảm bảo tiến độ triển khai PDP8.

Thứ ba, đảm bảo môi trường hấp dẫn “có khả năng huy động vốn” để thu hút vốn đầu tư dài hạn vào phát triển cơ sở hạ tầng, cụ thể là bằng việc sửa đổi Luật Đầu tư và Luật PPP để nâng cao khả năng huy động vốn cho các dự án cơ sở hạ tầng.

Bên cạnh đó, nền kinh tế tuần hoàn trong đó toàn xã hội nêu cao tinh thần trách nhiệm về chi phí tái chế và việc xây dựng hướng dẫn thực hiện chi tiết về EPR (trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất) cũng là những điều kiện cần khác.

Để thúc đẩy đổi mới, chúng tôi tin rằng cần phải tăng cường chuỗi cung ứng và cải cách thủ tục hành chính, bởi khi các công ty trong nước của Việt Nam hợp tác nhiều hơn với các công ty nước

ngoài và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, điều này sẽ thúc đẩy đổi mới và chuyển đổi sang các ngành có giá trị gia tăng cao.

Chúng tôi đã và đang hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ và nguồn nhân lực công nghiệp thông qua Sáng kiến chung Việt Nam-Nhật Bản.

JETRO cũng đã giới thiệu nhiều công ty Việt Nam với các doanh nghiệp chế biến chế tạo Nhật Bản bằng cách tổ chức triển lãm công nghiệp phụ trợ và công bố danh sách các nhà cung ứng tốt tại Việt Nam.

Liên quan đến cải cách hành chính, JCCI xin kiến nghị với Chính phủ những điểm sau.

Thứ nhất, đẩy nhanh tiến độ cấp giấy phép kinh doanh và các loại giấy phép khác.

Thứ hai, chấm dứt tình trạng yêu cầu nhà đầu tư thực hiện những điều kiện không hợp lý hoặc nộp hồ sơ ngoài quy định của pháp luật.

Chúng tôi xin nhấn mạnh mong muốn được đóng góp ý kiến từ góc độ FDI trong quá trình sửa đổi các quy định về thuế, ví dụ như sửa đổi luật Thuế GTGT và Thuế tối thiểu toàn cầu (GMT).

Về Kiểm tra nhu cầu kinh tế, cần sớm ban hành quy định trong nước nhằm bãi bỏ và thay thế ENT để tuân thủ CPTPP.

Chúng tôi tin rằng sự quan tâm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đối với những vấn đề này sẽ là tiền đề mạnh mẽ để hiện thực hóa những mục tiêu nêu trên.

Năm 2024 này sẽ là năm đầu tiên Việt Nam-Nhật Bản hợp tác theo khuôn khổ “Đối tác chiến lược toàn diện” mới được nâng cấp nhân dịp kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao song phương giữa hai nước. .

JCCI cam kết tiếp tục thúc đẩy và nâng cao hơn nữa mối quan hệ hợp tác vì sự phát triển mạnh mẽ và năng động của cả hai nước.

Xin cảm ơn!



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM

Năm 2023 đánh dấu 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Nhật Bản, nhiều đoàn cán bộ cấp cao giữa hai bên đã có các cuộc trao đổi, thăm hỏi và nhiều sự kiện kỷ niệm được tổ chức nhân dịp này. Đặc biệt, trong Hội nghị cấp cao Nhật Bản - Việt Nam ngày 27/11, Chủ tịch nước Việt Nam Võ Văn Thưởng và Thủ tướng Nhật Bản Kishida Fumio đã nâng cấp mối quan hệ giữa hai nước lên “Đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình và thịnh vượng ở châu Á và trên thế giới”.

Năm 2024 sẽ là năm đầu tiên thực hiện hợp tác mới trong khuôn khổ Đối tác Chiến lược Toàn diện. Nhân cơ hội này, Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam (JCCI) sẽ tham gia vào nhiều cuộc đối thoại chính sách khác nhau trong khuôn khổ Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam và Sáng kiến Chung Việt Nam-Nhật Bản về các chương trình nghị sự quan trọng do chính phủ Việt Nam thúc đẩy, như giảm phát thải các-bon, đổi mới sáng tạo và tăng cường chuỗi cung ứng. Chúng tôi mong muốn được hợp tác và phát triển cùng Việt Nam.

Để thúc đẩy các chương trình nghị sự này, chúng tôi mong muốn chính phủ Việt Nam xem xét các vấn đề chính sách sau đây.

1. Giảm phát thải các-bon

JCCI bày tỏ sự tôn trọng đối với cam kết của Chính phủ Việt Nam về đạt mức phát thải khí nhà kính bằng 0 vào năm 2050 tại COP26 và các biện pháp khác nhau được thực hiện theo sáng kiến của Thủ tướng Phạm Minh Chính.

Chúng tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn Ngài đã tham dự cuộc họp thượng đỉnh Cộng đồng phát thải ròng bằng 0 châu Á (AZEC) tại Tokyo vào ngày 18 tháng 12 năm ngoái. Nhật Bản sẽ hỗ trợ quá trình chuyển đổi năng lượng “thực tế” để đạt được mức phát thải ròng bằng 0 mà không làm cản trở tăng trưởng kinh tế của các quốc gia châu Á trên nền tảng ý tưởng AZEC.

- a. Vào tháng 7 năm ngoái, JCCI đã thành lập Nhóm công tác xúc tiến AZEC/GX để phối hợp với các hoạt động của chính phủ Nhật Bản. Với sự tham gia của đại sứ quán Nhật Bản, Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) và khoảng 40 doanh nghiệp hội viên JCCI từ phía Nhật Bản, chúng tôi sẽ thúc đẩy các dự án cụ thể và chia sẻ những thông lệ tốt nhất với các bộ ban ngành của Việt Nam liên quan nhằm góp phần đổi mới xanh thông qua công nghệ giảm phát thải các-bon, đầu tư và tài chính. Thông qua các hoạt động này, chúng tôi sẽ cùng nhau nỗ lực đạt được mục tiêu giảm phát thải các-bon ở Việt Nam. Chúng tôi mong muốn được tiếp tục trao đổi với lãnh đạo các bộ ban ngành liên quan. Chúng tôi đánh giá cao sự hỗ trợ của Ngài về sáng kiến này.
- b. Chúng tôi cho rằng cần thiết lập các hệ thống pháp lý và hướng dẫn thực hiện quan trọng càng sớm càng tốt nhằm đảm bảo tiến độ suôn sẻ cho các dự án phát triển điện lực. Đồng thời, cần ưu tiên các biện pháp và giải pháp chính sách nhằm hiện thực hóa năng lượng tái tạo quy mô lớn, đặc biệt là các dự án điện gió ngoài khơi quy mô lớn đầy tiềm năng ở Việt Nam.

Ví dụ trong lĩnh vực điện gió ngoài khơi, sẽ có lợi nếu cải thiện hệ thống pháp lý liên quan đến việc sử dụng khu vực biển và xây dựng lộ trình phát triển, bao gồm các phương pháp lựa chọn đơn vị khai thác kinh doanh. Nhờ đó, dự kiến sẽ thu hút sự tham gia của các công ty, tổ chức tài chính nước ngoài có chuyên môn vào các dự án năng lượng tái tạo quy mô lớn để có thể sớm triển khai các dự án này.

Ngoài ra, chúng tôi cũng đề xuất: i) xây dựng các quy trình cụ thể để thúc đẩy việc sử dụng các tấm pin mặt trời trên mái nhà tự sản tự tiêu sử dụng điều khiển dòng điện ngược, ii) nới lỏng các điều kiện tham gia Hợp đồng Mua bán Điện Trực tiếp (DPPA) đối với năng lượng tái tạo; và iii) xem xét cơ chế định giá hiện tại đối với sản xuất điện sinh khối/điện từ chất thải.

- c. JCCI cho rằng cần phải đảm bảo các nguồn phụ tải nền để hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo.

Được biết, nhiệt điện khí/LNG là nguồn năng lượng chuyển tiếp để Việt Nam từng bước mở rộng công suất phát điện, giảm phát thải các-bon, đồng thời đóng vai trò thiết yếu trong việc mở rộng hơn nữa công suất năng lượng tái tạo cũng như giảm phát thải các bon. Bên cạnh đó, nguồn điện này cũng có thể đóng một vai trò thiết yếu trong việc ổn định hoạt động của lưới điện nhằm mở rộng hơn nữa công suất năng lượng tái tạo.

Tuy vậy, nhiệt điện khí/LNG lại nằm ngoài phạm vi của JETP, theo định nghĩa của AZEC, vốn hướng tới mục tiêu đảm bảo hợp tác phù hợp với bối cảnh của Việt Nam. Do đó, Nhật Bản mong muốn góp phần hiện thực hóa nhiệt điện khí và LNG theo chủ trương của chính phủ Việt Nam trong PDP8. Chúng tôi mong nhận được sự hỗ trợ đặc biệt từ Ngài để đảm bảo nguồn cung cấp điện ổn định, vốn đang là vấn đề cấp thiết đối với Việt Nam.

- d. Về phát triển cơ sở hạ tầng, JCCI tin rằng cần thiết lập một hệ thống và môi trường thân thiện với nhà đầu tư đảm bảo khả năng huy động vốn của các nhà đầu tư chất lượng cao. Khả năng huy động là tiền đề không thể thiếu để huy động nguồn vốn dài hạn từ nước ngoài và cam kết đầu tư cơ sở hạ tầng một cách nhanh chóng, vững chắc nhất.

Cần có đầu tư từ các công ty nước ngoài và tài trợ từ các tổ chức tài chính quốc tế để hiện thực hóa các dự án sản xuất điện quy mô lớn như điện gió ngoài khơi, sản xuất nhiệt điện khí/LNG và các dự án năng lượng tái tạo khác ở quy mô nhất định. Chúng tôi hy vọng rằng Chính phủ Việt Nam sẽ hoàn thiện hơn nữa các điều luật liên quan như Luật Đầu tư và Luật PPP, cũng như mô hình Hợp đồng Mua bán Điện (PPA), để đảm bảo đủ điều kiện đầu tư và tài trợ cho các công ty nước ngoài và tổ chức tài chính quốc tế.

2. Xây dựng Xã hội Bền vững

Kế hoạch Hành động Quốc gia về Sản xuất và Tiêu dùng Bền vững (2021-2030) (Quyết định số 889/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ) nhằm giảm tác động đến môi trường trong suốt vòng đời sản phẩm, từ sản xuất, phân phối, tiêu dùng đến thải bỏ, đồng thời xác định trách nhiệm của các bộ ban ngành liên quan nhằm hiện thực hóa một hệ thống xã hội bền vững.

Dựa trên Kế hoạch Hành động Quốc gia, chúng tôi nhận thức được khung pháp lý về bảo vệ môi trường, bao gồm Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi năm 2020 và Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Môi trường QCVN sửa đổi sắp tới.

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP là quy định thi hành Luật Bảo vệ Môi trường, quy định cụ thể trách nhiệm của đơn vị sản xuất và nhập khẩu trong việc tái chế, xử lý chất thải của sản phẩm và bao bì. Ngoài ra, JCCI đánh giá cao Nghị định trong đó làm rõ mục đích, hoạt động và nguồn tài trợ của

Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam VEPF và quy định nền tảng để hiện thực hóa một xã hội định hướng tái chế.

- a. Để đạt được nền kinh tế tuần hoàn bền vững, JCCI tin rằng điều quan trọng là toàn xã hội phải tham gia vào việc giảm thiểu chất thải, tái sử dụng sản phẩm và tái chế vật liệu cũng như chia sẻ chi phí một cách công bằng. Trong bối cảnh cơ chế Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất (EPR) đã dần được áp dụng từ tháng 1/2024, chúng tôi lo ngại liệu gánh nặng chi phí tái chế chất thải sẽ chỉ đơn phương áp đặt lên các đơn vị sản xuất và nhập khẩu, dẫn đến chi phí sản xuất tăng cao và do đó làm giảm khả năng cạnh tranh quốc tế.

Chúng tôi kỳ vọng Chính phủ Việt Nam sẽ chủ động hơn trong việc thiết kế một hệ thống bền vững, chẳng hạn như nâng cao nhận thức toàn dân phải chịu trách nhiệm công bằng về chi phí tái chế và đưa ra các biện pháp khuyến khích tất cả người dân tự nguyện giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải.

- b. Chúng tôi cho rằng cần có các quy định và hướng dẫn thực hiện chi tiết để các công ty thực hiện EPR của mình. Chúng tôi nghe nói rằng ngay cả những công ty có ý thức tuân thủ cao cũng có thể không biết cách ứng phó để tuân thủ pháp luật, chẳng hạn như phương pháp tái chế dầu nhờn, phương pháp tính kết quả tái chế và phạm vi trách nhiệm không rõ ràng.

3. Tăng cường chuỗi cung ứng

Trước tình trạng gián đoạn sản xuất do Covid-19 và căng thẳng địa chính trị, Việt Nam ngày càng nâng cao uy tín nhờ việc khẳng định vị thế thuận lợi trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Theo khảo sát của Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), Việt Nam được xếp hạng là quốc gia có triển vọng thứ hai trên thế giới để các công ty Nhật Bản mở rộng kinh doanh.

Mặt khác, Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. JCCI cho rằng để Việt Nam tiếp tục tăng trưởng kinh tế bền vững, không rơi vào bẫy thu nhập trung bình trong tương lai, cần phải khuyến khích đổi mới, phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh quốc tế. Chìa khóa để phát triển kinh tế Việt Nam là tăng cường hợp tác giữa doanh nghiệp nội địa Việt Nam và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (DN ĐTNN) và xem có bao nhiêu công ty nội địa có thể tham gia vào chuỗi giá trị của doanh nghiệp nước ngoài.

- a. Theo khảo sát của JETRO, tỷ lệ nội địa hóa của các công ty Nhật Bản tại Việt Nam chỉ tăng 10% trong 10 năm qua, cần phải đẩy nhanh hơn nữa. Để khuyến khích các công ty Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị của DN ĐTNN, chúng tôi tin rằng sẽ hiệu quả hơn nếu Chính phủ Việt Nam phát hiện và phát triển các công ty Việt Nam có năng lực công nghệ, giới thiệu họ với các đơn vị sản xuất nước ngoài và tạo cơ hội kết nối kinh doanh.

Hiện tại, JETRO đang đồng tổ chức các triển lãm công nghiệp hỗ trợ cùng VIETRADE và các đơn vị khác. Hàng năm, JETRO còn công bố “Danh sách các công ty cung ứng xuất sắc của Việt Nam”. Nhân viên thu mua của các nhà sản xuất Nhật Bản tận dụng tối đa những ấn phẩm này.

Bằng cách này, chúng tôi kỳ vọng chất lượng và công nghệ của các công ty nội địa của Việt Nam sẽ được cải thiện và sẽ có nhiều công ty tham gia vào chuỗi cung ứng của DN ĐTNN hơn.

- b. Chúng tôi tin rằng các biện pháp nhằm tăng trưởng mạnh mẽ ngành chế biến chế tạo nội địa của Việt Nam và thúc đẩy cạnh tranh sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp. Khi số thành viên của ngành sản xuất nội địa của Việt Nam tăng, số lượng công ty có thể cung

cấp sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng cũng sẽ tăng lên, đồng thời nguồn nguyên liệu và linh kiện trong nước sẽ trở nên đa dạng hơn, điều này cuối cùng sẽ giúp cải thiện tỷ lệ nội địa hóa.

- c. Chúng tôi tin rằng cần tăng cường năng lực cung ứng điện và các dịch vụ công ích khác, vốn là điều kiện cần cho ngành chế biến chế tạo. Mùa hè năm ngoái, tình trạng thiếu điện nghiêm trọng xảy ra ở khu vực phía Bắc, đặc biệt là tại các khu công nghiệp. Việc không thể lập kế hoạch sản xuất và dự báo ngày giao hàng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mô hình Just in Time, cốt lõi của chuỗi cung ứng. Một số doanh nghiệp hội viên đang cân nhắc xem xét lại hệ thống sản xuất toàn cầu của mình.

JCCI đề nghị chính phủ Việt Nam cân nhắc những đề xuất sau đây để ngành chế biến chế tạo hoạt động suôn sẻ. (1) Ổn định nguồn điện cho các khu công nghiệp, (2) Đưa ra thông báo trước về việc cắt điện và các yêu cầu tiết kiệm điện để có đủ thời gian điều chỉnh và (3) Đưa ra cơ chế ưu đãi khuyến khích các công ty tiết kiệm điện và sản xuất điện.

- d. Chúng tôi tin rằng cần phải củng cố các thể chế phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho công nghiệp.

Các công ty Nhật Bản cung cấp chương trình đào tạo nội bộ và đào tạo tại chỗ chuyên sâu và được đánh giá cao về phương diện phát triển nguồn nhân lực. Tuy nhiên, sự cạnh tranh về nguồn nhân lực ngày càng gay gắt và xu hướng nghỉ việc của nhân tài được đào tạo ngày càng tăng do sức hút của các đối thủ cạnh tranh.

Khi tuyển dụng nhân sự, chúng tôi mong muốn có những nhân sự có trình độ học vấn cơ bản và được đào tạo về kỹ thuật. Vì vậy, chúng tôi hy vọng các đơn vị công lập về phát triển nguồn nhân lực như trường đại học, trường dạy nghề sẽ tăng cường chức năng và tích cực hợp tác với các công ty Nhật Bản.

- e. Doanh nghiệp chế xuất (EPE) đóng vai trò quan trọng trong việc xuất khẩu sản phẩm. Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tăng cường chuỗi cung ứng, Việt Nam cần duy trì các điều kiện cạnh tranh cho Doanh nghiệp Chế Xuất và các đơn vị cung cấp dịch vụ xuyên biên giới để tăng xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ.

Tuy nhiên, dự thảo sửa đổi Luật Thuế Giá trị Gia tăng đang xem xét áp thuế GTGT đối với hầu hết các dịch vụ dành cho doanh nghiệp chế xuất và dịch vụ cho các tập đoàn nước ngoài, điều này có thể dẫn đến lo ngại về sự suy giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp chế xuất và xuất khẩu dịch vụ. Chúng tôi hy vọng rằng Chính phủ VN sẽ sửa đổi để các dịch vụ dành cho doanh nghiệp chế xuất hoặc các tập đoàn nước ngoài sẽ được hưởng thuế VAT 0% bất kể nơi tiêu thụ.

- f. Chúng tôi hy vọng rằng các biện pháp khuyến khích nhằm giảm thiểu việc tăng thuế GMT sẽ công bằng và có thể được áp dụng rộng rãi cho các công ty bị ảnh hưởng. Do sự ra đời của hệ thống GMT, chúng tôi biết rằng các biện pháp hỗ trợ thay thế đang được cân nhắc đối với các công ty bị giảm lợi ích về thuế. Theo dự thảo Quỹ Hỗ trợ Đầu tư hiện đang được xem xét, phạm vi hỗ trợ còn hạn chế và còn thiếu công bằng.

Điều 13, Khoản 2 Luật Đầu tư 2020 quy định rằng “Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư thấp hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định trước đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án đầu tư”. Chúng tôi hy vọng rằng các biện pháp hỗ trợ thay thế sẽ được áp dụng cho tất cả các công ty đang có ưu đãi đầu tư thấp.

4. Cải cách thủ tục hành chính

Theo khảo sát của JETRO năm 2023, “các thủ tục hành chính phức tạp như cấp giấy phép” được coi là rủi ro lớn nhất tại môi trường đầu tư của Việt Nam đối với các công ty Nhật Bản. Mặc dù Hội đồng cố vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng đã xác định các vấn đề và thực hiện nhiều cải cách khác nhau như đơn giản hóa luật và các quy định, số hóa thủ tục hành chính, nhưng chúng tôi vẫn mong muốn được thấy nhiều nỗ lực hơn nữa để tiếp tục cải cách thủ tục hành chính.

a. Chậm trễ trong việc cấp giấy phép kinh doanh/nhiều giấy phép hành chính khác.

Trong các lĩnh vực kỹ thuật số như chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, mặc dù tiến độ phát triển các sản phẩm và dịch vụ đổi mới sáng tạo là đáng chú ý, nhưng một số doanh nghiệp hội viên vẫn lo ngại sẽ bỏ lỡ cơ hội kinh doanh tại Việt Nam do việc chậm cấp giấy phép kinh doanh cho chuyển đổi số như Thương mại điện tử.

Chúng tôi tin rằng việc cấp giấy phép kinh doanh nhanh chóng sẽ giúp tạo dựng hoạt động kinh doanh bằng cách sử dụng những công nghệ tiên tiến này.

Ngoài ra, trong phát triển cơ sở hạ tầng quy mô lớn, như các dự án xây dựng nhà máy điện, phát triển đô thị, có những trường hợp phải mất hơn 10 năm mới hoàn thành thủ tục do chậm trễ trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp các giấy phép liên quan, dẫn đến chậm trễ trong dự án cơ sở hạ tầng. Việc hoàn thành các dự án phát triển cơ sở hạ tầng có thể được đẩy nhanh bằng cách đẩy nhanh quá trình kiểm tra và cấp giấy phép cần thiết.

b. Yêu cầu phải đáp ứng các điều kiện hoặc nộp các hồ sơ giấy tờ không dựa trên quy định của pháp luật.

Trong nhiều trường hợp, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện chặt chẽ hơn và nộp thêm hồ sơ ngoài quy định của pháp luật khi đăng ký hoạt động với cơ quan liên quan hoặc xin giấy phép kinh doanh, dẫn đến thủ tục hành chính bị chậm trễ.

Ví dụ, theo như đánh giá trước đây của Sáng kiến Chung Việt Nam – Nhật Bản, có nhiều yêu cầu bất hợp lý về cấp phép mua lại, đăng ký đầu tư, kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư, và Phòng Đăng ký Kinh doanh cũng như các điều kiện, yêu cầu hồ sơ không theo quy định pháp luật về việc cấp các loại giấy phép kinh doanh khác nhau của Bộ Công Thương và Sở Công Thương.

Bên cạnh đó, tình trạng chậm trễ trong thủ tục hoàn thuế GTGT do cơ quan thuế áp đặt các điều kiện khắt khe hơn cũng gây khó khăn tài chính cho các công ty do dòng tiền eo hẹp. Chúng tôi mong muốn các thủ tục hành chính được thực hiện suôn sẻ, kịp thời, không đặt ra các điều kiện hoặc yêu cầu nộp hồ sơ ngoài quy định của pháp luật.

c. Kiểm tra Nhu cầu Kinh tế Theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (DNĐTNN) tham gia kinh doanh bán lẻ phải thực hiện Kiểm tra Nhu cầu Kinh tế (ENT).

Chúng tôi nhận thấy rằng yêu cầu thay đổi về ENT đã gây ra những chậm trễ trong thủ tục hành chính và tạo ra gánh nặng hành chính nặng nề cho các doanh nghiệp bán lẻ có vốn ĐTNN, có thể cản trở việc mở rộng nhiều cửa hàng.

Trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Chính phủ Việt Nam cam kết sẽ bãi bỏ ENT trong vòng 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực tại Việt Nam (14/01/2019).

Theo CPTPP, ngày 13/1 năm nay là hạn chót để bãi bỏ. Tuy nhiên, ở giai đoạn này, chúng tôi chưa thấy có tiến triển sửa đổi nghị định. Chúng tôi mong muốn Chính phủ Việt Nam tuân thủ các điều khoản của hiệp định và kịp thời ban hành các quy định trong nước không yêu cầu thực hiện ENT đối với nhà đầu tư nước ngoài từ các nước thành viên CPTPP.



BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM

Kính thưa Ngài Phạm Minh Chính, Thủ tướng Chính phủ CHXHCN Việt Nam,
Kính thưa Ngài Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
Kính thưa Quý Lãnh đạo Cơ quan Ban ngành Việt Nam và các vị khách quý!
Tôi xin phép nói bằng Tiếng Anh, vì hôm nay có sự tham dự đông đảo của các bạn bè quốc tế!

Kính thưa Ngài Thủ tướng, Việt Nam vẫn đang tiếp tục có tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng đầu thế giới. Sự kiên cường và ý chí của dân tộc đã được công nhận trên toàn cầu, phản ánh sức mạnh của người dân Việt Nam. Đây là một thành tựu đáng chúc mừng, tuy nhiên trọng tâm của chúng ta không chỉ là duy trì tăng trưởng mà còn phải vượt qua các rào cản hiện tại và dự đoán những trở ngại trong tương lai. EuroCham, 1.400 thành viên và 20 Tiểu ban ngành nghề của chúng tôi đều là những đối tác tận tâm trong hành trình này.

Ghi nhớ điều này, tôi muốn trình bày các chính sách ưu tiên quan trọng của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu. Mục đích của chúng tôi trong việc nhấn mạnh những điều này không chỉ là để đối đầu với những thách thức mà còn biến chúng thành chất xúc tác cho tăng trưởng, đổi mới và tăng cường quan hệ đối tác Việt Nam - Châu Âu.

Ưu tiên hàng đầu của EuroCham và Tiểu ban Tăng trưởng Xanh của chúng tôi là thúc đẩy các chiến lược tăng trưởng xanh, chẳng hạn như cải thiện quản lý chất thải, nâng cao nhận thức cộng đồng và tiên phong trong các giải pháp chống ô nhiễm nhựa. Các sáng kiến chính mà chúng tôi đề xuất để đạt được điều này bao gồm ưu đãi thuế để thưởng cho các hoạt động kinh doanh bền vững và sử dụng nhựa thải tái chế trong các dự án xây dựng đường bộ.

Kết nối chặt chẽ đến chủ đề này là quá trình chuyển đổi năng lượng xanh của Việt Nam, một quá trình bị chậm lại do thủ tục lựa chọn nhà đầu tư chưa rõ ràng, cơ sở hạ tầng cũ, Hợp đồng mua bán điện (Power Purchase Agreement) còn nhiều điểm chưa rõ, trì hoãn truyền tải, giá cả không cạnh tranh và thiếu nguồn lực tài chính. Dù đã có những bước tiến tích cực trong việc thực thi Đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng (Just Energy Transition Partnership – JETP), những vấn đề này ảnh hưởng đến an ninh năng lượng. Để khắc phục những vấn đề này, chúng tôi ủng hộ một cách tiếp cận toàn diện để tăng hiệu quả, áp dụng năng lượng tái tạo và thu hút đầu tư tư nhân để hiện đại hóa mạng lưới điện.

Một lĩnh vực về môi trường nhận được sự đặc biệt quan tâm khác là Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất. Theo quy định hiện nay, phí đóng góp tái chế áp dụng cho các nhà sản xuất vượt quá khả năng của hệ thống tái chế, có nguy cơ làm giá thành sản phẩm tăng cao hơn cho người tiêu dùng. Chúng tôi đề xuất một giải pháp là thực hiện EPR theo từng giai đoạn, không áp dụng phạt trong 02 năm tính từ năm 2024, để ngăn chặn tình trạng quá tải trong thời gian các doanh nghiệp cân bằng giữa các mục tiêu kinh tế và môi trường. Ngoài ra, tính minh bạch trong quản lý Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam là rất quan trọng, với việc công khai phân bổ cho tái chế và các công nghệ tiên tiến.

Liên quan đến việc sửa đổi Luật Dược vào năm 2024, tôi xin phép lưu ý đến những thách thức mà các thành viên trong ngành dược phẩm của chúng tôi phải đối mặt với tư cách là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hay FIE. Phần lớn các công ty này đã thành lập các thực thể FIE, tuy nhiên

chúng tôi nhận thấy tiềm ẩn một môi trường chính sách rủi ro cao do các quy định của luật dự thảo có khả năng hạn chế sự tương tác thường lệ với các đối tác chuỗi cung ứng địa phương. Điều này cản trở doanh nghiệp khả năng hoàn thành nghĩa vụ tuân thủ toàn cầu và đảm bảo cung cấp thuốc kịp thời cho bệnh nhân Việt Nam. Sự thiếu hiệu quả này nên được đề cập khi sửa đổi luật.

Về Luật Đấu thầu, cần có hướng dẫn của Chính phủ để thực hiện quy định "kênh tự thanh toán" của khoản 2 Điều 55. Điều này sẽ cho phép các bệnh viện công mua thuốc và vắc-xin không bao gồm trong phạm vi bảo hiểm công, cải thiện đáng kể khả năng tiếp cận bệnh nhân và mở rộng các lựa chọn điều trị.

Những trở ngại về chăm sóc sức khỏe hiện nay là sự tồn đọng của hơn 6.000 đơn xin cấp phép nhập khẩu cho các thiết bị y tế loại C và D, với 12.500 đơn nữa sẽ hết hạn vào cuối năm 2024. Cần có hành động kịp thời trong lĩnh vực này để tránh sự chậm trễ trong việc tiếp cận các công nghệ y tế tiên tiến, điều này có thể ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ở Việt Nam.

Chuyển trọng tâm từ chăm sóc sức khỏe sang chính sách tài khóa, để duy trì tinh thần của Hiệp định Thương mại Tự do EU-Việt Nam và chính sách thuế nhất quán, chúng tôi đề xuất phương pháp Thuế Tiêu thụ Đặc biệt hỗn hợp cho rượu vang và rượu mạnh, phản ánh thông lệ thuế toàn cầu và Chiến lược Cải cách hệ thống Thuế năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ. Việc hoãn tăng thuế TTĐB cho đến năm 2027 sẽ tạo không gian cần thiết để xây dựng chính sách thuế cân bằng.

Một lưu ý khác, chính sách thị thực của Việt Nam cần được chú ý. Cung cấp miễn thị thực cho tất cả các quốc gia thành viên EU, ban hành các loại thị thực đặc biệt trong các dịp hội nghị, triển lãm hoặc sự kiện thể thao và hợp lý hóa các thủ tục nhập cư nói chung sẽ thúc đẩy sự hấp dẫn của Việt Nam như một điểm đến hàng đầu cho du khách và nhà đầu tư, tối quan trọng trong hội nhập kinh tế toàn cầu.

Để tìm hiểu thêm về các khuyến nghị của EuroCham nhằm cải thiện bối cảnh kinh doanh của Việt Nam, chúng tôi khuyến khích mọi người nên tham khảo Sách trắng năm 2024 của chúng tôi.

Lưu ý cuối cùng, chúng tôi rất tự hào thông báo Diễn đàn & Triển lãm Kinh tế Xanh EuroCham sắp tới, hay còn được gọi là GEFE, 2024. Là sự kiện về phát triển bền vững hàng đầu Đông Nam Á, GEFE 2024 sẽ diễn ra từ ngày 21 đến 23 tháng 10 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kính Thưa Ngài Thủ tướng, sự hiện diện của Ngài tại GEFE vào tháng 11 năm 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh và tại diễn đàn năm 2023 của chúng tôi tại Hà Nội, đã tạo nên thành công của 2 sự kiện. Để tiếp nối truyền thống tốt đẹp này, chúng tôi trân trọng mời Ngài đến với GEFE 2024. Sự tham gia của Ngài cùng với các đại diện cấp cao của Ủy ban châu Âu củng cố sứ mệnh chung của chúng ta hướng tới một Việt Nam xanh hơn.



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM

“DOANH NGHIỆP FDI TIỀN PHONG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH”

Kính thưa Ngài Thủ tướng Phạm Minh Chính,

Kính thưa các Bộ trưởng và lãnh đạo Chính phủ, Giám đốc Quốc gia của Ngân hàng Thế giới và Tổ chức Tài chính Quốc tế, các đồng nghiệp tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam và các Hiệp hội Thương mại,

Ngay cả khi giá hàng hóa toàn cầu tăng đột biến, lạm phát và gián đoạn chuỗi cung ứng vào năm 2022, Việt Nam vẫn giữ vững vị trí là một trong những nền kinh tế tăng trưởng hàng đầu thế giới. Việt Nam hiện đang ở vị trí thuận lợi để cho thế giới thấy tiềm năng của mình với tư cách là quốc gia dẫn đầu toàn cầu về phát triển kinh tế bền vững. Để có được kết quả này, các lãnh đạo chính phủ Việt Nam và các lãnh đạo doanh nghiệp châu Âu cần tiếp tục đối thoại hiệu quả điều mà tất cả chúng ta đã thực hiện hiệu quả ngay từ khi thành lập EuroCham vào năm 1998 tới nay.

Hiệp định Thương mại Tự do EU-Việt Nam (EVFTA), kỷ niệm 3 năm ký kết vào tháng 8 năm 2023, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Các kết quả đã chứng minh điều đó. Năm 2019, trước khi EVFTA có hiệu lực, tổng kim ngạch thương mại giữa EU và Việt Nam ở mức 57,81 tỷ USD. Đến cuối năm 2022, chỉ hai năm sau khi triển khai Hiệp định, con số này đã nhảy vọt lên 66,78 tỷ USD – tăng 15%.

EVFTA đã báo trước một kỷ nguyên mới về mối quan hệ cộng sinh và phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế Việt Nam-EU, với khối lượng thương mại đa dạng và được mở rộng đáng kể, phản ánh mối quan hệ chiến lược ngày càng sâu sắc. Với việc Việt Nam nổi lên như một thành viên xuất sắc trên thị trường nhập khẩu EU và là thực thể chuỗi cung ứng then chốt, động lực của mối quan hệ này sẵn sàng định hình các mô hình thương mại trong tương lai. Hơn thế nữa, giải quyết thâm hụt thương mại ngày càng mở rộng có thể mở ra cơ hội cân bằng và tăng trưởng khi cả hai nền kinh tế phát triển mạnh trong bối cảnh toàn cầu ngày càng kết nối.

Phản ánh chiến lược đa dạng hóa chuỗi cung ứng và ưu tiên phát triển bền vững, nhiều nhà bán lẻ nước ngoài đã chọn Việt Nam làm trung tâm chiến lược của chuỗi cung ứng toàn cầu. Kể từ EVFTA, các nhà đầu tư EU đã cam kết hơn 26 tỷ USD vào gần 2.250 dự án của Việt Nam. Ví dụ, Tập đoàn LEGO của Đan Mạch đã nhận được sự chấp thuận đầu tư hơn 1 tỷ USD vào một nhà máy Việt Nam không thải carbon, trong khi Adidas của Đức có 51 nhà cung cấp địa phương với hơn 190.000 nhân viên – minh chứng cho sự hiện diện ngày càng tăng của các công ty EU khi các nền kinh tế hội nhập.

Cuộc khảo sát Chỉ số niềm tin kinh doanh của EuroCham đã xác nhận xu hướng tăng này, với 31% thành viên xếp hạng Việt Nam trong số ba điểm đến đầu tư hàng đầu toàn cầu và hơn một nửa lên kế hoạch thúc đẩy đầu tư của Việt Nam vào năm 2023 – đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất công nghệ cao. Sự bùng nổ đầu tư này nêu bật tính hiệu quả của FTA trong việc thu hút FDI bền vững, chất lượng cao và đưa Việt Nam trở thành điểm đến chiến lược. Đến nay, EU là nhà đầu tư nước

ngoài lớn thứ 6 của Việt Nam với hơn 27,8 tỷ USD được đầu tư vào 2.450 dự án trong ba thập kỷ qua, trong đó hơn 60% thuộc lĩnh vực sản xuất.

Khi người tiêu dùng ngày càng ưa chuộng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong bối cảnh chuyển đổi xanh toàn cầu, các công ty đang ưu tiên dịch vụ hậu cần xanh một cách chuyên nghiệp. Tuy nhiên, Việt Nam phải đối mặt với những rào cản trong việc tuân thủ trọng tâm chuỗi cung ứng xanh của EU, bao gồm việc thực thi các tiêu chuẩn và quy định nghiêm ngặt hơn về môi trường. Ngoài ra, việc áp dụng công nghệ xanh đòi hỏi phải đầu tư rất lớn, đồng thời đảm bảo nguồn cung ứng minh bạch, bền vững từ các nhà cung cấp địa phương có thể là một thách thức.

Cần nhắc những hoàn cảnh đầy thách thức này, chúng tôi tin rằng cách hiệu suất và hiệu quả nhất để Việt Nam tiên tiến và xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai là tập trung vào nền kinh tế xanh và phát triển bền vững.

Diễn đàn Kinh tế Xanh (GEF) 2023 tại Hà Nội đã chứng minh sức mạnh của đối thoại cởi mở để hợp tác với Việt Nam trên hành trình “xanh hóa” (“go green”). Quy tụ hơn 500 người tham gia, GEF đã đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hành trình chung của chúng tôi hướng tới một tương lai xanh hơn. Sự hiện diện của các nhân vật như Thủ tướng Phạm Minh Chính, Thủ tướng Hà Lan Mark Rutte, Phó Chủ tịch Điều hành Ủy ban châu Âu Valdis Dombrovskis và đại diện các cơ quan chức năng khác từ khắp châu Âu và Việt Nam đã nhấn mạnh quyết tâm về sứ mệnh chung của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu-Việt Nam và niềm tin vào sự hợp tác chung giữa hai bên để đạt được tham vọng. Vì vậy, chúng tôi gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới tất cả những người đã tham gia GEF vì đã làm cho Diễn đàn này thành một trải nghiệm đáng giá.

Ngoài ra, EuroCham, 20 Tiểu ban Ngành và Ban Giám đốc điều hành của chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác mạnh mẽ giữa chính phủ Việt Nam với chúng tôi trong việc xây dựng các chính sách và quy định để hỗ trợ các doanh nghiệp. Trong năm 2023, Phòng Chính sách EuroCham đã gửi 175 thư và nhận được 253 thư từ các quan chức chính phủ, tổ chức 132 cuộc họp của các Tiểu ban Ngành, và 147 cuộc họp với các cơ quan chính phủ, cùng nhiều khóa đào tạo, hội thảo và hội nghị. Các thành viên của chúng tôi đã có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với nhiều quan chức chính phủ cấp cao tại các cuộc họp và đối thoại với Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội, Ủy ban Kinh tế Trung ương của Đảng, Hội đồng Tư vấn của Thủ tướng Chính phủ về Cải cách Thủ tục Hành chính (ACAPR), Văn phòng Chính phủ (OOG), Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), nhiều bộ và lãnh đạo tỉnh, và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Các cuộc họp được tổ chức nhằm thúc đẩy việc thực thi EVFTA, nêu lên các vấn đề được nêu trong Sách Trắng và hỗ trợ Việt Nam phát triển nền kinh tế bền vững.

Để duy trì động lực mà chính phủ Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp châu Âu đã thiết lập, chúng tôi xin đề xuất các vấn đề, thách thức và khuyến nghị từ 20 tiểu ban ngành nghề của chúng tôi đối với chính phủ Việt Nam dưới đây. Những đề xuất này được nhóm thành năm chủ đề chính:

- (i) Môi trường kinh doanh/Thương mại và kinh tế;
- (ii) Phát triển bền vững;
- (iii) Lựa chọn của người tiêu dùng;
- (iv) Sức khỏe và Sắc đẹp; và
- (v) Giải quyết tranh chấp.

Những nhận xét và khuyến nghị này nhằm tăng sức hấp dẫn của Việt Nam đối với các nhà đầu tư quốc tế và góp phần phát triển nền kinh tế xanh.

I. Môi Trường Kinh Doanh/ Thương Mại Và Kinh Tế

A. Kỹ Thuật Số

1. Quy định an ninh mạng và điều tiết nền kinh tế số

Luật An ninh mạng gần đây đã được bổ sung bởi Nghị định 53 quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng, trong đó đưa ra các yêu cầu nghiêm ngặt về bản địa hóa dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam. Chúng tôi khuyến nghị cần làm rõ đối tượng nào phải tuân theo yêu cầu bản địa hóa dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam. Đồng thời Đảm bảo tính nhất quán giữa các quy định, chẳng hạn như các điều khoản về nội địa hóa dữ liệu của Nghị định 53 và các quy định về truyền dữ liệu xuyên biên giới của Nghị định Bảo vệ dữ liệu cá nhân (Nghị định 13) có thể tạo ra xung đột với các quy định hiện hành khác. Do đó, các quy định này cần được làm rõ bằng các văn bản hướng dẫn chính thức để đảm bảo việc tuân thủ vì các công ty quốc tế phải gửi dữ liệu về trụ sở chính trong quá trình hoạt động.

2. Hải hòa các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân của Việt Nam với GDPR của EU

Để hình thành một khung pháp lý nhất quán về quản lý số, cần giải quyết các trường hợp xung đột giữa pháp luật Việt Nam và Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của Liên minh Châu Âu (GDPR). Chúng tôi ủng hộ việc thành lập một cơ quan hỗ trợ và điều phối để giải quyết các trường hợp xung đột hiện có, đồng thời hợp tác với các cơ quan liên quan từ cả hai phía để giúp các doanh nghiệp tuân thủ những quy định này và đảm bảo luồng dữ liệu lưu thông một cách thuận lợi, thúc đẩy môi trường kinh doanh.

3. Hợp tác chuyên ngành trong thời đại kỹ thuật số để thúc đẩy ngành công nghiệp bán dẫn

Trong thời đại kỹ thuật số, sự hợp tác trong lĩnh vực công nghệ bán dẫn là điều cần thiết. Sự phát triển trong lĩnh vực bán dẫn của Việt Nam đánh dấu sự chuyển đổi từ sự phụ thuộc vào lao động giá rẻ sang các ngành công nghệ có giá trị cao. Do đó, chúng tôi khuyến khích việc hợp tác chặt chẽ giữa các công ty công nghệ châu Âu và các nhà sản xuất Việt Nam để nâng cao các tiêu chuẩn ngành công nghiệp địa phương, với mục tiêu biến Việt Nam thành một cường quốc công nghệ trong khu vực.

4. Quy định về viễn thông

Chúng tôi ghi nhận những nỗ lực của Bộ TT&TT trong việc ban hành Luật Viễn thông sửa đổi. Tuy nhiên, Bộ TT&TT và Cục Viễn thông cần sớm tổ chức phổ biến quy định của Luật Viễn thông sửa đổi để việc thực thi đạt được hiệu quả. Do đó, chúng tôi đề xuất Bộ TT&TT tiếp tục cởi mở, thúc đẩy đối thoại, lắng nghe ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp trong việc góp ý, xây dựng cho các dự thảo. đặc biệt là những quy định mới, nội dung điều chỉnh mới để người dân và doanh nghiệp hiểu đúng và đầy đủ các chính sách mới, tạo tâm lý yên tâm trong quá trình đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp.

B. Quyền Sở Hữu Trí Tuệ (SHTT)

1. Khởi tố hình sự các hành vi vi phạm quyền SHTT

Để cải thiện hiệu quả xử lý vi phạm của các cơ quan hành pháp, cần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc Tòa án Nhân dân tối cao cần ban hành hướng dẫn chính thức về truy tố hình sự các hành vi vi phạm quyền SHTT để cung cấp hướng dẫn kịp thời cho tất cả các cơ quan thi hành.

2. Yêu cầu ý kiến chuyên gia từ các cơ quan chuyên trách về SHTT của Việt Nam

Yêu cầu lấy ý kiến chuyên gia làm giảm đáng kể hiệu quả của các hành động thực thi do ý kiến đưa ra thường mất nhiều thời gian và không chắc chắn, cũng như do các cơ quan thực thi không sẵn sàng xem xét các lựa chọn thay thế khác. Về thời gian đưa ra ý kiến, mặc dù đã có cải thiện ở một số cơ quan chuyên trách về SHTT nhưng thời gian để đưa ra ý kiến có xu hướng kéo dài và không thể đoán trước. Có những yêu cầu lấy ý kiến đã hơn một năm vẫn chưa nhận được phản hồi.

3. Yêu cầu đăng ký quyền tác giả phức tạp và khó thực thi

Hiện tại, việc đăng ký bản quyền được thực hiện với Cục Bản quyền Tác giả Việt Nam (COV) với một số yêu cầu rất khó thực hiện đối với chủ sở hữu quyền SHTT. Chúng tôi đề xuất nên linh hoạt trong việc xem xét các phương án chứng minh quyền tác giả khác thay cho giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả.

4. Theo đuổi quyền SHTT - Quyền tác giả

Chúng tôi khuyến nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư 08 tại các tờ khai ĐKQTG như sau:

- Lược bỏ các yêu cầu tóm tắt nội dung chính của tác phẩm thuần về mặt nội dung; và
- Chú thích rằng mục cam đoan không nhất thiết phải được điền bởi chính tác giả nếu tác giả đã qua đời.

5. Theo đuổi quyền SHTT – Nhân hiệu

Cần ban hành văn quy chế hướng dẫn chi tiết về thẩm quyền của các cơ quan có thẩm quyền công nhận, ghi nhận nhân hiệu nổi tiếng và thủ tục công nhận, ghi nhận nhân hiệu nổi tiếng, cụ thể:

- Quy định chi tiết về phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền trong việc xem xét và công nhận, ghi nhận nhân hiệu nổi tiếng
- Hướng dẫn chi tiết về quy chế xét nghiệm, các tiêu chí cụ thể để công nhận và ghi nhận nhân hiệu nổi tiếng trong trường hợp xác lập quyền và thực thi quyền.
- Hướng dẫn quy trình phối hợp, trung cầu ý kiến giữa các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong việc xem xét, công nhận nhân hiệu nổi tiếng.

6. Chậm trễ trong việc xác lập quyền SHTT

Theo Luật Sở hữu trí tuệ và các thông tư hướng dẫn liên quan, thời hạn thẩm định nội dung đơn đăng ký nhân hiệu là không quá chín tháng kể từ ngày công bố. Tuy nhiên, trên thực tế, việc thẩm định nội dung đơn đăng ký nhân hiệu hiện nay ngày càng bị chậm trễ và thường mất đến gần hai năm kể từ ngày công bố. Do đó, chúng tôi đề xuất thực hiện các biện pháp cần thiết để đẩy nhanh quá trình thẩm định hồ sơ đăng ký nhân hiệu tại tất cả các giai đoạn.

7. Hướng dẫn của Cục SHTT về Thư chấp thuận

- Quy định rõ việc thừa nhận có điều kiện đối với Thư chấp thuận trong Luật Sở hữu trí tuệ và/hoặc các nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan
- Bên cạnh các quy định về các nguyên tắc và điều kiện để chấp thuận Thư chấp thuận, quy định thêm về các trường hợp mà Thư chấp thuận không được thông qua.

Việc phát triển và duy trì một cơ sở dữ liệu toàn diện, cập nhật, có thể truy cập dễ dàng và tự do cho công chúng là rất quan trọng.

C. Mua bán và sáp nhập (M&A)

1. Tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG)

Mặc dù thị trường M&A tại Việt Nam đang phát triển rất nhanh, các quy định ESG trong nước vẫn còn ít và nằm rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, thường không cụ thể và không có bất kỳ hướng dẫn hoặc phân bổ trách nhiệm pháp lý rõ ràng nào. Sự thiếu chắc chắn này có khả năng cản trở các quyết định đầu tư và đòi hỏi phải tăng thêm nguồn lực và chi tiêu cho khía cạnh thẩm định môi trường của các thương vụ M&A.

Để duy trì khả năng cạnh tranh, Việt Nam cần thiết lập các tiêu chuẩn rõ ràng và đẩy nhanh tốc độ ban hành các văn bản pháp luật hỗ trợ các cam kết mạnh mẽ của COP26 về tính bền vững và phát thải ròng bằng không.

Chúng tôi kiến nghị hợp nhất các tiêu chuẩn ESG hiện có thành các nguồn luật toàn diện và cụ thể và thông qua các luật bổ sung để khắc phục những lỗ hổng hiện có và quy định các trường hợp rõ ràng hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, cần nâng cao nhận thức giữa các bên liên quan thuộc khu vực tư nhân và nhà nước về tầm quan trọng của các tiêu chuẩn ESG trong đầu tư M&A. Tính minh bạch, bền vững và bảo vệ môi trường trong toàn bộ khu vực hành chính nhà nước cần được chú trọng thông qua hành chính công và hướng đầu tư M&A vào các mục tiêu phát thải ròng bằng không của Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện cho nhà đầu tư tìm hiểu về các tác động môi trường của việc đầu tư vào Việt Nam.

2. Kiểm soát Tập trung kinh tế (M&A)

Việt Nam đã và đang nỗ lực cải thiện chế độ kiểm soát tập trung kinh tế, điều này đã dẫn đến sự gia tăng đầu tư trong nước. Tuy nhiên, Việt Nam thường đối mặt với những thách thức trong hoạt động M&A xuyên biên giới do các quy định hiện hành. Để đạt đến ngưỡng tăng trưởng tiếp theo trên thị trường M&A, cần xác định các ngưỡng rõ ràng và tuân thủ thời hạn phê duyệt. Việt Nam cũng nên xem xét tăng cường các nguồn lực hành chính để xử lý và truyền thông hiệu quả. Chúng tôi khuyến nghị:

- Cân nhắc loại trừ hoạt động tái cấu trúc nội bộ tập đoàn khỏi chế độ kiểm soát tập trung kinh tế;
- Cân nhắc tăng giá trị của các ngưỡng theo quy định về kiểm soát tập trung kinh tế liên quan làm phát sinh các giao dịch phải được thông báo;
- Xem xét làm rõ cách VCC giải thích hoặc tính toán ngưỡng thông báo nộp đơn sáp nhập trong các giao dịch thông thường dựa trên cơ sở dữ liệu của VCC thông qua hội nghị hoặc hướng dẫn;
- Xem xét làm rõ các điều khoản của luật cạnh tranh/chống độc quyền để đưa ra các ngưỡng rõ ràng và chắc chắn cho các khoản đầu tư vào Việt Nam; và
- Nâng cao năng lực nhân sự và tăng số lượng nhân viên tại các cơ quan thẩm quyền có liên quan (ví dụ: VCC) để tăng cường nguồn lực nhằm đáp ứng số lượng thương vụ sáp nhập ngày một gia tăng.

D. Bất động sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nước ngoài

Chúng tôi đánh giá cao khung pháp lý của Việt Nam đối với bất động sản hiện đang được các nhà lập pháp xem xét. Từ sự hiểu biết của chúng tôi về các quy định dự thảo mới nhất, chúng tôi tán thành cải cách pháp lý để thúc đẩy đầu tư vào căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn, và văn phòng khách sạn. Chúng tôi cũng đề nghị bao gồm các hướng dẫn rõ ràng về các điều khoản sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (LURC), điều này sẽ khuyến khích sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài bỏ tiền vào bất động sản Việt Nam. Những cải cách này, trong số những

cải cách khác, là rất cần thiết để thúc đẩy thị trường bất động sản và đóng góp vào an sinh xã hội của Việt Nam, tăng trưởng kinh tế liên tục và tăng tính bền vững. Ngoài ra, để tiếp tục bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư nước ngoài, chúng tôi khuyến nghị nên đẩy nhanh việc phát hành LURC trong thực tế. Điều này cũng liên quan đến việc công bố “Danh sách dự án bị cấm sở hữu nước ngoài” sẽ làm tăng tính minh bạch của thị trường bất động sản Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

E. Thuế và Chuyển Giá

1. Chính sách Thuế thu nhập doanh nghiệp thích ứng với tác động của cải cách Thuế suất tối thiểu toàn cầu - 15% (OECD Trụ cột 2)

(i) Chính phủ Việt Nam tận dụng cơ hội mà Trụ cột 2 mang lại để tiến hành đánh giá toàn diện các ưu đãi thuế hiện hành. Điều này bao gồm nghiên cứu kỹ ảnh hưởng của Thuế suất tối thiểu toàn cầu đến lợi ích của các nhà đầu tư hiện tại và tương lai, đồng thời xem xét những giải pháp thiết thực và hiệu quả để đảm bảo khuyến khích đầu tư vào đúng những dự án trọng điểm và cần khuyến khích, để việc áp dụng Trụ cột 2 không làm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và vẫn đảm bảo đáp ứng quy định và cam kết của Việt Nam trong Trụ cột 2.

- a. Ví dụ: Nếu áp dụng các biện pháp khuyến khích dựa trên chi tiêu thay vì dựa trên thu nhập thì doanh nghiệp sẽ ít chịu ảnh hưởng từ Trụ cột 2 hơn. Qua đó có thể khuyến khích đầu tư nước ngoài vào những lĩnh vực và địa bàn trọng điểm mà vẫn tuân thủ cam kết.
- b. Ví dụ về ưu đãi dựa trên chi tiêu có thể theo thông lệ quốc tế bao gồm: =: (i) khấu hao nhanh máy móc, thiết bị của dự án đầu tư và (ii) khấu trừ gấp đôi chi phí nhân công hoặc chi phí nghiên cứu và phát triển (“R&D”) đối với dự án được khuyến khích đầu tư.
- c. Những ưu đãi dựa trên chi tiêu như vậy có thể làm tăng khả năng tạo ra đầu tư bổ sung vì chúng nhắm trực tiếp vào chi phí đầu tư.

(ii) Ngoài việc khuyến khích đầu tư vào R&D, các khuyến khích đổi mới và công nghệ cao có thể được nhắm tới để hỗ trợ các mục tiêu chính sách như thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh;

(iii) Ngoài ra, doanh thu thuế tạo ra từ QDMTT có thể được chi cho các lĩnh vực để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư tổng thể như cơ sở hạ tầng và phát triển kỹ năng của lực lượng lao động; và

(iv) Trụ cột 2 tạo cơ hội rất tốt để Việt Nam xem xét cải cách ưu đãi thuế và việc này cần được thực hiện càng sớm càng tốt để không làm mất nguồn thu thuế hoặc đầu tư nước ngoài, vì các nước khác sẽ áp dụng thuế bổ sung từ năm 2024 và cũng đang xem xét sửa đổi chế độ ưu đãi thuế của họ để đáp ứng.

2. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào (“GTGT”) và ghi nhận chi phí được trừ cho mục đích thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) đối với những hoá đơn từ doanh nghiệp bỏ trốn

(i) Để tạo sự công bằng và minh bạch cho doanh nghiệp, cơ quan thuế cần xem xét việc chấp nhận cho doanh nghiệp là bên tiêu dùng khấu trừ thuế GTGT đầu vào và ghi nhận chi phí được trừ cho mục đích thuế với các hóa đơn hợp lệ và có chứng từ thanh toán hợp lý cũng như các chứng từ hỗ trợ khác. Việc xử lý các nhà cung cấp bỏ trốn cần được tiến hành riêng biệt theo khía cạnh điều tra pháp lý.

3. Nâng cao hiệu quả của cơ chế giải quyết tranh chấp bằng thoả thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (“APA”) hoặc thoả thuận song phương (“MAP”)

- (i) Nên rút ngắn thời gian đánh giá và đàm phán các đơn đăng ký và cân nhắc kết thúc các đơn đăng ký MAP trong khung thời gian hợp lý;
- (ii) Thủ tục đăng ký DTA cũng nên được sửa đổi để người nộp thuế có thể tuyên bố đủ điều kiện và không phải nộp thuế ngay từ đầu, thay vì phải nộp thuế trước và mong nhận được tiền hoàn thuế sau này khi tài liệu hỗ trợ được hoàn thành, có sẵn; và
- (iii) Ngoài ra, nếu cơ quan thuế từ chối nhận đơn đăng ký DTA, họ phải có nghĩa vụ giải thích bằng văn bản về cơ sở pháp lý của việc từ chối đó dựa trên trích dẫn luật và quy định về thuế, thay vì tư vấn cho người nộp thuế bằng lời nói.

4. Khả năng khấu trừ chi phí đối với chi phí tiếp thị/hỗ trợ bán hàng cho khách hàng gián tiếp trong chuỗi phân phối

- (i) Chính phủ Việt Nam cân nhắc sửa đổi các quy định liên quan để cho phép các khoản chi này được coi là chi phí được trừ cho mục đích thuế trên cơ sở các khoản chi này góp phần trực tiếp vào việc tăng doanh thu cho doanh nghiệp.

F. Du Lịch Và Nhà Hàng-Khách Sạn

1. Miễn và gia hạn visa

Mặc dù chính sách thị thực hỗ trợ thu hút nhiều khách du lịch nước ngoài hơn, hành trình của họ bắt đầu không phải từ sự hiện diện của họ ở Việt Nam, mà từ việc xin thị thực và thủ tục nhập cư. Do đó, các thủ tục hành chính, đặc biệt là công thông tin thị thực điện tử cần được cập nhật, nâng cấp kịp thời để đáp ứng các hồ sơ xin thị thực ngày càng tăng và nâng cao sự hài lòng của người dùng. Điều này cũng áp dụng cho các thủ tục nhập cảnh, đặc biệt là ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, nơi du khách thường phải chờ đợi nhiều giờ để hoàn thành thủ tục nhập cảnh. Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Việt Nam mở rộng danh sách miễn thị thực cho tất cả các nước châu Âu và có lộ trình rõ ràng để thực hiện thủ tục này;
- Việt Nam cung cấp miễn thị thực lưu trú ngắn hạn trong một số tình huống nhất định, đặc biệt là hỗ trợ các diễn đàn, triển lãm và các sự kiện thể thao;
- Việt Nam đảm bảo tính nhất quán giữa phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh của công thông tin thị thực điện tử; và
- Việt Nam tạo ra các dòng mô tả cụ thể cho tầng lớp thương gia và người khuyết tật, người trên 70 tuổi và gia đình có trẻ sơ sinh.

2. Thúc đẩy triển vọng dài hạn và nỗ lực phát triển bền vững

Xu hướng phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam hiện nay đang được chú trọng hơn, bằng chứng là các doanh nghiệp tổ chức phát triển du lịch theo nguyên tắc phải đi đôi với lợi ích cộng đồng, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, cân bằng giữa phát triển du lịch và bảo tồn thiên nhiên.

Du lịch bền vững giúp tăng trưởng kinh tế bằng cách cung cấp cho cộng đồng và chính quyền địa phương nguồn thu nhập ổn định và công bằng. Chỉ cần tận dụng những đặc thù văn hóa của một địa điểm là một ví dụ về mô hình du lịch bền vững ở Việt Nam; Người dân địa phương trong khu vực có thể có thêm thu nhập và cải thiện cuộc sống bằng cách cho khách du lịch tham quan, sử dụng dịch vụ du lịch và mua các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Đưa ra một kế hoạch hành động phối hợp quốc gia để giữ cho các bãi biển, thành phố và di sản văn hóa sạch sẽ;
- Thiết lập các chiến dịch tái chế hiệu quả để giảm nhựa thải ra môi trường và nhất quán trong chế tài đối với những trường hợp không tuân thủ pháp luật;

- Xây dựng kế hoạch quốc gia nhằm loại bỏ hoàn toàn nhựa sử dụng một lần khỏi các khách sạn, công ty du lịch, hãng hàng không và nhà cung cấp dịch vụ khách sạn;
- Ưu tiên phát triển bền vững, đa dạng hơn các dự án quy mô lớn, thường chỉ tập trung vào thị trường dịch vụ căn hộ khách sạn (condotel second home);
- Đảm bảo cách tiếp cận có hệ thống hơn đối với phát triển bền vững trong du lịch bằng cách thúc đẩy các ưu đãi cho các cam kết và hành động có trách nhiệm của các bên liên quan;
- Hỗ trợ người dân địa phương thông qua đào tạo và trao quyền kinh tế;
- Tăng cường năng lực của các tổ chức phi lợi nhuận địa phương và tạo ra một khuôn khổ cho các hoạt động 'du lịch tình nguyện';
- Lan tỏa những lời khuyên hữu ích cho khách du lịch bao gồm thông tin về các vấn đề xã hội nhạy cảm;
- Khuyến khích trải nghiệm cho phép khách du lịch tương tác với người dân địa phương theo những cách có ý nghĩa và cho phép phát triển các sáng kiến du lịch cộng đồng; và
- Tăng cường năng lực của các bên liên quan tham gia vào du lịch có trách nhiệm và hỗ trợ các sáng kiến do và cho người dân địa phương dẫn đầu, để phát triển các hoạt động tạo thu nhập như một sản phẩm phụ của du lịch.

G. Vận Tải Và Hậu Cần

1. Hải quan

Thị trường Việt Nam đã mở cửa cho đầu tư nước ngoài và nhập khẩu hàng hóa nhiều hơn. Trị giá hải quan là rất quan trọng và chúng tôi khuyến nghị một bộ hướng dẫn liên quan đến thủ tục hải quan và thuế quan ưu đãi. Chúng tôi cũng đề nghị cho phép công chức hải quan tiết lộ lý do hỗ trợ đằng sau các giá trị trên cơ sở dữ liệu để cho phép quá trình tham vấn giá minh bạch và hiệu quả hơn. Các phán quyết và thông báo phân loại mã HS cần được làm rõ, với các nguồn tham chiếu pháp lý được cung cấp trực tuyến, thiết lập thời gian hợp lý và sửa đổi biểu giá và dữ liệu mới sau sửa đổi phải có sẵn ít nhất 7 ngày làm việc trước ngày có hiệu lực.

2. Thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ

Việc bãi bỏ chính sách xuất nhập khẩu theo quy định tại Điều 35.1 Nghị định 08 trong đó có điểm c sẽ làm tăng chi phí đầu vào của nhà sản xuất, dẫn đến tăng giá thành hàng hóa sản xuất, gia công tại Việt Nam. Hơn nữa, việc giao hàng qua kho ngoại quan thay vì trực tiếp giữa các nhà máy (khi áp dụng xuất nhập khẩu tại chỗ) hoặc phải nhập khẩu từ nước ngoài sẽ làm tăng chi phí vận hành cho doanh nghiệp và thời gian vận chuyển, giảm khả năng cạnh tranh của hàng hóa sản xuất tại Việt Nam. Do đó, Việt Nam không còn có thể trở thành một điểm đến hấp dẫn để đầu tư của các thương hiệu quốc tế.

Chúng tôi khuyến nghị giữ nguyên hiệu lực của Điều 35.1 của Nghị định 08 bao gồm cả điểm c để cho phép tiếp tục các hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ hiện tại.

3. Tính bền vững

Các công ty đa quốc gia đã đặt ra các mục tiêu bền vững cho doanh nghiệp của họ, bao gồm giảm CO2 trong hậu cần. Mục tiêu dài hạn là phát thải carbon dioxide ròng bằng 0 vào năm 2050. Một diễn đàn các bên liên quan được khuyến nghị để xem xét các cơ hội và chia sẻ ý tưởng cho một lộ trình hướng tới sự bền vững trong logistics. Vị thế của Việt Nam như một điểm đến ưa thích cho chuỗi sản xuất sẽ được tăng cường bởi một lộ trình rõ ràng hướng tới sự bền vững. Các kế hoạch nên bao gồm việc chuyển đổi sang các phương tiện phát thải thấp hơn hoặc không phát thải, xác định các ưu đãi và chính sách, và nhận được sự hỗ trợ của các doanh nghiệp để đạt được ba điểm

mẫu chốt (con người, lợi nhuận và hành tinh) cũng như thực hiện cơ chế tạm ứng trị giá hải quan chung.

H. Xây dựng

1. Giải quyết khó khăn liên quan đến hoạt động phòng cháy chữa cháy.

a. Chứng nhận phòng cháy chữa cháy cho vật liệu xây dựng

(i) Cho phép vật liệu PCCC được sản xuất ở nước ngoài được sử dụng trong xây dựng nếu được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ và Giấy chứng nhận chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 từ các Tổ chức chứng nhận quốc tế được Chính phủ Việt Nam công nhận như Bureau Veritas, SGS, IntertekFire, v.v;

(ii) Cho phép vật liệu PCCC được sản xuất tại Việt Nam được sử dụng trong xây dựng nếu đạt được Giấy chứng nhận chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 từ các Tổ chức chứng nhận được Chính phủ Việt Nam công nhận. Các Tổ chức chứng nhận này sẽ không nhất thiết phải là Cơ quan CS PCCC.

b. Chứng nhận vật liệu xây dựng PCCC cho công trình cải tạo

(i) Cho phép vật liệu PCCC được sản xuất ở nước ngoài hoặc tại Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ và Giấy chứng nhận chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 được sử dụng trong các công trình xây dựng, thông qua các Tổ chức chứng nhận quốc tế được Chính phủ Việt Nam công nhận như Bureau Veritas, SGS, Intertek, v.v.;

(ii) Đối với các dự án cải tạo, phải xác định rõ đặc điểm kỹ thuật chi tiết mức độ sửa đổi đối với từng hệ thống và thiết bị, đặc biệt là những hệ thống ảnh hưởng đáng kể đến an toàn PCCC. Việc này rất quan trọng để cung cấp hướng dẫn chính xác về những sửa đổi cần chú ý và phê duyệt liên quan đến các biện pháp an toàn cháy nổ trong quá trình cải tạo.

II. Phát Triển Bền Vững

A. Điện Lực và Năng Lượng

1. Cơ hội từ việc phát triển năng lượng tái tạo:

- Cung cấp thêm các phương án phát điện và công nghệ truyền tải để đáp ứng nhu cầu năng lượng hiện tại và trong tương lai
- Tăng cường an ninh năng lượng ở Việt Nam để giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn nhiên liệu nước ngoài cũng như ảnh hưởng của những bất ổn liên quan đến nguồn cung (tính sẵn có) và những thay đổi về giá cả
- Tạo việc làm
- Đầu tư và hoàn thiện/mở rộng chuỗi cung ứng khu vực và quốc gia
- Đạt mục tiêu cam kết phát thải ròng bằng 0 Việt Nam đã đề ra tại COP 26
- Cơ hội xuất khẩu năng lượng xanh và công nghệ liên quan đến sản phẩm được sản xuất trong nước này
- Trở thành trung tâm năng lượng xanh cho Đông Nam Á và xa hơn nữa – xuất khẩu sản phẩm, kỹ năng, v.v.

2. Khung pháp lý năng lượng:

Chuyển đổi sản xuất điện than:

- Cần xây dựng lộ trình chuyển đổi nhà máy nhiệt điện than hiệu quả ở cấp quốc gia
- Thu hút thêm nguồn tài chính quốc tế vốn không còn có thể hỗ trợ việc sản xuất nhiên liệu hóa thạch
- Đáp ứng các mục tiêu đề ra trong PDP8

Phát triển ngành Năng lượng tái tạo:

- Điện gió: vẫn chưa được khai thác nhiều dù còn nhiều tiềm năng phát triển, đặc biệt là điện gió
- Điện mặt trời: Điện mặt trời trên mái nhà không còn được ưu tiên và tiềm năng rất lớn bị mất đi, sự quản lý còn chưa hiệu quả giữa các cơ quan thuộc Tập đoàn Điện lực khu vực và các khu công nghiệp.
- Các khía cạnh hiện tại hạn chế tăng trưởng và tiến bộ ngành năng lượng tái tạo
 - o Kế hoạch triển khai PDP8: quy trình lựa chọn nhà đầu tư chưa rõ ràng, vẫn cần đợi giá bán lẻ điện và cải cách giá điện
 - o Tính khả dụng của nguồn lưới điện: Thiếu chi tiết và cam kết về cơ sở hạ tầng lưới điện, hệ thống cân bằng phụ tải và truyền tải xuyên quốc gia bị hạn chế dẫn tới hiệu quả năng lượng còn kém, mất đi tiềm năng
 - o Sửa đổi và thực hiện Luật Điện lực: thiếu định dạng rõ ràng cho phép các nhà phát triển đầu tư trực tiếp vào mạng lưới truyền tải để hỗ trợ Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 - o Chức năng của Hợp đồng mua bán điện: mô hình của Hợp đồng hiện tại vẫn còn nhiều bất cập, gây bối rối cho nhà phát triển và nhà khai thác, cũng như kém khả thi đối với dự án quốc tế lớn
 - o Thiếu sự thống nhất giữa tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế để đảm bảo chất lượng cho các mục đích tài chính và bảo hiểm.

3. Truyền tải điện

Rào cản trong việc mở rộng truyền tải và tăng hiệu quả của mạng lưới:

- Giá truyền tải thấp
- Hạn chế về huy động tài chính
- Khó thu hồi đất
- Nhu cầu ngoài dự tính về mở rộng mạng lưới truyền tải do phát triển năng lượng tái tạo
- Chưa có quy định về đầu tư tư nhân
- Thiếu thị trường điện trong khu vực

Khuyến nghị:

- Ưu tiên các cơ chế minh bạch và hiệu quả để kích thích tất cả những người tiêu dùng điện đầu tư vào các giải pháp tiết kiệm năng lượng nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược hiệu quả năng lượng quốc gia, bao gồm giảm trợ cấp giá điện.
- Phân bổ các hệ thống truyền tải phát điện than hiện tại và tương lai cũng như khả năng phát triển năng lượng tái tạo mới và cơ sở hạ tầng truyền tải liên quan Tối đa hóa phần đóng góp của điện mặt trời, điện sinh khối, thủy điện nhỏ, điện gió và điện gió ngoài khơi trong hệ thống năng lượng bằng cách làm rõ cách tiếp cận kịp thời và phối hợp để phân bổ các dự án (ví dụ: áp dụng cách tiếp cận một cửa trong đó một cơ quan được chỉ định có thẩm quyền và khả năng quản lý việc phê duyệt và cấp phép sử dụng năng lượng tái tạo) và đảm bảo tính sẵn sàng của lưới điện.
- Triển khai chính sách nhằm hỗ trợ phát triển hơn nữa năng lượng tái tạo một cách rộng rãi hơn, có kiểm soát và hiệu quả. Vai trò và trách nhiệm ra quyết định rõ ràng, mốc thời gian

cho ý kiến/phê duyệt, tăng tính minh bạch và giảm rủi ro để mở ra các khoản đầu tư quy mô lớn vào thể hệ xanh, truyền tải xanh và các công nghệ mới như power-to-X (hydro, pin lưu trữ, v.v.)

- Hợp đồng mua bán điện (PPA): Cần thiết lập các quy định để có thể cung cấp năng lượng từ các dự án năng lượng tái tạo trực tiếp đến người dùng cuối (chứ không phải qua EVN và lưới điện), với việc bao tiêu trực tiếp dưới hình thức Thỏa thuận mua bán điện trực tiếp (DPPA) giữa nhà phát điện và người tiêu dùng cuối cùng.
- Sửa đổi PPA giữa EVN và các nhà sản xuất năng lượng sạch để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế nhằm tận dụng tối đa lợi ích giảm chi phí của các quy trình đấu giá theo kế hoạch, từ đó đưa ra các điều khoản chính và khoản chấp nhận thanh toán đầy đủ nhằm giải quyết mối quan ngại của các bên cho vay quốc tế. Cần có một cách tiếp cận phù hợp hơn để giải quyết những điểm không chắc chắn trong việc cắt giảm, luật điều chỉnh/trọng tài, loại tiền tệ để ổn định giá bao tiêu và điều khoản bồi thường trong trường hợp chấm dứt hợp đồng.
- Cho phép người tiêu dùng điện tiếp cận năng lượng sạch bằng cách triển khai DPPA trong các chương trình thí điểm và bằng cách giảm bớt các rào cản pháp lý đối với các nhà máy năng lượng sạch sau công tơ.
- Hợp đồng mua bán điện trực tiếp: khuyến khích triển khai ngay Chương trình thí điểm DPPA, không nhất thiết chỉ giới hạn ở một dự án duy nhất, với các tiêu chí phù hợp và thủ tục hiệu quả để lựa chọn các dự án thí điểm và giảm bớt gánh nặng pháp lý đối với các công ty mong muốn triển khai các nhà máy năng lượng sạch trên sau công tơ.

4. Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng (JETP)

- Khuyến nghị có sự tham gia sâu hơn từ các Bộ liên quan khác như Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, các cơ quan hữu quan khác
- Xem xét tăng tỷ lệ nợ trên GDP để hỗ trợ thêm khoản nợ từ các khoản vay của JETP
- Khuyến khích có thêm vai trò của Ngân hàng Nhà nước
- Cần tăng cường đối thoại và hợp tác liên bộ
- Điều chỉnh các dự án liên quan được nêu trong PDP8 với các dự án đề xuất trong Kế hoạch huy động nguồn lực JETP được quản lý cẩn thận theo năng lực và cơ sở hạ tầng liên quan, v.v.
- Khuyến nghị tập trung nguồn tài trợ JETP vào các dự án chiến lược hơn sẽ mang lại lợi ích lâu dài và đóng vai trò là chất xúc tác cho đầu tư quốc tế hơn nữa, như phân tích và nâng cấp lưới điện để sản xuất và truyền tải năng lượng tái tạo, nâng cấp cảng cho năng lượng tái tạo ngoài khơi, hỗ trợ pháp lý và chiến lược cho thực hiện đánh giá và đề xuất quy định để hỗ trợ các chính sách và ra quyết định, chiến lược khảo sát quốc gia chiến lược để xác định các khu vực sản xuất/truyền tải năng lượng tái tạo tối ưu giúp giảm tác động môi trường nhằm hỗ trợ quy hoạch đất đai và quy hoạch biển, v.v.

B. Phát Triển Xanh

1. Quản lý chất thải:

Để đạt được những mục tiêu đầy tham vọng được đặt ra trong Quyết định 491 và Kế hoạch hành động 849, tất cả các bộ và chính quyền cần hợp tác trong việc thực hiện một khung pháp lý khuyến khích khu vực công và tư nhân. Về khung pháp lý, nhiều mục tiêu trong số này đòi hỏi các luật hiện hành phải được sửa đổi. Do đó, điều quan trọng là phải xác định các luật này và soạn thảo một kế hoạch để đảm bảo sự tuân thủ của chúng càng sớm càng tốt. Bên cạnh đó, các quy định cần phân biệt chất thải rắn với chất thải thông thường và nêu rõ liệu vật liệu tái chế có nên được phân loại là chất thải hay không (ví dụ: tro bay hoặc nhựa tái chế để sử dụng làm nguyên liệu thô trong xây dựng).

Đô thị hóa nhanh chóng có nghĩa là các hộ gia đình Việt Nam - đặc biệt là ở các thành phố lớn - đang xả lượng chất thải ngày càng tăng ra môi trường. Phát sinh chất thải rắn đô thị (MSW) bình quân đầu người sẽ đạt 1,6 kg/người/ngày vào năm 2025. Các thành phần cơ bản nhất của chất thải rắn là chất thải hữu cơ và vô cơ. Chúng tôi tin rằng việc khuyến khích lĩnh vực xử lý chất thải tuân thủ sẽ có kết quả tích cực. Ngược lại, các bên tuyên bố rằng họ cung cấp các dịch vụ tái chế và xử lý chất thải khác với chi phí thấp và phù hợp với pháp luật - nhưng sau đó đổ chất thải được thu gom ra sông, biển và môi trường chung - phải chịu trách nhiệm. Điều này là cần thiết để tạo ra một ngành công nghiệp quản lý chất thải thành công và có trách nhiệm. Chúng tôi đánh giá cao cách Chính phủ xử lý vi phạm cho đến nay và mong mọi thứ tiếp tục được cải thiện trong tương lai.

Chúng tôi đề xuất các khuyến nghị sau:

- Tiếp tục thực thi nghiêm ngặt các quy định về chất thải và truy tố theo định hướng kết quả công bằng đối với hành vi không tuân thủ;
- Hoàn thiện khung pháp lý về quản lý chất thải, đặc biệt là phân loại, phân loại rác tại nguồn;
- Đưa thị trường nguyên liệu thứ cấp vào quy phạm pháp luật;
- Tiếp tục tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp quản lý chất thải tuân thủ pháp luật;
- Nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý chất thải rắn;
- Thành lập ủy ban công tư để đề xuất giải pháp; và
- Cung cấp hướng dẫn rõ ràng và hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho việc phân loại rác thải tại nguồn tại hộ gia đình và các công ty.

2. Giải quyết ô nhiễm nhựa

Quyết định 491 nêu rõ, đến năm 2025, "100% túi ni lông thân thiện với môi trường sẽ được sử dụng tại các trung tâm thương mại, siêu thị nhằm mục đích thay thế túi nilon khó phân hủy để phục vụ sinh hoạt hàng ngày". Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương của Việt Nam đến năm 2030 đặt mục tiêu giảm 75% rác thải nhựa thải ra biển và đại dương, chấm dứt việc sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần tại các điểm du lịch và khu nghỉ dưỡng ven biển, cũng như xử lý ngư cụ xuống biển vào năm 2030.

Chúng tôi đề xuất các khuyến nghị sau:

- Thực hiện các quy định hiện hành và đảm bảo thực thi nghiêm túc;
- Thúc đẩy việc ban hành các văn bản pháp luật để khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam và công ty đa quốc gia tuân thủ các quy định của EU để cho phép Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu;
- Cấm công nghệ phân hủy OXO và giới thiệu nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn có thể được chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế để ngăn chặn hiện tượng “greenwash” (ghi nhãn thân thiện với môi trường để đánh lừa người tiêu dùng);
- Đẩy mạnh đầu tư các cơ sở làm phân hữu cơ và chuỗi cung ứng thu hồi chuyên dụng để giảm sử dụng nhựa sử dụng một lần gắn với chất thải hữu cơ;
- Khuyến khích tái chế và xử lý chất thải sinh hoạt hiệu quả về chi phí ở cấp hộ gia đình thông qua phân loại để tạo thuận lợi cho việc thực hiện luật EPR;
- Thành lập VEPF như một ủy ban công tư để đề xuất các giải pháp;
- Cung cấp cơ chế ưu đãi thuế cho bao bì nhựa có thể phân hủy hoàn toàn và bao bì nhựa tái chế để khuyến khích chuyển đổi sang vật liệu thân thiện với môi trường và thúc đẩy ngành công nghiệp tái chế địa phương; và
- Cấm nhựa sử dụng một lần và thúc đẩy một giải pháp thay thế. Làm việc với các doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch loại bỏ dần các sản phẩm nhựa sử dụng một lần. Điều này sẽ

cho các doanh nghiệp thời gian để điều chỉnh hoạt động của họ và tìm các sản phẩm thay thế để cung cấp cho khách hàng của họ.

3. Vấn đề cấp nước và nước thải

Việt Nam đang phải gánh chịu hậu quả từ quá trình phát triển. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước đang chịu áp lực to lớn, dẫn đến căng thẳng về nguồn nước và các mối đe dọa đối với đời sống con người và đa dạng sinh học trong tương lai. Về lâu dài, Việt Nam sẽ phải đối mặt với tổn thất tài chính nặng nề nếu không có hành động nào để giảm thiểu các cuộc khủng hoảng về nước và môi trường hiện nay. Nếu vẫn tiếp tục hỗ trợ sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế quốc dân, thì ngành nước sẽ cần phải vượt qua những thách thức quan trọng, đó là nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nước để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng; tăng thu nhập trên mỗi đơn vị tiêu thụ; nâng cao chất lượng công trình và nhận thức của cộng đồng; và giảm bớt các mối đe dọa từ nước “quá bẩn, quá ít và quá nhiều”. Đồng thời, cũng cần cải thiện các chính sách, thể chế, việc thực thi pháp luật và tài chính và cho phép sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài vào các dịch vụ liên quan đến nước và vệ sinh.

Khuyến nghị:

- Đồng bộ hóa các chính sách môi trường hiện có để đảm bảo một khuôn khổ chính trị chặt chẽ bằng cách tích hợp tốt hơn các cơ sở pháp lý hiện có;
- Cải thiện tình hình trên thực địa bằng cách tăng tính minh bạch và kiểm soát việc thực hiện các chính sách môi trường ở cấp tỉnh và địa phương; tăng cường thực thi pháp luật và sẵn sàng thực hiện hành động pháp lý;
- Giới thiệu và xác nhận thiết kế đô thị nhạy cảm với nước và tận dụng Hạ tầng xanh-xanh (Blue-Green Infrastructure), bao gồm quản lý nước mưa hiện đại;
- Khuyến khích tái sử dụng nước thải bằng cách cung cấp khung pháp lý, hướng dẫn và tiêu chuẩn để chia sẻ nước chất lượng cho các ứng dụng như tưới tiêu và sản xuất công nghiệp;
- Cân nhắc lựa chọn Hạ tầng xanh-xanh để đối phó với biến đổi khí hậu

4. Kiểm soát chất lượng không khí

Việt Nam đang thiếu các quy định cụ thể về ô nhiễm không khí. Tổng cục Môi trường Việt Nam được yêu cầu đặt ra các mục tiêu phát thải. Tuy nhiên, có sự thiếu rõ ràng về các chính sách của Chính phủ về các mục tiêu cụ thể để kiểm soát chất lượng không khí. Hơn nữa, Việt Nam không có quy định về mùi hôi đối với mùi mạnh từ các bãi chôn lấp, nhà máy và nuôi trồng thủy sản. Sự cải thiện đáng kể chất lượng không khí trong COVID-19, đặc biệt là trong thời gian "phong tỏa", cho thấy có nhiều cách để cải thiện chất lượng không khí.

- Giới thiệu không khí sạch như một KPI cấp cao cho các công ty năng lượng, bắt đầu với EVN;
- Đầu tư vào các bộ lọc và các thiết bị khác làm giảm ô nhiễm, bắt đầu với các nhà máy điện; và
- Đẩy mạnh phát triển lĩnh vực giao thông công cộng không gây ô nhiễm.
- Đẩy nhanh tiến độ sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường, nhất là về ô nhiễm không khí;
- Đưa ra các mục tiêu và quy định chính sách cụ thể về kiểm soát chất lượng không khí và khí thải;

5. Khung pháp lý của Công trình Xanh

So với tốc độ tăng trưởng hiện nay của ngành xây dựng, số lượng công trình xanh được công nhận tại Việt Nam còn khiêm tốn so với các nước trong khu vực. Bên cạnh đó, chính sách pháp lý cũng là rào cản không nhỏ ngăn cản nhiều doanh nghiệp thiết lập công trình xanh. Để thúc đẩy phát triển công trình xanh tại Việt Nam, cần nhanh chóng hoàn thiện và/hoặc cập nhật khung pháp lý và nâng

cao nhận thức của các bên liên quan, chủ yếu là các cơ quan Chính phủ, vì hệ thống pháp luật hiện hành ở Việt Nam gần như không có ưu đãi cho các nhà phát triển.

6. Chứng nhận thiết kế và xây dựng thụ động

Xây dựng và các tòa nhà là những người sử dụng điện chính, chiếm tới 40% lượng tiêu thụ quốc gia. Do đó, các tòa nhà ở Việt Nam cần trở nên tiết kiệm năng lượng hơn. Tích hợp các thiết bị tiết kiệm năng lượng, lý tưởng nhất là trong quá trình xây dựng, sẽ hoàn thành quá trình chuyển đổi và có tác động lâu dài đến tính bền vững của thành phố nơi nó được thực hiện. Trong quá trình này, các kiến trúc sư đảm bảo rằng nó có thể được áp dụng từ giai đoạn thiết kế, với thiết kế thụ động và vật liệu thân thiện với môi trường, đến các thiết bị tiết kiệm năng lượng trong quá trình xây dựng. Quá trình này cũng áp dụng cho quy hoạch tổng thể đô thị.

Khuyến nghị:

- Lồng ghép từ ngữ "Công trình xanh" trong vào các văn bản hướng dẫn thi hành luật xây dựng;
- Thực thi và thúc đẩy ứng dụng các giải pháp vật liệu xây dựng bền vững thông qua Hiệp hội Vật liệu xây dựng Việt Nam;
- Áp dụng phương pháp tiếp cận toàn diện theo vòng đời;
- Thúc đẩy áp dụng nhãn xanh và EPD;
- Xóa bỏ trợ cấp đối với điện sản xuất sử dụng nhiên liệu hóa thạch;
- Xây dựng lộ trình biểu giá điện bán lẻ cho khách hàng tiêu thụ điện thương mại và công nghiệp;
- Tăng cường Hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà;
- Làm cho chứng nhận tối thiểu trở thành điều kiện tiên quyết để cấp phép cho một số loại tòa nhà nhất định bất kể việc sử dụng chúng và khuyến khích mức chứng nhận cao hơn; và
- Chuẩn bị một chương trình giới thiệu quy hoạch đô thị rõ ràng, bao gồm không chỉ các công trình xanh mà còn cả các giải pháp cải thiện sinh kế nước, chất thải, giao thông và môi trường sống.

7. Thông tư trong xây dựng:

- Tạo ra các quy định để loại bỏ các rào cản và tạo điều kiện gia nhập thị trường vật liệu xây dựng thứ cấp từ việc phá dỡ / tháo dỡ;
- Cung cấp các ưu đãi để thúc đẩy vật liệu và thu hồi và tái sử dụng tòa nhà, bao gồm sử dụng các cơ chế tài chính, ví dụ: giảm phí lập kế hoạch và giảm chi phí phát triển khi đáp ứng ngưỡng tái sử dụng; và
- Tạo lộ trình kinh tế tuần hoàn cho các tòa nhà phác thảo các công cụ cần thiết để thực hiện các chính sách này, bao gồm phát triển chuỗi cung ứng địa phương với các cơ sở cải tạo vật liệu, cơ sở dữ liệu và xây dựng năng lực trên toàn chuỗi giá trị.

C. Tài chính bền vững

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính bền vững

Việt Nam đang có những bước tiến táo bạo hướng tới một tương lai bền vững, là một ví dụ điển hình về tăng trưởng xanh và phát triển kinh tế. Với những chính sách có tầm nhìn và sáng kiến chiến lược như Quyết định số 1658/QĐ-TTg và Quyết định số 882/QĐ-TTg, Việt Nam đang vững vàng trên con đường trở thành nền kinh tế xanh, đạt trung hòa carbon vào năm 2050.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh các tổ chức tài chính ngân hàng với các mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển các mô hình ngân hàng xanh và thực hiện các chính sách tín dụng hỗ trợ cho đầu tư xanh.

Các quan hệ đối tác và thỏa thuận với các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế nhấn mạnh sự chú trọng ngày càng tăng đối với các tiêu chuẩn bền vững và nỗ lực giảm thiểu biến đổi khí hậu trong ngành ngân hàng tại Việt Nam.

Khuyến nghị:

- a. Kiểm tra sức chịu đựng của hệ thống ngân hàng về khí hậu và ESG: Theo ví dụ được đặt ra bởi các bài kiểm tra sức chịu đựng của Ngân hàng Trung ương châu Âu năm 2022, chúng tôi khuyến nghị xây dựng một khuôn khổ để đánh giá khả năng phục hồi của hệ thống tài chính Việt Nam trước các rủi ro liên quan đến khí hậu và ESG. Sáng kiến này sẽ không chỉ làm nổi bật các lĩnh vực dễ bị tổn thương mà còn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp tính toán rủi ro khí hậu vào quá trình ra quyết định tài chính.
- b. Ưu đãi cho trái phiếu xanh và bền vững: Sự thành công của tín dụng thuế hoặc trái phiếu miễn thuế ở Mỹ làm nổi bật tiềm năng của các công cụ tài chính như vậy trong việc huy động vốn cho các dự án xanh. Chúng tôi đề xuất áp dụng các ưu đãi tương tự tại Việt Nam để thu hút đầu tư vào trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững, phù hợp với các tiêu chuẩn và thông lệ toàn cầu.
- c. Giảm thuế cho các ngân hàng phát hành các công cụ liên kết bền vững: Để kích thích phát hành các sản phẩm tài chính xanh và liên kết bền vững, chúng tôi ủng hộ các ưu đãi thuế cho các ngân hàng, như đã thấy ở Nhật Bản. Các biện pháp này sẽ làm giảm chi phí vốn cho các dự án bền vững và khuyến khích các ngân hàng tích hợp các tiêu chí bền vững vào thực tiễn cho vay của họ.
- d. Chương trình tăng cường tín dụng cho các dự án xanh: Từ thực tiễn về quan hệ đối tác giữa ADB và các tổ chức tài chính Ấn Độ, chúng tôi khuyến nghị thiết lập một chương trình tăng cường tín dụng để giảm thiểu rủi ro đầu tư cho các dự án xanh. Chương trình này sẽ làm hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư để tài trợ cho các dự án đóng góp cho mục tiêu tăng trưởng xanh của Việt Nam.
- e. Tăng cường hỗ trợ cho các dịch vụ đảm bảo: Thực hiện chương trình trợ cấp hoặc giảm thuế, tương tự như Chương trình tài trợ cho vay bền vững của Singapore, sẽ khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn và thông lệ bền vững. Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ hỗ trợ việc tạo ra các chương trình như vậy, từ đó sẽ thúc đẩy niềm tin của nhà đầu tư vào các dự án xanh và bền vững bằng cách đảm bảo uy tín và minh bạch.

D. Nhân Lực và Đào Tạo

1. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp và Kinh phí công đoàn

Quy định về tổ chức lao động mới đã được soạn thảo trong hơn ba năm và Dự thảo Nghị định vẫn chưa được ban hành để lấy ý kiến công chúng. Kết quả là, ngay cả khi Bộ luật Lao động 2019 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021, cho tới nay vẫn chưa có một tổ chức lao động mới nào được thành lập do thiếu khung pháp lý.

Ngoài ra, Bộ luật Lao động 2019 chưa quy định rõ mối quan hệ giữa “tổ chức lao động mới” và “công đoàn truyền thống”, nếu cả hai tổ chức đều tồn tại trong cùng một doanh nghiệp. Về nguyên tắc, người lao động có quyền tự do lựa chọn tổ chức đại diện của mình, vì vậy cả hai loại tổ chức này (tức là “tổ chức lao động mới” và “công đoàn truyền thống”) đều phải có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc đại diện cho người lao động. Các quyền và nghĩa vụ đại diện đó sẽ bao gồm (i) việc tham vấn về các chính sách, tài liệu và quy trình nội bộ liên quan đến quan hệ lao động theo quy định của pháp luật, (ii) tham dự và đại diện cho người lao động trong các hoạt động trao đổi, đối thoại và thảo luận với người sử dụng lao động và với các tổ chức công đoàn khác, và (iii) thu, sử dụng và quản lý kinh phí công đoàn và đoàn phí công đoàn. Tuy nhiên, Bộ luật Lao động 2019 không có điều nào quy định cụ thể mối quan hệ giữa hai tổ chức công đoàn nêu trên khi chúng

cùng tồn tại trong một doanh nghiệp, cũng như về vai trò đại diện của hai tổ chức này. Do vậy, các quy định pháp luật liên quan cần (i) quy định rõ ràng việc mỗi tổ chức công đoàn sẽ có quyền và nghĩa vụ ngang bằng nhau trong việc đại diện cho người lao động, tùy theo tỷ lệ người lao động là thành viên của công đoàn, và (ii) đưa ra cơ chế hợp tác giữa “tổ chức lao động mới” và “công đoàn truyền thống” trong các vấn đề liên quan đến quan hệ lao động.

Quy định về kinh phí cho “tổ chức lao động mới” trong Bộ luật Lao động 2019 cũng chưa rõ ràng. Điều 174 quy định điều lệ của tổ chức lao động mới phải có nội dung về “Phí thành viên, nguồn tài sản, tài chính và việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của tổ chức”, và “Chính phủ quy định chi tiết Điều này”. Như vậy, quy định pháp luật chưa nêu rõ việc “tổ chức lao động mới” sẽ có quyền tự quyết về tài chính của mình ở mức độ nào. Theo Luật Công đoàn hiện hành, người sử dụng lao động phải đóng kinh phí công đoàn hàng tháng bằng 2% tổng quỹ lương tính đóng bảo hiểm xã hội cho công đoàn cấp trên trực tiếp, ngay cả khi chưa có công đoàn trong tổ chức của họ. Ngoài ra, theo TLĐLĐVN, doanh nghiệp chỉ được giữ lại một phần kinh phí công đoàn khi doanh nghiệp có công đoàn cơ sở. Điều này không phù hợp với các nguyên tắc về quyền tự do của người lao động trong việc thu, quản lý và sử dụng cơ cấu tài chính của tổ chức đại diện.

Do vậy, pháp luật về công đoàn phải quy định rằng kinh phí công đoàn hàng tháng do người sử dụng lao động đóng phải được chuyển trực tiếp và toàn bộ đến các tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, bao gồm cả “tổ chức lao động mới” và “công đoàn truyền thống”. Khoản kinh phí này đồng thời cũng phải được phân chia giữa mỗi tổ chức công đoàn dựa trên số lượng thành viên mà tổ chức đó đại diện. Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở được quyền sử dụng toàn bộ kinh phí công đoàn do người sử dụng lao động đóng góp và đoàn phí do đoàn viên đóng góp, và các khoản trên không nên được chia một phần cho công đoàn truyền thống cấp trên trực tiếp. Ngoài ra, nếu chưa có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở thì người sử dụng lao động có quyền giữ toàn bộ kinh phí công đoàn và sau này chuyển cho các tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở khi tổ chức đó được thành lập. Cần sửa đổi mức đóng kinh phí công đoàn của người sử dụng lao động bằng cách khảo sát thực tế ý kiến của doanh nghiệp, cân đối ngân sách của hệ thống công đoàn và xem xét giảm tỷ lệ từ 2% xuống 1% quỹ tiền lương của người lao động trong nước dùng để tính bảo hiểm xã hội; không lấy quỹ tiền lương của người lao động nước ngoài làm căn cứ tính kinh phí công đoàn hàng tháng.

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị như sau:

- Công bố Dự thảo Nghị định để lấy ý kiến phản hồi của công chúng.
- Làm rõ vai trò và mối quan hệ trong trường hợp cả “tổ chức lao động mới” và “công đoàn truyền thống” đều cùng tồn tại trong một doanh nghiệp trong các quy định hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động 2019 mới và Luật Công đoàn sửa đổi.
- Sửa đổi các quy định về kinh phí công đoàn cho cả hai loại hình tổ chức để đảm bảo rõ ràng, thận trọng, công bằng và phản ánh đúng quyền lợi của cả hai tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.

2. Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài

Nghị định 70 sửa đổi một số điều của Nghị định 152 về giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài. Những sửa đổi này đã giúp đơn giản hóa quy trình xin giấy phép lao động, đáng chú ý là thông qua việc (i) nói lỏng các định nghĩa về “chuyên gia” và “lao động kỹ thuật”, (ii) công nhận giấy phép lao động trước đây là bằng chứng cho kinh nghiệm làm việc, (iii) rút ngắn thời gian nộp báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, và (iv) quy định thêm các trường hợp không phải thực hiện xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài. Những sửa đổi này có thể đẩy nhanh quá trình xin giấy phép lao động.

Tuy nhiên, Nghị định 70 đưa ra những thách thức mới trong việc xin giấy phép lao động, chẳng hạn như yêu cầu mới về đăng tin tuyển dụng, quy định thành phần tài liệu phức tạp đối với các vị trí quản lý/giám đốc điều hành, và các quy định không rõ ràng về thẩm quyền cấp giấy phép lao động của Bộ LĐTBXH và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (Sở LĐTBXH). Những thách thức này cần được xem xét và khắc phục sớm nhất có thể.

Chúng tôi muốn đưa ra những khuyến nghị sau để đơn giản hóa việc xin giấy phép lao động tại Việt Nam:

- Bỏ qua điều kiện đăng thông tin tuyển dụng trước khi nộp báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.
- Đơn giản hóa các hồ sơ giấy tờ cần thiết cho vị trí Nhà quản lý/Giám đốc điều hành tại chi nhánh, văn phòng đại diện.
- Giao cho Sở LĐTBXH có thẩm quyền cấp giấy phép lao động trong mọi trường hợp.

3. Mở rộng quyền chấm dứt hợp đồng lao động đối với người sử dụng lao động

Hiện nay, việc chấm dứt hợp đồng lao động do vi phạm hay "sa thải" đang diễn ra thường xuyên hơn và theo cách phức tạp hơn. Tuy nhiên, Bộ luật Lao động mới 2019 hạn chế các trường hợp mà người sử dụng lao động được phép sa thải. Luật cũng loại trừ nhiều tình huống mà doanh nghiệp gặp phải.

Mặc dù đều cho phép người sử dụng lao động sa thải người lao động dựa trên mức độ thiệt hại gây ra, tuy nhiên cả Bộ luật Lao động trước đây và Bộ luật lao động năm 2019 đều không quy định rõ ràng thế nào là “gây thiệt hại nghiêm trọng” hoặc “đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng”. Sự mơ hồ này dẫn đến việc các Sở LĐTBXH địa phương có cách hiểu khác nhau trong quá trình đăng ký nội quy lao động, làm cho quy trình sa thải người lao động gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, đối với nhiều hành vi vi phạm nghiêm trọng, việc chứng minh thiệt hại nghiêm trọng về tài chính là điều không thể.

Hơn nữa, quy định về thời hiệu xử lý kỷ luật lao động ngắn, đặc biệt là khi hành vi vi phạm bị che giấu, đang đặt ra nhiều thách thức cho người sử dụng lao động. Thời hiệu xử lý kỷ luật lao động chỉ kéo dài từ 06 đến 12 tháng kể từ ngày hành vi vi phạm xảy ra. Người sử dụng lao động phải thu thập bằng chứng, tổ chức họp xử lý kỷ luật và ban hành quyết định sa thải trong thời hiệu này. Thời hiệu xử lý áp dụng cho hành vi vi phạm của người lao động là 06 tháng. Thời hiệu này được kéo dài đến 12 tháng trong trường hợp hành vi vi phạm liên quan trực tiếp đến tài chính, tài sản và bí mật công nghệ hoặc bí mật kinh doanh. Đây là quy định không hợp lý vì người lao động thực hiện hành vi vi phạm một cách bí mật nên trong nhiều trường hợp người sử dụng lao động chỉ biết được sau khi đã hết thời hiệu. Một vấn đề khác là việc thu thập bằng chứng về vi phạm của người lao động thường mất rất nhiều thời gian và người sử dụng lao động gặp khó khăn trong việc hoàn thành tất cả các thủ tục kỷ luật trong thời hiệu nói trên.

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Bổ sung “hoạt động tối ưu hóa kinh doanh” của công ty là một trong những căn cứ được cho thôi việc do dư thừa lao động.
- Quy định rõ việc cho thôi việc đối với một người lao động là hợp pháp nếu công ty tuân thủ các thủ tục pháp lý áp dụng cho việc cho thôi việc đối với nhiều người lao động.
- Bổ sung các căn cứ được phép sa thải (ví dụ: gian lận, đưa hoặc nhận hối lộ hoặc lợi dụng, hành vi hung hăng, thù địch và bạo lực, hoặc vi phạm các quy định nội bộ về an toàn dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn đối với tính mạng con người).
- Kéo dài thời hiệu xử lý kỷ luật lao động từ 12 tháng lên 24 tháng và thời hiệu này chỉ bắt đầu từ ngày người sử dụng lao động phát hiện hành vi vi phạm.

- Đưa ra các tiêu chuẩn rõ ràng để xác định thế nào là “gây thiệt hại nghiêm trọng” hoặc “đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng”, có thể bằng cách quy định một mức thiệt hại cụ thể bằng tiền.

4. Bảo hiểm xã hội cho người lao động nước ngoài

Theo quy định tại Điều 2.2 Luật Bảo hiểm xã hội và Điều 2 Nghị định 143, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2018, người lao động nước ngoài tại Việt Nam phải đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) nếu có giấy phép lao động hoặc giấy phép hành nghề và có hợp đồng lao động với thời hạn ít nhất một năm. Chế độ BHXH dành cho người nước ngoài này tương tự như chế độ BHXH dành cho công dân Việt Nam, bao gồm năm chế độ: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hưu trí và tử tuất. Trong khi việc đóng BHXH cho ba chế độ ngắn hạn (gồm ốm đau, thai sản và tai nạn lao động) bắt đầu áp dụng từ ngày 1 tháng 12 năm 2018 thì hai chế độ dài hạn (gồm hưu trí và trợ cấp tử tuất) bắt đầu áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2022.

Người lao động nước ngoài có thể yêu cầu hưởng BHXH một lần cho toàn thời gian đóng khi kết thúc hợp đồng hoặc khi giấy phép lao động hết hạn với điều kiện người đó không còn cư trú, làm việc tại Việt Nam. Khoản BHXH một lần này và quy trình yêu cầu hưởng tương tự như quy định đối với người lao động Việt Nam. Tuy nhiên, các quy định về chế độ BHXH và thủ tục hưởng BHXH một lần áp dụng cho người lao động nước ngoài hiện không thực tế và cần được xem xét lại.

Hiện tại, Bộ LĐTBXH đang soạn thảo luật sửa đổi Luật Bảo hiểm Xã hội, dự kiến trình Quốc hội thông qua vào năm 2024 (Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội). Đáng tiếc là Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội này về cơ bản vẫn giữ nguyên các quy định hiện hành về bảo hiểm xã hội cho người lao động nước ngoài.

Việc bắt buộc tham gia cả năm chế độ BHXH có thể không công bằng và không khả thi đối với những người lao động nước ngoài vẫn đang tiếp tục tham gia BHXH của nước họ. Mặc dù Chính phủ đã và đang đàm phán các hiệp định song phương về công nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội với một số quốc gia và ký kết thỏa thuận công nhận với một số quốc gia (chẳng hạn như Hàn Quốc), nhưng chưa có hiệp định song phương nào được thực tế đưa vào áp dụng. Điều này làm tăng chi phí cho cả người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài, cùng với những rắc rối về thủ tục hành chính.

Hơn nữa, ngay cả khi Chính phủ có thể ký kết thêm nhiều hiệp định song phương, các hiệp định này cũng sẽ không áp dụng cho tất cả các quốc gia có người lao động nước ngoài đến Việt Nam làm việc. Thông thường, người lao động nước ngoài chỉ làm việc tại Việt Nam trong thời gian ngắn, do sự quản lý nghiêm ngặt về phê duyệt các vị trí tuyển dụng người lao động nước ngoài khi cấp giấy phép lao động. Mặc dù Nghị định 143 quy định việc những người lao động nước ngoài này có thể yêu cầu chỉ trả BHXH một lần trước khi rời Việt Nam, các thủ tục hưởng BHXH một lần hiện hành đang rất phức tạp và làm tăng thêm gánh nặng về thủ tục hành chính cho tất cả các bên liên quan. Ngoài ra, quy định bắt buộc các tài liệu cần thiết phải được dịch sang tiếng Việt và công chứng đối với người có quốc tịch nước ngoài có thể mất nhiều thời gian thực hiện.

Các quy định trên có thể làm tăng chi phí lao động cũng như rườm rà về thủ tục hành chính. Những điều này có thể làm giảm sức hấp dẫn của Việt Nam như một điểm đến đầu tư.

Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội cần quy định những nội dung sau:

- Cho phép người lao động nước ngoài tham gia quỹ hưu trí và tử tuất trên cơ sở tự nguyện.
- Đưa ra mẫu đơn đề nghị hưởng BHXH một lần ở định dạng song ngữ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nộp hồ sơ trực tuyến.

E. Phụ Nữ Trong Kinh Doanh

1. Tăng thời gian nghỉ thai sản cho người cha

Hiện nay, nam giới chỉ được nghỉ chế độ chăm con từ 5 đến 14 ngày làm việc khi sinh con. Chúng tôi khuyến khích Chính phủ sửa đổi Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội để nam giới có nhiều thời gian nghỉ hơn khi sinh con. Chúng tôi lưu ý rằng chính phủ đang trong quá trình sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội, vì vậy đây là thời điểm thích hợp để cải cách quyền được nghỉ thai sản của nam giới.

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc người cha có nhiều thời gian nghỉ thai sản hơn có tác động trực tiếp đến việc làm giảm đáng kể khoảng cách tiền lương theo giới. Ở giai đoạn tuyển dụng, các nhà tuyển dụng sẽ nhận thấy rằng các ứng viên nam cũng có thể nghỉ phép dài ngày khi sinh con, vì vậy các ứng viên nữ sẽ ít thiệt thòi hơn về mặt đó. Các ông bố cũng sẽ hình thành mối liên kết chặt chẽ hơn với con cái thông qua việc tăng thời gian nghỉ sinh con, vì vậy trong tương lai, họ sẽ chia sẻ trách nhiệm gia đình với vợ một cách bình đẳng hơn. Ngoài ra, mối liên kết bền chặt hơn giữa người cha và con cái của họ sẽ dẫn đến những đứa trẻ hạnh phúc và gia đình gắn bó hơn. Chúng tôi khuyến nghị tăng dần thời gian nghỉ sinh con để nam giới được hưởng chế độ nghỉ tối thiểu 01 tháng theo Luật Bảo hiểm Xã hội mới.

2. Khuyến khích phụ nữ và trẻ em gái khởi nghiệp trong ngành công nghệ và đổi mới

Thành công của Chính phủ Việt Nam trong việc khuyến khích nhiều phụ nữ hơn tham gia vào lĩnh vực công nghệ có thể dẫn đến nhiều đổi mới công nghệ hơn vì nghiên cứu cho thấy các nhóm đa dạng tạo ra sự đổi mới. Hơn nữa, các nghiên cứu đã chứng minh rằng việc khuyến khích phụ nữ vào lực lượng lao động trong lĩnh vực công nghệ sẽ bổ sung cho nam giới – khi đó mức tăng năng suất sẽ lớn hơn mức tăng năng suất có thể đạt được với lực lượng lao động chỉ toàn nam giới. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận thấy, đối với các quốc gia thuộc nửa bên dưới trong mẫu nghiên cứu của IMF về bình đẳng giới, nếu khoảng cách giới được thu hẹp, GDP có thể tăng trung bình 35%. Những lợi thế đạt được về đổi mới và năng suất nhờ tạo ra một lực lượng lao động toàn diện sẽ giúp Việt Nam chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung vào sản xuất sang nền kinh tế dựa trên đổi mới và công nghệ.

Mặt khác, nếu tỷ lệ nữ giới tiếp tục chiếm phần trăm thấp trong các chương trình giáo dục và nghề nghiệp STEM, khoảng cách lương giữa các giới sẽ ngày càng gia tăng và phụ nữ sẽ càng bị thiệt thòi. Như đã đề cập ở trên, hiện nay phần lớn lực lượng lao động nữ đang làm những công việc đòi hỏi tay nghề thấp, là những công việc đầu tiên sẽ bị thay thế bằng tự động hóa trong Cách mạng Công nghiệp 4.0. Quá trình đổi mới ở Việt Nam vì thế cũng sẽ không phát huy hết tiềm năng.

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Thu thập dữ liệu về sự tham gia của phụ nữ vào các chương trình giáo dục và nghề nghiệp STEM để đảm bảo Chính phủ có nhận thức chính xác về khoảng cách giới thực tế trong lĩnh vực STEM.
- Khi ban hành các chính sách trong tương lai liên quan đến số hóa và hiện đại hóa của Việt Nam hoặc sửa đổi các chính sách hiện có, cần đảm bảo giải quyết được vấn đề thiếu nữ giới trong lĩnh vực STEM và lĩnh vực công nghệ thông tin.
- Ban hành luật thực thi các chính sách quốc gia về số hóa và hiện đại hóa, bao gồm các biện pháp có thời hạn, cụ thể và có thể đo lường được để khuyến khích phụ nữ tham gia nhiều hơn.

- Bộ GDĐT nên hợp tác với các bên liên quan như các công ty công nghệ và các nhà đầu tư tiềm năng để xác định hướng đi cụ thể cho giáo dục STEM, đảm bảo chất lượng đào tạo và đảm bảo học sinh được dạy những kỹ năng thực sự cần thiết, cũng như xóa bỏ các chuẩn mực xã hội mang tính tiêu cực và các khuôn mẫu giới vốn thường ngăn cản trẻ em gái theo đuổi các ngành học STEM ngay từ khi còn nhỏ.
- Bộ GDĐT và Bộ LĐTBXH nên xây dựng các chương trình dạy nghề nhằm bồi dưỡng và nâng cao tay nghề của lao động nữ theo hướng số hóa, đặc biệt là những ngành có khả năng bị thay thế bằng tự động hóa.
- Triển khai các chiến dịch, hoạt động truyền cảm hứng nhằm thay đổi nhận thức xã hội về vai trò của phụ nữ trong các ngành nghề STEM.

3. Đặt ra các biện pháp khuyến khích rõ ràng, cụ thể, khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện các chính sách có lợi cho phụ nữ

Chúng tôi cho rằng các Nghị định sắp tới nên đưa ra các ưu đãi rõ ràng cho người sử dụng lao động áp dụng các chính sách phù hợp với Khoản 2 (a) Điều 79 của Nghị định 145. Hơn nữa, cần sửa đổi quy định về cắt giảm thuế đối với các công ty sử dụng nhiều lao động nữ. Quy định này hiện chỉ áp dụng cho các công ty trong ngành sản xuất, xây dựng hoặc vận tải. Thay vào đó, quy định này nên được áp dụng cho tất cả các ngành ở Việt Nam. Cần nhấn mạnh vào việc khen thưởng các công ty đặt phụ nữ vào các vị trí quản lý cao nhất, vì số lượng phụ nữ nắm giữ các vị trí này ở Việt Nam vẫn không đáng kể. Thay vì sử dụng hạn ngạch dựa trên tổng số nhân viên nữ tại một công ty, chúng tôi cho rằng nên sử dụng hạn ngạch dựa trên số lượng nhân viên nữ ở các vị trí quản lý cấp cao. Trong tất cả các ngành nghề, nhân viên nữ thường tuy nhiều nhưng rất ít người nắm giữ vai trò quản lý chủ chốt. Cuối cùng, chúng tôi tin rằng giảm thuế theo một mức giảm cố định áp dụng cho doanh nghiệp có hơn một nửa đội ngũ quản lý cấp cao là nữ sẽ thúc đẩy doanh nghiệp tạo ra sự thay đổi thực sự. Ngoài ra, hỗ trợ chăm sóc trẻ em sẽ có tác động tích cực đến năng suất của lao động nam và đặc biệt là lao động nữ. Mặc dù Bộ luật Lao động và Nghị định 145 không quy định các ưu đãi thuế hoặc các khoản trợ cấp cụ thể, Chính phủ nên khuyến khích doanh nghiệp hỗ trợ chăm sóc trẻ em cho người lao động, từ đó tạo ra lợi ích kinh tế.

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Đưa ra các ưu đãi rõ ràng cho người sử dụng lao động áp dụng các chính sách phù hợp với Khoản 2 (a) Điều 79 của Nghị định 145 tro các nghị định sắp tới.
- Sửa đổi luật liên quan đến việc cắt giảm thuế cho các công ty có nhiều lao động nữ, xem xét mở rộng phạm vi các ngành nghề đủ điều kiện và tăng tỷ lệ phần trăm giảm thuế.
- Áp dụng hạn ngạch dựa trên số lượng lao động nữ ở các vị trí quản lý cấp cao thay vì tổng số lao động nữ.

III.Lựa Chọn Của Người tiêu dùng

A. Thực Phẩm, Nông Nghiệp và Nuôi Trồng Thủy Sản

1. Thực hiện nông nghiệp sinh thái và sản xuất hữu cơ trong rau quả

Ngành nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước thời cơ then chốt, và nông nghiệp sinh thái là một giải pháp thay thế đầy hứa hẹn thay thế cho các hình thức canh thông thường. Nông dân các nước Liên minh châu Âu đã và đang dần chuyển sang các hình thức nông nghiệp sinh thái. Các khuyến nghị của chúng tôi bao gồm giảm sử dụng thuốc trừ sâu, khuyến khích áp dụng nông nghiệp sinh thái, tăng cường canh tác hữu cơ, cung cấp hỗ trợ tài chính và tăng cường các nỗ lực nghiên cứu

và nỗ lực chính sách. Việt Nam nên tập trung vào việc giảm sử dụng thuốc trừ sâu có thể ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm và yêu cầu xuất khẩu.

2. Thực hiện cách tiếp cận một sức khỏe trong chăn nuôi

Để hưởng lợi từ EVFTA, Việt Nam cần đảm bảo an toàn thực phẩm bằng cách tuân thủ các quy định của châu Âu, trong đó ngăn chặn việc sử dụng kháng sinh hoặc các chất cấm. Chính phủ đã đặt ra lộ trình cấm một số loại thuốc kháng sinh nhất định vào năm 2026. Để đạt được điều này, cần phổ biến các quy định, giám sát việc tuân thủ, tham gia vào ngành chăn nuôi thực phẩm, hài hòa các quy định và thúc đẩy các phương pháp điều trị thay thế như an toàn sinh học, tiêm phòng và các giải pháp dựa vào tự nhiên.

3. Các phương án tài chính để phát triển bền vững của ngành thực phẩm, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã đặt mức trần 4,5% đối với lãi suất cho vay ngắn hạn đối với lĩnh vực nông nghiệp. Nông nghiệp bền vững có thể được hưởng lợi từ các chính sách quy mô lớn như Quy hoạch Điện VIII và sự tập trung ngày càng tăng vào chương trình Môi trường-Xã hội-Quản trị (ESG) cũng như phát triển bền vững. Các tổ chức tài chính và Bộ cần tổ chức đào tạo cho doanh nghiệp về lợi ích của vốn lưu động cũng như quan tâm, thành lập một chương trình khuyến khích ESG được trợ cấp nhằm khuyến khích đầu tư. Bên cạnh đó, cần nỗ lực hơn nữa để phát triển các chính sách có tác động liên kết với nhau.

4. Quy định về hợp quy

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) dự kiến thực hiện quy định hợp quy đối với sản phẩm thuốc thú y từ ngày 14/2/2024 theo Thông tư 10/2018/TT-BNNPTNT.

Nhận thức được các biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt đã được áp dụng từ giai đoạn đăng ký sản phẩm, chúng tôi đề xuất các điều chỉnh sau để tạo điều kiện chuyển đổi sang các quy định mới diễn ra suôn sẻ hơn như sau:

- Gia hạn thời hạn thực hiện công bố hợp quy thuốc thú y thêm ít nhất 12 tháng, hoặc
- Chấp nhận các tài liệu phát hành hàng loạt hiện có của Việt Nam (giấy chứng nhận phân tích của địa phương từ phòng thí nghiệm của Cục Thú Y) là đủ để Phát hành hợp quy nếu chúng không quá 12 tháng và cấp Bản phát hành phù hợp cho các sản phẩm có Giấy chứng nhận kiểm tra chất lượng (FTC) hoặc đã vượt qua các bài kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu lần đầu tiên và thứ hai.

Những khuyến nghị này nhằm giảm thiểu sự gián đoạn chuỗi cung ứng, đảm bảo tiếp cận liên tục với các sản phẩm thú y quan trọng cho ngành nông nghiệp đồng thời cho phép Bộ NN&PTNT có thời gian cần thiết để phát triển và tinh chỉnh cơ sở hạ tầng thử nghiệm hiệu quả để hỗ trợ các yêu cầu quy định phù hợp mới.

B. Ngành Công nghiệp Ô tô

1. Yêu cầu kiểm định đối với ngành kinh doanh ô tô

Khai báo thành phần sản phẩm để làm thủ tục thông quan

Chúng tôi đề nghị phê chuẩn ngay lập tức đối với toàn bộ xe được sản xuất tại các nhà máy có Giấy chứng nhận sản xuất hợp lệ, đơn giản hóa việc xuất trình giấy chứng nhận nhập khẩu nguyên chiếc, công nhận các tài liệu của UNECE đối với các sản phẩm của EU, sự công nhận này là bắt buộc như tại Khoản 3, Điều 4, Phụ lục 2-B của EVFTA: “Trên thị trường, Việt Nam sẽ chấp nhận, là phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật nội địa, mà không yêu cầu thử nghiệm thêm.” Chúng tôi

cũng đề nghị sửa đổi Nghị định 60 để thực hiện Phụ lục 2-B vào tháng 10 năm 2023 và cung cấp các thủ tục kiểm tra và phê chuẩn rõ ràng của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Công nhận kính an toàn trong thực thi EVFTA

Để phù hợp với việc thực hiện EVFTA, chúng tôi đề nghị các bộ liên quan xem xét công nhận chứng chỉ ECE cho các bộ phận Kính và gương an toàn không khung nhập khẩu (những linh kiện không có thiết bị sưởi ấm hoặc các thiết bị điện hoặc điện tử khác) được phân loại theo Chương 70, tương tự như sự công nhận được cung cấp cho kính an toàn và các thành phần khác theo Chương 87. Bên cạnh kính an toàn và các thành phần Gương, Vành và Đèn pha nên được bao gồm theo chứng chỉ ECE.

2. Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển đổi từ xe ICE sang xe điện (EV), bao gồm thêm PHEV vào danh sách hỗ trợ EV, cung cấp các ưu đãi chuyển giao công nghệ EV.
- Đối với xe điện chạy pin (BEV), lùi thời gian áp dụng tái chế pin và xử lý chất thải đến năm 2027 phù hợp với ngày áp dụng đối với phương tiện giao thông.

3. Nhập khẩu phụ tùng tân trang

- EVFTA được ban hành ngày 1 tháng 8 năm 2020. Theo Chương 2 của EVFTA, Điều 2.6 liên quan đến hàng hóa tân trang quy định, *“Các Bên sẽ dành cho hàng hóa tân trang đối xử tương tự như đối với hàng hóa mới. Một Bên có thể yêu cầu ghi nhãn cụ thể đối với hàng tân trang để tránh việc lừa gạt người tiêu dùng. Mỗi Bên sẽ thực hiện Điều khoản này trong giai đoạn chuyển tiếp không quá ba năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực”*.
- Việc thực hiện nhập khẩu hàng hóa tân trang vào Việt Nam theo CPTPP bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 theo Nghị định 77/2023/NĐ-CP (Nghị định 77). Để tuân thủ EVFTA, Chính phủ nên ban hành theo EVFTA quyết định tương tự như Nghị định 77 về quy định CPTPP cho phép nhập khẩu các phụ tùng tân trang với sự đối xử tương tự như với hàng hóa “như mới” với nhãn cụ thể. Không có lý do gì để phủ nhận sự đối xử tương tự trong EVFTA như Việt Nam đã cho phép điều khoản tương tự trong CPTPP.

C. Ngành Công nghiệp Xe máy

- 1. Về việc hạn chế lưu thông phương tiện cá nhân, bao gồm xe mô tô và xe gắn máy tại các thành phố lớn vào năm 2023 và chuyển đổi dừng sản xuất dần xe động cơ đốt trong sử dụng nhiên liệu hóa thạch (ICE) sang xe điện (EV) vào năm 2050,** chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của xe mô tô, xe gắn máy trong cuộc sống hàng ngày và giải quyết ô nhiễm bằng cách tập trung vào chất lượng xe. Chúng tôi đề nghị mô phỏng các thực tiễn thành công từ các quốc gia khác để tích hợp xe mô tô, xe gắn máy và giao thông công cộng. Chúng tôi cũng khuyến khích Bộ Công Thương mở rộng sử dụng nhiên liệu sinh học và nghiên cứu nhiên liệu xanh. Chúng tôi ủng hộ giáo dục về lợi ích của ethanol và áp dụng các tiêu chuẩn khí thải nghiêm ngặt hơn cho xe mô tô, xe gắn máy mới, như EURO 4 và 5. Chúng tôi cũng đề xuất kiểm tra thường xuyên về lượng khí thải đối với xe máy đã qua sử dụng.
- 2. Các vấn đề về Thuế và Hải quan:** Chúng tôi khuyến nghị loại trừ xe mô tô, xe gắn máy trên 125cc ra khỏi Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, mở rộng miễn thuế cho tất cả các máy móc thiết bị trong lĩnh vực xe mô tô, xe gắn máy, giới thiệu cơ chế công bố tự nguyện cho các doanh nghiệp, hợp lý hóa quy trình khai báo lại và tạo danh sách hàng hóa cho các tranh chấp về mã HS.

- 3. Xe máy chạy thử trên đường:** Chúng tôi đề xuất bỏ yêu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời và đưa ra các phương án cụ thể để cấp biển số. Khi các phương án cụ thể chưa được đề ra, cần sửa đổi quy định hiện hành về cấp biển số tạm thời áp dụng cho xe máy chạy thử trên đường bằng cách bỏ yêu cầu về tài liệu xác nhận xe máy đạt tiêu chuẩn chất lượng an toàn kỹ thuật và môi trường và có thể trải qua thử nghiệm đường bộ do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp.

D. Dinh Dưỡng và Sữa Công Thức

Tình trạng xâm phạm Quyền sở hữu trí tuệ và vi phạm chất lượng

Thực trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, và vi phạm chất lượng trong ngành sữa và thực phẩm đang tăng nhanh.

Một số lượng không nhỏ các doanh nghiệp vì lợi nhuận đã không ngần ngại sản xuất các sản phẩm nhái hoặc giả mạo các nhãn hiệu danh tiếng, cùng các quảng cáo sai sự thật, để cạnh tranh không lành mạnh, gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc và chất lượng sản phẩm. Nhiều doanh nghiệp trong số này còn sử dụng nguyên liệu kém chất lượng, quy trình sản xuất không đảm bảo vệ sinh, sản phẩm kém chất lượng, thậm chí tới mức giả mạo về chất lượng so với bản tự công bố, và đã có trường hợp bị truy tố trách nhiệm hình sự. Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm chất lượng, quảng cáo sai sự thật này không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các công ty kinh doanh nghiêm túc, mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và sức khỏe người tiêu dùng.

Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến việc thực thi chưa thoả đáng Luật Sở hữu trí tuệ³ và Luật Chất lượng Sản phẩm, Hàng hóa:

- Việc thanh tra, kiểm tra chưa được tiến hành toàn diện và chặt chẽ, nhất là đối với các đối tượng quảng cáo và bán hàng trên mạng. Một số sàn thương mại điện tử có biểu hiện dung túng cho các sản phẩm vi phạm nhãn hiệu, mặc dù nhận được thư cảnh báo về vi phạm từ chủ sở hữu nhãn hiệu, nhưng từ chối gỡ các sản phẩm vi phạm;
- Thiếu cơ chế tự giám sát giữa các doanh nghiệp của cùng hiệp hội, ngành hàng, do đó cơ quan quản lý khó nắm bắt được các trường hợp vi phạm, cả về nhãn hiệu, chất lượng và quảng cáo;trụ
- Chưa có yêu cầu các thực phẩm cho các đối tượng nhạy cảm như người già, bệnh nhân, phụ nữ có thai, trẻ nhỏ phải được sản xuất tại các cơ sở đáp ứng Thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc tương đương, dẫn đến khó kiểm soát về chất lượng;
- Các cơ quan thực thi pháp luật (như công an kinh tế, quản lý thị trường) chưa được phổ biến đầy đủ các quy định về sở hữu trí tuệ, dẫn đến lúng túng khi thực thi, ngay cả với các hành vi vi phạm nhãn hiệu dễ nhận biết; và
- Trong nhiều vụ việc, Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ đã đưa ra các kết luận giám định là vi phạm, cơ quan thực thi đã tiến hành xử lý, nhưng sau đó Cục Sở hữu trí tuệ lại đưa ra ý kiến ngược lại. Điều này gây rất nhiều khó khăn cho cơ quan thực thi khi ra quyết định giải quyết và khiến cho các đối tượng vi phạm càng “nhờn” Luật Sở hữu trí tuệ.

Chúng tôi khuyến nghị một vài giải pháp sau:

- Tổ chức chương trình tập huấn nhằm tăng cường chuyên môn, kiến thức về sở hữu trí tuệ cho các cơ quan thực thi (như công an kinh tế, quản lý thị trường), khuyến khích các cơ quan thực thi chủ động xử lý các hành vi vi phạm nhãn hiệu dễ nhận biết mà không cần trung cầu ý kiến chuyên môn;
- Có chuyên đề thanh tra và xử lý hành vi nhái/giả mạo nhãn hiệu và vi phạm chất lượng đối với ngành hàng thực IQMEDphẩm, do đây là ngành hàng có ảnh hưởng rất lớn tới an toàn và sức khỏe cộng đồng để xác định và xử lý nghiêm minh các sản phẩm có bao bì, nhãn

mác xâm phạm nhãn hiệu đã được đăng ký, bảo hộ của các doanh nghiệp khác và/hoặc vi phạm chất lượng; và

- Có biện pháp để giải quyết sự không thống nhất về ý kiến chuyên môn giữa Cục Sở hữu trí tuệ và Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ.
- Chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường thanh tra và xử lý nghiêm hành vi nhái/giả mạo nhãn hiệu và vi phạm chất lượng đối với ngành hàng thực phẩm;
- Có biện pháp yêu cầu các sàn thương mại điện tử nhanh chóng xử lý các hành vi nhái/giả mạo nhãn hiệu, vi phạm chất lượng và vi phạm quảng cáo khi nhận được cảnh báo từ chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc từ cơ quan chức năng; và
- Có biện pháp khuyến khích các hiệp hội, ngành hàng thực phẩm xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử, trong đó thống nhất hướng dẫn chi tiết những việc nên làm và không nên làm; các doanh nghiệp cam kết sản xuất sản phẩm đạt chất lượng, không vi phạm nhãn hiệu, kinh doanh và quảng cáo đúng pháp luật; có cơ chế góp ý để phát hiện, thông báo, tự khắc phục các vi phạm, và cách thức báo cáo cơ quan quản lý nếu tiếp diễn vi phạm.
- Sửa đổi các văn bản pháp luật theo hướng yêu cầu các thực phẩm cho người già, bệnh nhân, phụ nữ có thai, trẻ nhỏ phải được sản xuất tại các cơ sở đáp ứng Thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc tương đương.

E. Rượu Vang và Rượu Mạnh

1. Quảng cáo và khuyến mãi

Với việc Luật Rượu bia 2019 được thông qua, đã có sự mâu thuẫn giữa các quy định về quảng cáo, khuyến mại sản phẩm Rượu vang và Rượu mạnh (RVRM) của Luật này với Luật Thương mại 2005, Luật Quảng cáo 2012. Ngoài ra, định nghĩa về quảng cáo cần được xem xét cẩn thận để không trùng lặp với các hoạt động giới thiệu sản phẩm và phát triển thương hiệu, vốn là xương sống của bất kỳ doanh nghiệp nào trong sản xuất sản phẩm tiêu dùng.

Đáng chú ý, lệnh cấm tiếp tục quảng bá các sản phẩm của RVRM hiện đang mâu thuẫn với Luật Rượu, chỉ cấm quảng cáo đồ uống có nồng độ cồn trên 15%. Hạn chế đối với các sản phẩm có cồn phải dựa trên nồng độ cồn, không phải danh mục sản phẩm (vì các sản phẩm bia hiện không phải chịu bất kỳ hạn chế khuyến mại nào), đảm bảo công bằng, ổn định.

Cuối cùng, lệnh cấm hoàn toàn quảng cáo rượu mạnh như vậy có nguy cơ thúc đẩy tiêu thụ thêm các sản phẩm rượu bất hợp pháp và không được ghi nhận, dẫn đến tăng rủi ro sức khỏe cho người tiêu dùng đồng thời đe dọa hoạt động của các doanh nghiệp RVRM hợp pháp.

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Đảm bảo tính thống nhất trong việc sửa đổi các quy định về quảng cáo và khuyến mại sản phẩm RVRM trong Luật Quảng cáo và Luật Thương mại, tương ứng, với Luật Phòng chống tác hại của bia và rượu mạnh để không tạo thêm gánh nặng pháp lý cho ngành RVRM.
- Bỏ lệnh cấm quảng bá tất cả các sản phẩm RVRM trong Luật Thương mại. Thay vào đó, các sản phẩm này phải tuân theo các hạn chế quảng cáo có liên quan theo Luật Phòng chống tác hại của bia và rượu mạnh thay vì Luật Thương mại, tức là được phép quảng bá đồ uống có nồng độ cồn dưới 15%.
- Xem lại định nghĩa về "quảng cáo" trong Luật Quảng cáo để bao gồm các hoạt động được thực hiện bởi các công ty RVRM, bao gồm cả kinh doanh và giới thiệu sản phẩm. Việc mở rộng này sẽ giúp thiết lập một khung pháp lý rõ ràng cho các hoạt động này đồng thời thúc đẩy việc tiêu thụ rượu vang và rượu mạnh có trách nhiệm.
- Để nâng cao nhận thức về uống có trách nhiệm và nâng cao trách nhiệm xã hội, nên áp dụng cách tiếp cận cân bằng và toàn diện để điều chỉnh các sản phẩm có cồn, thay vì chỉ dựa vào nồng độ cồn. Hạn chế quảng cáo nên được thực hiện trên cơ sở vị trí và cách đặt quảng cáo để cung cấp thêm thông tin cho người tiêu dùng về sản phẩm nào phù hợp và nên tiêu thụ rượu như thế nào. Cách tiếp cận này nhằm cung cấp cho người tiêu dùng thông tin toàn diện hơn về

các sản phẩm phù hợp và tiêu thụ rượu có trách nhiệm. Nó nhấn mạnh tầm quan trọng của sức khỏe cộng đồng và nhận thức, thúc đẩy thực hành uống có trách nhiệm, bất kể nồng độ cồn của đồ uống.

- Cuối cùng, lệnh cấm hoàn toàn quảng cáo các sản phẩm RVRM có nồng độ cồn trên 15% tiếp tục dẫn đến sự gia tăng các sản phẩm rượu không được ghi nhận trong khi đe dọa hoạt động của các doanh nghiệp RVRM hợp pháp vì người tiêu dùng không biết về các sản phẩm RVRM đích thực và các cửa hàng bán hàng được cấp phép. Lệnh cấm tuyệt đối nên được sửa đổi thành lệnh cấm cụ thể đối với kênh quảng cáo nào và nên được phân biệt với các hoạt động cổ vãn để giảm lạm dụng rượu và nâng cao nhận thức về uống rượu có trách nhiệm.
- Đảm bảo tính thống nhất trong việc sửa đổi các quy định về quảng cáo và khuyến mại sản phẩm RVRM trong Luật Quảng cáo 2012 và Luật Thương mại 2005 tương ứng với Luật Rượu để không tạo thêm gánh nặng pháp lý cho ngành RVRM.
- Xem xét định nghĩa về quảng cáo của pháp luật để hợp pháp hóa hoạt động của các công ty RVRM trong sản phẩm và giới thiệu thương hiệu của họ trong khuôn khổ pháp lý rõ ràng của doanh nghiệp.

2. Cải cách Thuế Tiêu thụ Đặc biệt (TTĐB)

Áp dụng mức thuế TTĐB cao hơn đối với các sản phẩm RVRM được ghi nhận sẽ dẫn đến giá cao hơn cho người tiêu dùng cuối, do đó, khuyến khích họ chuyển sang các sản phẩm không chính thức, không bị đánh thuế và chi phí thấp khác có nhiều rủi ro về an toàn thực phẩm tiềm ẩn hơn. Điều này sẽ dẫn đến việc không đạt được các mục tiêu của Chính phủ về bảo vệ sức khỏe và ngân sách nhà nước. Ngoài ra, gánh nặng chi phí sẽ được áp dụng cho các doanh nghiệp hợp pháp luôn tuân thủ nghĩa vụ thuế, đặc biệt là trong môi trường đầy thách thức hiện nay do tác động của COVID-19. Việc tăng lãi suất thuế TTĐB chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến đầu tư nước ngoài dài hạn tại Việt Nam.

Tiêu ban RVRM EuroCham đã hợp tác với Viện Quản lý Kinh tế Trung ương để tiến hành nghiên cứu và xuất bản một báo cáo có tiêu đề “Đánh giá định lượng về tác động của thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ngành công nghiệp đồ uống có cồn” để xác minh tính hiệu quả của các mô hình thuế tiêu thụ đặc biệt thay thế so với mô hình thuế giá trị quảng cáo hiện tại.

Báo cáo cho thấy mô hình thuế hỗn hợp đã được chứng minh là vượt trội so với phương pháp thuế tương đối hiện tại trong việc giảm tiêu thụ rượu có hại trong khi vẫn đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước ổn định. Ngoài ra, việc áp dụng mô hình thuế hỗn hợp có thể sẽ tạo ra hiệu ứng tăng cường kinh doanh, theo đó người tiêu dùng sẽ chuyển sang tiêu thụ đồ uống có cồn có chất lượng cao hơn và nhãn hiệu tốt hơn, đồng thời hạn chế tiêu thụ các sản phẩm giá rẻ, không rõ nguồn gốc xuất xứ và không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

Khi Chính phủ ra quyết định sửa đổi Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt vào thời điểm thích hợp trong tương lai, chúng tôi đề nghị Chính phủ xem xét áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp dựa trên Lít rượu nguyên chất thay vì thuế suất tương đối/giá trị quảng cáo do tính ưu việt trong việc giúp đạt được cam kết về sức khỏe cộng đồng và các mục tiêu tài chính của ngân sách Nhà nước và phù hợp với tình hình phát triển hiện nay của Việt Nam.

F. CropLife Vietnam

1. Tăng cường ra quyết định dựa trên khoa học và bằng chứng đối với các sản phẩm khoa học thực vật và công nghệ nông nghiệp mới

(i) Cùng với các bên liên quan cùng cô và đưa ra những chính sách nhằm khuyến khích đổi mới trong nông nghiệp, dựa trên hệ thống pháp lý có cơ sở khoa học minh bạch, nhất quán với các thông lệ quốc tế trong bối cảnh thực tế nông học ở Việt Nam;

(ii) Hợp tác với nhiều bên liên quan để đưa ra những sáng kiến gốc thực vật mới nhất có thể giúp nông dân vượt qua những thách thức ngày càng phức tạp về kinh tế và môi trường thông qua các nghiên cứu điển hình hoặc giới thiệu các công nghệ nông nghiệp nhằm đẩy nhanh tốc độ đổi mới, khuyến khích sử dụng có trách nhiệm và giảm thiểu rủi ro của thuốc trừ sâu.

2. Hợp lý hoá và tiến tới triển khai khung pháp lý toàn diện về các sản phẩm đầu vào cho nông nghiệp

(i) Đẩy nhanh quá trình phê duyệt cây trồng BĐG để tuân thủ các quy định hiện hành để đảm bảo không có hạn chế đối với nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, khuyến khích trồng ngô BĐG bằng cách cấp Giấy đăng ký giống cho các giống lai có tính trạng và giảm dần sự phụ thuộc vào nhập khẩu.

IV. Chăm Sóc Sức Khỏe và Làm Đẹp

A. Thuốc chất lượng Quốc tế (IQMED)- Generic và Sinh phẩm tương tự

1. Đẩy nhanh tiến độ sửa đổi Luật Dược và Gia hạn Giấy đăng ký lưu hành thuốc

Theo quy định hiện hành⁵, hồ sơ đăng ký phải được thẩm định và trình cho Hội đồng Tư vấn Cấp Giấy đăng ký Lưu hành cho dù không có thay đổi gì về nội dung chính tại thời điểm gia hạn. Trong nhiều năm, các loại thuốc phổ biến, đã qua thử nghiệm và được bán rộng rãi trong nước và trên thế giới mà không có bất kỳ lo ngại nào về chất lượng. Tuy nhiên, đối với những loại thuốc này, Luật Dược 2016 hiện hành yêu cầu tiến hành thủ tục đăng ký đầy đủ giống như quy trình đăng ký thuốc lần đầu. Yêu cầu này là không cần thiết và không xác đáng. Thủ tục này tạo ra gánh nặng cho các cơ quan chức năng, từ đó làm chậm trễ việc đánh giá hồ sơ, làm gián đoạn việc sản xuất, cung cấp và tính khả dụng của thuốc.

Dựa trên các thực hành quốc tế tốt nhất, thời hạn hiệu lực của GĐKLH, nguyên liệu làm thuốc là 05 năm kể từ ngày cấp, gia hạn lần đầu; có thời hạn hiệu lực không xác định trong lần gia hạn thứ hai trừ khi thuốc cần tiếp tục theo dõi an toàn, hiệu quả trên cơ sở tư vấn của Hội đồng Tư vấn cấp GĐKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Hơn nữa, thời hạn cấp phép gia hạn GĐKLH cần được tuân thủ tuyệt đối theo quy trình gia hạn trọn đời một bước. Điều này có nghĩa là doanh nghiệp có thể gửi hồ sơ xin gia hạn đăng ký đến cơ quan chức năng và hồ sơ này sẽ được các cơ quan chức năng phê duyệt trong một thời hạn nhất định. Nếu vì bất kỳ lý do gì mà các cơ quan chức năng không thể đáp ứng thời hạn này, GĐKLH sắp hết hạn hoặc đã hết hạn cùng với hồ sơ xin gia hạn sẽ vẫn có hiệu lực cho đến khi cấp GCNLH mới. Thay đổi này hoàn toàn phù hợp với tinh thần của Quyết định 1661⁶ của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quy trình đăng ký các loại thuốc mới

Quyết định 1661 của Thủ tướng Chính phủ về việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế mở đường cho việc sửa đổi Luật Dược 2016, cụ thể là cho phép đơn giản hóa việc gia hạn GĐKLH trọn đời.

Với nỗ lực vượt bậc của Quốc hội, Chính phủ, và Bộ Y tế trong thời gian qua nhằm ngăn chặn tình trạng thiếu thuốc cho phòng bệnh và điều trị cho bệnh nhân, Cục Quản lý Dược Bộ Y tế đã cho gia hạn đến hết năm 2022 cho 10.243 thuốc theo Nghị quyết 12⁷ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, những thuốc này đã hết hạn vào 31 tháng 12 năm 2022. Tiếp theo đó, tính đến hết tháng 7 năm 2023, 11.291 thuốc được gia hạn đến hết năm 2024 theo Nghị quyết 80 của Quốc hội⁸. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng đây chỉ là giải pháp tình thế do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Vẫn còn quan ngại khi các thuốc gia hạn theo Nghị quyết 80 sẽ hết hạn vào cuối năm 2024 trừ khi có các giải pháp toàn diện và lâu dài.

Đưa một giải pháp bền vững, lâu dài vào Luật Dược 2016 và các quy định liên quan là cấp thiết. Giải pháp này nên bao gồm thủ tục gia hạn GĐKLH trọn đời đơn giản hóa và thực hiện cơ chế chịu trách nhiệm đối với các cơ quan chức năng trong trường hợp không phê duyệt hồ sơ xin gia hạn trong thời hạn quy định. Đồng thời, cần xem lại thủ tục đăng ký thuốc lần đầu để phát huy hết tiềm năng của lĩnh vực y tế.

Vì sức khỏe của bệnh nhân và là một phần sứ mệnh của chúng tôi, chúng tôi xin đưa ra những khuyến nghị sau:

- Sửa đổi và soạn thảo lại Luật Dược 2016 theo các ý kiến và đề xuất của ngành;
- Soạn thảo các hướng dẫn rõ ràng về việc đơn giản hóa quy trình gia hạn GĐKLH cùng với các bước chuyển tiếp rõ ràng và các mốc thực hiện;
- Sửa đổi quy trình đăng ký thuốc lần đầu với mốc thời gian khả thi, các bước chuyển tiếp và các mốc quan trọng;
- Quy định trách nhiệm của cơ quan chức năng trong trường hợp chậm trễ;
- Trình dự thảo Luật Dược mới để Quốc hội thông qua vào tháng 10 năm 2024;
- Đảm bảo sự nhất quán về quy định và điều chỉnh các quy định liên quan trước tháng 1 năm 2025; và
- Một số các quy định trong đó có quy định gia hạn GĐKLH cần có hiệu lực ngay lập tức khi Luật Dược có hiệu lực thi hành, tránh tình trạng thiếu thuốc cho phòng bệnh và điều trị cho bệnh nhân.

3. Mở rộng phạm vi hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Dựa vào quy định hiện hành, trong trường hợp sản xuất thuốc theo hợp đồng hoặc sản xuất thuốc gia công/chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là bên nhận gia công (bên sản xuất) được phép bán các sản phẩm được phẩm do họ nhận sản xuất gia công/ chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là bên đặt gia công/bên chuyển giao công nghệ thì chỉ có thể nhập khẩu và bán thuốc thông qua các doanh nghiệp bán buôn đã đăng ký, thường là các công ty dược trong nước, sau đó phân phối đến các bệnh viện và nhà thuốc. Mặt khác, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cần thực hiện xuất nhập khẩu tại chỗ nếu muốn bán trực tiếp các sản phẩm nội địa hóa của mình. Cả hai cơ chế đều gây ra tác động tiêu cực đến bệnh nhân, những người phải trả giá cao hơn để bù đắp những chi phí không cần thiết, để được tiếp cận với thuốc chất lượng cao, an toàn và hiệu quả.

Nhìn chung, các nhà đầu tư nước ngoài phải tiến hành các thủ tục chuyển giao công nghệ, sản xuất và đăng ký tốn kém về chi phí và thời gian, không được phép thực hiện nhiều hoạt động trong ngành. Hạn chế này khiến đầu tư vào việc gia công và chuyển giao công nghệ để sản xuất thuốc đã được cấp bằng sáng chế, thuốc chuyên khoa, thuốc generic ở dạng bào chế công nghệ cao, vắc xin và sinh phẩm ít hấp dẫn hơn cho nhà đầu tư nước ngoài. Quan trọng hơn, điều này cũng đi ngược với Quyết định 376¹⁰ của Thủ tướng Chính phủ, theo đó các chiến lược được vạch ra để phát triển ngành công nghiệp dược phẩm trong nước lên cấp IV theo thang phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). Mục tiêu là xếp hạng giá trị thị trường thuộc top ba thị trường hàng đầu ASEAN và cho phép cung cấp các loại thuốc với giá cả hợp lý, chất lượng cao, an toàn và hiệu quả.

Để khuyến khích sản xuất thuốc theo hợp đồng, sản xuất thuốc gia công và chuyển giao công nghệ tại Việt Nam, chúng tôi đề nghị chính phủ xem xét các khuyến nghị sau:

- Mở rộng quyền và phạm vi hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Cụ thể, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là bên giao hoặc bên nhận hợp đồng thực hiện gia công / chuyển giao công nghệ đều được tự thực hiện các hoạt động phân phối các thuốc của họ sản xuất tại Việt Nam. Đây là quy định bắt buộc phải có để thúc đẩy sản xuất thuốc nội địa chất lượng cao, giá cả phải chăng, an toàn và hiệu quả tại Việt Nam;

- Sửa đổi Quy định đấu thầu đối với các sản phẩm Gia công và Chuyển giao công nghệ theo phân loại Phê duyệt Giấy đăng ký lưu hành. Các sản phẩm Gia công và Chuyển giao công nghệ phải được phân loại là sản phẩm nội địa chứ không phải sản phẩm nhập khẩu; và
- Cung cấp các ưu đãi Đấu thầu & Mua sắm cho các sản phẩm nội địa hóa chất lượng cao sẽ thu hút nhiều đầu tư nước ngoài hơn vào ngành Dược phẩm trong thời gian tới.

4. Tăng cường khả năng tiếp cận của bệnh nhân với các phương pháp điều trị tiên tiến

Sinh phẩm tương tự¹¹ đóng vai trò là một giải pháp đổi mới nhằm giảm những thách thức về khả năng tiếp cận mà bệnh nhân phải đối mặt khi tiếp cận thuốc sinh học, vốn là những liệu pháp điều trị tiên tiến. Chúng không chỉ giúp tiết kiệm chi phí cho hệ thống chăm sóc sức khỏe mà còn đa dạng hóa các lựa chọn điều trị cho các chuyên gia chăm sóc sức khỏe.

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Xem xét sớm ban hành hướng dẫn thẩm định kỹ thuật cho hồ sơ thuốc sinh học tương tự;
- Đưa định nghĩa cụ thể về thuốc sinh phẩm không được chấp thuận là thuốc sinh học tương tự, chẳng hạn như thuốc sao chép (biocopies) và thuốc sinh phẩm không tương đương, vào Luật Dược để giúp các chuyên gia y tế có hiểu biết chính xác và đầy đủ về việc lưu hành thuốc sinh phẩm;
- Xem xét sớm ban hành hướng dẫn chuyên môn về việc sử dụng sinh phẩm tương tự trong thực hành lâm sàng để nâng cao hiệu quả điều trị và độ an toàn cho bệnh nhân; và
- Tăng cường các hoạt động giáo dục và đào tạo để nâng cao kiến thức về sinh phẩm tương tự cho các chuyên gia y tế và cơ quan chức năng trong ngành y tế.

B. Trang Thiết Bị Y Tế và Chẩn Đoán

1. Giấy phép

a) Tiến độ cấp phép cho thiết bị y tế (TBYT) loại C và D 12.500 giấy phép nhập khẩu (GPNK) cho Thiết bị Y tế loại C và D sẽ hết hạn vào ngày 31/12/2024 theo Nghị định 07/2023/NĐ-CP. Doanh nghiệp đã tiến hành nộp hồ sơ đăng ký lưu hành (ĐKLH) theo NĐ 98/2021/NĐ-CP. Theo thống kê của Bộ Y tế, đã tiếp nhận 10.391 hồ sơ tính đến ngày 8/12/2023. Tuy nhiên, theo báo cáo của BYT vào ngày 8/12/2023, chỉ có 2.373 hồ sơ được cấp ĐKLH và có tới hơn 6.000 hồ sơ đang phải tiếp tục xếp hàng chờ Bộ Y tế xét duyệt.

Kết quả là, các thiết bị, hệ thống và công nghệ y tế tiên tiến phải xếp hàng dài chờ cấp phép. Mặc dù Bộ Y tế đã có nhiều nỗ lực để đọc và xét duyệt các hồ sơ. Nhưng vẫn chưa thể đáp ứng được nhu cầu thực tế của ngành TBYT với tốc độ cập nhật thường xuyên về công nghệ, nâng cấp phiên bản, sáp nhập,... Bộ Y tế cho biết là Bộ đang cố gắng tìm cách khắc phục tình trạng thiếu hụt nhân sự, dự kiến đến hết năm 2024 có thể xử lý cơ bản.

Chúng tôi khuyến nghị:

- Đẩy nhanh quá trình đánh giá và cấp phép cho các thiết bị y tế loại C và D để đảm bảo các thiết bị y tế thiết yếu luôn có sẵn và có thể được tiếp cận bất cứ lúc nào;
- Nghị định 07/2023/NĐ-CP chỉ cho phép gia hạn tự động giấy phép nhập khẩu (GPNK) đến 31/12/2024. Do đó, cần đưa ra giải pháp cụ thể cho những hồ sơ còn tồn đọng vẫn chưa được cấp số ĐKLH vào cuối năm 2024.

b) Quản lý thay đổi thông tin TBYT sau khi cấp số ĐKLH

- Chúng tôi kính đề nghị Bộ Y tế (BYT) đưa thêm vào quy chế luồng xét duyệt thay đổi cho các TBYT đã được cấp số ĐKLH và có thay đổi. Nếu vậy, chuyên viên chỉ cần tập trung xét duyệt những phần đã được thay đổi, thay vì toàn bộ hồ sơ như hiện nay. Ngoài ra, chúng

tôi mong BYT chấp thuận những thay đổi đã được xét duyệt và công nhận tại các nước tham chiếu (ví dụ: Mỹ, Châu Âu,...).

- Đồng thời, kính đề nghị BYT có luồng riêng cho những thay đổi theo quy định MDR và IVDR.

c) Hải hòa quy chế giữa các nước

Việt Nam có những quy định riêng về hồ sơ đăng ký. Ví dụ: (1) yêu cầu cung cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do tại nước ngoài (FSC), trong khi các nước trong khu vực ASEAN không yêu cầu FSC hoặc đang tiến tới bỏ yêu cầu FSC; (2) yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự với các giấy tờ FSC, Giấy lưu hành (MA), Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành và Giấy ủy quyền. Việc này không được yêu cầu ở các nước khác trong khu vực.

Những yêu cầu trên làm tăng khối lượng công việc hành chính, thời gian và chi phí cho việc chuẩn bị hồ sơ, ví dụ, tốn 2-3 tháng cho việc hợp pháp hóa lãnh sự cho giấy tờ và trung bình 100-200 USD cho 1 bộ hồ sơ.

Chúng tôi kính đề nghị BYT bãi bỏ các yêu cầu riêng cho Việt Nam và giao trách nhiệm cho doanh nghiệp chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ được nộp.

d) Chăm sóc sức khỏe kỹ thuật số (SaMD – Software as Medical Device)

Trong thời đại số hóa hiện nay, đã và đang có nhiều ứng dụng/phần mềm được sử dụng cho việc chẩn đoán và điều trị nhưng vẫn chưa có cơ chế quản lý rõ ràng, giúp cho doanh nghiệp tự tin hơn để đem các công nghệ tiên tiến về thị trường Việt Nam, giúp cho công tác chăm sóc sức khỏe ở nước ta càng phát triển.

Chúng tôi kính đề nghị BYT công nhận các công nghệ đang được lưu hành tại các nước trong khu vực đã có quy chế quản lý như Singapore và Úc hoặc các nước tham chiếu như Mỹ hoặc tại Châu Âu.

2. Bảo hiểm Y tế

Hệ thống chăm sóc sức khỏe của Việt Nam không ngừng tìm cách cải thiện để phù hợp với các thực hành tốt nhất trên toàn cầu và khu vực và áp dụng các kỹ thuật mới để mang lại lợi ích cho việc chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân. Tuy nhiên, một số thiết bị, dịch vụ và công nghệ y tế mới vẫn chưa được cập nhật/liệt kê trong các quy định hiện hành về phạm vi thanh toán của quỹ BHYT do các quy định này đã được ban hành từ lâu (4-6 năm trước). Ví dụ như công nghệ chụp cộng hưởng từ 2 mức năng lượng, công nghệ chụp cắt lớp vi tính đếm photon hay công nghệ chụp cộng hưởng từ siêu dẫn từ lực thấp. Việc không cập nhật thường xuyên có thể hạn chế khả năng tiếp cận các thiết bị, dịch vụ và công nghệ y tế hiện đại của bệnh nhân Việt Nam.

Để đảm bảo bệnh nhân Việt Nam có thể tiếp cận các thiết bị, dịch vụ và công nghệ y tế mới, chúng tôi kính đề nghị BYT:

- Thường xuyên cập nhật danh mục Dịch vụ kỹ thuật y tế và phối hợp với các Cục thuộc BYT, Bảo hiểm xã hội Việt Nam để hoàn thiện việc tính toán chi phí cho các dịch vụ này và cho phép triển khai tại các cơ sở y tế trên toàn quốc; và
- Luật Bảo hiểm y tế đang trong quá trình sửa đổi và sẽ tiến hành trình Quốc hội trong tháng 5 tới để thông qua việc chi trả BHYT cho chi phí chẩn đoán sớm và sàng lọc một số bệnh như: ung thư cổ tử cung, ung thư vú và các bệnh mãn tính như tiểu đường, cao huyết áp. Điều này có thể làm giảm đáng kể gánh nặng điều trị về sau.

3. Kiểm định Thiết bị Y tế

Chúng tôi kính đề nghị BYT: Việc kiểm định lần đầu, kiểm định định kỳ hoặc sau sửa chữa lớn nên được xem xét bãi bỏ hoặc miễn các kiểm định này nếu thiết bị đã được phê duyệt lưu hành tại một trong các nước tham chiếu.

C. Dược Phẩm Phát minh

Pharma Group đại diện cho tiếng nói của ngành công nghiệp dược phẩm phát minh với 21 công ty thành viên từ Châu Âu, Hoa Kỳ và Nhật Bản, tất cả đều có chung sứ mệnh đảm bảo khả năng tiếp cận nhanh chóng và bền vững với các loại thuốc chất lượng cao và sáng tạo và cam kết hợp tác với Chính phủ trong việc phát triển lĩnh vực dược phẩm lấy bệnh nhân và đổi mới làm trung tâm.

Về Luật Dược: hỗ trợ Việt Nam kịp thời sửa đổi Luật trong năm 2024. Chúng tôi muốn thu hút sự chú ý đến các vấn đề quan trọng mà các Công ty Thành viên Dược phẩm hàng đầu thế giới của chúng tôi đang phải đối mặt liên quan đến mô hình hoạt động FIE (Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Phần lớn trong số họ đã thành lập pháp nhân FIE và hoạt động trong môi trường chính sách có rủi ro rất cao, do ngôn ngữ trong dự thảo luật ngăn cản các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tương tác bình thường với các đối tác địa phương trong chuỗi cung ứng, điều này tạo ra những thách thức trong việc thực hiện trách nhiệm toàn cầu và đảm bảo thuốc đến tay bệnh nhân tại Việt Nam kịp thời. Điều này chỉ xảy ra ở Việt Nam và là một trong những rào cản chính làm giảm sức hấp dẫn của Việt Nam đối với nguồn vốn FDI bổ sung từ các công ty dược phẩm đa quốc gia, bất chấp tiềm năng của thị trường này. Chúng tôi rất mong nhận sự hỗ trợ để khắc phục cho sự kém hiệu quả này trong Luật để tạo điều kiện cho ngành dược phát triển năng động theo chỉ đạo của Thủ tướng.

Về thực hiện Luật Đấu thầu: chúng tôi xin ý kiến chỉ đạo của Chính phủ để sớm hướng dẫn thực hiện “kênh tự chi trả” theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Luật Đấu thầu, để các bệnh viện công lập được mua thuốc không thuộc quỹ bảo hiểm y tế công lập và vắc xin dịch vụ, nhằm nâng cao khả năng tiếp cận người bệnh và lựa chọn bác sĩ.

Cải thiện khả năng tiếp cận đổi mới của bệnh nhân

Phải mất khoảng 12-13 năm và một khoản đầu tư đáng kể 2 tỷ đô la cho các công ty dược phẩm để giới thiệu các loại thuốc mới ra thị trường. Thật không may, chỉ có 9% thuốc mới được tung ra trên toàn cầu từ năm 2012 đến năm 2021 có sẵn tại Việt Nam và trung bình phải mất 8-9 năm để một loại thuốc mới đến tay bệnh nhân thông qua bảo hiểm y tế công cộng. Tình trạng thiếu thuốc và chậm trễ trong phê duyệt là những vấn đề đang diễn ra. Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi khuyến nghị đẩy nhanh sự sẵn có của các loại thuốc mới, ngăn ngừa tình trạng thiếu thuốc, cải thiện khả năng tiếp cận bệnh nhân và cho phép có sẵn thuốc để thanh toán bằng tiền túi tại các bệnh viện công.

Thúc đẩy việc áp dụng các chính sách Tài chính chăm sóc sức khỏe bền vững cho đổi mới sáng tạo

Việt Nam đặt mục tiêu đạt 95% bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân vào năm 2025 nhưng phải đối mặt với những thách thức trong việc duy trì Quỹ Bảo hiểm y tế do dân số già và nhu cầu điều trị tiên tiến ngày càng tăng. Để cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc chất lượng và giảm chi phí tự trả, chính phủ có kế hoạch điều chỉnh Bảo hiểm y tế bổ sung, phát triển các cơ chế tài chính mới, tận dụng dữ liệu y tế, thực hiện các chương trình hỗ trợ thuốc cho bệnh nhân và chuyển doanh thu từ thuế tiêu thụ đặc biệt sang quỹ bảo hiểm y tế.

Khuyến khích phát triển hệ sinh thái dược phẩm sáng tạo

Việt Nam đặt mục tiêu trở thành quốc gia dẫn đầu khu vực về thuốc chất lượng cao bằng cách tập trung vào đổi mới, công nghệ và chuyển đổi kỹ thuật số. Việt Nam đã đặt mục tiêu đóng góp hơn 20 tỷ USD vào GDP vào năm 2045. Bảy yếu tố chính đã được xác định để xây dựng một lĩnh vực sáng tạo. Cải cách Luật Dược được khuyến nghị để cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động hiệu quả hơn và giảm sự phức tạp và chi phí kinh doanh. Các chính sách và thực thi nghiêm ngặt cũng cần thiết để bảo vệ dữ liệu thử nghiệm lâm sàng và bằng sáng

ché, đồng thời phát triển các ưu đãi toàn diện phù hợp với lợi thế và khả năng tiếp cận thị trường của Việt Nam.

4. Mỹ phẩm

1. Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý mỹ phẩm, tập trung tăng cường hậu kiểm

Xét thấy CFS không còn bắt buộc đối với các nước thành viên ASEAN, việc loại bỏ yêu cầu CFS đối với mỹ phẩm nhập khẩu từ EU là hợp lý. EVFTA yêu cầu các sản phẩm nhập khẩu từ EU không được phân biệt đối xử với các sản phẩm nhập khẩu khác và cấm các trở ngại phi lý hoặc không cần thiết đối với thương mại. Chúng tôi khuyến nghị bãi bỏ yêu cầu phê duyệt trước quảng cáo mỹ phẩm và Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với tất cả mỹ phẩm nhập khẩu và đưa việc loại bỏ này vào Nghị định về quản lý mỹ phẩm, không yêu cầu giấy tờ thay thế khi yêu cầu CFS được bãi bỏ.

2. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin và chính phủ điện tử trong quản lý mỹ phẩm

- Cục Quản lý Dược và các doanh nghiệp gần đây đã gặp phải nhiều thách thức do gặp lỗi trong hệ thống công bố mỹ phẩm nhập khẩu. Ngoài ra, việc các Sở Y tế phụ thuộc vào hồ sơ bản cứng chưa phù hợp với sự phát triển của Chính phủ điện tử. Thời gian nộp hồ sơ bị kéo dài do yếu tố khách quan và việc tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu điện.
- Bộ Y tế cần phát triển phần mềm trực tuyến toàn quốc cho hồ sơ công bố mỹ phẩm, áp dụng dịch vụ công mức độ 4 cho cả mỹ phẩm nhập khẩu và sản xuất trong nước. Hệ thống này sẽ hợp lý hóa quá trình xử lý và hỗ trợ các nỗ lực giám sát hậu kiểm.
- Các quy định trong Nghị định về quản lý mỹ phẩm cần được sửa đổi để loại bỏ mọi yêu cầu đối với hồ sơ công bố bản cứng. Các doanh nghiệp nên được thông báo trước về việc nâng cấp phần mềm. Tất cả các Sở Y tế tỉnh nên áp dụng một quy trình phê duyệt trực tuyến đầy đủ cho công bố mỹ phẩm. Ghi nhận điện tử nên được đưa vào các quy định ghi nhãn mỹ phẩm.

3. Phát triển thị trường mỹ phẩm có tính cạnh tranh công bằng, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng

- Thông tin có sẵn trên các sàn thương mại điện tử hiện tại thiếu rõ ràng, khiến người tiêu dùng khó phân biệt giữa tính hợp pháp và an toàn của các sản phẩm được bán trong các cửa hàng chính thức và các sản phẩm được bán trong các cửa hàng không chính thức. Bên cạnh đó, việc gợi ý các sản phẩm được bán bởi các cửa hàng không chính thức có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng đang đặc biệt tìm kiếm thông tin sản phẩm trong một cửa hàng chính thức.
- Chúng tôi đề nghị Bộ Công Thương cập nhật các quy định liên quan đến quản lý thương mại điện tử và hoàn thiện khung pháp lý quản lý thương mại điện tử để nâng cấp trình độ quản lý phù hợp với sự phát triển của thương mại điện tử hiện nay.

4. Tinh giản quy trình đăng ký lưu hành sản phẩm diệt khuẩn dung trên da có công thức đơn giản

- Đề nghị Bộ Y tế tách quy trình công bố cho sản phẩm diệt khuẩn dung trên da có công thức, thành phần hoạt chất thông dụng tương tự như các nước Đông Nam Á (Singapore, Thái Lan, Philippine, Malaysia,...) và cắt giảm yêu cầu giấy tờ không cần thiết cho nhóm sản phẩm này. Nguy cơ gây mất an toàn của nhóm này so với chế phẩm diệt côn trùng hoàn toàn khác nhau nên yêu cầu về quản lý cũng cần điều chỉnh để giảm áp lực cho cơ quan quản lý, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
- Đề nghị chấp nhận các kết quả kiểm nghiệm, khảo nghiệm ở các cơ sở kiểm nghiệm, khảo nghiệm đạt chuẩn ở nước ngoài cho cả chế phẩm diệt khuẩn nhập khẩu và sản xuất trong nước; đồng thời cập nhật hướng dẫn quy trình khảo nghiệm cho các loại chế phẩm diệt khuẩn.

V. Giải Quyết Tranh Chấp

1. Tòa án và cơ quan quản lý cạnh tranh

Trong ấn bản mới nhất của Báo cáo Thường niên Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, Việt Nam xếp thứ 89 trong số 141 quốc gia được xếp hạng trong hạng mục “thể chế”, hạng mục này bao gồm một số lĩnh vực như tính độc lập của hệ thống tư pháp và tính hiệu quả của khung pháp lý trong công tác giải quyết tranh chấp và trong việc phản biện các quy định và định hướng tương lai của Chính phủ. Tuy nhiên, báo cáo này đã không được cập nhật đối với danh mục liên quan kể từ khi bắt đầu đại dịch COVID-19. Khi lên kế hoạch đầu tư ở nước ngoài, một trong những yếu tố quan trọng mà nhà đầu tư nước ngoài quan tâm là hệ thống tư pháp có hiệu quả và minh bạch hay không.

Chúng tôi kiến nghị duy trì khả năng dự đoán và tính ổn định của hệ thống pháp luật hiện hành để đảm bảo khung pháp lý phù hợp. Tiếp tục công bố các bản án của Tòa án các cấp. Công bố tất cả các quyết định của cơ quan quản lý cạnh tranh. Sửa đổi Luật Luật sư để cho phép các luật sư Việt Nam đủ tiêu chuẩn được đại diện cho khách hàng trước tòa án Việt Nam ngay cả khi họ đang làm việc cho một công ty luật nước ngoài.

2. Trọng tài ở Việt Nam

Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) xác nhận sự gia tăng tổng giá trị tranh chấp trong những năm trước đại dịch, các thành viên của chúng tôi tiếp tục báo cáo một số vấn đề nghiêm trọng trong thủ tục trọng tài do VIAC quản lý

Quan ngại chính là sự can thiệp của tòa án Việt Nam không chỉ trước khi phán quyết cuối cùng được đưa ra (dẫn đến việc hội đồng trọng tài VIAC không có thẩm quyền xét xử và phải chấm dứt thủ tục tố tụng trọng tài) mà còn bằng cách bác phán quyết cuối cùng mà hội đồng trọng tài VIAC đưa ra.

Việc không có quyền khiếu nại đối với quyết định bỏ phán quyết trọng tài sẽ góp phần làm cho việc giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài ở Việt Nam trở nên minh bạch và độc lập hơn và do đó, được áp dụng phổ biến hơn.

3. Công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài

Các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thường chọn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài quốc tế nếu các hợp đồng có giá trị lớn. Tuy thủ tục trọng tài quốc tế thường tốn kém và mất nhiều thời gian, phán quyết của trọng tài quốc tế thường được thi hành ở hầu hết các quốc gia trên thế giới theo Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thi hành Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài (NYC) mà Việt Nam là thành viên trong Công ước này.

Một trong những khó khăn gặp phải là đảo ngược nghĩa vụ chứng minh. Trên thực tế, các tòa án Việt Nam lại đảo ngược nghĩa vụ chứng minh này và buộc bên được thi hành phán quyết phải chứng minh rằng mọi sự phản đối của bên phải thi hành là không có căn cứ hoặc không phù hợp. Một khó khăn khác là việc tòa án Việt Nam bác đơn xin công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài quốc tế vì các lý do trái với NYC. Chẳng hạn, trong nhiều trường hợp, tòa án Việt Nam đã quyết định rằng bên nước ngoài trong thỏa thuận trọng tài không có đủ năng lực ký kết hợp đồng do sai lầm khi dẫn chiếu pháp luật Việt Nam thay vì dẫn chiếu pháp luật của quốc gia của bên nước ngoài đó.

Việc Việt Nam không áp dụng các quy định của NYC làm giảm tính hấp dẫn của Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài vì bất kỳ thủ tục công nhận và thực thi nào đều không chắc chắn và thường xuyên dẫn đến quyết định có thể khác với các bên khác trong NYC (được chứng minh bằng các số liệu do Bộ Tư pháp công bố và thảo luận ở trên).

Chúng tôi kiến nghị tiếp tục công bố số liệu cập nhật về hồ sơ đề nghị công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài để tiếp tục công bố số liệu từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019. Sửa đổi Bộ luật Tố tụng Dân sự để quy định về việc áp dụng chặt chẽ các quy định của NYC. Áp dụng cơ chế tự động chuyển sang Tòa án Nhân dân cấp trên đối với những vụ việc mà Tòa Sơ thẩm đã bác đơn. Tổ chức thêm các khóa đào tạo, hội thảo để đảm bảo các thẩm phán được đào tạo đầy đủ về nghiệp vụ giải quyết đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài phù hợp với luật pháp Việt Nam và Công ước New York.

BÁO CÁO CỦA CÁC THÀNH VIÊN LIÊN KẾT VBF

Các thành viên liên kết của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (“**VBF**”) bao gồm Hiệp hội Doanh nghiệp Singapore tại Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Australia tại Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Thụy Sĩ, Hiệp hội Thương mại Đài Loan tại Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Thái Lan tại Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Nội, Hiệp hội Doanh nghiệp Ấn Độ tại Việt Nam và Hiệp hội Doanh nghiệp Hồng Kông tại Việt Nam.

Chúng tôi đánh giá cao những nỗ lực và sáng kiến quan trọng của Chính phủ vì mục tiêu phát triển kinh tế Việt Nam, đồng thời tổng hợp một số đề xuất tổng thể cần được xem xét và giải quyết để thúc đẩy hơn nữa công cuộc này.

1. Đơn giản hóa thủ tục cấp phép

Việt Nam có thể thúc đẩy đáng kể đầu tư nước ngoài bằng cách đơn giản hóa và hợp lý hóa các thủ tục cấp và gia hạn giấy phép kinh doanh, chứng chỉ và giấy phép khác. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các nhà đầu tư nước ngoài vốn thường e ngại các quy trình quan liêu phức tạp. Về vấn đề này, chúng tôi xin đề cập đến thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP (“**Nghị định 09**”).

Cho đến nay, thủ tục cấp phép và thời gian để các DN có vốn ĐTNN xin giấy phép kinh doanh cho các lĩnh vực bao gồm hoạt động bán lẻ, cho thuê thiết bị và thương mại điện tử từ Bộ Công Thương (**BCT**) vẫn còn rất nặng nề và tốn thời gian. Thông thường, các doanh nghiệp phải nhiều lần nộp giấy tờ và các vòng giải thích, làm rõ với BCT và Sở Công Thương (**SCT**). Việc này có thể mất tới 12 tháng.

Theo Nghị định 09, thời hạn theo luật định (tùy thuộc vào hoạt động cụ thể và hồ sơ đăng ký) để nhận được Giấy phép kinh doanh từ SCT là 13 ngày làm việc. Nếu SCT cần lấy thêm ý kiến từ BCT, lại mất thêm 28 ngày làm việc để chờ BCT phản hồi. Hầu hết các trường hợp đều cần có sự chấp thuận hoặc ý kiến của BCT về các hoạt động quy định tại Điều 5.1 và Điều 8.3 của Nghị định 09.

Tuy nhiên, trên thực tế, thời hạn này có thể bị kéo dài đến 3 tháng cho mỗi quy trình nội bộ giữa SCT và BCT. Nếu có hai đến ba đợt giải thích làm rõ và/hoặc yêu cầu bổ sung thông tin từ BCT, thì phải mất đến 9 - 12 tháng mới có thể hoàn thành thủ tục.

Đơn cử, một trong những hội viên của chúng tôi trong ngành dầu khí phải mất một năm mới được cấp Giấy phép kinh doanh phân phối bán buôn dầu nhờn.

Kính đề nghị Chính phủ xem xét và ban hành các quy định rút ngắn thời gian quy định nộp hồ sơ trình BCT và SCT phê duyệt. Chúng tôi cũng kính đề nghị BCT và SCT tuân thủ thời gian quy định về cấp Giấy phép Kinh doanh hiện tại cũng như quy định rõ ràng hơn và cụ thể hơn về giấy tờ cần có trong hồ sơ đăng ký để giảm đáng kể số lần giải thích, làm rõ cần thiết.

2. Thúc đẩy Chính phủ điện tử

Các chính quyền có trách nhiệm cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho người dân nhưng có thể có ngân sách hạn chế. Họ cần tìm cách loại bỏ lãng phí và trở nên hiệu quả hơn. Công nghệ, đặc biệt là điện toán đám mây, có thể là công cụ đắc lực cho các chính quyền. Công nghệ này có thể tự động hóa các quy trình, tiết kiệm chi phí và cho phép cung cấp nhiều dịch vụ sáng tạo hơn. Điện toán đám mây cũng giúp các cơ quan chính phủ khác nhau làm việc cùng nhau và chia sẻ thông tin dễ dàng hơn.

Trên cơ sở đó, chúng tôi khuyến khích hiện đại hóa thủ tục cho nhà đầu tư bằng cách:

- **Mở rộng cổng thông tin trực tuyến và nộp hồ sơ điện tử:** Cho phép nhiều ứng dụng và thủ tục của chính phủ được hoàn thành trực tuyến hơn, giúp quá trình này nhanh hơn và thuận tiện hơn.
- **Chấp nhận chữ ký điện tử:** Nhận dạng chữ ký điện tử hợp lệ cho các tài liệu chính thức, loại bỏ sự cần thiết của chữ ký tươi.
- **Khuyến khích thông tin liên lạc qua email:** Thúc đẩy việc sử dụng email để liên lạc chính thức giữa doanh nghiệp và cơ quan chính phủ.
- **Giảm sự phụ thuộc vào giấy tờ:** Giảm thiểu yêu cầu về tài liệu giấy trong các hồ sơ đăng ký của chính phủ.

Mặc dù một số thủ tục, như đăng ký công ty, đã được thực hiện trực tuyến, nhưng nhiều quy trình liên quan đến đầu tư nước ngoài vẫn yêu cầu gặp mặt trực tiếp và nộp hồ sơ trực tiếp. Chúng bao gồm đăng ký đầu tư, phê duyệt M&A, đăng ký khoản vay nước ngoài, thành lập văn phòng đại diện và xin giấy phép kinh doanh bán lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài. Bằng cách cung cấp các lựa chọn trực tuyến cho các thủ tục này, Việt Nam có thể thu hút thêm vốn và đối tác nước ngoài.

Bằng cách thực hiện những thay đổi đề xuất này, Việt Nam có thể tạo ra một khung pháp lý hấp dẫn và thuận lợi hơn nhằm thúc đẩy đầu tư nước ngoài, góp phần phát triển kinh tế bền vững và mang lại lợi ích cho cả nhà đầu tư nước ngoài cũng như nền kinh tế Việt Nam.

3. Hoàn thiện pháp luật về đất đai và bất động sản

Chúng tôi được khuyến khích bởi việc ban hành luật mới về đất đai, kinh doanh bất động sản và nhà ở.

Chúng tôi ghi nhận những nỗ lực nhằm cải thiện khung pháp lý liên quan đến đầu tư và hoạt động liên quan đến đất đai và bất động sản. Chúng tôi mong đợi các luật mới này được triển khai một cách có ý nghĩa và dự thảo nghị định được ban hành để tiếp tục xem xét.

Đặc biệt, chúng tôi hy vọng sẽ thấy được sự minh bạch và hiệu quả hơn trong vấn đề bồi thường và giải phóng mặt bằng, tiếp cận mặt bằng thông qua đấu giá hoặc đấu thầu dự án và cơ chế định giá đất.

Chúng tôi hy vọng rằng việc thực thi các luật mới này sẽ tạo ra sự chắc chắn hơn về mặt pháp lý đối với khu phức hợp, căn hộ du lịch và các dự án có các tầng riêng biệt chứ không phải toàn bộ tòa nhà.

Việc nâng cao khả năng tiếp cận thông tin liên quan đến đất đai của người dân cũng rất quan trọng. Ví dụ như khả năng tra cứu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cuối cùng, với một số lượng đáng kể các dự án và khu công nghiệp còn thời hạn sử dụng đất từ 10 đến 15 năm, điều quan trọng là phải có kế hoạch và/hoặc hướng dẫn về phương án xử lý các dự án này khi hết thời hạn sử dụng đất.

4. Niềm yết của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Hiện có nhiều thông tin đáng khích lệ, khi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy mô lớn đang tìm hiểu IPO trên sàn chứng khoán Việt Nam. Điều này thể hiện niềm tin vào thị trường chứng khoán và cam kết đối với nền kinh tế Việt Nam. Mặc dù Việt Nam có khung pháp lý toàn diện về các điều kiện và quy trình IPO và niêm yết; tuy nhiên, trên thực tế, quy trình này tốn nhiều thời gian và không chắc chắn khi nào thì một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước

ngoài thực hiện quy trình đó. Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình IPO của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo hướng không phân biệt đối xử và minh bạch.

5. Dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư

liên quan đến Dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư, chúng tôi thấy rằng đối tượng ưu đãi trong Dự thảo còn quá hẹp. Với điều kiện về quy mô vốn hoặc doanh thu rất cao, dẫn đến chỉ có số lượng rất ít doanh nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ cao có thể đạt được. Đối tượng của chính sách chưa bao gồm đầy đủ nhóm các nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, hay các nhà đầu tư chiến lược theo yêu cầu của Nghị quyết số 110/2023/QH15. Vì vậy, VBF kiến nghị bổ sung đối tượng sau vào Nghị định để chính sách đảm bảo toàn diện và đầy đủ hơn:

- Bổ sung đối tượng doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghệ cao;
- Trong lĩnh vực công nghệ cao, nên xem xét nhà đầu tư là Tập đoàn lớn tức là tập đoàn có quy mô đầu tư ở Việt Nam từ 20.000 tỷ đồng hoặc từ 1 tỷ USD trở lên (thay vì xét theo từng doanh nghiệp hoặc từng dự án)
- Các doanh nghiệp/dự án trong các lĩnh vực sản xuất khác có tổng vốn đầu tư từ 20.000 tỷ đồng hoặc từ 1 tỷ USD trở lên.

Tại thời điểm này hàng loạt các nước đang nỗ lực nghiên cứu và ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư rất đa dạng. Ví dụ, Mỹ đưa ra hàng loạt các gói hỗ trợ hàng trăm tỷ \$ nhắm vào các lĩnh vực ưu tiên. Singapore cũng đưa ra chính sách Giảm trừ đầu tư có thể hoàn lại hỗ trợ đến 50% đối với các khoản chi phí đáp ứng điều kiện. Việt Nam có thể nghiên cứu và tham khảo các chính sách này trong quá trình xây dựng chính sách hỗ trợ.

PHẦN 2

TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP FDI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGUỒN NHÂN LỰC

“Công nghệ cao & số hóa - phát triển nguồn nhân lực”

Kính thưa các quý vị đại biểu,

Để hiện thực hóa kế hoạch trở thành một quốc gia công nghiệp hóa, Việt Nam cần có nguồn nhân lực công nghiệp trình độ cao. Công cuộc này cần có sự chuyên giao kỹ năng quốc tế và giáo dục hiệu quả, cả hai vấn đề tôi sẽ đề cập ở phần sau.

Việc chuyển giao kỹ năng quốc tế phải có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam để chuyển giao công nghệ cao và các kỹ năng khác. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý và tôn trọng quan điểm thận trọng của Việt Nam khi quản lý quá trình này để đảm bảo chỉ những chuyên gia nước ngoài phù hợp nhất mới được cấp giấy phép lao động.

Chúng tôi gửi lời cảm ơn đến Bộ Lao động Thương binh và xã hội vì một số cải tiến đã đạt được theo Nghị định 70 gần đây. Tuy nhiên, như vẫn thường thấy trong vấn đề giấy phép lao động, việc giải thích rõ ràng và cụ thể hơn sẽ mang lại lợi ích cho cả cộng đồng đầu tư nước ngoài và các mục tiêu phát triển của Việt Nam.

Thứ nhất, doanh nghiệp và người nộp đơn vẫn mất nhiều tháng để giải quyết gánh nặng hành chính, điều này không phải lúc nào cũng hợp lý xét về phương diện kinh tế và vận hành. Chúng tôi khuyến nghị tinh giản thủ tục hành chính và loại bỏ các yêu cầu bổ sung hồ sơ nằm ngoài những quy định của pháp luật.

Chúng tôi đề nghị trong một số trường hợp có thể không áp dụng những thủ tục như yêu cầu đăng tuyển và báo cáo giải trình về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, ví dụ đối với công việc dự án ngắn hạn, khi nhân sự nước ngoài chỉ làm việc tại Việt Nam dưới sáu tháng. Thay vào đó, có thể sử dụng đơn xin cấp giấy phép lao động ngắn hạn tinh giản hơn.

Các điều kiện về trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc ngày càng khó xác định khi AI đang thay đổi nhanh chóng. Việc một người có bằng cấp nhiều năm về một công nghệ mới chỉ xuất hiện được vài tháng là hoàn toàn bất khả thi. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng một cơ chế khác phổ biến toàn cầu – mức lương tối thiểu cho giấy phép lao động.

Chúng tôi luôn đánh giá cao nỗ lực số hóa các ứng dụng và đề Bộ trực tiếp xử lý các trường hợp cũng như đẩy nhanh tiến độ trong quá trình này. Một số hạng mục như giấy phép lao động cho các tổ chức tài chính đặc biệt quan trọng để các ngân hàng nước ngoài có thể đáp ứng yêu cầu về đại diện pháp lý để tiếp tục hoạt động tại Việt Nam.

Ngoài ra, có thể thực hiện một số cải tiến nhằm giải quyết những mâu thuẫn hiện nay giữa các yêu cầu về giấy phép lao động và thị thực kinh doanh, chẳng hạn như công ty nào đủ điều kiện làm đơn vị bảo lãnh.

Có ý kiến cho rằng người có giấy phép lao động nước ngoài và giấy tạm trú cần đăng ký với chính quyền địa phương mỗi khi xuất nhập cảnh. Theo quan điểm của chúng tôi, đây sẽ là gánh nặng hành chính không cần thiết đối với các giám đốc điều hành thường xuyên đi công tác nước ngoài và cả chính quyền địa phương.

Tiếp theo là những cân nhắc về giáo dục và đào tạo.

Về chủ đề của diễn đàn năm nay, Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo tin rằng giáo dục và đào tạo sẽ đóng vai trò quan trọng trong công cuộc hướng tới tính bền vững, thông lệ đổi mới và chuyển

đổi số hóa bên cạnh việc hỗ trợ cải thiện các thông lệ liên quan đến Môi trường, Xã hội, và Quản trị.

Vấn đề giấy phép lao động cũng rất quan trọng đối với ngành giáo dục, do cần thường xuyên mời các nhà giáo dục nước ngoài về Việt Nam để chuyển giao kỹ năng. Nghị định 70 quy định việc miễn giấy phép lao động đối với giảng viên được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép nhưng Bộ chưa có hướng dẫn áp dụng việc miễn giấy phép này.

Một vấn đề khác liên quan đến dự thảo Nghị định 86 mới. Nhiều nhà đầu tư trong lĩnh vực giáo dục hiện đang không biết cần làm gì để mua đất xây dựng cơ sở của mình. Việc tìm đất được phân bổ cho mục đích giáo dục tại nhiều UBND tỉnh, thành phố đang gây khó khăn cho các nhà đầu tư.

Về lâu dài, chúng tôi tin rằng nền kinh tế Việt Nam cần phải chuẩn bị sẵn sàng cho những thách thức và cơ hội sẽ nảy sinh liên quan đến tính bền vững và đổi mới. Khoảng cách về kỹ năng là một vấn đề đang diễn ra và sẽ ngày càng phức tạp hơn bởi các kỹ năng mới cần thiết cho nền kinh tế kỹ thuật số. Cụ thể hơn, tất cả các bên liên quan chính cần phải có những hành động, thay đổi kịp thời để tạo dựng một môi trường phù hợp với các công nghệ sẵn có và đảm bảo hoạt động giáo dục hiệu quả và cạnh tranh ở tất cả bậc học tại Việt Nam.

Như vậy, thông qua VBF và cùng phối hợp với Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH và các Phòng Thương mại, Nhóm Công tác Nhân sự và Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo sẽ tiếp tục cam kết hỗ trợ để Việt Nam nắm bắt cơ hội phát triển lợi thế và vượt qua khó khăn nhằm phát huy tiềm năng kinh tế của mình.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGUỒN NHÂN LỰC

TÓM TẮT BÁO CÁO:

“CÁC KHUYẾN NGHỊ VỀ GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI”

- Những tiến bộ liên tục trong phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo đòi hỏi Việt Nam đưa chuyên môn quốc tế vào trong nước. Để thực hiện được điều này, thủ tục cấp giấy phép lao động (GPLĐ) hiệu quả đóng vai trò rất quan trọng.
- Cộng đồng doanh nghiệp đề xuất một số bước có thể giúp cải thiện quy trình cấp GPLĐ như:
 - Giảm bớt gánh nặng thủ tục hành chính khi nộp hồ sơ
 - Làm rõ một số nội dung trong Nghị định 70
 - Đẩy nhanh tiến độ áp dụng kỹ thuật số
 - Quy trình rõ ràng hơn khi nộp hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ trực tiếp tại Bộ
 - Đề xuất cơ chế áp dụng đối với cơ quan/tổ chức trong quá trình chuyển đổi cơ quan đề nghị cấp GPLĐ từ sở LĐTBXH địa phương sang bộ LĐTBXH
- Chúng tôi đề xuất cải thiện hơn nữa sự thống nhất giữa quy định về lao động và quy định về xuất nhập cảnh đối với cơ quan/tổ chức bảo lãnh hồ sơ cấp GPLĐ và thị thực.
- Chúng tôi đề nghị lược bỏ yêu cầu gần đây về đăng ký tạm vắng đối với người nước ngoài xuất cảnh khỏi Việt Nam trong thời gian thị thực/thẻ tạm trú còn hiệu lực tại Việt Nam do yêu cầu trên gây phức tạp về mặt hành chính.
- Tương tự, chúng tôi khuyến nghị đơn giản hóa các thủ tục bảo hiểm xã hội (BHXH) cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
- Ngoài ra, việc làm rõ quy định về tổ chức đại diện người lao động (NLĐ) cũng sẽ hữu ích cho cộng đồng doanh nghiệp.

Trước hết, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) đã luôn hỗ trợ và phối hợp cùng Nhóm công tác Nguồn nhân lực và cộng đồng doanh nghiệp.

1. Một số vấn đề cần làm rõ về GPLĐ

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Bộ LĐTBXH vì những thay đổi tích cực trong Nghị định 70. Tuy nhiên, chúng tôi xin đưa ra một số khuyến nghị dựa trên quan sát thực tế của chúng tôi khi thực hiện quy trình đề nghị cấp GPLĐ:

a) Gánh nặng thủ tục hành chính:

Gánh nặng thủ tục hành chính không cần thiết tác động đáng kể đến doanh nghiệp và lao động nước ngoài (LĐNN) do làm chậm trễ quy trình phê duyệt giấy tờ. Đây tiếp tục là một trở ngại đối với cả doanh nghiệp và người lao động. Ví dụ, khi thực hiện thủ tục cấp lại GPLĐ do thay đổi/thêm/ bớt (các) địa chỉ văn phòng của cùng một công ty trong cùng tỉnh/thành phố, các Sở LĐTBXH địa phương lại có những yêu cầu khác nhau. Cụ thể, một số Sở LĐTBXH cấp tỉnh/thành phố yêu cầu nộp lại đơn xin chấp thuận nhu cầu sử dụng LĐNN trước khi nộp đơn xin cấp lại GPLĐ. Mặt khác, một số địa phương còn yêu cầu công ty gần như phải thực hiện lại hoàn toàn thủ tục xin cấp GPLĐ. Theo đó, quy trình bao gồm việc đăng tin tuyển dụng, nộp đơn xin chấp thuận nhu cầu sử dụng LĐNN, và cuối cùng là nộp đơn xin cấp lại GPLĐ để cập nhật (các) địa chỉ làm việc mới nhất của LĐNN tại công ty.

Tình trạng này đặt ra những thách thức đáng kể và tạo thêm gánh nặng không cần thiết đối với các công ty. Điều này cũng nhấn mạnh sự thiếu nhất quán giữa các cơ quan quản lý lao động địa phương trong việc thực hiện Nghị định 152 và Nghị định 70 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152.

Nội dung kiến nghị:

Chúng tôi khuyến nghị rằng đối với những trường hợp thay đổi địa chỉ nơi làm việc trong cùng một tỉnh/thành phố, quy trình trên chỉ nên bao gồm hồ sơ đề nghị cấp lại GPLĐ, như quy định tại điều 13 & 14 của Nghị định 152 và bỏ qua yêu cầu bổ sung việc nộp lại thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng LĐNN và đề nghị chấp thuận nhu cầu sử dụng LĐNN.

Quy trình đề nghị cấp GPLĐ cho người nước ngoài tại Việt Nam vẫn còn phức tạp, khó khăn và tốn nhiều thời gian. Hiện nay, việc chuẩn bị cần trung bình từ 4 đến 5 tháng. Nghị định 70 đã đưa ra các yêu cầu về thông báo tuyển dụng lao động cho các vị trí mới và thực hiện từ ngày 1/1/2024 mà không có bất kỳ hướng dẫn nào trước ngày nghị định được đưa vào áp dụng. Điều này cùng với yêu cầu nộp đơn đề nghị chấp thuận về nhu cầu sử dụng lao động và cấp GPLĐ đã không những không giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính mà còn gây nhiều trở ngại đáng kể cho các công ty vẫn cần LĐNN.

Yêu cầu thông báo tuyển dụng lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng LĐNN đôi khi có thể là gánh nặng hành chính không cần thiết và không áp dụng được trong mọi trường hợp. Ví dụ, trong trường hợp một công ty nước ngoài bán sản phẩm công nghệ cao cho một công ty ở Việt Nam và cần cử nhân viên đến lắp đặt với thời gian thực hiện công việc có thể kéo dài hơn 30 ngày. Theo quy định hiện hành, đối tác tại Việt Nam phải đăng thông báo tuyển dụng lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng LĐNN này, đợi 2 tuần trước khi gửi đề nghị chấp thuận nhu cầu sử dụng LĐNN cho vị trí đó, và đợi ít nhất 2 tuần nữa để được phê duyệt trước khi nộp đơn đề nghị cấp GPLĐ cho các vị trí này. Quy trình này khá bất tiện và không phù hợp với nhu cầu cụ thể của một số hoạt động thực tế của doanh nghiệp.

Nội dung kiến nghị:

Giống như ở nhiều quốc gia, chúng tôi đề xuất xây dựng và thực hiện “GPLĐ ngắn hạn” phù hợp với các nhiệm vụ công việc dưới 6 tháng, đồng thời miễn yêu cầu đăng tin tuyển dụng và nộp đơn đề nghị chấp thuận nhu cầu sử dụng LĐNN cho loại hình giấy phép này. Quy trình chuẩn bị giấy tờ đề nghị cấp GPLĐ hiện nay vốn đã khá phức tạp và tốn thời gian vì tất cả giấy tờ đều phải công chứng và hợp pháp hóa lãnh sự. Việc triển khai GPLĐ ngắn hạn sẽ tăng tính hiệu quả đáng kể và tính linh hoạt cho cả doanh nghiệp và LĐNN.

Theo điểm 5, Điều 154 của Bộ luật Lao động 2019, người nước ngoài được miễn GPLĐ nếu vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh (i) làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh và (ii) các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được.

Nghị định 152 cũng quy định hồ sơ đề nghị miễn GPLĐ trong trường hợp này là giấy tờ chứng minh người LĐNN “không thuộc diện cấp giấy phép lao động”. Như vậy, có thể hiểu rằng giấy tờ cần có trong trường hợp này là giấy tờ chứng minh doanh nghiệp gặp sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh (i) làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh và (ii) các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được. Tuy nhiên, ngoài những giấy tờ đó, Sở LĐTBXH địa phương còn yêu cầu giấy tờ chứng minh LĐNN đó là chuyên gia/lao động kỹ thuật, bao gồm các chứng chỉ giáo dục và thư xác nhận kinh nghiệm được hợp pháp hóa lãnh sự. Yêu cầu này có thể gây phiền hà, tốn kém và mất thời gian cho doanh nghiệp, nhất là khi doanh nghiệp cần cử LĐNN sang Việt Nam để xử lý các tình huống khẩn cấp.

Ngoài ra, do hướng dẫn về các yêu cầu nêu trên để được miễn GPLĐ tại Nghị định 152 còn khá chung chung nên các cán bộ tại cơ quan quản lý lao động địa phương có thể có những quan điểm/hướng dẫn thực hiện khác nhau, khiến việc áp dụng miễn GPLĐ nói trên trở nên bất khả thi.

Nội dung kiến nghị:

Đề nghị Bộ làm rõ và thống nhất các yêu cầu về giấy tờ cần thiết để đề nghị cấp GPLĐ hoặc miễn GPLĐ, đảm bảo quy định trên có thể được áp dụng trong thực tế tại các cơ quan quản lý lao động địa phương.

b) Một số vấn đề cần làm rõ tại Nghị định 70

Trong các hội thảo về Nghị định 70, đại diện Bộ LĐTBXH đã xác nhận rằng yêu cầu về trình độ chuyên môn đối với lao động kỹ thuật được thực hiện như quy định tại Điều 3 (Định nghĩa) Nghị định 152:

6. “Lao động kỹ thuật là người lao động nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Được đào tạo ít nhất 1 năm và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam;
 - b) Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm làm công việc phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.

Tuy nhiên, một số Sở LĐTBXH địa phương lại yêu cầu LĐNN phải đáp ứng cả hai điều kiện vì có một điều khoản khác gây nhầm lẫn. Thật vậy, Điều 9.4 có quy định:

- b) Giấy tờ chứng minh chuyên gia, lao động kỹ thuật theo quy định tại khoản 3, 6 Điều 3 Nghị định này bao gồm 2 loại giấy tờ sau:
 - Văn bằng hoặc chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận.

- Văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm của chuyên gia, lao động kỹ thuật hoặc giấy phép lao động đã được cấp hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp

Điều 9.4 không nêu rõ cần “một trong 2 loại giấy tờ” nên một số Sở LĐTBXH tỉnh/ thành phố giải thích rằng cả hai loại giấy tờ là bắt buộc đối với lao động kỹ thuật, trong khi các sở khác vẫn chấp nhận chỉ chọn một trong hai trường hợp như tại Điều 3, Nghị định 152.

Nội dung kiến nghị:

Đề nghị Bộ LĐTBXH hướng dẫn rõ ràng cho Sở LĐTBXH địa phương về việc yêu cầu giấy tờ chứng minh lao động kỹ thuật phù hợp với một trong hai trường hợp kể trên; và trong lần sửa đổi nghị định tiếp theo, đề nghị điều chỉnh nội dung để loại bỏ điểm không nhất quán này.

c) Ứng dụng kỹ thuật số

Trong năm vừa qua, tất cả các doanh nghiệp bảo lãnh xin cấp thị thực cho LĐNN đều phải đăng ký tài khoản trên cổng thông tin điện tử về thủ tục hành chính của Chính phủ để nộp hồ sơ trực tuyến bằng chữ ký số với token. Đây là bước tiến quan trọng nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Tuy nhiên, chức năng nộp các hồ sơ liên quan đến lao động (như nhu cầu sử dụng LĐNN và đơn đề nghị cấp GPLĐ) vẫn không thể thực hiện được bằng tài khoản của công ty. Thay vào đó, hầu hết các Sở LĐTBXH địa phương bao gồm cả Hà Nội và TP.HCM đều yêu cầu cá nhân nộp giấy tờ và hồ sơ của LĐNN trực tuyến bằng tài khoản cá nhân trên cổng thông tin điện tử về thủ tục hành chính của chính phủ. Đây có lẽ không phải là cách tiếp cận phù hợp và đã đặt ra các vấn đề tuân thủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân của LĐNN. Những dữ liệu này trên tài khoản cá nhân của nhân viên vẫn có thể tiếp cận được ngay cả khi họ không còn làm việc cho doanh nghiệp đó nữa. Ngoài ra, các công ty buộc phải yêu cầu nhân viên dùng tài khoản cá nhân cho mục đích nộp hồ sơ, một yêu cầu mà nhân viên đáng ra không nhất thiết phải đồng ý.

Nội dung kiến nghị:

Chúng tôi khuyến nghị rằng hồ sơ của doanh nghiệp nên được nộp qua tài khoản công ty và có chữ ký số.

d) Một số quan ngại khi nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ LĐTBXH

Bộ LĐTBXH có nhiệm vụ tiếp nhận, chấp thuận nhu cầu sử dụng LĐNN và cấp GPLĐ cho nhiều loại hình doanh nghiệp, bao gồm các tổ chức tài chính, công ty bảo hiểm, v.v. Kể từ khi thực hiện Nghị định 70, Bộ LĐTBXH cũng chịu trách nhiệm tiếp nhận và phê duyệt hồ sơ từ các doanh nghiệp có LĐNN làm việc cho một doanh nghiệp tại nhiều địa điểm tại nhiều tỉnh khác nhau.

Tuy nhiên, dường như (i) Bộ LĐTBXH gặp một số hạn chế về nguồn lực trong việc xử lý hồ sơ đăng ký; (ii) các cán bộ của Bộ LĐTBXH chưa diễn giải và áp dụng Nghị định 152 và Nghị định 70 một cách thống nhất; (iii) các nhiệm vụ chưa được phân công một cách triệt để và thống nhất cho từng cán bộ cụ thể, dẫn tới một số vấn đề như:

- Nhiều bộ hồ sơ đăng ký từ một công ty cụ thể không được giao cho một cán bộ nhất định. Thay vào đó, khi công ty nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến của Bộ LĐTBXH, hồ sơ sẽ được giao ngẫu nhiên cho các cán bộ khác nhau. Việc các cán bộ ở Bộ LĐTBXH có quan điểm khác nhau về hồ sơ cấp GPLĐ cho người nước ngoài dẫn đến sự thiếu nhất quán trong việc đánh giá các hồ sơ của cùng một công ty.
- Khi doanh nghiệp chọn nộp hồ sơ trực tiếp cho cán bộ cụ thể để được hướng dẫn và đánh giá một cách nhất quán đối với các bộ hồ sơ của mình, Bộ LĐTBXH chỉ nhận hồ sơ bản giấy vào các ngày Thứ Hai, Thứ Tư và Thứ Sáu, thường mỗi ngày chỉ có một cán bộ được

phân công trực và chủ yếu là trong buổi sáng. Hạn chế về lịch làm việc này đã gây khó khăn cho các công ty với mong muốn làm việc hiệu quả với Bộ LĐTBXH.

- Đáng chú ý là hiện tại Bộ đang thiếu các hướng dẫn rõ ràng về cách hoàn thiện giấy tờ cần thiết để đề nghị cấp GPLĐ cho trường hợp LĐNN làm việc cho một doanh nghiệp ở nhiều địa điểm tại nhiều tỉnh/thành phố khác nhau.
- Tình trạng chậm phản hồi và chậm phê duyệt diễn ra phổ biến. Trên thực tế, thời gian thẩm định giải trình nhu cầu sử dụng LĐNN tại Bộ LĐTBXH có thể kéo dài tới 2 tháng (thay vì 10 ngày làm việc) còn quy trình thẩm định hồ sơ miễn GPLĐ do kết hôn với công dân Việt Nam hoặc quy trình đề nghị cấp GPLĐ có thể mất tới 1,5 tháng (thay vì 5 ngày làm việc). Trong quá trình thực hiện các thủ tục trên, mặc dù doanh nghiệp đã rất nỗ lực liên hệ để giải trình, theo sát việc nộp và giải quyết hồ sơ, thường hầu như không có phản hồi, hướng dẫn từ Bộ mặc dù quy trình bị kéo dài hơn so với luật định. Việc chờ đợi kéo dài để được cấp GPLĐ làm gián đoạn đáng kể hoạt động của doanh nghiệp trong khi họ đang chờ cấp phép cho người nước ngoài làm việc hợp pháp tại Việt Nam.

Nội dung kiến nghị: Đề nghị Bộ LĐTBXH:

- Xây dựng cơ chế để các cán bộ nhất định giám sát một nhóm doanh nghiệp cụ thể theo lĩnh vực kinh doanh, cơ quan quản lý hoặc vị trí địa lý, sao cho các hồ sơ đăng ký của từng công ty sẽ do một cán bộ quản lý, tránh tình trạng thiếu nhất quán trong thẩm định đánh giá các hồ sơ có tính tương đồng cao.
- Công khai thông tin liên hệ của cán bộ phụ trách hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ trong giấy biên nhận, kèm theo ngày dự kiến phản hồi phù hợp với mốc thời gian quy định trong luật để các công ty có thể liên hệ trong trường hợp xảy ra chậm trễ trong việc phản hồi hồ sơ.
- Kịp thời giải quyết các khúc mắc của doanh nghiệp và trả kết quả trong thời hạn quy định tại Nghị định 152 được sửa đổi bởi Nghị định 70, tính từ ngày nộp hồ sơ.
- Hướng dẫn rõ ràng về các giấy tờ cần chuẩn bị trong trường hợp LĐNN làm việc cho một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để doanh nghiệp thực hiện một cách nhất quán

e) Đề xuất cơ chế áp dụng đối với cơ quan/tổ chức trong quá trình chuyển đổi cơ quan đề nghị cấp GPLĐ từ Sở LĐTBXH địa phương sang Bộ LĐTBXH

Liên quan đến *Thủ tục cấp phép đối với lao động nước ngoài và xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam*, kể từ thời điểm Nghị định 70/2023/NĐ-CP có hiệu lực, các công ty bảo hiểm, công ty dịch vụ tài chính và ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (*Công ty tài chính có vốn đầu tư nước ngoài*) phải thực hiện các thủ tục: (i) Xin chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, (ii) Xin xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; (iii) cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (gọi chung là “*Thủ tục Cấp phép đối với lao động nước ngoài*”), cấp phép đối với lao động nước ngoài tại Bộ LĐTBXH (thay vì tại Sở LĐTBXH như thực tiễn hiện nay). Đồng thời, các công ty này cũng phải thực hiện hoàn trả lại giấy phép do Sở LĐTBXH đã cấp trước đây và thực hiện xin cấp giấy phép lại tại Bộ LĐTBXH.

Theo ghi nhận của chúng tôi, trong thời gian vừa qua, một số tổ chức đã nộp lại giấy phép do Sở LĐTBXH cấp nhưng vẫn chưa được Bộ LĐTBXH phê duyệt hoặc cấp giấy phép mới. Điều này tạo ra những khoảng thời gian trống khi lao động nước ngoài đang làm việc mà không có giấy phép lao động hợp lệ, dẫn đến rủi ro gián đoạn quan hệ lao động hợp pháp, đặc biệt là trường hợp các vị trí quản lý cấp cao/người đại diện pháp luật trong Công ty Tài chính có vốn đầu tư nước ngoài; trong khi đây là nhóm ngành đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ dẫn dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Hướng tới giải quyết vướng mắc cấp bách trên, chúng tôi thấy rằng cần có sự linh hoạt trong cách hiểu và việc thực hiện quy trình cấp phép lao động, vì lợi ích không chỉ của các công ty tài chính có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng mà còn của nền kinh tế quốc gia nói chung. Ba kiến nghị của chúng tôi bao gồm:

- (i) Giữ nguyên hiệu lực của Giấy phép lao động hiện tại do Sở LĐTBXH cấp cho tới khi hết hiệu lực;
- (ii) Tiếp tục thừa nhận hiệu lực của giấy phép lao động do Sở LĐTBXH cấp trước đó trong thời gian doanh nghiệp/tổ chức nộp đơn xin giấy phép mới tại Bộ LĐTBXH; và
- (iii) Đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian xử lý trong quy trình cấp phép nhằm nâng cao hiệu quả thủ tục hành chính, đẩy nhanh quy trình phê duyệt nhu cầu lao động nước ngoài và các thủ tục về giấy phép lao động, tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp.

2. Sự thống nhất giữa quy định về lao động và quy định về xuất nhập cảnh đối với cơ quan/tổ chức bảo lãnh cấp giấy phép lao động và thị thực cho người nước ngoài

Theo quy định của pháp luật lao động, người sử dụng lao động nước ngoài bao gồm “c) Văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập;” và “h) Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc của nhà thầu nước ngoài được đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật;”

Như vậy, người sử dụng lao động nêu trên được phép đề nghị cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc hợp pháp tại Việt Nam.

Tuy nhiên, ở giai đoạn đề nghị cấp thị thực lao động và thẻ tạm trú cho LĐNN, một số đơn đề nghị cấp thị thực và thẻ tạm trú gần đây đã bị từ chối với lý do người sử dụng lao động đó không phải là cơ quan/tổ chức bảo lãnh theo quy định tại luật xuất nhập cảnh hiện hành.

Khuyến nghị: chúng tôi kiến nghị các cơ quan/đơn vị bảo lãnh giấy phép lao động và thị thực/thẻ tạm trú cho LĐNN nên được quy định thống nhất tại luật lao động và luật xuất nhập cảnh.

3. Yêu cầu khai báo tạm vắng đối với người nước ngoài tạm thời xuất cảnh khỏi Việt Nam trong thời gian hiệu lực của thị thực/thẻ tạm trú tại Việt Nam

Chúng tôi ghi nhận một số cơ quan quản lý xuất nhập cảnh địa phương đang cân nhắc về khả năng vi phạm quy định về quản lý xuất nhập cảnh đối với người nước ngoài và cơ quan/tổ chức bảo lãnh LĐNN trong việc LĐNN không đăng ký tạm vắng khi tạm thời rời khỏi Việt Nam, cũng như không hoàn tất việc đăng ký lại khi trở về. Việc không đăng ký tạm vắng dẫn đến sự khác biệt giữa dữ liệu lưu trú được thể hiện trong đăng ký tạm trú và dữ liệu xuất nhập cảnh trong hệ thống của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Theo đó, cơ quan quản lý Xuất nhập cảnh có thể tạm dừng việc phê duyệt các thủ tục bảo lãnh xuất nhập cảnh của cơ quan/tổ chức bảo lãnh để yêu cầu cơ quan/tổ chức giải trình về sự không thống nhất trong dữ liệu lưu trú và dữ liệu xuất nhập cảnh nói trên. Hơn nữa, cơ quan/tổ chức và các nhân LĐNN cũng có nguy cơ bị phạt vì không tuân thủ.

Khuyến nghị: Xét rằng (i) các quy định xuất nhập cảnh hiện hành không bắt buộc LĐNN phải đăng ký tạm vắng mặt khi rời khỏi Việt Nam và (ii) hệ thống quản lý xuất nhập cảnh đã theo dõi việc nhập cảnh/xuất cảnh của người nước ngoài khi họ vào/xuất cảnh Việt Nam, chúng tôi đề nghị loại bỏ yêu cầu đăng ký tạm vắng đối với LĐNN nhằm giảm bớt gánh nặng hành chính đối với lao động nước ngoài và giảm thiểu ảnh hưởng đến quá trình thực hiện thủ tục bảo lãnh nhập cảnh đối với các tổ chức/cơ quan bảo lãnh.

4. Đóng BHXH cho người nước ngoài

Căn cứ Điều 2.2 của Luật BHXH và Điều 2 của Nghị định 143, thông thường, LĐNN có GPLĐ hoặc giấy phép hành nghề còn hiệu lực và có hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên cũng thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc. Hiện nay, chế độ đóng BHXH cho người nước ngoài áp dụng giống như với NLĐ Việt Nam, bao gồm 5 chế độ: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, lương hưu và tử tuất. Việc đóng bảo hiểm cho ba chế độ ngắn hạn đầu tiên (ốm đau, thai sản và tai nạn lao động) có hiệu lực từ ngày 1/12/2018 còn hai chế độ dài hạn còn lại (lương hưu và trợ cấp tử tuất) có hiệu lực từ ngày 1/1/2022.

LĐNN có thể yêu cầu nhận chế độ BHXH một lần cho thời gian đóng khi kết thúc hợp đồng hoặc khi GPLĐ hết hạn với điều kiện họ không còn cư trú, làm việc tại Việt Nam. Khoản phụ cấp và quy trình nhận chế độ tương tự như quy định đối với NLĐ Việt Nam. Tuy nhiên, các quy định về BHXH và thủ tục yêu cầu bồi hoàn áp dụng cho LĐNN có vẻ không thực tế và cần được xem xét lại.

Việc bắt buộc đóng cả năm chế độ BHXH có thể không công bằng hoặc không khả thi đối với những LĐNN vẫn đang tiếp tục đóng BHXH ở nước của họ. Mặc dù Chính phủ đang đàm phán một số thỏa thuận song phương công nhận các khoản đóng góp an sinh xã hội với một số quốc gia và ký kết thỏa thuận về cộng gộp an sinh xã hội với một số quốc gia (chẳng hạn như Hàn Quốc), chưa thỏa thuận nào có hiệu lực. Điều này dẫn đến tăng chi phí cho cả người sử dụng lao động và NLĐ, cùng với những khó khăn về thủ tục hành chính.

Hơn nữa, ngay cả khi Chính phủ đạt được nhiều thỏa thuận song phương thì cũng không thể bao quát hết tất cả quốc tịch của LĐNN. Thông thường, LĐNN chỉ làm việc tại Việt Nam trong thời gian hạn định, thường là do sự giám sát nghiêm ngặt khi chính quyền Việt Nam đánh giá và phê duyệt hạn ngạch lao động trước khi cấp GPLĐ. Mặc dù Nghị định 143 đề xuất rằng LĐNN có thể yêu cầu lĩnh các khoản trợ cấp một lần trước khi rời Việt Nam nhưng các thủ tục liên quan sẽ làm tăng thêm gánh nặng hành chính cho tất cả các bên liên quan. Ngoài ra, việc yêu cầu giấy tờ của người nước ngoài phải được dịch công chứng sang tiếng Việt có thể làm tốn nhiều thời gian. Gia tăng chi phí và rào cản thủ tục hành chính có thể là các yếu tố làm giảm sức hút của Việt Nam trong mắt các nhà đầu tư.

Hiện nay, Bộ LĐTBXH đang soạn thảo sửa đổi Luật BHXH (Dự thảo Luật BHXH). Theo Điều 3.1 của Nghị quyết 89, Dự thảo Luật BHXH sẽ được trình Quốc hội thông qua vào tháng 5/2024. Đáng tiếc là theo bản dự thảo mới nhất được công bố vào ngày 28/7/2023, Dự thảo Luật BHXH dường như vẫn giữ nguyên các quy định hiện hành về BHXH cho LĐNN.

Chúng tôi kiến nghị Dự thảo Luật BHXH có thể quy định những nội dung sau:

- Chuyển yêu cầu đóng BHXH cho chế độ lương hưu và tử tuất thành tự nguyện đối với LĐNN.
- Công bố biểu mẫu đăng ký lĩnh BHXH một lần song ngữ và hỗ trợ nộp hồ sơ trực tuyến.
- Đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề nộp bảo hiểm hai lần trong trường hợp LĐNN đến Việt Nam làm việc có thể đã tham gia BHXH ở nước ngoài và ngược lại.

5. Dự thảo Nghị định hướng dẫn Bộ luật Lao động 2019 về tổ chức đại diện NLĐ tại cơ sở
Lần đầu tiên Việt Nam đưa ra khái niệm “tổ chức đại diện NLĐ tại cơ sở” (hoặc tổ chức của NLĐ mới) theo định nghĩa tại Bộ luật Lao động 2019, có hiệu lực từ ngày 1/1/2021. Đây là một bộ phận của công đoàn cơ sở (hay “công đoàn truyền thống”) trong hệ thống Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (TLDLĐVN). Chúng tôi đánh giá cao nỗ lực nhằm điều chỉnh luật lao động của Việt Nam cho phù hợp với các tiêu chuẩn toàn cầu và bảo vệ quyền “tự do hiệp hội” của NLĐ. Theo phân công của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2020 Bộ LĐTBXH đang soạn thảo Nghị định hướng

dẫn thi hành Bộ luật Lao động 2019 về tổ chức đại diện NLĐ tại cơ sở (Dự thảo Nghị định). Thủ tướng mới đây đã có công văn đôn đốc Bộ LĐTBXH đẩy nhanh tiến độ và yêu cầu Bộ Tư pháp cập nhật tình hình ban hành nghị định hướng dẫn trong tháng 8/2023. Đến thời điểm hiện tại, Dự thảo Nghị định vẫn chưa được công bố để lấy ý kiến người dân.

Trên thực tế, đến nay chưa có tổ chức của NLĐ mới nào được thành lập do thiếu văn bản hướng dẫn về việc thành lập. Hơn nữa, việc tài trợ cho “các tổ chức của NLĐ mới” trong Bộ luật Lao động 2019 vẫn còn mơ hồ. Điều 174 quy định Điều lệ tổ chức của NLĐ phải có các nội dung về “Phí thành viên, nguồn tài sản, tài chính và việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của tổ chức” và “Chính phủ quy định chi tiết Điều này”. Do đó, không rõ một “tổ chức của NLĐ mới” có thể tự quyết về cơ cấu tài chính của mình đến mức độ nào. Theo Luật Công đoàn hiện hành, hàng tháng, người sử dụng lao động phải đóng phí công đoàn bằng 2% tổng số tiền lương tính BHXH cho công đoàn cấp trên, kể cả trường hợp không có công đoàn nội bộ. Thêm nữa, theo TLĐLĐVN, doanh nghiệp chỉ được giữ lại một phần phí công đoàn khi có công đoàn cơ sở trong nội bộ. Điều này không phù hợp với nguyên tắc về quyền tự do của NLĐ trong việc thu, quản lý và sử dụng cơ cấu tài chính của mình. Theo nghĩa này, phải đảm bảo luật công đoàn quy định rằng phí công đoàn hàng tháng do người sử dụng lao động đóng phải được chuyển trực tiếp và toàn bộ đến các tổ chức đại diện NLĐ ở cấp cơ sở, bao gồm cả “tổ chức của NLĐ mới” và “công đoàn truyền thống”, và không nên chia sẻ phí công đoàn với công đoàn truyền thống cấp trên.

Chúng tôi có một số kiến nghị như sau:

- Khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn về tổ chức đại diện NLĐ.
- Làm rõ vai trò, mối quan hệ khi tồn tại đồng thời tổ chức của NLĐ tại cơ sở và công đoàn cơ sở trong một doanh nghiệp trong các quy định hướng dẫn thực hiện Bộ luật Lao động 2019 và Luật Công đoàn sửa đổi.
- Sửa đổi các quy định về tài chính đối với cả hai loại hình tổ chức để đảm bảo tính rõ ràng, thận trọng, bình đẳng và phản ánh đúng quyền lợi của tổ chức đại diện NLĐ.

Chúng tôi trông đợi sẽ sớm nhận được giải đáp của quý Bộ về các nội dung trên và luôn sẵn sàng để thảo luận với quý Bộ về các khuyến nghị của chúng tôi.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG

Thúc đẩy và áp dụng các chính sách mới để phát triển cơ sở hạ tầng bền vững ở Việt Nam

Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam xin cảm ơn Chính phủ Việt Nam vì đã tiếp tục trao cơ hội đóng góp cho diễn đàn chính sách quan trọng này và kết nối với khu vực tư nhân.

Cộng đồng nhà đầu tư quốc tế rất hoan nghênh Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia VIII vào ngày 15/5/2023 (PDP8). Chúng tôi rất mong được phê duyệt Kế hoạch thực hiện PDP8 và các chính sách mới để xây dựng cơ sở hạ tầng bền vững và các ngành công nghiệp chuỗi cung ứng mới nhằm hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 của Việt Nam vào năm 2050.

Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng xin được đề xuất các vấn đề chính dưới đây.

1. Tiếp cận nguồn tài chính quốc tế để tận dụng tiềm năng cơ sở hạ tầng và tăng trưởng bền vững của Việt Nam

Mặc dù công suất gió và năng lượng mặt trời đã được phát triển đáng kể ở Việt Nam trong những năm gần đây, nhưng công suất này phần lớn được tài trợ kết hợp giữa các ngân hàng trong nước và khu vực hoặc các ngân hàng đánh giá doanh nghiệp thay vì rủi ro dự án. Cơ cấu cũng thường dựa vào một hình thức giảm thiểu rủi ro tín dụng, thường là bảo lãnh, từ các ngân hàng trong nước hoặc nhà tài trợ dự án.

Do các vấn đề tồn tại dai dẳng về tính khả thi cấp vốn theo khuôn khổ IPP, nhìn chung chưa có cơ chế tài trợ cho dự án không truy đòi, vốn mang lại chi phí vốn thấp hơn và áp dụng kỳ hạn dài hơn so với nguồn vốn trong nước.

Điều quan trọng đối với Việt Nam là việc phụ thuộc vào hỗ trợ giảm thiểu rủi ro tín dụng từ các ngân hàng trong nước hoặc nhà tài trợ dự án là không khả thi để phát triển dự án quy mô lớn. Ngoài ra, thanh khoản hạn chế, lãi suất cao, thiếu nguồn tài chính dài hạn và giới hạn ngành của khu vực ngân hàng trong nước sẽ đòi hỏi sự phụ thuộc ngày càng tăng vào nợ nước ngoài để cấp vốn cho phát triển cơ sở hạ tầng trong thập kỷ tới.

Chính phủ nên làm việc với khu vực tư nhân hàng đầu và các tổ chức tài chính đa phương để huy động nguồn vốn dự án cần thiết cho các dự án cơ sở hạ tầng của Việt Nam trong giai đoạn đến năm 2030.

Các tổ chức tài chính đa phương nên tham gia để đảm bảo có sẵn các bảo lãnh nhằm giảm thiểu rủi ro quốc gia và hỗ trợ cơ sở hạ tầng quy mô lớn, năng lượng tái tạo và phát triển dự án LNG.

2. Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt Kế hoạch thực hiện PDP8

Kế hoạch thực hiện giai đoạn đầu tiên đến năm 2030 cần được thông qua sớm để có thể triển khai ngay PDP8 mà không làm trì hoãn thêm nữa.

Kế hoạch thực hiện trong giai đoạn đầu này cần đề cập đến mốc thời gian thực tế để thực hiện các dự án chuyển tiếp hoặc bị trì hoãn cũng như các dự án đang chuyển đổi nguồn nhiên liệu.

Kế hoạch thực hiện không thể thực hiện được nếu không có chính sách cụ thể cho từng lĩnh vực: điện gió ngoài khơi, LNG/khí để phát điện, xuất khẩu điện và sản xuất năng lượng mới.

Khái niệm hệ sinh thái và trung tâm khu vực về sản xuất và dịch vụ năng lượng tái tạo đã được đưa ra, tích hợp sản xuất thiết bị và máy móc, logistic và cảng biển, khu công nghiệp xanh (và cả thành phố xanh), v.v.. Khung hợp tác liên Chính phủ nên được đề xuất để thu hút các đối tác phát triển có năng lực, có kinh nghiệm, chuyên môn và tài chính quốc tế vững mạnh.

3. Phát triển các chính sách cụ thể của ngành để hỗ trợ đầu tư dài hạn trên quy mô lớn

Khi Việt Nam chuyển đổi khỏi các công nghệ truyền thống, dự kiến các lĩnh vực mới và mới nổi sẽ có những yêu cầu chính sách cụ thể. Để tối đa hóa việc phân bổ và dòng vốn vào các lĩnh vực này, chúng tôi đã khuyến nghị xây dựng các chính sách cụ thể cho từng ngành theo yêu cầu dưới đây.

- Biểu Giá điện Hỗ trợ cho công suất ngoài khơi được phê duyệt cho giai đoạn đến năm 2030. Chúng tôi rất hoan nghênh tăng công suất điện gió ngoài khơi đề xuất vào năm 2030 cho Kế hoạch thực hiện PDP8 và khuyến nghị mức giá FIT áp dụng cho công suất này. Điều này sẽ tạo ra sự chắc chắn về giá và thúc đẩy niềm tin cũng như cam kết của nhà đầu tư để hình thành thị trường điện gió ngoài khơi của Việt Nam và các chuỗi cung ứng liên quan cần thiết.
- Các dự án điện khí hóa lỏng quy mô lớn được miễn tham gia thị trường bán buôn điện, và có quyền được hưởng biểu giá điện cố định cạnh tranh gồm 2 thành phần (phí công suất và phí năng lượng).
- Lập quy hoạch không gian biển quốc gia gắn với phát triển các trung tâm điện lực vùng, các dự án điện khí hóa lỏng và lĩnh vực điện gió ngoài khơi để xác định mức sử dụng và phân bổ tối ưu các vùng biển.
- Rà soát căn cứ quyết định giao khu vực biển theo Nghị định 11/2021/NĐ-CP để thu tiền sử dụng khu vực biển tương xứng với chi phí phát triển, vận hành các dự án điện gió, điện khí ngoài khơi.
- Phát triển năng lực vận chuyển hàng hóa bổ sung tại các trung tâm vận tải quốc tế (hàng không và đường biển) để hỗ trợ mở rộng thương mại và phục hồi kinh tế.
- Thành lập cơ quan quản lý quốc gia và chương trình đào tạo quốc gia để hỗ trợ phát triển cả hai lĩnh vực điện khí hóa lỏng và điện gió ngoài khơi nhằm đưa Việt Nam trở thành quốc gia dẫn đầu khu vực và thế giới trong lĩnh vực này, xuất khẩu kỹ năng và năng lượng sạch ra toàn cầu.

4. Phát triển Hợp đồng mua bán điện mới cho lĩnh vực LNG và điện gió ngoài khơi với các điều khoản phân bổ rủi ro được bên cho vay quốc tế chấp nhận.

- Với dự đoán rằng các dự án điện mới quy mô lớn (LNG, gió ngoài khơi và các nguồn tái tạo khác) sẽ chủ yếu được phát triển trên cơ sở IPP (không phải cơ sở PPP), việc thiếu nguồn tài trợ dự án quốc tế sẽ gây ra rủi ro phát triển và tài trợ đáng kể cho Việt Nam trong thời gian tới. Với yêu cầu khoảng 8-9GW công suất phát điện mới hàng năm cho đến năm 2030 và với kế hoạch hỗ trợ chuyển đổi sang năng lượng tái tạo thông qua phát triển phụ tải cơ sở LNG, Việt Nam cần có một khuôn khổ về tính khả thi cấp vốn cho các dự án điện gió và LNG quy mô lớn.

- Đánh giá về cách áp dụng Quy định 1604 đối với các dự án PPP và ở một mức độ nào đó đối với các dự án IPP. Đây là một giải pháp khả thi cấp vốn để phát triển dự án BOT và chúng tôi hoan nghênh làm rõ tương tự để hỗ trợ Luật PPP.
- Các vấn đề chính về tính khả thi cấp vốn cần được giải quyết trong PPA sửa đổi bao gồm cắt giảm công suất, vận hành thử, thanh toán chấm dứt theo thỏa thuận, phân biệt giữa trường hợp bất khả kháng tự nhiên và bất khả kháng của chính phủ, thay đổi trong luật và các biện pháp bảo vệ thuế, quyền tham gia của bên cho vay, giải quyết tranh chấp và luật điều chỉnh.
- Mẫu PPA áp dụng cho các dự án LNG nên cân nhắc việc sắp xếp việc chuyển ngang nhiên liệu và trách nhiệm bao tiêu (take-or-pay) phát sinh từ thỏa thuận cung cấp nhiên liệu.
- Chúng tôi đã đề xuất hai nhóm vấn đề để giải quyết một PPA có tính khả thi cấp vốn, bao gồm (A) các vấn đề pháp lý: khả năng thế chấp các công trình xây dựng với các bên cho vay quốc tế thông qua đại lý bảo đảm trong nước; thiếu quy hoạch vùng biển quốc gia; thiếu định nghĩa pháp lý và cơ chế phân bổ rủi ro theo hợp đồng dự án quốc tế và hợp đồng tài trợ (thay đổi luật, thanh toán khi chấm dứt hợp đồng, trường hợp bất khả kháng do thiên nhiên và chính phủ, vận hành thử, bồi thường và bồi thường thiệt hại phát sinh); rủi ro về khả năng chuyển đổi ngoại tệ; rủi ro về nghĩa vụ thanh toán bao tiêu; quyền can thiệp của bên cho vay; và trọng tài quốc tế và (B) các vấn đề kỹ thuật: công thức tính giá dựa trên phí công suất và phí năng lượng; thay đổi luật ảnh hưởng và làm giảm IRR và khoản nợ thanh toán dịch vụ; thanh toán chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do Tập đoàn Điện lực Việt Nam vi phạm; nghĩa vụ nhận hoặc trả tiền; rủi ro cắt giảm công suất; chi phí đầu nối lưới điện; PPA trực tiếp và bao tiêu thay thế.
- Trong trường hợp các quy định và pháp luật không thể giải quyết được tất cả các vấn đề liên quan thì nên cho phép các bên đàm phán các điều khoản hợp đồng những phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đó là thông lệ quốc tế tốt nhất và cách các dự án trước đây đã thành công ở Việt Nam.

DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
THƯỜNG NIÊN, THÁNG 3/2024

TÀI CHÍNH ESG

Trình bày bởi:

Ông Dominic Scriven

Trưởng nhóm Công tác Thị trường vốn VBF

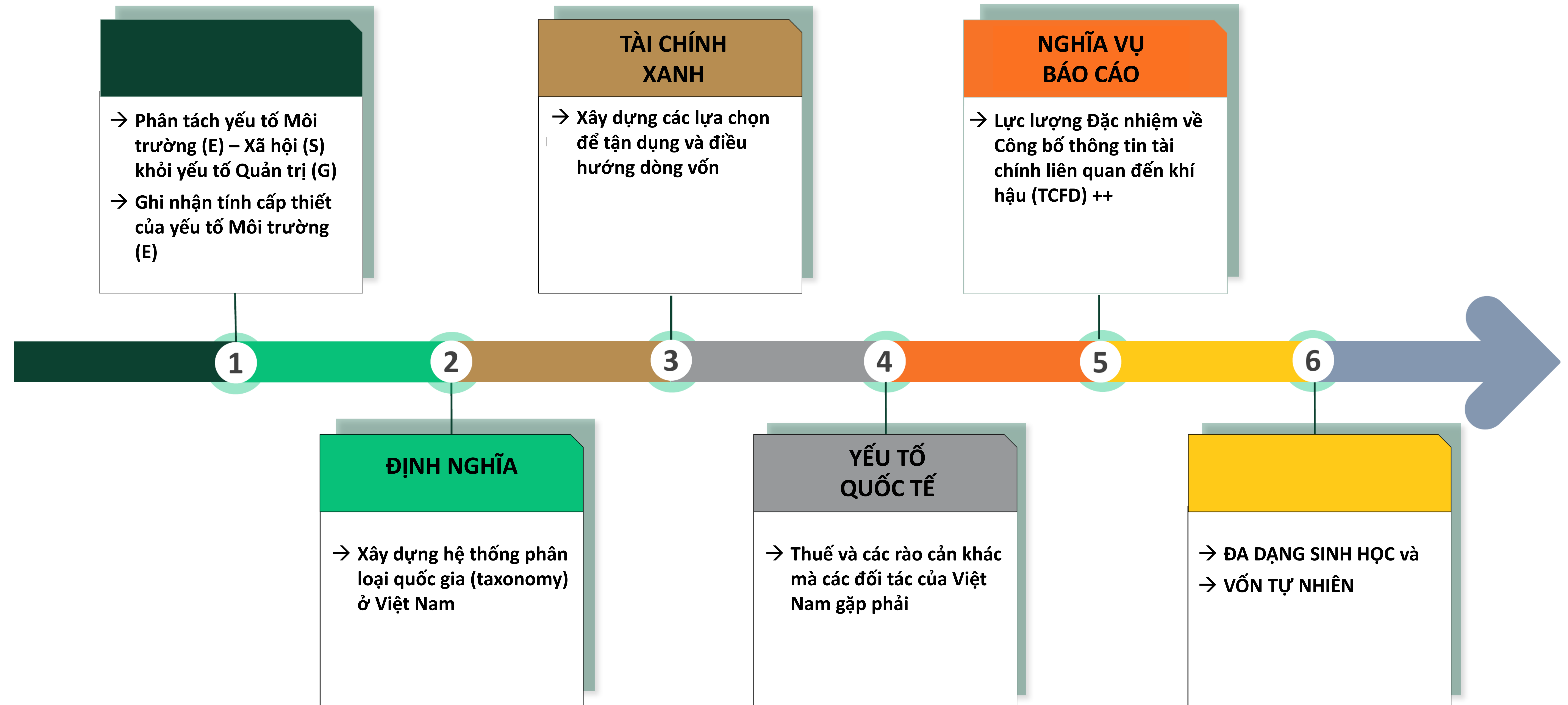
Ngày 19/03/2024

VBF VIETNAM
BUSINESS
FORUM



TÀI CHÍNH ESG

TỔNG HỢP Ý KIẾN TỪ CÁC NHÓM CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG – NGÂN HÀNG – THỊ TRƯỜNG VỐN



CÁC VẤN ĐỀ LỚN CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1. Nhà đầu tư có tổ chức (vấn đề về quỹ và công ty quản lý quỹ)

- 1.1 Tư cách pháp nhân của quỹ đầu tư chứng khoán; cơ chế thuế và quản trị doanh nghiệp riêng đối với công ty đầu tư chứng khoán;
- 1.2 Đa dạng hóa mục tiêu đầu tư và loại hình các quỹ đầu tư;
- 1.3 Phát triển kênh phân phối sản phẩm tài chính: Chuyên nghiệp hóa và quản lý chặt chẽ hơn về nghiệp vụ tư vấn tài chính và phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư;
- 1.4 Thí điểm mô hình phát triển thị trường trái phiếu theo kinh nghiệm Nhật Bản (pro-bond market) bằng việc chỉ phát hành trái phiếu cho Nhà đầu tư chuyên nghiệp là **tổ chức**, và trái phiếu chỉ được chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư tổ chức này;
- 1.5 Cải thiện khung pháp lý đối với Quỹ hoán đổi danh mục (ETF) bằng việc đơn giản hóa việc công bố thông tin đối với các hoạt động tạo lập thị trường (market-making activities);
- 1.6 Sai lệch NAV: NAV có thể sai lệch không đáng kể do các nguyên nhân khác nhau như làm tròn số. Trường hợp NAV có sai lệch nhỏ, không ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà đầu tư (chẳng hạn dưới 10 VNĐ trên một chứng chỉ quỹ) thì công ty quản lý quỹ sẽ chỉ thực hiện báo cáo với cơ quan quản lý.

2. Nâng hạng thị trường

- 2.1 Loại bỏ yêu cầu ký quỹ trước giao dịch thông qua điều chỉnh các quy định pháp luật có liên quan và ban hành cơ chế giao dịch thống nhất cho toàn thị trường;
- 2.2 Xây dựng và triển khai đối tác bù trừ trung tâm (CCP) **theo đúng chuẩn và thông lệ quốc tế** (thay vì tự phát triển riêng);
- 2.3 Phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR) để nhằm tăng cường sự sẵn có của các cổ phần đã chạm ngưỡng giới hạn sở hữu nước ngoài;
- 2.4 Nâng cao chất lượng công bố thông tin của các công ty đại chúng nhằm đảm bảo quyền bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin của nhà đầu tư nước ngoài.

3. An sinh xã hội (vấn đề về quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện)

- 3.1 Xây dựng hoàn chỉnh pháp luật thuế, bao gồm cả khuyến khích thuế, đối với quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện để tạo động lực và khuyến khích cá nhân và doanh nghiệp tham gia chương trình hưu trí bổ sung;
- 3.2 Nói lòng tỷ trọng tối thiểu đầu tư vào Trái phiếu Chính phủ áp dụng đối với quỹ hưu trí tự nguyện;
- 3.3 Tạo cơ chế để khuyến khích nông dân, tiểu thương và lao động tự do tham gia chương trình hưu trí tự nguyện để giảm áp lực an sinh xã hội cho Nhà nước.

4. Nhà đầu tư nước ngoài

Sửa đổi quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong công ty đại chúng để tránh trường hợp tỷ lệ sở hữu nước ngoài “âm”. (Tỷ lệ sở hữu nước ngoài “âm” nghĩa là tỷ lệ sở hữu nước ngoài áp dụng tại một công ty đại chúng nhỏ hơn tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện có tại công ty đó).

5. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ Ngân hàng giám sát

Sửa đổi Khoản 1 Điều 116 Luật chứng khoán về định nghĩa Ngân hàng giám sát để đồng nhất với quy định trong Luật các tổ chức tín dụng 2024 về các hoạt động kinh doanh khác được cung cấp bởi CNNHNN, trong đó có bao gồm nghiệp vụ Ngân hàng giám sát.

CÁC VẤN ĐỀ CỦA THÀNH VIÊN NGÂN HÀNG LƯU KÝ – NHÓM CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG VỐN

I. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH

STT	Vấn đề	Khó khăn, vướng mắc	Đề xuất
1.	Mở (01) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của NĐTNN - Cấu trúc tài khoản tiền mở cho nhà đầu tư trên thị trường chứng là tổ chức nước ngoài có cấu trúc đầu tư đặc biệt/đặc thù	Theo quy định hiện nay tại Khoản 2 Điều 145 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, công ty chứng khoán nước ngoài, các Quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ nước ngoài (Multi-investment-manager fund – MIMF), tổ chức đầu tư thuộc chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức đầu tư quốc tế liên chính phủ được đăng ký nhiều hơn 01 mã số giao dịch chứng khoán (MSGD) và được phép mở nhiều tài khoản lưu ký tương ứng với các MSGD đó. Quy định này nhằm hỗ trợ các NĐTNN có cấu trúc đầu tư đặc biệt, vốn lớn, trình độ cao có thể linh hoạt tổ chức quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán của mình tại Việt Nam bằng cách tách biệt các tài khoản lưu ký chứng khoán. Tuy nhiên, quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư 05/2014/TT-NHNN yêu cầu mọi hoạt động đầu tư gián tiếp của NĐTNN tại Việt Nam (bao gồm cả các giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam) phải được thực hiện thông qua một tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mở tại 01 ngân hàng được phép). Quy định này áp dụng cho tất cả NĐTNN, bao gồm NĐTNN trên thị trường chứng khoán, do đó gây khó khăn cho các NĐTNN này trong việc tách bạch quản lý tiền tương ứng với các danh mục đầu tư khác nhau của mình. Ngoài ra, theo quy định của luật chứng khoán, các công ty chứng khoán nước ngoài bắt buộc phải đăng ký (02) mã số giao dịch để tách biệt phần chứng khoán đầu tư tự	Đề xuất NHNN cho phép các NĐTNN có cấu trúc hoạt động đã nêu mở các tài khoản tiền tách biệt tương ứng với các mã số giao dịch chứng khoán (MSGD)/các tài khoản lưu ký tương ứng với các MSGD tại một ngân hàng lưu ký duy nhất nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý dòng vốn nước ngoài.

STT	Vấn đề	Khó khăn, vướng mắc	Đề xuất
		doanh và chứng khoán đầu tư cho môi giới. Tuy nhiên, họ chỉ đượ phép mở một tài khoản tiền nên không thể tách bạch phần tiền giữa tự doanh và môi giới. Theo luật quốc tế, họ bắt buộc phải tách bạch tài sản giữa tài sản của họ (tự doanh) và tài sản của khách hàng (môi giới). Để đảm bảo tuân thủ luật của Việt Nam và luật nước sở tại họ buộc phải dùng phần đầu tư của chính họ ở Việt Nam. Điều này đã hạn chế dòng tiền nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Khoản 1 Điều 6 Thông tư 05/2014/TT-NHNN quy định nhà đầu tư nước ngoài phải mở (01) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại (01) ngân hàng được phép. Điều này sẽ gây khó khăn cho các nhà đầu tư nước ngoài khi theo luật chứng khoán, họ phải đăng ký nhiều mã số giao dịch chứng khoán. Đối với các công ty chứng khoán nước ngoài, họ sẽ có cả phần đầu tư tự doanh của chính họ và phần đầu tư môi giới, thay mặt khách hàng của họ thực hiện đầu tư vào Việt Nam.	
2.	Chưa có hướng dẫn về tài khoản tiền phục vụ một số hoạt động đặc thù trên thị trường chứng khoán	Điều 5 và Điều 7 Thông tư 05/2014/TT-NHNN quy định cụ thể một số hoạt động được coi là “đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam” và các nguồn thu/chi được phép thực hiện thông qua Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài. Tuy nhiên, trong suốt thực tế phát triển của thị trường chứng khoán đã xuất hiện dòng tiền từ một số giao dịch có cấu trúc đặc biệt như: Các hợp đồng quyền chọn, thỏa thuận thương mại về việc đảm bảo thanh toán một khoản trợ cấp/đền bù nếu đầu tư cổ phiếu niêm yết không đạt được mức lợi nhuận cam kết, các khoản tiền phạt trong	Đề xuất NHNN cân nhắc xây dựng hướng dẫn chung cho các giao dịch đặc biệt này theo hướng cho phép dòng tiền đi qua tài khoản vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài, hoặc quy định cơ sở pháp lý để NHNN có thể linh hoạt xem xét, hướng dẫn cụ thể cho từng trường hợp phát sinh trong thực tế.

STT	Vấn đề	Khó khăn, vướng mắc	Đề xuất
		trong trường hợp vi phạm cam kết trong hợp đồng, v.v. Các thỏa thuận này được giao kết trên cơ sở thỏa thuận thương mại theo quy định của Bộ Luật Dân sự và được thực hiện bởi các văn phòng luật sư uy tín nhằm đảm bảo không trái với các quy định của pháp luật. Hiện nay, chưa có quy định cụ thể nào về việc ghi nhận các dòng tiền nói trên qua Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài hoặc bất kỳ loại tài khoản nào khác để hỗ trợ các hoạt động này khi có phát sinh.	

II. CÁC VẤN ĐỀ TỒN ĐỘNG TẠI DIỄN ĐÀN THƯỜNG NIÊN THÁNG 3/2023

STT	Nội dung vấn đề	Khó khăn	Đề xuất
1.	Chưa có cơ sở pháp lý cho việc cấp phép Ngân hàng Lưu ký, Giám sát (NHLK, GS) cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát cho các Quỹ liên kết đơn vị (QLKĐV) của Doanh nghiệp bảo hiểm	Trong thực tiễn hoạt động, một số ngân hàng lưu ký, giám sát đã và đang cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát cho các Quỹ liên kết đơn vị của Doanh nghiệp bảo hiểm trong hơn 10 năm qua. Tuy nhiên, các văn bản quy định pháp luật chưa có quy định cụ thể về việc cấp phép cho hoạt động này.	Đề xuất sửa Điều 19a, Thông tư 28/2021/TT-NHNN: b) Đối với hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán và các pháp luật có liên quan : ngân hàng thương mại được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;
2.	Làm rõ cách hiểu về cấp phép hoạt động cho dịch vụ Quản trị quỹ đầu tư (QLQ) và dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (ĐLCN) của NHLK, GS	Các quy định tại Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 và Thông tư 28/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 không đề cập cụ thể đến các dịch vụ quản lý quỹ và đại lý chuyển nhượng, do đó, chúng tôi hiểu rằng đây là các dịch vụ phụ trợ trong hoạt động Lưu ký chứng khoán (theo định nghĩa tại Khoản 19 Điều 2 Thông tư 98) và không cần được NHNN cấp phép riêng biệt. Tuy nhiên, đây là cách hiểu chưa được xác nhận chính thức.	Đề xuất NHNN xác nhận cách hiểu của chúng tôi.

STT	Nội dung vấn đề	Khó khăn	Đề xuất
3.	Chưa có các quy định đặc thù về tài khoản tiền phục vụ giao dịch chứng khoán	Hiện nay việc mở tài khoản tiền phục vụ hoạt động đầu tư trên thị trường chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định tại Thông tư 23/2014/TT-NHNN và Thông tư 16/2020/TT-NHNN - trong đó, có nhiều quy định không phù hợp với đặc thù hoạt động của tài khoản vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài và các tài khoản ngoại tệ phục vụ giao dịch chứng khoán. Đáng lưu ý, thực tiễn sử dụng điện SWIFT và mô hình Ngân hàng lưu ký toàn cầu trong việc mở và vận hành tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài chưa được công nhận trong các thông tư này.	<i>Do bản chất hoạt động của tài khoản vốn đầu tư gián tiếp là rất khác biệt với các loại tài khoản thanh toán khác, NHNN cần tách biệt quy định về mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài trong một thông tư riêng, theo hướng sửa đổi Thông tư 05/2014/TT-NHNN, bổ sung quy định về việc mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài bằng phương thức điện tử sử dụng điện SWIFT, phù hợp với thông lệ quốc tế về hoạt động đầu tư gián tiếp của NĐT tổ chức nước ngoài và thực tiễn sử dụng điện SWIFT.</i> Đề xuất NHNN nghiên cứu, cân nhắc thực tế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán và phối hợp làm việc với Bộ Tài chính/Ủy ban Chứng khoán nhằm xây dựng quy định phù hợp về vấn đề này.
4.	NHNN yêu cầu các tài liệu do cơ quan quản lý nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa trong hồ sơ mở tài khoản tiền cho NĐTNN	Khoản 4 Điều 12 Thông tư 23/2014/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 16/2020/TT-NHNN) quy định: các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự. Đây được nhìn nhận là một bước lùi so với các cải tiến trước đây của pháp luật của NHNN về hồ sơ mở tài khoản thanh toán, đồng thời cũng không thống nhất với các quy định của pháp luật chứng khoán nhằm đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài. Do khoảng cách địa lý và chi phí hoàn thiện hồ sơ, nhà đầu tư nước ngoài hiện nay buộc phải trì hoãn toàn bộ quá trình mở tài khoản chứng khoán của	Theo Mục 4, Điều 9, Nghị định số 111/2011/NĐ-CP, các giấy tờ, tài liệu được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự trong trường hợp sau: “Cơ quan tiếp nhận giấy tờ, tài liệu không yêu cầu phải hợp pháp hóa lãnh sự phù hợp với quy định pháp luật của Việt Nam”. Theo đó, NĐTNN đã không phải cung cấp giấy tờ hợp pháp hóa lãnh sự khi đăng ký mã số giao dịch chứng khoán tại VSDC theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

STT	Nội dung vấn đề	Khó khăn	Đề xuất
		mình thêm khoảng 03 tháng (thậm chí lâu hơn) cho đến khi hoàn thành hợp pháp hóa tài liệu mở tài khoản tiền và gửi về Việt Nam.	Do vậy, đề nghị NHNN nghiên cứu và đề xuất áp dụng thống nhất với quy định về chứng khoán.
5.	Sử dụng SWIFT trong hoạt động ngân hàng giữa tổ chức tín dụng và nhà đầu tư nước ngoài <i>(Các đơn vị liên quan: Vụ Thanh toán, Vụ Chính sách Tiền tệ, Cục CNTT và các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước (nếu có))</i>	Trong thực tiễn thị trường, phần lớn NĐTNN là tổ chức đều sử dụng điện SWIFT để gửi chỉ thị hay xác nhận các giao dịch của mình trong hoạt động đầu tư gián tiếp, bao gồm cả giao dịch ngoại hối với tổ chức tín dụng và đã xây dựng hệ thống, quy trình thống nhất cho các hoạt động toàn cầu của mình để tự động hóa hoạt động của mình. Việc luật pháp về giao dịch điện tử chưa công nhận phương thức xác nhận dạng SWIFT sẽ trở thành rào cản đối với việc NĐTNN tham gia thị trường ngoại hối cũng như đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Hiện nay, Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 đã đưa ra nhiều thay đổi nhưng vẫn chưa rõ về phương thức xác nhận dạng SWIFT. Do đó, Nhóm Thị trường vốn VBF đề xuất trao đổi thêm với NHNN về cách hiểu của Luật Giao dịch điện tử 2023 và định hướng của NHNN trong sửa đổi các quy định liên quan về vấn đề này.

PHỤ LỤC



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP ÚC TẠI VIỆT NAM

2023 tiếp tục là một năm khó khăn nữa đối với các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp Australia, và đúng như dự đoán, trong năm 2023, yêu cầu thị trường thay đổi đã buộc khu vực doanh nghiệp phải đổi mới, thích ứng và tìm kiếm cơ hội xây dựng ngành công nghiệp bền vững với trọng tâm là trách nhiệm môi trường và công tác quản trị.

Tình trạng lạm phát cao tại các thị trường xuất khẩu, trong đó có Hoa Kỳ và châu Âu, làm giảm nhu cầu tiêu thụ sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2023. Tuy nhiên, với việc những xung đột hiện tại trên thế giới đang dần được kiểm soát, nền kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ phục hồi và mức cầu gia tăng, tạo cơ hội cho các công ty có trụ sở tại Việt Nam.

Năm 2023, các doanh nghiệp xác định trọng tâm là tính bền vững cũng như trách nhiệm với môi trường, xã hội thông qua ESG và các chương trình Phát triển xanh.

Cũng trong năm 2023, các doanh nghiệp đã dần phục hồi sau ảnh hưởng của đại dịch, tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng và chi phí logistics tăng cao, những yếu tố khiến chi phí sản xuất tăng cao.

Một trong những định hướng phát triển của Việt Nam trong giai đoạn 2021-2030 là đẩy mạnh chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực kinh doanh.

Đáng chú ý, trong năm 2023, chuyển đổi số đạt tốc độ chưa từng có ở tất cả các lĩnh vực. Chuyển đổi số không chỉ là áp dụng các công nghệ mới; về cơ bản, đó là xem xét lại cách các doanh nghiệp hoạt động trong thế giới ưu tiên kỹ thuật số. Trước đây, các công ty chỉ coi công cụ số là phương tiện hỗ trợ bổ sung cho hoạt động của họ, nhưng giờ đây, các công cụ này đã trở thành yếu tố đóng vai trò không thể thiếu cho sự tồn tại và phát triển của các công ty này.

Chuyển đổi số nhanh chóng trở thành một nội dung cốt lõi trong chiến lược kinh doanh, giúp thúc đẩy đổi mới, hiệu quả hoạt động và lợi thế cạnh tranh. Giai đoạn từ năm 2024 trở đi, xu hướng này chắc chắn sẽ tiếp tục lan rộng và định hình bối cảnh kinh doanh trong tương lai.

Việt Nam đã và đang đẩy mạnh chuyển đổi số trong nhiều lĩnh vực, và các doanh nghiệp, bao gồm doanh nghiệp của Australia, đang không ngừng ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong các chương trình nhằm tạo bước ngoặt trong ngành chế biến, sản xuất và dịch vụ.

Chính phủ Australia đã đầu tư 95 triệu USD cho các sáng kiến Xanh và quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam, đây là minh chứng cho sự phát triển không ngừng trong quan hệ đối tác giữa hai nước.

Cơ quan Thương mại và Đầu tư Chính phủ Australia (Austrade) đã thành lập một trung tâm phụ trách các hoạt động đầu tư vào Việt Nam, điều này một lần nữa cho thấy tầm quan trọng của thị trường Việt Nam đối với Australia. Qua quá trình hợp tác giữa AusCham và Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia (DFAT), Trung tâm Công nghiệp Australia (AusHub) tại Việt Nam đã được thành lập để tạo ra các cơ hội đầu tư và thương mại song phương mới phù hợp với Chiến lược Tăng cường Hợp tác Kinh tế Việt Nam-Australia (EEES). AusHub sẽ hỗ trợ 3 doanh nghiệp của Australia (Summer Fruits, Wine Australia và Wool Producers Australia) phát triển thị trường trong hai năm đầu, sau đó chuyển đổi thành Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ tất cả các doanh nghiệp của Australia hoặc Việt Nam đang nỗ lực tiếp cận, phát triển hoặc đa dạng hóa thị trường song phương.

Hai nước đã nhất trí và công bố kế hoạch triển khai EEES cùng các biện pháp cụ thể đến năm 2025. Chiến lược thiết lập tầm nhìn về lộ trình hợp tác giữa Australia và Việt Nam, với mục tiêu lọt vào top 10 đối tác thương mại hàng đầu và tăng gấp đôi đầu tư hai chiều. Đáng chú ý, mục tiêu mà EEES đặt ra là đưa Australia và Việt Nam vào top 10 đối tác thương mại hàng đầu đã đạt được vào năm ngoái và đang tiếp tục được nâng cao.

Năm 2023, hoạt động kinh doanh trên thế giới đã có sự thay đổi lớn với hướng phát triển cá nhân hóa và tăng cường tập trung vào trải nghiệm khách hàng, cụ thể, khách hàng có xu hướng yêu cầu các sản phẩm và dịch vụ được thiết kế riêng.

Xu hướng này cho thấy nhu cầu đa dạng hóa cách tiếp cận, hướng tới kết nối với mỗi người tiêu dùng theo cách riêng và đảm bảo mức độ tương tác. Nền tảng cho sự phát triển của xu hướng này là các phân tích dữ liệu, công nghệ AI và máy học, cho phép doanh nghiệp nắm bắt, thậm chí dự đoán sở thích của khách hàng một cách chính xác hơn.

Xu hướng cá nhân hóa và trải nghiệm khách hàng trong năm 2023 đã chứng minh rằng chỉ những doanh nghiệp biết lắng nghe và thấu hiểu khách hàng mới có tiềm năng phát triển mạnh mẽ. Trong tương lai, xu hướng này dự kiến sẽ phát triển hơn nữa, công nghệ thậm chí sẽ đóng vai trò quan trọng hơn trong việc cá nhân hóa trải nghiệm trên quy mô lớn.

Có thể chắc chắn rằng, kể từ năm 2024, các doanh nghiệp tại Việt Nam sẽ phải đẩy mạnh nghiên cứu, khai thác công nghệ nhằm tăng khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp trong tương lai.

Kinh tế tự do (gig economy) là một xu hướng mới, sự phát triển của xu hướng này được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố.

Trong đó, hai yếu tố quan trọng nhất bao gồm:

1. Lực lượng lao động đã trở nên linh hoạt hơn.
2. Tỷ lệ công việc được thực hiện từ xa qua nền tảng số ngày càng tăng.

Kinh tế tự do đã làm thay đổi bối cảnh lực lượng lao động trong năm 2023. Đối với các doanh nghiệp, kinh tế tự do giúp họ tiếp cận nguồn nhân tài đa dạng, đồng thời mở rộng hoặc thu hẹp quy mô nhanh chóng tùy theo nhu cầu. Kinh tế tự do đã tác động mạnh mẽ đến các doanh nghiệp trong năm 2023 và những tác động đó sẽ càng được thúc đẩy trong năm 2024. Các công ty đang áp dụng mô hình này để giảm chi phí lao động cố định và tăng tính linh hoạt.

Kinh tế tự do trong năm 2023 không chỉ thay đổi cách thức làm việc trong doanh nghiệp mà còn định hình lại toàn bộ bối cảnh kinh doanh. Trong tương lai, xu hướng này có thể phát triển hơn nữa, với những tác động mạnh mẽ hơn đối với hoạt động quản lý nhân sự, mô hình kinh doanh và chính sách kinh tế.

Do đó, có thể thấy rằng năm 2023 là một giai đoạn mang tính bước ngoặt trong quá trình phát triển của doanh nghiệp. Các xu hướng - chuyển đổi kỹ thuật số, phát triển bền vững, ESG, cá nhân hóa và kinh tế tự do - không chỉ là hiện tượng nhất thời mà là dấu hiệu của những chuyển đổi căn bản hơn trong hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2024, các doanh nghiệp nước ngoài được chính phủ hỗ trợ phải tự xem xét mức độ sẵn sàng ứng phó với thay đổi và tăng trưởng.

Auscam rất vui mừng khi chứng kiến những cải thiện trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính cũng như những yêu cầu linh hoạt hơn về ngôn ngữ của các tài liệu, yếu tố giúp các hoạt động đầu tư nâng cao tỷ lệ đáp ứng yêu cầu của chính phủ, bao gồm đơn giản hóa và tinh giản các thủ tục xin cấp mới và gia hạn giấy phép kinh doanh, giấy phép và chứng nhận, đặc biệt đối với các nhà đầu tư nước ngoài cũng như doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chúng tôi rất mong chờ được chứng kiến sự cải thiện trong tính minh bạch cũng như khả năng dự đoán của khung pháp lý và quy định, thông qua các hướng dẫn rõ ràng và nhất quán, đồng thời tiến hành tham vấn cộng đồng và đánh giá tác động, giảm bớt quyền tự quyết về hành chính - đây là một bước phát triển tích cực.

Các biện pháp thúc đẩy cạnh tranh công bằng và công khai của thị trường trong nước thông qua dỡ bỏ các rào cản đối với khả năng tiếp cận, thực thi luật chống độc quyền và chống bán phá giá, cũng như đảm bảo sân chơi bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp cần được đẩy mạnh và dự kiến sẽ mang lại tác động đáng kể trong việc thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

Tăng cường bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ cũng như bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông qua phê chuẩn và thực hiện các công ước quốc tế có liên quan, nâng cao năng lực và sự phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng và đẩy mạnh đào tạo sẽ hỗ trợ hoạt động kinh doanh và thu hút doanh nghiệp quốc tế.

Tất cả các nhà đầu tư nước ngoài đều hoan nghênh và khuyến khích các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế số, bao gồm đầu tư vào hạ tầng băng thông rộng, thúc đẩy đổi mới và khởi nghiệp, hỗ trợ các sáng kiến về thương mại điện tử và chính phủ điện tử, đồng thời tăng cường an ninh mạng và quyền riêng tư dữ liệu.

Ngoài ra, các nhà đầu tư cũng đánh giá cao các biện pháp cải thiện chất lượng và hiệu quả của dịch vụ công, bao gồm giảm thiểu tình trạng quan liêu và tham nhũng, nâng cao trách nhiệm giải trình và giám sát, tăng cường đối thoại và hợp tác công-tư, đồng thời áp dụng các thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất, đây là những biện pháp giúp củng cố niềm tin của nhà đầu tư.

Năm 2023 đã mang đến cho chúng ta cái nhìn toàn diện về sự thay đổi và đổi mới trong thế giới kinh doanh. Trong thời đại mà điều bất biến duy nhất chính là sự thay đổi, năm 2023 không chỉ đón nhận thực tế này mà còn dựa vào thực tế đó để phát triển.

Các xu hướng kinh doanh trong năm 2023 được định hình từ sự kết hợp của nhiều yếu tố: tác động dai dẳng của đại dịch, sự phát triển của kỹ thuật số, tình trạng xung đột toàn cầu leo thang và trọng tâm mới là phát triển bền vững cũng như trách nhiệm với môi trường và xã hội. Những xu hướng này mang đến cái nhìn tổng quan về tương lai của doanh nghiệp, đồng thời thiết lập nền tảng cho những kỳ vọng trong tương lai.

Cuối cùng, có thể nói năm 2023 là một năm với đầy thách thức và cơ hội. Có một điều mà chúng ta có thể chắc chắn: bối cảnh kinh doanh ở Việt Nam đang thay đổi theo những hướng thú vị và tương lai đang mở ra vô số những cơ hội để các nhà đầu tư nước ngoài hợp tác với chính phủ Việt Nam với tinh thần sẵn sàng thay đổi để nắm bắt.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGÂN HÀNG
TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ KỸ THUẬT

NHÓM A Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN:		(16 vấn đề)
Đã theo dõi/ xử lý trong 2022, tiếp tục phối hợp xử lý trong năm 2023 và những vấn đề mới phát sinh 2023		
A.1.	Các vấn đề NHNN đã xử lý trong năm 2022 và tiếp tục theo dõi/ xử lý trong 2023	(04 vấn đề cũ)
A.2.	Các vấn đề NHNN mới phát sinh trong năm 2023	(11 vấn đề mới)
A.3.	Các vấn đề mang tính hợp tác giữa hai bên, các vấn đề NHNN đã ghi nhận, sẽ nghiên cứu tiếp thu khi sửa đổi các thông tư, nghị định của NHNN	(01 vấn đề)
NHÓM B Các vấn đề cần sự phối hợp của NHNN và có liên quan thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, ngành khác		(12 vấn đề)
B.1.	Các vấn đề đã xử lý trong năm 2022 và tiếp tục theo dõi/ xử lý trong 2023	(07 vấn đề cũ)
B.2.	Các vấn đề mới phát sinh trong năm 2023	(05 vấn đề mới)
NHÓM C Các vấn đề đã xử lý dứt điểm trong 2023		(15 vấn đề)
C.1.	Các vấn đề đã xử lý trong năm 2022 và tiếp tục theo dõi/ xử lý trong 2023	(09 vấn đề cũ)
C.2.	Các vấn đề mới phát sinh trong năm 2023	(06 vấn đề mới)

T	VẤN ĐỀ	TIẾN TRÌNH & NỘI DUNG CHI TIẾT	KẾT LUẬN
---	--------	--------------------------------	----------

NHÓM A: CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN NHNN: ĐÃ THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2022, TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ TRONG NĂM 2023 VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH 2023 (16 VẤN ĐỀ)

A.1. CÁC VẤN ĐỀ NHNN ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (04 VẤN ĐỀ CŨ)			
1.	Chế độ lưu trữ tài liệu kế toán trong ngành ngân hàng nêu tại	Trên cơ sở rà soát các quy định đối với việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán trong lĩnh vực ngân hàng, chúng tôi nhận thấy ngoài Quyết định 1913/2005/QĐ-NHNN quy định thời hạn lưu trữ các chứng từ kế toán phù hợp với Luật Kế toán 2015, Nghị định 174/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Kế toán, thì quy định tại Quyết định 376/2003/QĐ-NHNN ngày 22/4/2003 quy định về bảo quản, lưu trữ chứng từ điện tử đã sử dụng để hạch toán và thanh toán vốn của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và Khoản 1(b) Điều 13 Quyết định 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG tiếp tục phối hợp, làm việc với Vụ

A.1. CÁC VẤN ĐỀ NHNN ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (04 VẤN ĐỀ CŨ)			
	Quyết định 1913/2002/QĐ-NHNN về chế độ lưu trữ tài liệu kế toán trong ngành ngân hàng; Quyết định 376/2003/QĐ-NHNN; Điều 13.1.b Quyết định 1789/2005/QĐ-NHNN:	hàng không còn phù hợp với các quy định hiện hành về lưu trữ chứng từ cũng như thực tế hoạt động của các tổ chức tín dụng. Cụ thể như sau: 1. Quyết định 376/2003/QĐ-NHNN: Điều 1: Hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định hoạt động hạch toán và thanh toán vốn cũng như chứng từ điện tử đã sử dụng để hạch toán và thanh toán vốn. Điều 9: Thời hạn lưu trữ (20 năm) chưa thống nhất với quy định tại Nghị định 174/2016/NĐ-CP (Điều 10, Điều 12 đến Điều 15) Đề xuất: Kính đề nghị NHNN xem xét sửa đổi Quyết định 376 vì quyết định này được ban hành từ rất lâu (năm 2003), không còn phù hợp thực tiễn hoạt động hiện nay của tổ chức tín dụng, đặc biệt trong lĩnh vực chứng từ điện tử; hoặc ban hành hướng dẫn cụ thể về thời hạn lưu trữ chứng từ điện tử phù hợp với Luật Kế toán hiện hành. Trong thời gian chưa có hướng dẫn, các ngân hàng xin được thực hiện như sau: “chứng từ điện tử đã sử dụng để hạch toán và thanh toán vốn” được hiểu là chứng từ điện tử đã dùng để hạch toán và thanh toán chuyển tiền; thời hạn lưu trữ áp dụng là 10 năm để đảm bảo tính nhất quán trong việc lưu trữ chứng từ giấy và chứng từ điện tử trong hoạt động thanh toán, cũng như không có sự chênh lệch về thời gian lưu trữ giữa chứng từ điện tử (20 năm) và chứng từ bằng giấy (10 năm) của cùng một giao dịch thanh toán chuyển tiền. 2. Khoản 1(b) Điều 13 Quyết định 1789/2005/QĐ-NHNN Quy định về lưu trữ đóng gói chứng từ quy định tại Khoản 1(b) Điều 13 Quyết định 1789 không còn phù hợp. Đề xuất: Kính đề nghị NHNN xem xét bãi bỏ Khoản 1(b) Điều 13 Quyết định 1789 hoặc cho phép các ngân hàng thương mại tự chủ động trong việc quản lý, đóng gói, lưu trữ chứng từ phù hợp với quy mô và mô hình hoạt động của từng ngân hàng, với điều kiện các ngân hàng đảm bảo chứng từ có thể truy xuất đầy đủ và toàn vẹn trong thời hạn lưu trữ tối thiểu theo quy định của pháp luật.	TCKT – NHNN và Bộ Tài chính trong vấn đề này.
2.	Nghiệp vụ UPAS L/C Công văn 6090/NHNN-TD Thông tư	<u>A - LIÊN QUAN TỚI CÔNG VĂN 6090/NHNN-TD</u> Phản hồi yêu cầu của NHNN tại Công văn 6090/NHNN-TD (“Công văn 6090”), BWG đã gửi Công văn số 260922BWGVBF đến NHNN, đề xuất bản chất và cách hạch toán nghiệp vụ UPAS L/C: Dựa trên các điểm phân tích ở trên và theo Thông lệ quốc tế, chúng tôi xin được kiến nghị không coi quan hệ giữa NHPH và khách hàng là quan hệ cho vay. Thay vào đó, BWG xin đề xuất như sau:	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG tiếp tục phối hợp làm

A.1. CÁC VẤN ĐỀ NHNN ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (04 VẤN ĐỀ CŨ)

08/2023/TT-NHNN và 12/2022/TT-NHNN	- Tại thời điểm NHHT thanh toán cho bên thụ hưởng: Đề xuất 1: Bản chất quan hệ giữa NPHH và khách hàng (bên đề nghị mở UPAS L/C) được xem là <i>quan hệ cấp tín dụng khác</i> (Tài khoản 275 – Cấp tín dụng khác) và bản chất quan hệ giữa Ngân hàng phát hành và Ngân hàng hoàn trả cũng được coi là <i>quan hệ cấp tín dụng khác</i> (Tài khoản 4199- Nhận cấp tín dụng khác) Đề xuất 2: Bản chất quan hệ giữa NPHH và khách hàng (bên đề nghị mở UPAS L/C): là <i>quan hệ cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán</i> (Tài khoản 3591 - Phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng), và bản chất quan hệ giữa Ngân hàng phát hành và Ngân hàng hoàn trả cũng sẽ được coi là <i>quan hệ trung gian thanh toán</i> (Tài khoản 4599 – Các khoản chờ thanh toán khác). - Tại thời điểm đến hạn thanh toán L/C: Nếu Khách hàng không có khả năng thanh toán, thì NPHH một mặt thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho NHHT như cam kết, mặt khác được quyền yêu cầu khách hàng nhận nợ bắt buộc đối với số tiền mà NPHH đã thanh toán cho NHHT để quản lý, theo dõi và thu hồi nợ. Khách hàng có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ số tiền mà NPHH đã thanh toán cho NHHT và số tiền lãi, phí theo thỏa thuận giữa NPHH và khách hàng. 2. Ban hành hướng dẫn về nghiệp vụ UPAS L/C đầy đủ và rõ ràng Đối với 2 phương án trên thì NHNN chọn phương án nào, chúng tôi cũng sẽ tuân thủ đầy đủ hướng dẫn của NHNN. Tuy nhiên, khi NHNN ban hành hướng dẫn về nghiệp vụ UPAS L/C, chúng tôi rất mong muốn NHNN có thể nêu đầy đủ các khía cạnh sau của nghiệp vụ UPAS L/C để các Ngân hàng thực hiện một cách đầy đủ, chính xác và rõ ràng: - Nêu rõ bản chất của nghiệp vụ UPAS L/C, bao gồm cả UPAS cho L/C nhập khẩu và L/C trong nước. - Xem xét vướng mắc liên quan đến vay bằng ngoại tệ và sửa đổi các quy định liên quan nếu cần. - Quy định về tăng trưởng tín dụng và cách tính cụ thể nếu bao gồm UPAS L/C. - Quy định về cho vay bắt buộc khi khách hàng không trả được khoản L/C khi đến hạn. - Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro khi khoản UPAS L/C quá hạn. <u>Quy định chi tiết về Hạch toán kế toán cho từng giai đoạn:</u> - Khi thanh toán cho Người thụ hưởng theo UPAS L/C: Tài khoản hạch toán của NPHH với khách hàng; NPHH với NH hoàn trả; NH hoàn trả với NPHH.	việc với NHNN – Vụ Quản lý Ngoại hối và Vụ TDCNKT trong quá trình dự thảo Thông tư hướng dẫn về hoạt động thụ tín dụng, trong đó có hướng dẫn cụ thể đối với nghiệp vụ UPAS L/C; và các hướng dẫn liên quan.
---	---	---

A.1. CÁC VẤN ĐỀ NHNN ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (04 VẤN ĐỀ CŨ)			
		- Khi đến hạn thanh toán L/C: Hạch toán trong trường hợp khách hàng thanh toán được khoản L/C và trường hợp khách hàng không thanh toán được khoản thanh toán L/C. Cách ghi nhận thu nhập và chi phí tương ứng của các khoản liên quan đến UPAS L/C. - Đến hạn tất toán hoàn toàn UPAS L/C: Bút toán hạch toán khi khách hàng hoàn thành xong nghĩa vụ UPAS L/C. B - LIÊN QUAN TỚI THÔNG TƯ 08/2023/TT-NHNN VÀ 12/2022/ TT-NHNN Kiến nghị: Chúng tôi kiến nghị NHNN cân nhắc các khó khăn trong việc áp dụng TT 08, cũng như thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài theo TT 12/2022 đối với nghiệp vụ phát hành UPAS LC để kịp thời ban hành quy định hướng dẫn riêng cho nghiệp vụ UPAS LC.	
3.	Dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng	BWG đã đóng góp ý kiến và tổ chức các cuộc họp kỹ thuật trao đổi về Dự thảo Nghị định. Vừa qua, Quốc hội đã thông qua Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi); trong đó: đã có quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng tại Điều 106.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG & NHNN tiếp tục phối hợp trong vấn đề này.
A.2. CÁC VẤN ĐỀ NHNN MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (11 VẤN ĐỀ MỚI)			
4.	Thông tư 06/2023/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước	Trước đó, vào năm 2021 và 2022, BWG đã gửi ý kiến đóng góp cho Thông tư 39 và Dự thảo Thông tư 06. Sau khi TT 06 được ban hành, BWG đã tham gia Buổi tập huấn về TT 06 của NHNN và đã trình bày và được cơ bản giải đáp, trao đổi một số vướng mắc chính. BWG kính đề nghị NHNN hướng dẫn thêm đối với Khoản 2 Điều 1 TT 06 sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 8 TT39: Theo quy định tại Khoản 6 Điều 8, điều kiện cho vay để trả nợ trước hạn là "khoản vay chưa thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ". Trên thực tế, việc khoản vay được thực hiện cơ cấu theo Thông tư 01/2020/TT- NHNN (và các văn bản sửa đổi, bổ sung) và Thông tư 02/2023/TT- NHNN không được phản ánh trên CIC. Do đó, tổ chức tín dụng đang xem xét khoản vay không thể kiểm được tiêu chí này để đánh giá. Tổ chức tín dụng cho vay chỉ có thể yêu cầu khách hàng cung cấp xác nhận từ tổ chức tín dụng mà khách hàng đang có khoản vay hoặc dựa trên việc tự xác nhận và chịu trách nhiệm của	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG tiếp tục phối hợp với Vụ CSTT trong quá trình soạn thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 06 và

A.2. CÁC VẤN ĐỀ NHNN MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (11 VẤN ĐỀ MỚI)			
	ngoài đối với khách hàng	khách hàng. Trường hợp yêu cầu khách hàng lấy xác nhận từ tổ chức tín dụng mà khách hàng đang có khoản vay hiện hữu có thể không khả thi nếu tổ chức tín dụng bên kia không cung cấp. Do vậy, kính đề nghị Quý NHNN xem xét việc tổ chức tín dụng cho vay có thể dựa trên xác nhận của khách hàng có được chấp nhận hay không? Khoản vay chưa thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ có loại trừ các khoản vay đã từng được cơ cấu lại theo Thông tư 01/2020 và các sửa đổi, bổ sung Thông tư 03/2021 và Thông tư 14/2021; và Thông tư 02/2023 hay không?	vấn bản hướng dẫn.
5.	Giao dịch thanh toán qua sàn thương mại Điện tử	BWG đang nghiên cứu các kiến nghị về Khuôn Khổ Pháp Lý và vai trò của ngành ngân hàng liên quan đến giao dịch thanh toán qua sàn thương mại điện tử và sẽ sớm hoàn thiện để tiếp tục trao đổi, làm việc với NHNN. Về khuôn khổ pháp lý, tại Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 đã đặt ra những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy thanh toán trong thương mại điện tử ¹ .	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG phối hợp làm việc với NHNN về vấn đề này.
6.	Hoạt động chia sẻ rủi ro	BWG đang nghiên cứu các kiến nghị về Hoạt động chia sẻ rủi ro (Risk participation) và sẽ sớm hoàn thiện để tiếp tục trao đổi, làm việc với NHNN.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG sẽ phối hợp làm việc với NHNN về vấn đề này.
7.	Đề xuất về Quy trình, thủ tục cho vay tiêu dùng (Điều 3, 7, 17 Thông tư	Hưởng ứng các chỉ đạo gần đây của Chính Phủ (Công điện 1177/CĐ-TTg ngày 23/11/2023) và Ngân hàng Nhà nước (Công văn 9668/NHNN-CSTT ngày 19/12/2023) về việc đẩy mạnh cho vay phục vụ đời sống, tiêu dùng như một động lực tăng trưởng cho nền kinh tế Việt Nam, bằng công văn này, BWG xin được đóng góp ý kiến và tham vấn NHNN về quy trình, thủ tục cho vay tiêu dùng như sau: Việc áp dụng quy trình thẩm định, đánh giá khả năng tài chính và nghĩa vụ tài chính cá nhân người vay làm cơ sở cho việc ra quyết định cho vay góp phần đảm bảo đơn giản thủ tục cho khách hàng trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, đồng thời vẫn đảm bảo kiểm soát các rủi ro liên quan của ngân hàng. Do đó,	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG tiếp tục phối hợp xử lý với NHNN.

¹ Trong đó có một số nội dung nhiệm vụ như Xây dựng các chính sách thúc đẩy, phát triển, khuyến khích sử dụng dịch vụ TTKDTM trong hoạt động thương mại điện tử; Xây dựng hệ thống giải quyết phản ánh khiếu nại tranh chấp trực tuyến trong thương mại điện tử (giao Bộ Công Thương chủ trì).

A.2. CÁC VẤN ĐỀ NHNN MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (11 VẤN ĐỀ MỚI)			
	39/2016/TT-NHNN)	trên cơ sở các quy định pháp luật cho phép tổ chức tín dụng có quyền tự chủ trong hoạt động cho vay và tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình, BWG mong muốn tiếp tục áp dụng quy trình, thủ tục cho vay tiêu dùng theo cách thức đang được triển khai tại các ngân hàng như hiện nay nhằm thúc đẩy hơn nữa hoạt động cho vay tiêu dùng tại Việt Nam theo hướng đơn giản hóa thủ tục nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát rủi ro tín dụng.	
8.	Các vấn đề về Phòng, chống rửa tiền: Báo cáo chuyển tiền điện tử	Dựa trên nghiên cứu thông lệ quốc tế, quy định quốc tế liên quan như Khuyến nghị số 16 của FATF, và quy định của A Bank Secrecy Act (BSA) rule [31 CFR 103.33(g)] - thường gọi là “Travel rule”; chúng tôi hiểu rằng Cơ quan quản lý có thể đưa ra các yêu cầu để phù hợp với tình hình và yếu tố nguy cơ của từng quốc gia, tuy nhiên Chúng tôi cũng muốn chia sẻ một số ý kiến để Quý cơ quan cân nhắc rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố cũng như nguồn lực của xã hội trong công tác PCRT/phòng chống tài trợ chống khủng bố. Chúng tôi đề xuất với Quý cơ quan về việc cân nhắc loại trừ một số loại giao dịch không cần phải báo cáo trong Báo cáo chuyển tiền điện tử do không phát sinh rủi ro phòng chống rửa tiền đối với 9 loại giao dịch này như sau: 1. Các giao dịch hoàn hủy trên thẻ tín dụng; 2. Giao dịch Khách hàng thanh toán phí dịch vụ/phí trả chậm/phí phạt cho Ngân hàng hoặc Ngân hàng thưởng cho Khách hàng khi đạt kế hoạch chi tiêu và Giao dịch trả lãi/phạt lãi trả chậm/ giao dịch đóng thuế cho cơ quan quản lý; 3. Giao dịch tiền gửi có kỳ hạn; 4. Giao dịch tiền vay; 5. Các sản phẩm tài trợ thương mại/ Bao thanh toán cho Khách hàng; 6. Giao dịch tự động chuyển tiền trong sản phẩm quản lý tài khoản tập trung; 7. Các giao dịch thanh toán chi phí của Ngân hàng; 8. Các giao dịch mà khách hàng ký quỹ bằng tiền với ngân hàng; 9. Giao dịch chuyển tiền quốc tế từ nước ngoài về Việt Nam nhưng Ngân hàng gửi (sender) có thể là các Ngân hàng trong nước đóng vai trò là Ngân hàng trung gian	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG đã nhận được phản hồi của NHNN qua các cuộc họp kỹ thuật và sẽ tiếp tục phối hợp xử lý để triển khai phù hợp.
9.	Quyết định 2345/QĐ-NHNN sửa đổi, bổ sung Quyết định 630/QĐ-NHNN năm 2017 về Kế hoạch áp dụng giải pháp về an toàn bảo mật trong thanh	BWG đã gửi ý kiến đóng góp liên quan tới Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quyết định 630/QĐ-NHNN năm 2017 và đề xuất tiếp tục làm việc qua cuộc họp kỹ thuật với NHNN (Cục CNTT) và Bộ Công an triển khai Quyết định 2345/QĐ-NHNN về Kế hoạch áp dụng giải pháp về an toàn bảo mật trong thanh toán trực tuyến và thanh toán thẻ ngân hàng. Các kiến nghị liên quan đến: 1. Bảng Biện pháp xác thực tối thiểu đối với khách hàng cá nhân: Áp dụng xác thực sinh trắc học từ cơ sở dữ liệu (CSDL) dân cư. 2. Biện pháp áp dụng xác thực sinh trắc học từ CSDL dân cư dành cho các giao dịch loại C, D đối với khách hàng cá nhân. 3. Quy định “CSDL sinh trắc học về khách hàng do đơn vị đã thu thập và kiểm tra” 4. Phân loại giao dịch	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG sẽ tiếp tục làm việc qua cuộc họp kỹ thuật với NHNN (Cục CNTT, Vụ Thanh toán và

A.2. CÁC VẤN ĐỀ NHNN MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (11 VẤN ĐỀ MỚI)			
	toán trực tuyến và thanh toán thẻ ngân hàng	5. Các giải pháp xác thực trực tuyến 6. Giải pháp giảm thiểu rủi ro 7. Thời gian hiệu lực	các đơn vị liên quan) và Bộ Công An trong việc triển khai Quyết định 2345/QĐ-NHNN
10.	Thông tư 17/2022/TT-NHNN thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	BWG đã gửi công văn 30052023BWGVBF ngày 30/5/2023 ý kiến đóng góp về Thông tư 17/2022/TT-NHNN thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Các đề xuất và vướng mắc của BWG liên quan đến: 1. Đánh giá rủi ro môi trường; 2. Xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục dự án đầu tư quy định tại Phụ lục III, IV, V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; và xác định đối tượng "dự án đầu tư" theo Thông tư 17 và Nghị định 08. 3. Hợp đồng cung cấp dịch vụ đánh giá rủi ro môi trường với ngân hàng đã thực hiện đánh giá; 4. Nguyên tắc không hồi tố.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG sẽ tiếp tục phối hợp với NHNN để triển khai phù hợp.
11.	Nguyên tắc làm tròn số đối với giới hạn tỷ giá tối đa	Trong quá trình xác định mức giới hạn tỷ giá tối đa được phép giao dịch giao ngay giữa VND với USD, một số TCTD đang áp dụng các nguyên tắc khác nhau liên quan đến việc làm tròn số đối với trường hợp giới hạn tỷ giá tối đa có phát sinh thêm phần thập phân sau khi tính cộng thêm biên độ giao dịch theo quy định của Thống đốc NHNN vào tỷ giá chính thức do NHNN công bố như sau: 1. Phần thập phân phát sinh khi tính giới hạn tỷ giá tối đa áp dụng để làm tròn chỉ tính đến hai chữ số sau dấu phẩy. Ví dụ, sau khi cộng thêm biên độ, giới hạn tỷ giá tối đa là 13.902,3456 VND/USD thì chỉ lấy mức 13.902,34 VND/USD để làm tròn. 2. Nếu phần thập phân, tính đến hai chữ số sau dấu phẩy, bằng hoặc lớn hơn 50 thì được phép tính tăng thêm một đơn vị ở hàng đơn vị. Ví dụ giới hạn tỷ giá tối đa sau khi cộng thêm biên độ cho phép là 13.900,51 VND/USD thì được phép làm tròn thành 13.901 VND/USD. 3. Nếu phần thập phân, tính đến hai chữ số sau dấu phẩy, nhỏ hơn 50 thì không được phép tính tăng thêm 1 đơn vị ở hàng đơn vị và lấy phần nguyên (không tính phần thập phân) làm giới hạn tỷ có tối đa. Ví dụ	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG sẽ tiếp tục phối hợp với NHNN và làm việc (ở cấp kỹ thuật) để triển khai phù hợp.

A.2. CÁC VẤN ĐỀ NHNN MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (11 VẤN ĐỀ MỚI)			
		giới hạn tỷ giá tối đa sau khi cộng thêm biên độ cho phép là 13.900,49 USD thì giới hạn tỷ giá tối đa là 13.900 VND/USD) Đề nghị NHNN xác nhận nguyên tắc các NH đang áp dụng là phù hợp và có thêm hướng dẫn triển khai.	
12.	Bộ quy tắc và thực hành thống nhất về kiểm tra chứng từ đối với giao dịch chuyển tiền quốc tế của khách hàng cá nhân	BWG đã và đang tham gia góp ý đối với dự thảo Bộ quy tắc và thực hành thống nhất về kiểm tra chứng từ đối với giao dịch chuyển tiền quốc tế của khách hàng cá nhân do Hiệp hội ngân hàng (HHNH) phối hợp với BWG, Vụ Quản lý ngoại hối và một số ngân hàng hội viên nghiên cứu, xây dựng. Ngoài ra BWG cũng đã cung cấp thông tin về thông lệ quốc tế của các Ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được phép và có thực hiện chuyển tiền quốc tế đối với khách hàng cá nhân, trong đó có tối thiểu một số nội dung sau: + Đối tượng chuyển tiền, đối tượng thụ hưởng, nguồn ngoại tệ... + Quy định về giấy tờ, chứng từ yêu cầu khách hàng cung cấp theo các mục đích chuyển tiền + Quy định về chuyển tiền điện tử...	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG tiếp tục phối hợp với HHNH và Vụ QLNH trong việc xây dựng Bộ Quy tắc.
13.	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 21/2013/TT-NHNN Quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại	Liên quan đến việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 21/2023/TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng Thương mại, BWG có ý kiến đối với nội dung quy định tại Điều 14.1.d dự thảo Thông tư như sau: Chúng tôi hiểu rằng quy định mới về việc không kiêm nhiệm này nhằm hạn chế tình trạng kiêm nhiệm chức danh tại chi nhánh, phòng giao dịch, gây ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý chi nhánh, phòng giao dịch. Tuy nhiên, chúng tôi thấy rằng các ngân hàng có thể có những biện pháp khác để đảm bảo hiệu quả quản lý như không phân quyền cho các chức danh quản lý ở chi nhánh, phòng giao dịch được phê duyệt tín dụng và thực hiện phê duyệt tín dụng tập trung tại trụ sở chính. Do đó, chúng tôi kính đề nghị không cấm việc kiêm nhiệm tại Điểm d Khoản 1 Điều 14 Dự thảo và các ngân hàng sẽ có các biện pháp thích hợp để quản lý chi nhánh, phòng giao dịch hiệu quả. <u>Kiến nghị:</u> Sửa đổi tại Điều 14.1.d Dự thảo như phần in đậm như sau: “Chi nhánh, phòng giao dịch có đầy đủ nhân sự điều hành không kiêm nhiệm tối thiểu gồm Giám đốc Chi nhánh, Phó Giám đốc, Giám đốc phòng giao dịch hoặc chức danh tương đương và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ. Các ngân hàng thương mại phải có các biện pháp nhằm đảm bảo hiệu quả quản lý chi nhánh, phòng giao dịch;” + Trường hợp Ban soạn thảo vẫn tiếp tục quy định như nội dung dự kiến, ngân hàng đề xuất chỉnh sửa nội dung này trở thành như sau: “d) Chi nhánh, phòng giao dịch có đầy đủ nhân sự điều hành <u>không kiêm</u>	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG tiếp tục phối hợp làm việc với CQTTGSNH – NHNN trong quá trình xây dựng Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 21/2013/TT-NHNN Quy định về mạng lưới hoạt động

A.2. CÁC VẤN ĐỀ NHNN MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (11 VẤN ĐỀ MỚI)			
		<u>nhiệm</u> tối thiểu gồm Giám đốc Chi nhánh, Phó Giám đốc, Giám đốc phòng giao dịch hoặc chức danh tương đương và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ, <u>ngoại trừ trường hợp Phó Giám đốc Chi nhánh kiêm Giám đốc phòng giao dịch</u>". Lý do cụ thể như sau: Về mặt thực tế, chi nhánh có đủ cán bộ lãnh đạo (Giám đốc, Phó Giám đốc) để chỉ đạo và điều hành kinh doanh theo quy định. Tuy nhiên để nâng cao sự phối hợp hiệu quả công tác giữa phòng giao dịch và các bộ phận chức năng trong chi nhánh nhằm tăng chất lượng hoạt động và giảm thời gian trong việc phục vụ khách hàng, các ngân hàng có thể bổ nhiệm thêm các Phó Giám đốc chi nhánh và giao kiêm nhiệm Giám đốc phòng giao dịch. Các Phó Giám đốc này sẽ chuyên trách điều hành phòng giao dịch với vai trò Giám đốc phòng giao dịch cũng sẽ đảm bảo không chồng chéo hoặc xung đột lợi ích.	của ngân hàng thương mại.
A.3. CÁC VẤN ĐỀ MANG TÍNH HỢP TÁC GIỮA HAI BÊN, CÁC VẤN ĐỀ NHNN ĐÃ GHI NHẬN, SẼ NGHIÊN CỨU TIẾP THU KHI SỬA ĐỔI CÁC THÔNG TƯ, NGHỊ ĐỊNH CỦA NHNN (01 VẤN ĐỀ)			
14.	Phát triển khung pháp lý cho sản phẩm quản lý dòng tiền	BWG kiến nghị phát triển khung pháp lý và cho phép hình thức Kết chuyển hữu hình bằng tiền đồng, trong cùng nội bộ và cho các giao dịch trong nước. Kể từ thời điểm BWG đưa ra đề xuất này (tháng 10/2017), BWG và NHNN đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội thảo trong năm 2018-2020 và tiếp tục làm việc qua công văn, cuộc họp trong năm 2021-2023 để trao đổi, lắng nghe về đặc tính sản phẩm và đề xuất của BWG. NHNN cũng ghi nhận rằng khung pháp lý hiện tại không cấm, tuy nhiên theo xu thế phát triển, các Ngân hàng đề xuất và rất cần sự hỗ trợ từ phía NHNN và Chính phủ để xây dựng, phát triển quy định pháp lý liên quan nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nói riêng cũng như nền kinh tế nói chung. 2023: Trong quá trình BWG tham gia cuộc họp rà soát dự thảo Luật Tổ chức Tín dụng với Ủy ban Kinh tế - Quốc Hội và NHNN, tại buổi làm việc ngày 19/10/2023, BWG đã đề xuất Ban Soạn thảo cân nhắc lại định nghĩa về "Hoạt động ngân hàng" tại Điều 4 và khoản 2 Điều 8 Dự thảo Luật TCTD để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai sản phẩm quản lý dòng tiền và sản phẩm ủy thác cho vay. Phó Thống đốc phụ trách có quan điểm rằng Ngân hàng đang cung cấp dịch vụ thanh toán cho khách hàng và không thấy có vướng mắc gì, nên không cần phải sửa khoản 2 Điều 8. Tiếp theo ý kiến của Phó Thống đốc, BWG sẽ tiếp tục làm việc với NHNN (Vụ Thanh toán và các vụ, cục liên quan khác – nếu cần thiết) trong vấn đề này.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG tiếp tục phối hợp, làm việc với NHNN trong vấn đề này.

**NHÓM B: CÁC VẤN ĐỀ CẦN SỰ PHỐI HỢP CỦA NHNN VÀ
CÓ LIÊN QUAN THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH KHÁC (12 VẤN ĐỀ)**

B.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (07 VẤN ĐỀ CŨ)

15.	Truy thu hồi tổ thuế GTGT đối với phí Thu tín dụng (L/C) <i>NHNN (Vụ Tín dụng các ngành Kinh tế); Bộ Tài chính (Tổng Cục thuế); Bộ Tư pháp; Kiểm toán Nhà nước; Văn phòng Chính phủ</i>	Trong giai đoạn năm 2020 – 2023, BWG đã phối hợp cùng HHNH đề xuất không áp dụng truy thu hồi tổ thuế GTGT đối với phí L/C có tính chất tín dụng. <u>2020:</u> - BWG đã gửi thư cho Thủ tướng, Văn phòng Thủ tướng Chính phủ đã có Công văn số 755/VPCP-KTTH phản hồi công văn và giao NHNN nhiệm vụ làm việc với Bộ Tài chính; NHNN đã gửi CV số 5496/NHNN-TD ngày 30/07/2020 cho Bộ Tài chính. - BWG đã và đang hợp tác với NHNN, HHNH trong vấn đề này. <u>2021:</u> Trong năm 2021, BWG đã có nhiều trao đổi với NHNN qua: - các trao đổi bên lề với NHNN, cung cấp các tài liệu, kinh nghiệm, thông lệ quốc tế v.v. - mỗi ngân hàng thành viên BWG phản hồi chính thức trả lời công văn số 1116 của NHNN yêu cầu các Ngân hàng báo cáo về hoạt động L/C, - NHNN ban hành công văn số 2032/NHNN-TD gửi tới Bộ Tài chính nêu rõ quan điểm của NHNN rằng “L/C vừa là dịch vụ thanh toán, vừa là hoạt động cấp tín dụng”, nêu các thông lệ quốc tế và tiếp tục khẳng định đề xuất không áp dụng truy thu hồi tổ thuế VAT. - BWG tham gia phát biểu ý kiến tại Hội thảo đồng tổ chức tới HHNH, VCCI với sự tham dự của NHNN, Bộ Tài chính ngày 11/5/2021 về những khó khăn thực tiễn khi áp dụng thu hồi tổ VAT đối với phí L/C có tính chất tín dụng. - NHNN đã gửi CV số 7390/NHNN-TD ngày 18/10/2021 tới Bộ Tài chính nêu rõ quan điểm về việc phân loại các khoản phí thu từ dịch vụ L/C, cơ sở pháp lý của việc phân loại; cung cấp số liệu về các khoản phí L/C của TCTD đã thu từ khách hàng trong giai đoạn 2011-2020 và khẳng định quan điểm về vấn đề truy thu hồi tổ thuế GTGT trong giai đoạn 10 năm là không phù hợp. <u>2022:</u> Ngày 12/10/2022, BWG đã gửi Công văn số 12102022BWGVBF đến Thủ tướng & Văn phòng Chính phủ và NHNN:	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG tiếp tục phối hợp với NHNN (Vụ TDCNKT) và tiếp tục trao đổi với Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Bộ Tư pháp, Kiểm toán Nhà nước, Văn phòng Chính phủ về vấn đề này
------------	---	---	---

B.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (07 VẤN ĐỀ CŨ)			
		“Đến nay Bộ Tài Chính vẫn chưa có văn bản hướng dẫn việc áp dụng thuế GTGT đối với dịch vụ thư tín dụng. Ngoài ra, trong nhiều cuộc thanh tra thuế tại nhiều ngân hàng và TCTD trong nước và có vốn đầu tư nước ngoài, các Đoàn Thanh tra của Tổng cục Thuế và Cục Thuế các tỉnh, thành phố vẫn đang áp dụng hướng xử lý thuế theo tinh thần của Công văn 1606/TCT-DNL. Theo đó, khoản tiền thuế GTGT đối với dịch vụ thư tín dụng bị xử lý truy thu, xử phạt vi phạm hành chính và tính tiền chậm nộp từ 2018 đến nay hoặc ghi nhận lại trên Biên bản thanh tra để chờ hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế. Việc này gây ra nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các ngân hàng và TCTD. BWG mong muốn nhận được sự hỗ trợ và xem xét giải quyết thấu đáo của Ngài Thủ tướng và các Bộ ngành liên quan trong việc ban hành quy định hướng dẫn chi tiết trong thời gian sớm nhất cho việc áp dụng thuế GTGT đối với dịch vụ thư tín dụng trên cơ sở không hồi tố, không truy thu thuế, không điều chỉnh lại, chỉ áp dụng tính thuế GTGT từ ngày Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) có văn bản chính thức hướng dẫn.” <u>2023 & 2024:</u> Liên quan tới Văn bản số 324/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại cuộc họp về thuế GTGT đối với hoạt động L/C, trong đó giao Bộ Tài chính căn cứ quy định của Luật thuế GTGT, Luật các TCTD 2010 và pháp luật liên quan thực hiện thu thuế GTGT đối với hoạt động L/C; xem xét, xử lý việc vi phạm hành chính về thuế và tiền chậm nộp tiền thuế GTGT đối với hoạt động L/C... Trên cơ sở đó, ngày 12/1/2024 Bộ Tài chính (BTC) đã có Công văn số 553/BTC-TCT gửi Thủ tướng và Phó Thủ tướng Lê Minh Khái, theo đó đề xuất: “<i>Người nộp thuế thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT đối với thư tín dụng L/C không đúng quy định Luật thuế GTGT, Luật các TCTD 2010 thì có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế phải nộp, tiền chậm nộp tiền thuế và bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế...</i>”	
16.	Vấn đề kiểm soát giao dịch liên quan đến trò chơi trực tuyến chưa được cấp phép	1. BWG đã có CV số 210719BWGVBF gửi Bộ TT&TT và NHNN trình bày những khó khăn trong việc triển khai và xin ý kiến chỉ đạo chung về các trò chơi trực tuyến không có giấy phép như sau: 1.1. Đối với yêu cầu của công văn số 585/NHNN-TT ngày 10/8/2020 yêu cầu các ngân hàng từ chối không xử lý các giao dịch liên quan đến trò chơi trực tuyến chưa được cấp phép: NHNN đã gửi công văn số 998/TT4/NHNN-TT ngày 4/9/2020 hướng dẫn BWG về việc kết nối thanh toán.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG đề xuất tiếp tục phối hợp với Bộ TTTT và

B.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (07 VẤN ĐỀ CŨ)			
	Bộ TT&TT, NHNN (Vụ Thanh toán)	1.2. Việc đưa những trò chơi có từ khóa ngắn, ít ký tự như K8, M88, G88, GDW (Công văn 830/TTGSNH11); R88, Long ho, B24 (Công văn 551/TTGSNH5) và chuỗi ký tự viết bằng tiếng Trung Quốc, những cá nhân phát hành trò chơi không có thông tin định danh (Công văn 585/TTGSNH5) vào danh sách rà soát có thể dẫn đến số lượng rất lớn các cảnh báo chưa thật chính xác, gây khó khăn cho việc xác định những cảnh báo này có thực sự liên quan đến trò chơi trực tuyến đó hay không. Vì vậy, BWG kiến nghị NHNN làm rõ và hướng dẫn thêm. 1.3. Trong việc kiểm soát các giao dịch liên quan đến khách hàng trong lĩnh vực khách sạn, quán bar, câu lạc bộ, khu du lịch, mã MCC 5813, 7011... BWG gặp khó khăn khi xác định các cơ sở được cấp phép để từ đó xác định liệu các giao dịch với các cơ sở này là hợp pháp hay không. Chúng tôi mong nhận được hướng dẫn của NHNN về danh sách các cơ sở kinh doanh dịch vụ đánh bạc được cấp phép tại Việt Nam. Để đảm bảo biện pháp kiểm soát chặn các giao dịch đến các đơn vị chấp nhận thẻ có mã MCC liên quan được thực hiện một cách hiệu quả, nhất quán và toàn diện bởi tất cả các ngân hàng, chúng tôi mong muốn nhận được hướng dẫn của NHNN trong việc tìm hiểu danh sách các MCC liên quan đến các giao dịch bị cấm theo luật định. 1.4. Quy định pháp lý liên quan: ND 03/2017/ND-CP, Thông tư 102/2017/TT-BTC về kinh doanh casino có quy định thí điểm 3 năm cho phép người Việt Nam đủ 21 tuổi trở lên và có năng lực hành vi dân sự được chơi tại điểm kinh doanh casino được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Hiện BWG không có cách nào để xác định các doanh nghiệp nào nằm trong danh sách được phép thí điểm, cũng như liệu các doanh nghiệp đã hoàn thành việc thí điểm và được cấp phép chính thức để cho phép người Việt Nam vào chơi. Rất mong nhận được hướng dẫn thêm của NHNN để giúp cho việc báo cáo giao dịch của chúng tôi được chính xác và đầy đủ hơn. 2. BWG đã gửi CV số 01-141021BWGVBF ngày 14/10/2021: Trong đó, tiếp tục trình bày các vấn đề sau: 2.1. Đề nghị NHNN có ý kiến thêm với Hiệp hội Ngân hàng (HHNH) và các TCTTT nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện và thúc đẩy nhanh việc kết nối, chia sẻ thông tin nêu trên cũng như có thêm chỉ đạo về việc phối hợp toàn ngành trong công tác phòng chống các vi phạm trong hoạt động thẻ. 2.2. Về tiêu chuẩn báo cáo: Do hiện tại chưa xác định được kênh cũng như quy tắc liên lạc hay thời gian phản hồi rõ ràng, đồng thuận giữa TCPHT và TCTTT, BWG đã/ sẽ tiến hành báo cáo giao dịch đáng ngờ với nỗ lực cao nhất, cung cấp nhiều nhất các thông tin theo yêu cầu.	cập nhật cho NHNN về vấn đề này trong thời gian tới.

B.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (07 VẤN ĐỀ CŨ)			
		BWG đề xuất báo cáo giao dịch đáng ngờ trên cơ sở tập hợp theo nhóm dựa trên các điểm chung về mặt thông tin thu thập được trên giao dịch thẻ của khách hàng trong quá trình điều tra – một bảng tham khảo riêng chi tiết cho từng TCTTT theo phương thức này được đính kèm với mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ sẽ giúp báo cáo thông tin một cách ngắn gọn, nhất quán, súc tích.	
17.	Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt <i>NHNN (Vụ Thanh toán); Bộ Tư pháp</i>	2021: BWG đã đóng góp ý kiến, tham gia Hội đồng thẩm định và làm việc với NHNN và Bộ Tư pháp trong quá trình dự thảo & xây dựng Nghị định. BWG mong muốn nhận được cập nhật cho vấn đề này.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG tiếp tục phối hợp với NHNN (Vụ Thanh toán), Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan trong vấn đề này.
18.	Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân <i>Bộ Công an (A05); NHNN (Vụ Pháp chế, Cục CNTT)</i>	Sau khi Nghị định 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân (Nghị định 13) được ban hành, BWG đã tham gia thảo luận liên quan đến triển khai Nghị định 13 như sau: (i) Hội thảo của Bộ Công an vào ngày 07/06/2023: (ii) Hội thảo của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (HHNH) tại NHNN. Đại diện BWG đã trình bày các thông lệ quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân (bao gồm EU/ UK – GDPR, Trung Quốc – PIPA, Singapore – PDPA, Nhật Bản – APPI), tập trung trên các khía cạnh sau: 1. Phạm vi áp dụng xuyên biên giới 2. Định nghĩa liên quan (Bên Kiểm soát/ Bên xử lý) 3. Quyền truy cập của chủ thể dữ liệu 4. Thời hạn triển khai, thi hành 5. Sự đồng ý của chủ thể dữ liệu 6. Đánh giá tác động xử lý/ chuyển giao dữ liệu cá nhân 7. Thông báo vi phạm	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG phối hợp làm việc cùng Bộ Công an về các kiến nghị về cách hiểu và áp dụng một số điều khoản liên quan trong ngành Ngân hàng và cập nhật cho NHNN để phối hợp (nếu cần thiết)

B.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (07 VẤN ĐỀ CŨ)			
		(iii) Cuộc họp kỹ thuật với Bộ Công An, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và VBF về Nghị định 13 vào ngày 01/08/ 2023. Nhiều câu hỏi của các thành viên BWG đã được A05/MPS trả lời như sau: Phạm vi và các đơn vị được quy định; Định nghĩa về dữ liệu cá nhân; Quản lý chung của dữ liệu cá nhân; Bên thứ ba; Báo cáo đánh giá tác động (PIA); Quyền và sự đồng thuận của chủ thể dữ liệu; Mục đích thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân; Ngày có hiệu lực của Nghị định 13.	
19.	Nghị định 53/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật An ninh mạng Bộ Công an (A05); NHNN (Cục CNTT)	2022: Tháng 9/2022, BWG phối hợp cùng VBF gửi công văn tới Bộ Công an, NHNN, Bộ KH&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 53. Ngày 22/12/2022, Bộ Công an đã phối hợp với Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức Hội nghị Phổ biến, hướng dẫn triển khai Nghị định số 53 tại TP. Hồ Chí Minh. 2023: Về các vướng mắc còn tồn đọng, trong thời gian qua, BWG đã tổng hợp các kiến nghị và đề xuất của các thành viên và trình đến BCA thông qua (i) CV số 14112022BWGVBF ngày 14/11/2022; (ii) CV số 16052023BWGVBF ngày 16/05/2023; (iii) CV số 28092023BWGVBF ngày 28/09/2023. Các nội dung nêu tại 03 công văn trên là một số điểm quan trọng và có ảnh hưởng nhất định trong tình hình tuân thủ Nghị định 53, đặc biệt là nội dung về (i) Dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam: bạn bè, nhóm mà người sử dụng kết nối hoặc tương tác (Điểm c Khoản 1 Điều 26 Nghị Định 53); (ii) Dữ liệu về địa chỉ mạng (IP) tại nước ngoài (Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị Định 53). Sau buổi họp trực tiếp với đại diện của BWG, Cục An ninh mạng (A05) – BCC, Bộ Công An đã có văn bản số 5352/A05-P1 ngày 10/10/2023 để giải đáp một số vướng mắc của BWG đã được nêu tại cuộc họp cũng như trong các công văn đã gửi trước đây, theo đó: 1. Về lưu trữ địa chỉ IP tạo ra của công dân Việt Nam khi ra nước ngoài: đề nghị tuân thủ theo nguyên tắc ưu tiên luật của quốc gia sở tại (nơi đến), sau đó là pháp luật của Việt Nam. 2. Về việc công ty mẹ ở nước ngoài điều hành tài khoản mở tại quốc gia Việt Nam: do có sự độc lập pháp lý giữa công ty mẹ và công ty con, nên đề nghị: (1) xác định công ty con ở Việt Nam là công ty trong nước hay công ty nước ngoài theo Nghị định số 53/2022/NĐ-CP; (2) nếu là công ty trong nước, đề nghị thực hiện các nghĩa vụ đối với công ty trong nước theo Nghị định 13/2023/NĐ-CP; (3) đề nghị làm rõ trách nhiệm của công ty mẹ khi sở hữu dữ liệu cá nhân của công dân Việt Nam và trách nhiệm pháp lý của công ty con khi chuyển dữ liệu của công dân Việt Nam ra nước ngoài; (4) việc lưu trữ dữ liệu được tiến hành theo quy định tại Nghị định số 53/2022/NĐ-CP, công ty cần thiết lập hệ thống kỹ thuật để thực hiện được việc này. 3. Hành vi đăng xuất được tính theo tài khoản người sử dụng dịch vụ.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG phối hợp làm việc cùng Bộ Công an về các kiến nghị về cách hiểu và áp dụng một số điều khoản liên quan trong ngành Ngân hàng và cập nhật cho NHNN để phối hợp (nếu cần thiết)

B.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (07 VẤN ĐỀ CŨ)			
		4. Dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam: bao gồm bạn bè, nhóm mà người sử dụng kết nối hoặc tương tác, trên các môi trường khác nhau. Chúng tôi chưa hiểu về hình thức mối quan hệ trong các quỹ đầu tư nên chưa thể tư vấn về nội dung này. 5. Do chi nhánh của ngân hàng nước ngoài không có tư cách pháp nhân nên trách nhiệm thực hiện Nghị định số 53/2022/NĐ-CP thuộc về doanh nghiệp nước ngoài sở hữu chi nhánh. 6. Thời gian bắt đầu lưu trữ được tính kể từ khi Nghị định có hiệu lực. 7. Dữ liệu lưu trữ là các dữ liệu doanh nghiệp hiện có để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. 8. Thời gian lưu trữ tối thiểu là 24 tháng. Trường hợp pháp luật có quy định khác thì cộng thêm thời gian theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Một số lĩnh vực quy định tại Điều 26.3.a chưa có định nghĩa theo quy định tại pháp luật Việt Nam nhưng là ngành nghề kinh doanh. Do đó, cách hiểu tương tự với việc khi doanh nghiệp đăng ký ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh.	
20.	Bù trừ trong giao dịch phái sinh (Thanh toán ròng khi chấm dứt trước thời hạn) <i>Bộ Tư pháp; Tòa án Nhân dân Tối cao; NHNN</i>	BWG kiến nghị cho phép Bù trừ trong giao dịch phái sinh. - 2021: BWG và NHNN đã trao đổi và phối hợp chặt chẽ trong quá trình xây dựng Dự thảo sửa đổi Thông tư 01/2015/TT-NHNN, thông qua hình thức đóng góp ý kiến cho Dự thảo và tổ chức 2 cuộc họp kỹ thuật để trao đổi các vướng mắc, đề xuất sửa đổi trong TT 01. Thông tư 25/2021/TT-NHNN sửa đổi bổ sung Thông tư 01 đã quy định NHTM, chi nhánh NHNN được thực hiện thanh toán ròng (bù trừ) trong giao dịch phái sinh lãi suất. 2023: Do vấn đề bù trừ trong giao dịch phái sinh còn liên quan tới Luật Phá sản, BWG đề xuất tiếp tục phối hợp, làm việc với NHNN, Bộ Tư pháp, Tòa án Nhân dân Tối cao trong quá trình sửa đổi Luật Phá sản các quy định liên quan.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG đề xuất tiếp tục phối hợp, làm việc với NHNN, Bộ Tư pháp, Tòa án Nhân dân Tối cao trong quá trình sửa đổi Luật Phá sản các quy định liên quan.
21.	Về yêu cầu - phải có chữ ký kế toán trưởng trong điều hành	Về vấn đề này, đã có một số buổi làm việc giữa BWG và Vụ Thanh toán - NHNN và Bộ Tài chính. Nguồn gốc của vấn đề này phát sinh từ Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 06/03/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng, Luật kế toán và Quyết định 1789 của NHNN năm 2005. Trước đây, các NH không gặp nhiều khó khăn khi triển khai quyết định vì giao dịch được	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ

B.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (07 VẤN ĐỀ CŨ)			
	sử dụng tài khoản ngân hàng QĐ 1789/2005/QĐ-NHN ban hành về chế độ chứng từ kế toán <i>Bộ Tài chính;</i> <i>Bộ Tư pháp;</i> <i>NHNN (Vụ TCKT)</i>	thực hiện trên giấy. Nhưng hiện nay hệ thống giao dịch trực tuyến đã rất phát triển, từ đó phát sinh 2 nhóm chữ kí: của người đại diện theo pháp luật & kế toán trưởng và người được ủy quyền thì các yêu cầu tại Quyết định này không thực tế cho hoạt động thanh toán của các NH. Nhưng do vướng mắc của Luật kế toán và Quyết định 1789 dẫn đến việc các NH chịu rủi ro về mặt tuân thủ, do khi các khách hàng sử dụng qua hệ thống thanh toán của NH thì họ và cả NH cũng không thể chứng minh được 2 nhóm chữ kí như trong quy định. Theo các trao đổi giữa BWG và Bộ Tài chính, Bộ Tài chính cũng đồng thuận rằng các quy định này được xây dựng trên quan điểm giao dịch giấy tờ và không còn phù hợp với giao dịch điện tử như hiện nay. Kiến nghị: Với kinh nghiệm trong việc xây dựng hệ thống ngân hàng điện tử ở ngân hàng mẹ tại các nước phát triển, BWG đề xuất làm việc thêm với các cơ quan chức năng của NHNN và mong muốn được hỗ trợ NHNN trong quá trình NHNN soạn thảo, sửa đổi các luật liên quan, xây dựng hệ thống pháp lý để triển khai giao dịch điện tử tại Việt Nam - như sửa đổi Quyết định 1789 để phù hợp với tình hình phát triển của NH điện tử. BWG tiếp tục phối hợp, làm việc với NHNN (Vụ TCKT), Bộ Tài chính và các Bộ ngành (Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông) trong quá trình nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các quy định liên quan như Luật Kế toán, Quyết định 1789, Quyết định 367.	BWG tiếp tục phối hợp, làm việc với NHNN (Vụ TCKT), Bộ Tài chính và các Bộ ngành (Bộ Tư pháp) trong quá trình nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các quy định liên quan như Luật Kế toán, Quyết định 1789, Quyết định 367.
B.2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (5 VẤN ĐỀ MỚI)			
22.	Luật Giao dịch điện tử <i>Bộ TT&TT;</i> <i>NHNN (Vụ Pháp chế, Cục CNTT, Vụ Thanh toán)</i>	Trước khi Luật Giao dịch Điện tử (sửa đổi) được Quốc hội thông qua vào tháng 6/2023, BWG đã tích cực hỗ trợ, tham gia góp ý vào các bản dự thảo, cũng như hợp tác chặt chẽ với Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (HHNH) và NHNN trong các cuộc họp với Bộ Thông tin Truyền thông & Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội. Sau khi ban hành, vướng mắc tồn đọng chính của BWG trong Luật này liên quan đến chữ ký điện tử (Điều 22 đến điều 26), cụ thể: 1. Điều 25 về Chữ ký điện tử chuyên dụng <i>(Xem thêm tại Mục B.2.23)</i> 2. Chứng từ kế toán điện tử <i>(Xem thêm tại Mục B.2.24)</i>	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG cùng NHNN, Bộ Thông tin & Truyền thông, HHNH, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường - Quốc hội sẽ tiếp tục phối hợp trong

B.2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (5 VẤN ĐỀ MỚI)			
		3. Điều 26 – Vấn đề liên quan đến việc sử dụng DocuSign	quá trình triển khai Luật và xây dựng Nghị định và các văn bản hướng dẫn.
23.	Chữ ký điện tử <i>Bộ TT&TT; NHNN (Cục Công nghệ Thông tin đầu mối phối hợp với Vụ Thanh toán, Vụ Pháp chế)</i>	2023 Luật GDĐT chỉ quy định về các điều kiện của chữ ký điện tử chuyên dùng, chữ ký số nhưng chưa quy định về các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng đảm bảo an toàn cũng như chủ thể, quy trình thực hiện đăng ký. Chính phủ hiện tại cũng chưa ban hành các văn bản hướng dẫn quy định này. Điều này khiến các TCTD chưa thể tiến hành lập hồ sơ xin chứng nhận. Trong khi để hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận, TCTD cũng cần có thời gian để thiết lập lại hệ thống, các biện pháp kỹ thuật cũng như sửa đổi các quy định nội bộ để đáp ứng các điều kiện để được cấp phép. Từ góc độ ngân hàng, một số vướng mắc đối với việc chữ ký điện tử đảm bảo an toàn như sau: 1. Việc yêu cầu tổ chức sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng “để giao dịch với tổ chức, cá nhân khác hoặc có nhu cầu công nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn thì đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông để được cấp chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn.” sẽ phát sinh thủ tục hành chính vô cùng lớn cho các tổ chức, doanh nghiệp. 2. Việc chưa có quy định rõ ràng cũng khiến TCTD khó xác định TCTD có phải là tổ chức phải tiến hành đăng ký chữ ký điện tử chuyên dùng đảm bảo an toàn hay không trong một số trường hợp. BWG tiếp tục phối hợp, làm việc với Bộ TTTT và NHNN (Cục CNTT) trong quá trình triển khai Luật GDĐT và xây dựng hoặc sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chữ ký điện tử & việc sử dụng các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử để thể hiện sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu mà không phải là chữ ký điện tử (thực hiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan); để đảm bảo các quy định phù hợp với hoạt động của ngành Ngân hàng.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ
24.	Chứng từ kế toán điện tử <i>Bộ Tài chính; NHNN (Vụ Tài chính – kế toán)</i>	1. Vấn đề chữ ký trên chứng từ kế toán điện tử Tham chiếu vào quy định hiện hành tại Điều 19 của Luật Kế toán 2015 và Điều 8 của Quyết định 1789/2005/QĐ-NHNN về chế độ chứng từ kế toán ngân hàng, chứng từ kế toán phải được ký bằng chữ ký tươi hoặc chữ ký điện tử. Như vậy, chỉ có 03 loại (i) Chữ ký điện tử chuyên dùng và (ii) Chữ ký số công cộng và (iii) Chữ ký số chuyên dùng công vụ mới đáp ứng được yêu cầu này. Trong khi đó, Luật GDĐT sửa đổi đã bổ sung thêm loại chữ ký thứ 4 tại khoản 4 Điều 22 Luật này: “sử dụng các hình thức	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG đề xuất tiếp tục phối hợp, làm việc

B.2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (5 VẤN ĐỀ MỚI)			
	cùng các vụ, cục liên quan)	xác nhận khác bằng phương tiện điện tử để thể hiện sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu mà không phải là chữ ký điện tử thực hiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan.” <u>Kiến nghị</u>: Luật Kế toán 2015 và Quyết định 1789 nên sửa đổi cho phù hợp với quy định của Luật GDĐT sửa đổi bằng cách quy định chứng từ kế toán điện tử phù hợp với quy định của Luật GDĐT mới. 2. Vấn đề con dấu trên chứng từ kế toán điện tử Theo quy định tại Khoản 3, Điều 23: “Trường hợp pháp luật quy định văn bản phải được cơ quan, tổ chức xác nhận thì yêu cầu đó được xem là đáp ứng đối với một thông điệp dữ liệu nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bằng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số của cơ quan, tổ chức đó.” Điều khoản này chính là đang quy định về vấn đề con dấu của tổ chức. Một thông điệp dữ liệu được xem là đã được đóng dấu bởi tổ chức khi thông điệp đó được ký bởi 03 loại chữ ký nêu tại Khoản 1 Điều 22 Luật GDĐT. Tham chiếu đến quy định liên quan tại: - Điều 24.2 của Luật Kế toán 2015 và Điều 8.2.c của Quyết định 1789, tổ chức vẫn phải đóng dấu lên sổ kế toán/chứng từ kế toán. - Theo Điều 43.2 của Luật Doanh Nghiệp 2020 về con dấu, doanh nghiệp được quyền tự quyết định về loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu. Như vậy, theo quy định này doanh nghiệp có thể quyết định không có con dấu. Tuy nhiên, theo Điều 43.3 của Luật Doanh nghiệp 2020, doanh nghiệp sử dụng con dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật. - Như vậy, nếu Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn có quy định về đóng dấu lên loại tài liệu/chứng từ kế toán nào thì doanh nghiệp mới cần đóng dấu lên tài liệu/chứng từ đó. <u>Kiến nghị</u>: Đề nghị rà soát quy định phân loại loại tài liệu/chứng từ kế toán nào thì thật sự cần thiết yêu cầu con dấu, để phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Luật GDĐT mới. 3. Định nghĩa “chứng từ kế toán” Định nghĩa về “chứng từ kế toán” quy định tại Điều 3.3 mang tính nguyên tắc dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau trong các doanh nghiệp, trong giới luật sư về diễn giải luật, thậm chí trong giới các công ty kiểm toán chuyên nghiệp. <u>Kiến nghị</u>: Bộ Tài chính đề cho NHNN hướng dẫn cụ thể về loại chứng từ ngân hàng nào là chứng từ kế toán, loại nào không phải là chứng từ kế toán để có cách hiểu và thực hiện thống nhất.	với Bộ TTTT và NHNN (Vụ Tài chính – kế toán) trong quá trình triển khai Luật GDĐT và xây dựng hoặc sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chứng từ kế toán điện tử để đảm bảo các quy định phù hợp với hoạt động của ngành Ngân hàng.

B.2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (5 VẤN ĐỀ MỚI)			
25.	Dự thảo Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ <i>Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính</i>	BWG đã gửi ý kiến đóng góp về bản dự thảo của Nghị định 123 tới Tổng Cục thuế/Bộ Tài chính, trong đó có nội dung quan trọng như sau: 1. Điều 1, Khoản 5: sửa đổi, bổ sung Điều 9 - Đề xuất bỏ nội dung "Trường hợp khách hàng yêu cầu lấy hóa đơn theo từng giao dịch thì đơn vị cung cấp dịch vụ phải lập hóa đơn giao cho khách hàng". Do dữ liệu và hệ thống hóa đơn theo dữ liệu tổng hợp, nên rất khó để chọn dữ liệu xuất hóa đơn theo các cách thức khác nhau hoặc xuất hóa đơn theo từng ngày như quy định. - Đề nghị giữ nguyên việc áp dụng “thời điểm lập hóa đơn” theo Khoản 3 Điều 6 Thông tư 78 cho phép ngân hàng lập hóa đơn chậm nhất không quá ngày 10 của tháng sau tháng phát sinh - Đề xuất sửa thành: "Đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài xuất hóa đơn theo số tiền thực tế thu đối ngoại tệ." - Đề xuất xem xét cho phép Ngân hàng và khách hàng được lựa chọn việc xuất hóa đơn hay không. - Việc xuất hóa đơn cho hoạt động đại lý ngoại tệ, cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ → quy định này có bao gồm hoạt động mua bán kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng hay không? Nếu hoạt động mua bán kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng phải xuất hóa đơn thì sẽ chỉ xuất cho nghiệp vụ bán ngoại tệ? - Cần làm rõ áp dụng cho hoạt động cấp tín dụng (bao gồm cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, LC, cho thuê tài chính, v.v.) (theo khoản 8 Điều 4 Thông tư 219 về thuế GTGT) hay chỉ áp dụng cho hoạt động tín dụng (cho vay). 2. Điều 1, Khoản 6: sửa đổi, bổ sung Điều 10 - Do khái niệm "Mã định danh" vẫn còn mới và chưa có luật định hướng dẫn cụ thể. Vì vậy cần cho phép thời điểm áp dụng riêng đối với chỉ tiêu này; hoặc chuyển từ chỉ tiêu không bắt buộc sang bắt buộc trên hóa đơn sau khi ngành ngân hàng kịp thời cập nhật trên hệ thống lõi của ngân hàng và TCTD. - Đề nghị làm rõ khái niệm Mã số định danh của người mua, đặc biệt với trường hợp người mua là cá nhân, tổ chức nước ngoài. - Đề xuất cân nhắc quy định việc lưu trữ bảng kê phải được đảm bảo để có thể xuất ra và đối chiếu với hóa đơn, thay vì đính kèm bảng kê cùng hóa đơn đối với hệ thống ngân hàng do lượng dữ liệu giao dịch cần lưu trữ rất lớn.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG tiếp tục làm việc với Tổng Cục thuế/Bộ Tài chính về phản hồi chính thức và sẽ cập nhật NHNN để phối hợp làm việc (nếu cần thiết)

B.2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (5 VẤN ĐỀ MỚI)			
		- Để thuận tiện cũng như đảm bảo dữ liệu hóa đơn (bao gồm dữ liệu về tỷ giá) được kết nối trực tiếp từ hệ thống lõi sang hệ thống hóa đơn điện tử, đề nghị Tổng cục thuế cho phép ngân hàng được sử dụng tỷ giá trên hóa đơn là tỷ giá trong hệ thống ngân hàng thay vì tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. 3. Đối với các sản phẩm của ngân hàng như hoạt động kinh doanh ngoại tệ, hoạt động phái sinh (như Giao dịch hoán đổi lãi suất một đồng tiền, Giao dịch hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền, Giao dịch quyền chọn lãi suất giới hạn trần/sàn/kết hợp trần-sàn) – các sản phẩm này có nghiệp vụ khá phức tạp và đặc thù tuy nhiên đều có các chứng từ giao dịch được quy định chặt chẽ bởi Ngân hàng Nhà nước đảm bảo các yếu tố xác định giao dịch và có số tham chiếu duy nhất từ hệ thống. Ngoài ra các sản phẩm này đều thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định hiện hành về thuế GTGT. Do đó, chúng tôi rất mong Bộ Tài chính cho phép các NHTM không cần phát hành hóa đơn điện tử cho các sản phẩm này, thay vào đó sẽ sử dụng hệ thống chứng từ giao dịch được quy định bởi Ngân hàng Nhà nước cùng với các chứng từ giao dịch cụ thể của từng ngân hàng như “Hợp đồng/Xác nhận giao dịch”, “Thông báo ấn định lãi suất”, v.v. Trong trường hợp các quy định về hóa đơn điện tử bao gồm cả những giao dịch đặc thù nêu trên, chúng tôi kính đề xuất Bộ Tài Chính ban hành bổ sung hướng dẫn cụ thể về việc phát hành hóa đơn điện tử cho các sản phẩm đặc thù của ngân hàng để áp dụng thống nhất chung cho các NHTM. 4. Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành: Chúng tôi đề nghị hiệu lực của nghị định sửa đổi là 90 ngày kể từ ngày ban hành để đơn vị có đủ thời gian và nguồn lực cho việc sửa đổi hệ thống.	
26.	Thủ tục Cấp phép đối với lao động nước ngoài <i>Bộ LĐTBXH</i>	<u>Vướng mắc:</u> Từ khi thực hiện Nghị định 152/2020/NĐ-CP cho tới thời điểm hiện nay, các công ty tài chính có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm các NH nước ngoài) đã thực hiện các thủ tục liên quan đến (i) Xin chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, (ii) Xin xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; (iii) cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (gọi chung là “Thủ tục Cấp phép đối với lao động nước ngoài”), với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (“Sở LĐTBXH”) tại địa phương nơi tổ chức đó đặt trụ sở. Tuy nhiên, gần đây, kể từ khi Nghị định 70/2023/NĐ-CP có hiệu lực, những doanh nghiệp này phải thực hiện các Thủ tục Cấp phép đối với lao động nước ngoài tại Bộ LĐTBXH (thay vì tại Sở LĐTBXH như thực tiễn hiện nay). Theo đó, các doanh nghiệp được yêu cầu phải nộp lại giấy phép lao động do Sở LĐTBXH cấp và nộp lại hồ sơ xin cấp phép với Bộ LĐTBXH. <u>Đề xuất</u>	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG tiếp tục làm việc với Bộ LĐTBXH và cập nhật tới NHNN để phối hợp (nếu cần thiết)

B.2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (5 VẤN ĐỀ MỚI)

	(i) Bảo toàn hiệu lực của Giấy phép lao động hiện tại do Sở LĐTBXH cấp cho tới khi hết hiệu lực vì đây là các quyết định hành chính có hiệu lực pháp lý tại thời điểm cấp từ một cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực lao động. (ii) Trong trường hợp doanh nghiệp bắt đầu quá trình xin Giấy phép lao động hoặc Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động mới tại Bộ LĐTBXH; trong khi giấy phép hiện tại do Sở LĐTBXH cấp vẫn còn hiệu lực: kính đề xuất Bộ LĐTBXH tiếp tục thừa nhận hiệu lực của giấy phép lao động do Sở LĐTBXH cấp trước đó. Yêu cầu hủy bỏ giấy phép lao động do Sở LĐTBXH cấp trước khi nộp đơn xin giấy phép mới tại Bộ LĐTBXH tạo ra những khoảng thời gian trống khi lao động nước ngoài đang làm việc mà không có giấy phép lao động hợp lệ, dẫn đến các rủi ro liên quan đến việc gián đoạn quan hệ lao động hợp pháp, cũng như các vấn đề về thuế và nhập cư sẽ có thể ảnh hưởng đến các thành viên trong gia đình họ. (iii) Đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian xử lý trong quy trình cấp phép.	
--	---	--

NHÓM C: CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ DỨT ĐIỂM TRONG 2023 (15 VẤN ĐỀ)

C.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (09 VẤN ĐỀ CŨ)

27.	Vấn đề liên quan đến thông tin người thành lập của khách hàng tổ chức	Vấn đề liên quan đến thông tin người thành lập của khách hàng tổ chức <i>Trích dẫn Công văn số 09062023BWGVBF ngày 09/06/2023 của BWG về Xin hướng dẫn về một số điểm liên quan đến Luật Phòng chống rửa tiền 2022</i> Cơ sở pháp lý: Theo quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền 2022 về thông tin nhận biết khách hàng, chúng hiểu rằng yêu cầu thu thập “<i>thông tin về người thành lập, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có) của tổ chức bao gồm các thông tin tương ứng quy định tại điểm a, b, c, d hoặc d khoản này</i>” chỉ áp dụng cho khách hàng là tổ chức. Đối với trường hợp “<i>người thành lập là tổ chức</i>”, các thông tin cần thu thập bao gồm “<i>tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ trụ sở chính; số giấy phép thành lập, mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế; số điện thoại liên lạc; số fax, trang thông tin điện tử (nếu có); lĩnh vực hoạt động, kinh doanh</i>”. Kiến nghị: Kính đề nghị NHNN xác nhận cách hiểu của chúng tôi.	ĐÃ XỬ LÝ BWG đã nhận được hướng dẫn của CQTTSGNH - NHNN để thực hiện phù hợp.
28.	Luật Tổ chức tín dụng	BWG đã nhiều gửi văn bản đóng góp ý kiến, tham gia góp ý trực tiếp, cũng như nghiên cứu các thông lệ quốc tế - khung pháp lý hiện hành để hỗ trợ chuyên môn tại các vòng soạn thảo cùng Ủy ban Kinh tế Quốc hội, NHNN và các bộ, ngành liên quan.	ĐÃ XỬ LÝ Luật TCTD đã được Quốc hội

C.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO ĐỐI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (09 VẤN ĐỀ CŨ)			
		Một số kiến nghị chính của BWG tại công văn số 16112023BWGVBF ngày 16/11/2023 tới NHNN và Ủy ban Kinh tế - Quốc hội đối với Dự thảo Luật ngày 29/10/2023 liên quan đến: 1. Xác định bản chất nghiệp vụ L/C 2. Bảo lãnh ngân hàng 3. Quy định về “hoạt động ngân hàng” 4. Định nghĩa Bao thanh toán 5. Xử lý và cung cấp thông tin khách hàng 6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 7. Quy định Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. 8. Quy định về Báo cáo tài chính hợp nhất và tỷ lệ bảo đảm an toàn đối với Chi nhánh NHNNg 9. Hoạt động “Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư” 10. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay 11. Lưu ký chứng khoán và các dịch vụ được phép khác trên cơ sở hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán. 12. Cho phép Ngân hàng 100% vốn nước ngoài nhận bảo lãnh đối ứng từ ngân hàng mẹ 13. Giới hạn cấp tín dụng 14. Điều khoản chuyển tiếp	khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 3 (tháng 01/2024)
29.	Công văn số 2937/NHNN-TT ngày 04/05/2022 về quản lý dịch vụ truyền hình xuyên biên giới <i>Bộ TT&TT (Cục phát thanh,</i>	Công văn 2937 cũng như công văn đính kèm theo Công văn 2937 (Công văn 948/BTTTT- PTTH&TTĐT ngày 16/03/2022) có đề cập đến dịch vụ truyền hình trả tiền trên mạng internet (“OTT TV”) của doanh nghiệp nước ngoài xuyên biên giới chưa tuân thủ về quản lý nội dung và dịch vụ của Việt Nam và phương thức thu cước chủ yếu thông qua hệ thống thanh toán của ngân hàng. Tuy nhiên, ngân hàng thương mại chưa rõ trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong việc phối hợp với vụ Thông tin Truyền Thông về quản lý nội dung và dịch vụ truyền hình cũng như các yêu cầu cụ thể đối với hoạt động thanh toán cho loại hình dịch vụ này, cũng như trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong việc kiểm tra tính hợp pháp và phù hợp pháp luật về quản lý ngoại hối của các khoản thanh toán cho đơn vị cung cấp OTT	ĐÃ XỬ LÝ BWG đã nhận được phản hồi của NHNN và tiếp tục phối hợp làm việc với Bộ TT&TT và cập nhật cho

C.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (09 VẤN ĐỀ CŨ)			
	truyền hình và thông tin điện tử); NHNN (Vụ Thanh toán)	TV trong tình trạng tuân thủ về quản lý nội dung và dịch vụ của các đơn vị này. Do vậy, chúng tôi mong nhận được hướng dẫn cụ thể từ NHNN để có thể thực hiện Công văn 2937 và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.	NHNN (nếu cần thiết).
30.	Chuyển tiền ra nước ngoài đối với các giao dịch vãng lai (Thông tư 20/2022/TT-NHNN)	Ý kiến đóng góp liên quan đến việc thực hiện chuyển tiền ra nước ngoài đối với các giao dịch vãng lai liên quan tới Thông tư 20/2022/TT-NHNN. Cùng với việc triển khai thực hiện quy định tại Thông tư 20, chúng tôi đã tiến hành rà soát lại các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối liên quan đến các giao dịch vãng lai (Điều 4, Pháp lệnh ngoại hối 28/2005/PL-UBTVQH11). Sau khi rà soát, chúng tôi có một số vấn đề dưới đây mong nhận được hướng dẫn từ NHNN: 1. Vấn đề 01: Các giao dịch được xem là “các khoản thanh toán và chuyển tiền liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ” theo quy định tại Điều 4.6.a Pháp lệnh ngoại hối 28/2005/PL-UBTVQH11 (đã được sửa đổi, bổ sung). Chúng tôi hiểu rằng tất cả các giao dịch thanh toán phát sinh từ hợp đồng xuất khẩu hàng hóa/dịch vụ sẽ được hiểu là các giao dịch vãng lai và được thực hiện theo quy định tại điểm a, Khoản 6, Điều 4, Pháp lệnh ngoại hối 28/2005/PL-UBTVQH11 (đã được sửa đổi, bổ sung) dựa trên các cơ sở pháp lý đã nêu trong thư. 2. Vấn đề 02: Một số các giao dịch khác: Chúng tôi hiểu rằng các giao dịch này có thể coi là hoạt động khác có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định pháp luật về thương mại quy định tại Điều 14.1(a) Thông tư 20.	ĐÃ XỬ LÝ Các vướng mắc đã được trao đổi và giải đáp một phần tại cuộc họp giữa VNBA, BWG và Vụ QLNH vào tháng 8/2023
31.	Rà soát giao dịch trong nước	BWG đề xuất trao đổi và đã được Cục PCRT đồng ý trong thời gian tới tổ chức cuộc họp nhằm hướng tới cách thực hiện hiệu quả trong việc rà soát các giao dịch trong nước.	ĐÃ XỬ LÝ
32.	Thời hạn nộp báo cáo kiểm toán hệ thống kiểm soát nội bộ (“KSNB”) theo quy định tại Thông tư 24/2021/TT-NHNN	Về vấn đề này, BWG đã gửi tới NHNN ba công văn (i) CV số 17012023BWGVBF ngày 17/01/2023, (ii) CV số 290323BWGVBF ngày 29/3/2023 và (iii) CV số 10052023BWGVBF ngày 10/05/2023. Do khó khăn liên quan đến đặc thù hệ thống KSNB trong ngân hàng, phạm vi kiểm toán v.v, các ngân hàng thành viên BWG và công ty kiểm toán hiện cần thêm thời gian để xác định được phạm vi và tiêu chí cụ thể cho việc thực hiện hoạt động kiểm toán độc lập đối với hệ thống KSNB của ngân hàng cho năm tài chính 2022 theo quy định tại Điều 8.a. trong Thông tư 24/2021/TT-NHNN. Trên cơ sở đó, BWG đề xuất NHNN cân nhắc, cho phép gia hạn thời hạn nộp báo cáo kiểm toán hệ thống KSNB cho năm tài chính 2022 tới ngày 31/12/2023 , thay vì thời hạn nộp báo cáo kiểm toán được quy định vào cuối tháng 3.	ĐÃ XỬ LÝ BWG đã nhận được phản hồi của NHNN để triển khai phù hợp.

C.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (09 VẤN ĐỀ CŨ)			
33.	Thông tư số 11/2022/TT-NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng thay thế Thông tư 07/2015/TT-NHNN và Thông tư 13/2017/TT-NHNN	Trước khi Thông tư 11 được ban hành, BWG đã phối hợp làm việc với NHNN – Vụ TDCNKT trong quá trình xây dựng Dự thảo. Trong đó, BWG đã đóng góp một số ý kiến đối với Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 07/2015/TT-NHNN và 13/2017/TT-NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng.	ĐÃ XỬ LÝ BWG đã nhận được phản hồi của NHNN để triển khai phù hợp.
34.	Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 13/04/2018 (“Chỉ thị 02”) về các biện pháp tăng cường kiểm soát các giao dịch, hoạt động liên quan đến tiền ảo; Công văn số 06/Cục V.3 ngày 06/01/2021 và Công văn số 1092/Cục V.3 ngày 16/12/2021 về việc thông báo về đối tượng truy nã trong nước và quốc tế	Tại Công văn số 03-2110222BWGVBF ngày 21/10/2022, BWG đã trình bày các vướng mắc và xin ý kiến góp ý của NHNN về các biện pháp tăng cường kiểm soát các giao dịch, hoạt động liên quan đến tiền ảo theo yêu cầu tại Chỉ thị số 02/CT-NHNN và Thông báo về đối tượng truy nã trong nước và quốc tế. 1. Liên quan đến Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 13/04/2018 (“Chỉ thị 02”) về các biện pháp tăng cường kiểm soát các giao dịch, hoạt động liên quan đến tiền ảo: BWG trình bày một số biện pháp kiểm soát đang được thực hiện tại Ngân hàng thành viên như: - Các kiểm soát mang tính phòng ngừa: (i) Đối với việc thiết lập quan hệ khách hàng (nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, ... của khách hàng cũng được xem xét giúp nhận diện các khách hàng có khả năng liên quan đến tiền ảo); (ii) Các bút toán ghi nợ thông qua thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng tại các đơn vị chấp nhận tiền ảo sẽ bị từ chối theo các logic được thiết lập bởi Hiệp hội thẻ quốc tế như là Visa/Master. - Các kiểm soát mang tính giám sát, phát hiện: (i) xây dựng một danh sách rà soát nội bộ liên quan đến tiền ảo (“danh sách tiền ảo”) và tích hợp danh sách này vào các hệ thống thực hiện giao dịch nhằm có thể phát hiện kịp thời và từ chối thực hiện các giao dịch có khả năng liên quan đến tiền ảo. Danh sách này bao gồm tên các đồng tiền ảo, các đơn vị chấp nhận tiền ảo, các sản phẩm giao dịch tiền ảo, các mục đích liên quan đến tiền ảo... (ii) Ngoài ra, bộ phận Điều tra của ngân hàng sẽ rà soát thêm về các giao dịch do khách hàng thực hiện, và trong trường hợp cần thiết sẽ thực hiện/đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp như báo cáo giao dịch đáng ngờ, gia tăng xếp hạng rủi ro về Phòng chống rửa tiền của khách hàng, ...	ĐÃ XỬ LÝ

C.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (09 VẤN ĐỀ CŨ)			
		(iii) Ngoài ra, đối với các giao dịch thương mại, cho vay, giao dịch chứng khoán..., các hồ sơ, tài liệu cơ sở, chứng minh cho giao dịch liên quan cũng được xem xét để đảm bảo mục đích thanh toán, cho vay phù hợp và không liên quan đến các mục đích tiền ảo. <u>Kiến nghị:</u> BWG kính mong nhận được hướng dẫn thêm từ Quý Cơ quan về nguồn dữ liệu cho việc rà soát để đảm bảo việc thực hiện được nhất quán, và cũng kính mong Quý Cơ quan có thể chia sẻ thêm về những định hướng sắp tới liên quan đến việc kiểm soát các giao dịch tiền ảo. 2. Liên quan đến Công văn số 06/Cục V.3 ngày 06/01/2021 và Công văn số 1092/Cục V.3 ngày 16/12/2021 về việc thông báo về đối tượng truy nã trong nước và quốc tế: BWG trình bày một số khó khăn về chất lượng thông tin của danh sách đối tượng truy nã trong nước và quốc tế như: - Danh sách đối tượng truy nã mới cập nhật mỗi kỳ không chỉ rõ đối tượng được bổ sung thêm, đối tượng loại bỏ khỏi danh sách, cùng việc trùng lặp thông tin của nhiều đối tượng truy nã. Ngân hàng phải thực hiện so sánh, đối chiếu một cách thủ công thông tin giữa danh sách cũ và danh sách mới, dẫn tới những sai sót, cũng như khối lượng công việc quá lớn trong việc so sánh, đối chiếu thông tin của từng đối tượng trùng. Để đảm bảo tính chính xác của thông tin cập nhật trên hệ thống Ngân hàng cũng như giảm thiểu các công tác thủ công cho Ngân hàng, BWG kính mong Quý Cơ quan làm việc với cơ quan có liên quan để nâng cao chất lượng Danh sách truy nã để việc cập nhật vào hệ thống rà soát được thực hiện kịp thời	
35.	Kiểm soát giao dịch thẻ dựa trên mã MCC và trách nhiệm của ngân hàng phát hành trong việc kiểm soát các đơn vị chấp nhận thẻ	<u>2021:</u> BWG đã gửi công văn số 210615BWGVBF ngày 15/6/2021. Theo đó, BWG trình bày các khó khăn và các cảnh báo giả của các Ngân hàng phát hành thẻ (“NHPHT”) khi áp dụng các biện pháp kiểm soát, bao gồm việc chặn các giao dịch thanh toán không/ rút tiền mặt dựa trên một số mã MCC thường gặp (như 4900, 5411, 5499, 5541, 5542, 5172, 6300), kết hợp với các ngưỡng giá trị giao dịch cho phép. NHNN đã có một số văn bản hướng dẫn gửi BWG, theo đó, đã có ý kiến đối với các khuyến nghị tại Công văn 210615BWGVBF (Công văn số 5913/NHNN-TT ngày 17/8/2021 về một số vấn đề liên quan đến giám sát và báo cáo giao dịch thẻ tín dụng do Vụ Thanh toán đầu mối tham mưu; Công văn số 980/Cục V.1 ngày 04/10/2021 của Cục Phòng, chống rửa tiền đầu mối tham mưu).	ĐÃ XỬ LÝ

C.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (09 VẤN ĐỀ CŨ)

Riêng đối với vấn đề liên quan đến công tác phòng, chống rửa tiền, NHNN ghi nhận những khó khăn, vướng mắc về quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền liên quan đến đối tượng báo cáo, thông tin báo cáo trong mối quan hệ “chủ thẻ - tổ chức phát hành thẻ - đơn vị chấp nhận thẻ - tổ chức thanh toán thẻ” mà BWG đã đề cập tại Công văn 210615BWGVBF nêu trên và sẽ được nghiên cứu, xem xét trong quá trình sửa đổi Luật Phòng, chống rửa tiền và các văn bản hướng dẫn, các quy định khác có liên quan. BWG tiếp tục mở rộng vấn đề liên quan tới việc kiểm soát các giao dịch dịch trò chơi trực tuyến và đã trao đổi tích cực với NHNN và Bộ Thông tin – Truyền thông trong năm 2021.

2022:

1. Tại Công văn số **06062022BWGVBF** ngày 06/06/2022 gửi NHNN (Vụ Thanh toán, Cục PCRT-CQTTGSNH) và HHHH, BWG đã: (i) báo cáo về tiến trình thực hiện, phối hợp - trao đổi tích cực cùng HHHH tuy nhiên vẫn chưa đạt kết quả do nguyên tắc của các NH Nước ngoài thành viên BWG về bảo mật thông tin đối với bên thứ ba không phải là NHNN hay Cơ quan có thẩm quyền, do đó (ii) BWG vẫn đang chủ động thu thập thông tin báo cáo dựa trên nguồn dữ liệu nội bộ có sẵn để kịp thời báo cáo giao dịch đáng ngờ.

2. BWG gửi Công văn số: **081122BWGVBF** ngày 08/11/2022 - Đề xuất miễn báo cáo giao dịch đáng ngờ đối với giao dịch thanh toán không tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ) như quy định tại Điều 8, Thông tư 19/2016/TT-NHNN – cụ thể là trường hợp khách hàng chỉ thực hiện duy nhất việc giao dịch không tại ĐVCNT mà không có các dấu hiệu của giao dịch đáng ngờ liên quan rửa tiền, điển hình như sau:

- a. Các giao dịch thanh toán - chi tiêu trên thẻ tín dụng với tổng số tiền trùng khớp hoặc gần trùng khớp được thực hiện trong thời gian ngắn (cùng ngày, hoặc trong một số ngày), tiếp diễn trong nhiều tháng (dấu hiệu điển hình).
- b. Số tiền thanh toán – chi tiêu trên thẻ tín dụng trong tháng tại các điểm chấp nhận thẻ có thể gần với hạn mức tín dụng của thẻ, diễn ra trong nhiều tháng liên tiếp và thường xuyên lặp lại.
- c. Giá trị của từng giao dịch hoặc tổng giá trị của các giao dịch tại các điểm chấp nhận thẻ trên phần lớn được thực hiện với số tiền chẵn tròn hoặc gần chẵn tròn (dấu hiệu không thường xuyên, không nhất thiết diễn ra đối với giao dịch thanh toán không).
- d. Các giao dịch này chỉ liên quan đến vài cá nhân đơn lẻ và không có dấu hiệu của nhóm/đối tượng thứ 3 nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản thanh toán tiền cho nhiều chủ thẻ tín dụng với mục đích giao dịch và quan hệ không rõ ràng.

C.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (09 VẤN ĐỀ CŨ)			
		Đối với trường hợp này, Ngân Hàng không có đủ căn cứ, thông tin xác định các giao dịch này là nhằm mục đích hợp pháp hóa/che giấu nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có hay không; hoặc có cấu thành tội rửa tiền theo quy định tại Bộ Luật Hình sự 2015. BWG đề xuất được miễn báo cáo giao dịch đáng ngờ theo Điều 22 Luật phòng chống rửa tiền đối với các giao dịch không tại ĐVCNT có dấu hiệu trên. Thay vào đó, ngân hàng sẽ tiến hành cập nhật hồ sơ về thông tin thu nhập, nguồn tiền thanh toán ra/vào đối với các khách hàng trên. Đồng thời, ngoài việc yêu cầu ngân hàng thanh toán thẻ thực hiện báo cáo các đơn vị chấp nhận thẻ có dấu hiệu đáng ngờ, Ngân hàng Nhà nước có thể cân nhắc yêu cầu ngân hàng phát hành thẻ thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động thẻ đối với việc sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ bị cấm theo quy định tại Điều 8 Thông tư 19. Các trường hợp thẻ thực hiện giao dịch không mà có các dấu hiệu giao dịch đáng ngờ liên quan đến nguồn tiền hoặc nghi ngờ rửa tiền thì các ngân hàng vẫn tiếp tục báo cáo giao dịch đáng ngờ như yêu cầu. <u>Căn cứ pháp lý:</u> - Thông tư số 19/2016/TT-NHNN: Khoản 2, 6 - Điều 8, Khoản 1.e Điều 18, Khoản 1.a Điều 27 - Dự thảo Luật PCRT 2022: Điều 4, Điều 22 - Bộ luật Hình sự 2015: Điều 8, Điều 22, Điều 324.	
36.	Công văn số 2685/TTGSNH5 ngày 06/8/2021 về Mẫu báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử	Tại Công văn số 02-2110222BWGVBF ngày 21/10/2022, BWG xin ý kiến hướng dẫn của Quý Cục cho các nội dung về những khó khăn có ảnh hưởng chung đối với các tổ chức tín dụng trong việc triển khai quy định tại Thông tư 20/2019/TT-NHNN và Mẫu báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử. Cụ thể như sau: 1. Hiện nay có một số Giao dịch chuyển tiền quốc tế từ nước ngoài về VN nhưng Ngân hàng gửi (sender) có thể là các Ngân hàng trong nước đóng vai trò là Ngân hàng trung gian. Theo quy trình báo cáo hiện hành của Ngân hàng chúng tôi với vai trò là Ngân hàng thụ hưởng, nếu nhận thấy thông tin được thể hiện đầy đủ ở trường nội dung thanh toán (F70/72) bao gồm: /INS/ theo sau là Mã SWIFT của Ngân hàng nước ngoài, thì chúng tôi sẽ xác định đây là giao dịch chuyển tiền từ nước ngoài để ghi nhận trong Báo cáo EFT thay vì DWT. <u>Kiến nghị:</u> Kính đề nghị NHNN xem xét ban hành hướng dẫn chuẩn hóa về cách thức nhập thông tin để phân biệt giao dịch chuyển tiền quốc tế từ nước ngoài về khi giao dịch đi qua kênh của các Ngân hàng trong nước là Sender bank trên bề mặt lệnh chuyển tiền đến ngân hàng của người thụ hưởng cuối cùng, tạo điều kiện	ĐÃ XỬ LÝ Luật PCRT 2022, Nghị định 19/2023/NĐ-CP, Thông tư 09/2023/TT-NHNN đã đưa ra các hướng dẫn về nội dung giao dịch chuyển tiền điện tử.

C.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (09 VẤN ĐỀ CŨ)			
		cho các đối tượng báo cáo có thể tự động hóa phương thức xác định và chiết xuất đúng loại giao dịch chuyển tiền quốc tế. Ví dụ: - Tại trường 50 phải ghi rõ người phát lệnh chuyển tiền ở nước ngoài và địa chỉ người phát lệnh chuyển tiền ở nước ngoài. - Tại trường 70/72 ghi rõ người phát lệnh chuyển tiền ở nước ngoài và /INS/ theo sau Mã SWIFT của Ngân hàng phục vụ người chuyển tiền ở nước ngoài. 2. Mã Ngân hàng chuyển tiền/thụ hưởng (trường số 28) – Mẫu báo cáo DWT ban hành kèm Công văn 2685/TTGSNH5 ngày 06/8/2021 Hiện nay theo chúng tôi nhận thấy trong quá trình xử lý giao dịch, trên một số Mẫu điện chuyển tiền trong các kênh chuyển tiền liên ngân hàng ngoài Citad (ví dụ như điện chuyển tiền từ VCB money), thông tin về Mã ngân hàng phát lệnh chuyển tiền không được thể hiện trên điện chuyển tiền mà chỉ có Tên Ngân hàng chuyển tiền nên dẫn đến khó khăn trong việc báo cáo thông tin về Mã ngân hàng. <u>Kiến nghị:</u> Chúng tôi kính đề nghị Quý cơ quan yêu cầu các Ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán triển khai nâng cấp hệ thống dữ liệu để đảm bảo nội dung Mã ngân hàng phát lệnh chuyển tiền/nhận tiền phải được thể hiện đầy đủ trên lệnh chuyển tiền để đảm bảo công tác báo cáo được chính xác, đầy đủ	
37.	Công văn 830/TTGSNH11 ngày 27/05/2019; Công văn số 1080/NHNN-TT ngày 21/02/2020; Công văn số 233/NHNN-QLNH ngày 26/03/2020; Công văn số 551/TTGSNH5	<u>Trích dẫn từ Công văn: 200824BWGVBF ngày 24 tháng 8 năm 2020:</u> Các công văn nêu trên đã cung cấp một số danh sách với khoảng 330 trang websites được cảnh báo là cung cấp dịch vụ đánh bạc/cá độ trực tuyến có dấu hiệu vi phạm pháp luật và trò chơi điện tử chưa được cấp phép. Các website này có thể đang hoạt động và/hoặc ngừng hoạt động và/hoặc chỉ hoạt động tại một số thời điểm nào đó. Các ngân hàng được yêu cầu: 1. Tăng cường rà soát, giám sát, ngăn chặn các giao dịch bất hợp pháp; 2. Thường xuyên theo dõi, cập nhật các danh sách websites, ứng dụng có dấu hiệu vi phạm nêu tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2014 tại các websites của Bộ Thông tin và truyền thông là https://www.mic.gov.vn/; và 3. Báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền (như Cục Phòng chống rửa tiền; Cơ quan công an Quận /Huyện hoặc Tỉnh, Thành phố trên địa bàn). Khó khăn trong việc thực hiện yêu cầu theo các công văn:	ĐÃ XỬ LÝ BWG đã nhận được phản hồi của NHNN, tiếp tục phối hợp làm việc với Bộ TT&TT và cập nhật cho NHNN (nếu cần thiết)

C.1. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2022 VÀ TIẾP TỤC THEO DÕI/ XỬ LÝ TRONG 2023 (09 VẤN ĐỀ CŨ)			
	ngày 14/05/2020; Công văn số 585/NHNN-TT ngày 10/08/2020;	1. Thiếu thông tin của người thụ hưởng, đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT) 2. Không thể kiểm soát giao dịch dựa vào nội dung thanh toán 3. Không có hướng dẫn cụ thể tại trang điện tử của Bộ thông tin và truyền thông Kiến nghị: - Đối với các ngân hàng không cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ trên mạng hoặc cung cấp máy chấp nhận thẻ (máy POS), Ngân hàng chỉ thực hiện kiểm tra một lần để đảm bảo không mở tài khoản cho các cá nhân, tổ chức mà có đầy đủ các thông tin định danh được liệt kê trong các công văn nêu trên. Đối với các website không có thông tin định danh đầy đủ của các cá nhân hoặc tổ chức thụ hưởng hoặc điều hành, chúng tôi sẽ không thể kiểm tra do thiếu thông tin. - Đối với các ngân hàng có cung cấp các dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ trên mạng hoặc cung cấp máy chấp nhận thẻ (máy POS), chúng tôi sẽ yêu cầu khách hàng cam kết không cung cấp dịch vụ cho các đối tượng vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì một số công văn được ghi nhận cấp độ Mật nên chúng tôi không thể cung cấp chi tiết thông tin chi tiết. - Cần hướng dẫn thêm về việc ngăn chặn giao dịch bất hợp pháp khác: BWG mong muốn được NHNN tư vấn và hỗ trợ trong việc phát hiện và ngăn chặn không chỉ hành vi đánh bạc, cá cược mà còn cả các giao dịch bất hợp pháp khác trong lĩnh vực thanh toán thẻ (kinh doanh tiền điện tử, đầu kéo hư cấu, cờ bạc và kinh doanh ngoại hối, v.v.). Chúng tôi muốn nhấn mạnh vai trò quan trọng của NHNN cũng như hệ thống Mạng Thanh toán trong cuộc chiến chống tội phạm này.	
C.2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (06 VẤN ĐỀ MỚI)			
38.	Thông tư 08/2023/TT-NHNN quy định về điều kiện vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh	Trước đó, vào năm 2022, BWG đã gửi ý kiến đóng góp cho Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 12/2014/TT-NHNN về điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh đến NHNN vào ngày 7/7/2022 qua Công văn số 07072022BWGVBF. Sau khi TT08 được ban hành, BWG đã tham gia Buổi tập huấn về TT08 của NHNN và đã trình bày một số vướng mắc chính liên quan đến các điểm sau: 1. Trách nhiệm của ngân hàng trong việc kiểm tra chứng từ (Điều 7 và 17) 2. Nguyên tắc sử dụng vốn vay nước ngoài (Khoản 2, Điều 6) 3. Định nghĩa vay nước ngoài bằng tiền VNĐ (Khoản 8, Điều 3) 4. Mục đích vay (Điều 17)	ĐÃ XỬ LÝ Các vướng mắc chính của BWG cơ bản đã được giải đáp trong buổi tập huấn về TT08 của NHNN ngày 14/08/2023.

C.2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (06 VẤN ĐỀ MỚI)			
		a. Đề cơ cấu lại các khoản nợ nước ngoài: b. Đề thực hiện dự án khác 5. Điều khoản chuyển tiếp (Điều 22) a. Đối với Hợp đồng vay nước ngoài ký trước ngày 15/08 có kế hoạch rút vốn/trả nợ cụ thể sau ngày 15/08 b. Đối với các Hợp đồng vay nước ngoài ký dưới dạng Hợp đồng khung trước ngày 15/08 nhưng yêu cầu giải ngân cụ thể ký sau ngày 15/08 c. Phương án sử dụng vốn vay và Phương án cơ cấu nợ 6. Hoạt động phát hành UPAS LC (Điều 2, Điều 14) b. Phương án sử dụng vốn vay, phương án cơ cấu nợ (TT 08) và các quy định về mở TK vay trả nợ vay nước ngoài, đăng ký khoản vay nước ngoài (TT 12) c. Việc ký kết Thỏa thuận vay nước ngoài (Xem thêm về UPAS LC tại Mục A.1.2. Nghiệp vụ UPAS L/C)	
39.	Đề xuất gia hạn thời gian nộp báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	<i>Trích lược từ công văn 21112023BWGVBF ngày 21/11/2023:</i> <u>Đề xuất:</u> Đề xuất NHNN gia hạn thời hạn nộp một số báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ của năm 2023 tới ngày 29/02/2024, thay vì 14/02/2024 (45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quy định tại điều Điều 7.3.a) để các ngân hàng có đủ thời gian chuẩn bị và hoàn thiện theo đúng yêu cầu của NHNN. Các báo cáo đề cập ở trên bao gồm: - Báo cáo hằng năm về kết quả tự kiểm tra, đánh giá kiểm soát nội bộ - Báo cáo hằng năm về quản lý rủi ro - Báo cáo hằng năm về đánh giá nội bộ về mức đủ vốn <u>Lý do:</u> Lịch nghỉ Tết Nguyên đán năm 2024 sẽ kéo dài từ ngày 08/02 - 14/02. Tuy nhiên, dữ liệu của tháng 12 của năm trước đó thường sẽ được hoàn tất vào khoảng ngày 15/01, vậy nên, trên thực tế, các ngân hàng chỉ còn khoảng 03 tuần để hoàn thành việc tính toán số liệu và chuẩn bị báo cáo, cũng như xin phê duyệt từ các cấp có thẩm quyền trong nội bộ ngân hàng trước khi nộp NHNN vào trước kỳ nghỉ lễ, nghỉ là ngày 07/02/2024.	ĐÃ XỬ LÝ BWG đã nhận được công văn 5595/TTGSNH4 phản hồi về vấn đề này.

C.2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (06 VẤN ĐỀ MỚI)			
40.	Nghị định số 19/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền	Liên quan đến căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan tới giao dịch thuộc Danh sách đen để trì hoãn giao dịch theo quy định tại Điều 12.1.b, Nghị định 19, BWG hiểu rằng, trường thông tin “Tên” khác với trường thông tin “Họ và tên” và chỉ áp dụng trong trường hợp tên Khách hàng chỉ có một thành tố (thông thường là tên nước ngoài) và Ngân hàng sẽ chỉ thực hiện trì hoãn nếu tên và địa chỉ hoặc tên và số Hộ chiếu hoặc tên và số Chứng minh nhân dân, số Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân trùng khớp với thông tin của cá nhân thuộc Danh sách đen. Trong trường hợp khách hàng có đầy đủ họ và tên nhưng chỉ có tên là trùng với Danh sách đen thì hệ thống rà soát tên cũng sẽ không cảnh báo để giảm thiểu các cảnh báo giả. Trong trường hợp thông tin của cá nhân trong Danh sách đen chỉ bao gồm tên, không có các trường thông tin khác như số định danh cá nhân, thì hệ thống sẽ coi là không thể xác định được và từ chối giao dịch; hoặc đối với một số giao dịch mà ngân hàng không có đủ thông tin về các bên trong giao dịch để đối chiếu với Danh sách đen thì ngân hàng sẽ không áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch và không báo cáo các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thay vào đó Ngân hàng có thể từ chối thực hiện giao dịch vì thiếu thông tin và không đủ cơ sở để xác định trùng khớp. Đề nghị NHNN xác nhận cách hiểu và thực hiện như trên của chúng tôi là phù hợp và có thêm hướng dẫn triển khai để đảm bảo các ngân hàng thực hiện đúng và tuân thủ pháp luật Việt Nam.	ĐÃ XỬ LÝ BWG đã nhận được phản hồi trong cuộc Họp với Cục PCRT ngày 29/09/2023.
41.	Thông tư 09/2023/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện Luật Phòng chống rửa tiền	BWG đã gửi CV số 30082023BWGVBF-2 ngày 30/08/2023 về Ý kiến đóng góp liên quan tới Thông tư 09/2023/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện Luật phòng, chống rửa tiền.	ĐÃ XỬ LÝ BWG đã nhận được phản hồi trong cuộc Họp với Cục PCRT ngày 29/09/2023
42.	Phạm vi áp dụng của quy định liên quan đến phòng chống rửa tiền đối với các giao dịch đến và đi từ các quốc gia nước ngoài	Theo quy định tại Điều 20 Luật Phòng, Chống rửa tiền thì các đối tượng báo cáo (trong đó có các ngân hàng) phải giám sát đối với một số giao dịch đặc biệt bao gồm giao dịch với tổ chức, cá nhân tại quốc gia, vùng lãnh thổ nằm trong danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền. Để giám sát giao dịch đặc biệt, đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp tăng cường quy định tại Điều 16.2.c của Luật này như đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền cao bao gồm thu thập, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng tăng cường và giám sát chặt chẽ các giao dịch của khách hàng.	ĐÃ XỬ LÝ

C.2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2023 (06 VẤN ĐỀ MỚI)			
	không phải Việt Nam nằm trong danh sách giám sát tăng cường của FATF	BWG hiểu rằng yêu cầu này chỉ áp dụng với các quốc gia khác ngoài quốc gia bản địa là Việt Nam, do vậy các ngân hàng sẽ áp dụng biện pháp tăng cường đối với khách hàng là cá nhân, tổ chức và giao dịch đến và đi từ các quốc gia nước ngoài không phải Việt Nam nằm trong danh sách giám sát tăng cường. Đề nghị NHNN xác nhận cách hiểu trên của chúng tôi là phù hợp và có thêm hướng dẫn triển khai.	
43.	Các vấn đề về thị trường tài chính	<u>Các vấn đề chính:</u> - Liên quan đến Thông tư 25/2021/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 01/2015/TT-NHNN quy định hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài - Kiến nghị bỏ yêu cầu giao dịch gốc trên thị trường liên ngân hàng - Sản phẩm phái sinh lãi suất - Liên quan đến Thông tư 02/2021/TT-NHNN hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối - Xác nhận giao dịch với khách hàng thông qua SWIFT - Sử dụng FX swap để thay đổi thời hạn giao dịch kỳ hạn/hoán đổi với khách hàng - Thanh toán ngoại tệ - Lãi suất SOFR/LIBOR (Xem mục Phương án thay thế cho các lãi suất tham chiếu IBOR) - Thị trường giao dịch mua bán lại (Repo market) tại Việt Nam - Giao dịch mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá tiền tệ chéo (Thông tư 21/2012/TT-NHNN) - Cơ cấu tiền gửi (structured deposit) - Vay nước ngoài bằng nội tệ	<u>ĐÃ XỬ LÝ</u> BWG đã được phản hồi bởi Vụ CSTT trong cuộc họp với BWG về các vấn đề thị trường tài chính ngày 13/07/2023.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

Giới thiệu:

Liên quan đến chủ đề của Diễn đàn VBF thường niên năm nay, Nhóm Công tác Giáo dục & Đào tạo (GD&ĐT) tin rằng GD&ĐT đóng vai trò quan trọng đối với phát triển bền vững, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số song song với cải thiện các hoạt động về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG).

Trong khuyến nghị này, chúng tôi sẽ trình bày thực trạng môi trường GD&ĐT ở Việt Nam, đồng thời phân tích một số lĩnh vực và vấn đề cụ thể. Các lĩnh vực, vấn đề này bao gồm:

1. **Nghị định 70**
2. **Nghị định 86**
3. **Giáo dục mầm non đến lớp 12**
4. **Giáo dục nghề nghiệp**
5. **Giáo dục đại học**
6. **Tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai (ESL)**
7. **Số hóa quá trình học tập (Giáo dục 4.0)**
8. **Hạn chế về kỹ năng**
9. **Vấn đề về môi trường**

Tất cả các lĩnh vực trong hệ thống giáo dục cần phải đánh giá lại chiến lược phát triển tương ứng để thực hiện các hoạt động giáo dục hiệu quả trong bối cảnh hiện tại và tương lai. Đây là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam trong hiện tại và tương lai. Chúng tôi xin nhấn mạnh rằng các cơ quan Chính phủ (cả trong và ngoài nước), cơ sở giáo dục và doanh nghiệp cần phối hợp hành động để nắm bắt cơ hội và giảm thiểu hoặc kiểm soát rủi ro.

1. Nghị định 70/2023/NĐ-CP

Chính phủ Việt Nam (CPVN) ban hành Nghị định 70/2023/NĐ-CP sửa đổi một số điều của Nghị định 152/2020/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Liên quan đến các vấn đề cần làm rõ về giấy phép lao động, Nhóm Công tác Nhân sự đã đưa ra một số khuyến nghị dựa trên những quan sát thực tế khi thực hiện quy trình xin giấy phép lao động, sẽ góp phần giảm bớt gánh nặng hành chính cho các công ty và người lao động nước ngoài. Đây vốn đang là nguyên nhân gây chậm trễ trong việc phê duyệt cấp giấy tờ và tiếp tục là mối lo ngại.

Nhóm Công tác GD&ĐT đồng tình với khuyến nghị của Nhóm Công tác Nhân sự rằng nên thực hiện quyền tự quyết cao hơn, đồng thời tránh yêu cầu những thủ tục bổ sung không cần thiết mà luật không bắt buộc thực hiện. Nghị định 70 cũng quy định việc miễn giấy phép lao động đối với những giảng viên được Bộ GD&ĐT cho phép; tuy nhiên, Bộ GD&ĐT chưa có hướng dẫn áp dụng cơ chế miễn giấy phép này.

Nhóm Công tác GD&ĐT sẽ gửi công văn yêu cầu làm rõ thủ tục miễn trừ giấy phép lao động tới Vụ Hợp tác quốc tế - đơn vị phụ trách các thủ tục này của Bộ GD&ĐT.

2. Nghị định 86/2018/NĐ-CP

Các cơ quan đại diện Chính phủ đã có kế hoạch tổ chức họp với đại biểu từ Bộ GD&ĐT và một số nhà đầu tư để hoàn thiện dự thảo nghị định 86 mới. Một công văn sẽ được chuẩn bị và gửi tới Bộ GD&ĐT về những điểm chính cần sửa đổi. Nhiều nhà đầu tư trong lĩnh vực giáo dục hiện bối

rối và không nắm được những yêu cầu cần thực hiện để mua đất xây cơ sở giáo dục. Các nhà đầu tư gặp khó khăn trong việc tìm hiểu khu đất nào được giao phục vụ mục đích giáo dục, tại ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nào.

3. Giáo dục mầm non đến lớp 12

Một số thành viên Nhóm khuyến nghị rằng để đảm bảo chất lượng và tính bền vững của hoạt động giáo dục tại Việt Nam, Việt Nam cần tuyển dụng và giữ chân lao động nước ngoài có chứng chỉ hành nghề được quốc tế công nhận. Cần giải quyết những thách thức về giấy phép lao động để có thể tiếp tục tuyển những nhân tài tốt nhất.

Nhóm Công tác tin rằng bằng cách khuyến khích đa dạng hóa các lĩnh vực kỹ thuật trong giáo dục mầm non đến lớp 12, có thể khắc phục tình trạng mất cân bằng giới tính trong các lĩnh vực quan trọng. Chúng tôi đề xuất thúc đẩy các chính sách lồng ghép giới để đảm bảo môi trường học tập không có thành kiến. Ngoài ra, Nhóm ủng hộ tổ chức các chương trình hoạt động ngoại khóa về công nghệ để khơi dậy sự quan tâm của trẻ em gái đối với công nghệ. Cải thiện khả năng tiếp cận tài nguyên thông qua các cơ hội học tập và học bổng đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích trẻ em gái theo đuổi lĩnh vực kỹ thuật. Cuối cùng, hợp tác với các tập đoàn công nghệ có thể mang lại cơ hội cố vấn kèm cặp và trải nghiệm công nghệ thực tế - những yếu tố cần thiết để thúc đẩy lực lượng lao động công nghệ đa dạng trong tương lai.

4. Giáo dục nghề nghiệp

Đào tạo kỹ năng nghề và thúc đẩy việc làm là trọng tâm trong các mục tiêu phát triển của CPVN và chúng tôi tin rằng sau đây là những lĩnh vực chính cần giải quyết:

- Đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp bằng cách xây dựng chương trình học tập linh hoạt;
- Cải thiện quy trình tuyển sinh bằng cách nâng cao chất lượng chương trình và tăng cường truyền thông;
- Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, lãnh đạo;
- Thực tiễn tổ chức giáo dục dạy nghề; và
- Triển khai có hiệu quả Khung trình độ quốc gia.

Chúng ta cần tiếp tục tập trung vào những lĩnh vực này và xác định giải pháp để giúp cải thiện hệ thống giáo dục dạy nghề. Do đó, chúng tôi mong muốn Việt Nam sẽ tiếp tục ghi nhận nhiều bài học thành công trong vấn đề này và hi vọng có nhiều cơ hội hợp tác với Bộ LĐTBXH.

5. Giáo dục đại học

Nhiều sinh viên tốt nghiệp từ các cơ sở giáo dục đại học không tìm được việc làm thích hợp còn doanh nghiệp không tìm được đủ sinh viên tốt nghiệp có thể sẵn sàng làm việc. Nguyên nhân là do các kỹ năng sẵn sàng làm việc như kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng mềm và kỹ năng nhận thức không được chú trọng trong chương trình học tập cũng như phương pháp giảng dạy.

Giáo dục đại học ở Việt Nam tập trung vào nghiên cứu, có nghĩa là hầu hết giảng viên tập trung vào nghiên cứu nhưng thiếu kinh nghiệm “thực tế”. Trong rất nhiều khóa học, giảng viên phụ trách là người chưa từng làm việc trong lĩnh vực chuyên môn này. Do đó, giảng viên cần phải cải thiện kiến thức, cả về lý thuyết lẫn thực hành, để cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực tế cần thiết để tham gia thành công vào thị trường lao động và gia tăng giá trị cho nền kinh tế.

Chúng tôi cho rằng cần tăng cường phối hợp với các trường đại học trong nước về phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ các trường kết nối với doanh nghiệp. Như đã đề cập trong tài liệu khuyến nghị

trước, Nhóm mong muốn phối hợp với Bộ GD&ĐT bằng cách thành lập một Hội đồng cố vấn chuyên môn.

6. Tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai (ESL)

Phát triển kỹ năng tiếng Anh cho thanh niên Việt Nam là rất quan trọng. Nhu cầu về giáo viên tiếng Anh có trình độ ở Việt Nam là rất lớn và đội ngũ giáo viên nước ngoài tại các trung tâm ngoại ngữ, trường học của Việt Nam, trường song ngữ và trường quốc tế cũng có nhiều đóng góp. Giáo viên tiếng Anh bản ngữ từ khắp nơi trên thế giới giúp học sinh, sinh viên có cơ hội tiếp cận ngôn ngữ và kiến thức văn hóa.

Cần kết hợp với giáo viên tiếng Anh có trình độ làm việc tại các trung tâm ngoại ngữ chuyên nghiệp. Điều này sẽ đảm bảo đủ số lượng giáo viên có trình độ về giảng dạy tiếng Anh, giúp học sinh, sinh viên Việt Nam có nhiều cơ hội học tập ngôn ngữ và kiến thức văn hóa để sẵn sàng hòa nhập với nền kinh tế toàn cầu.

7. Số hóa quá trình học tập (Giáo dục 4.0)

Khuyến nghị nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động tương lai của Việt Nam bằng cách tăng cường phối hợp giữa các cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư nhân quốc tế. Các chương trình đào tạo trực tuyến hoặc kết hợp cho đội ngũ giáo viên, giảng viên các trường công lập sẽ giúp xây dựng bộ kỹ năng cho nhóm đối tượng này theo các tiêu chuẩn quốc tế. Về lâu dài, khi lực lượng lao động ngày càng có xu hướng ít gắn bó và chuyển việc thường xuyên từ công ty này sang công ty khác, việc thực hiện số hóa hoạt động giáo dục sẽ hỗ trợ phát triển kỹ năng cho lực lượng lao động. Tuy nhiên, khung quy định phải công nhận chính thức các học phần học tập trực tuyến và bằng cấp tương ứng.

Nhóm Công tác sẽ tiếp tục tổ chức chuỗi hội thảo trực tuyến về phương pháp sư phạm hiệu quả trong giảng dạy trực tuyến, thực hiện đánh giá trực tuyến hiệu quả và học tập kết hợp.

8. Hạn chế về kỹ năng

Các doanh nghiệp hiện đang gặp khó khăn vì thiếu lao động, đồng thời có sự chênh lệch rất lớn giữa nội dung chương trình đào tạo chính thức và yêu cầu về trình độ, kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết để người lao động tìm kiếm và duy trì việc làm. Nhóm Công tác khuyến nghị nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động tương lai của Việt Nam bằng cách tăng cường phối hợp giữa các cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư nhân quốc tế.

Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm giúp học sinh, sinh viên sẵn sàng cho tương lai, rút ngắn khoảng cách so với thế giới. Một số khuyến nghị được trình bày chi tiết trong tài liệu khuyến nghị năm 2023 bao gồm khuyến khích lối tư duy đổi mới, các phương pháp tuyển dụng hiện đại hơn, phát triển các kỹ năng làm việc cần thiết và phối hợp với doanh nghiệp.

9. Vấn đề về môi trường

Chất lượng không khí vẫn ở mức kém là yếu tố cản trở việc thu hút và giữ chân chuyên gia nước ngoài cùng gia đình của họ. Nhiều khuyến nghị đã được đưa ra nhằm thực hiện các giải pháp cải thiện chất lượng không khí cho các hoạt động giáo dục nói riêng và vì lợi ích của toàn xã hội nói chung. Cần tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý Việt Nam với các Phòng Thương mại để giải quyết vấn đề này.

Kết luận

Kết luận, nền kinh tế Việt Nam cần sẵn sàng đón nhận những thách thức và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững và đổi mới. Nhóm Công tác tin rằng GD&ĐT sẽ đóng vai trò quan trọng đối với phát triển bền vững, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số song song với cải thiện các hoạt động về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG).

Cụ thể hơn, tất cả các bên liên quan chính trong ngành giáo dục cần phải có những hành động, thay đổi kịp thời để tạo dựng một môi trường phù hợp với các công nghệ sẵn có và đảm bảo hoạt động giáo dục hiệu quả và cạnh tranh ở tất cả bậc học tại Việt Nam. Việt Nam luôn coi trọng đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, vốn được coi là nhân tố then chốt đảm bảo tính bền vững trong phát triển kinh tế - xã hội. Ngược lại, quá trình phát triển kinh tế - xã hội yêu cầu hệ thống giáo dục phải cung ứng nguồn nhân lực có “kỹ năng sẵn sàng làm việc” để thúc đẩy nền kinh tế mới.

Thông qua VBF và cùng phối hợp với Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH và các Phòng Thương mại, Nhóm Công tác GD&ĐT sẽ tiếp tục cam kết hỗ trợ để Việt Nam nắm bắt cơ hội và gỡ bỏ rào cản nhằm phát huy tối đa tiềm năng kinh tế của mình.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC KHOÁNG SẢN

1. TÓM TẮT

Việt Nam là quốc gia giàu tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là các kim loại quan trọng như đất hiếm, niken, đồng, coban và vonfram cần thiết cho (a) ngành năng lượng và năng lượng tái tạo giúp thực hiện cam kết COP26-28 của Việt Nam về giảm lượng khí thải cacbon dioxit, và (b) ngành công nghiệp chip bán dẫn và số hóa đang phát triển nhanh chóng mà Việt Nam hướng tới trở thành quốc gia dẫn đầu.

Thật đáng tiếc, cho đến nay, chỉ một phần nhỏ trong số những tài sản kim quý giá này của Việt Nam được phát hiện do Việt Nam chưa bao giờ được thăm dò một cách có hệ thống bằng các công nghệ và phương pháp hiện đại, chẳng hạn như địa vật lý trên không và các công nghệ thâm nhập sâu để xác định vị trí các mỏ chôn sâu hơn.

Hơn nữa, các mỏ gần bề mặt hiện tại của Việt Nam do các doanh nghiệp nhà nước vận hành vẫn chưa thu hút được vốn FDI đáng kể nào, cùng với đó là các thông lệ tốt nhất trên thế giới để khai thác và chế biến khoáng sản bằng các công nghệ xanh bền vững với môi trường cần thiết. Do đó, năng lực chuyên môn và nguồn vốn FDI là yếu tố cần thiết để cải thiện đáng kể hiệu suất, an toàn và phát triển môi trường bền vững, v.v.

Nhóm Công tác về Khai khoáng đang gặp phải sự phối hợp thiếu thông suốt giữa các bộ và ban ngành khác nhau của Việt Nam liên quan đến thăm dò và khai thác, đặc biệt là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Lâm nghiệp), cả ở cấp trung ương và cấp tỉnh. Hy vọng rằng các cơ quan như Hội đồng Quốc gia về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, một tổ chức phối hợp liên ngành có thể giúp giải quyết các vấn đề này.

Những bất cập trong Luật Khoáng sản Việt Nam vẫn cần được cải thiện, và các loại thuế, phí, trong đó có thuế tài nguyên đang ở mức quá cao so với các quốc gia khác cũng là những cản trở đáng kể đối với việc phát triển hiệu quả ngành khai khoáng ở Việt Nam.

Do vậy, không giống như nhiều nước láng giềng ASEAN của Việt Nam, tại Việt Nam hiện không có công ty khai khoáng lớn nhất thế giới nào đang hoạt động. Những người tham gia Nhóm Công tác về Khai khoáng là những công ty khá mới và nhỏ, nhưng vẫn quyết tâm duy trì hoạt động và đạt được kết quả tích cực tại Việt Nam bằng cách sử dụng các công nghệ tốt nhất thế giới.

2. KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KIM LOẠI QUAN TRỌNG TẠI VIỆT NAM

Các kim loại hiện đang được các thành viên Nhóm Công tác về Khai khoáng tìm kiếm hoặc khai thác đều là kim loại thiết yếu trong sản xuất xe điện và pin, tua bin gió, tấm pin năng lượng mặt trời và chuyển đổi kỹ thuật số. Khi tìm được nguồn kim loại sẵn có này trong nước, thay vì phải nhập khẩu, Việt Nam có cơ hội phát triển các ngành công nghiệp chế biến sâu công nghệ cao và tiến tới trở thành một trung tâm thống trị khu vực và thế giới về sản xuất các sản phẩm này, hiện đang được săn đón rất nhiều với mục tiêu trung hòa cacbon trong tương lai. Điều này cũng phù hợp với định hướng của Cục Đầu tư Nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc chú trọng nâng cao năng lực cho các ngành sản xuất và công nghiệp phụ trợ tại Việt Nam và sẵn sàng hợp tác với các doanh nghiệp Việt Nam khi cần. Định hướng này phù hợp với kế hoạch và tầm nhìn được nêu trong Quy hoạch điện VIII và Thỏa thuận Đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP) gần đây, trong đó dự kiến hình thành các trung tâm năng lượng tái tạo cùng với năng lực sản xuất để hỗ trợ đạt được các mục tiêu chuyển đổi năng lượng và mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 của Việt Nam.

Để nhấn mạnh điểm này, báo cáo của Tổng cục Thống kê Việt Nam đã cho thấy năm 2022 có 8 mặt hàng do Việt Nam sản xuất có giá trị xuất khẩu vượt 10 tỷ USD. 4 trong số 8 mặt hàng này chủ yếu là kim loại, bao gồm a) điện thoại di động và linh kiện; b) điện tử, máy tính và linh kiện; c) máy móc, thiết bị và phụ tùng; và d) phương tiện và phụ tùng. Hiện chúng tôi chưa có số liệu thống kê năm 2023.

Ngành khoáng sản thế giới đang phải khai thác nhiều kim loại hơn bao giờ hết để đáp ứng nhu cầu về kim loại quan trọng vì một tương lai trung hòa cacbon. Ví dụ, đối với kim loại đồng, kể từ năm 2010 đến nay, số lượng phát hiện mới đã giảm 80% và nguồn cung đồng của thế giới hiện đang ở mức rất thấp. Đồng được gọi là “kim loại điện khí hóa”, vì tăng trưởng xanh sẽ cần nhiều dây truyền dẫn bằng đồng hơn bao giờ hết để phân phối điện năng được sản xuất bằng các nguồn năng lượng tái tạo. Ví dụ: Australia có kế hoạch chi 20 tỷ đô la Úc để nâng cấp lưới điện tái tạo và Công ty UK National Grid - Công ty điện và khí đốt đa quốc gia của Anh đã có kế hoạch đầu tư 54 tỷ bảng Anh để nâng cấp mạng lưới năng lượng. Ngoài ra, một số quốc gia đã cấm xuất khẩu tinh quặng đồng và yêu cầu tinh luyện trong nước tất cả đồng. Nhu cầu về các kim loại quan trọng khác cũng diễn ra tương tự, và điều cốt yếu là Việt Nam phải phát hiện, khai thác, tái chế và chế biến tất cả các kim loại quan trọng trong nước mà không nhập khẩu chúng.

Để làm được như vậy, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về tăng trưởng xanh, khai thác, chế biến, tinh luyện và tái chế kim loại và khoáng sản sẽ đòi hỏi sự chuyển đổi từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang ứng dụng công nghệ hiện đại để giảm đáng kể và cuối cùng là loại bỏ hoàn toàn lượng khí thải carbon dioxide - chẳng hạn như công nghệ hydro xanh, công nghệ oxy hóa áp suất, điện khí hóa tất cả các phương tiện và máy móc khai thác và sử dụng thủy điện tái tạo và thủy luyện kim tại những nơi đã có trong hoạt động khai thác mỏ và chế biến sâu.

Những công nghệ hiện đại này cũng được thiết kế để đạt được các mục tiêu quan trọng về áp dụng các thực hành phát triển bền vững và có trách nhiệm để bảo vệ cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái, bao gồm cả rừng nếu phù hợp, nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

3. LỢI ÍCH VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Đã từ lâu, ngành khai khoáng được công nhận là một trong những động lực cải thiện cơ sở hạ tầng hiệu quả nhất trên toàn thế giới. Hoạt động khai khoáng có trách nhiệm còn có một lợi ích rõ ràng khác, đó là đóng góp vào công cuộc xóa đói giảm nghèo ở các vùng sâu vùng xa bằng cách tạo ra nhiều cơ hội việc làm và các đơn đặt hàng cho hàng hóa và dịch vụ cung ứng địa phương. Lợi ích rõ ràng khác của khai khoáng có trách nhiệm là nó có thể đóng góp vào việc giúp xóa đói giảm nghèo ở các vùng sâu vùng xa bằng cách tạo ra rất nhiều cơ hội việc làm và các đơn đặt hàng cho hàng hóa và dịch vụ địa phương.

Chính vì vậy, việc khai thác bền vững hiện đại ở Việt Nam rõ ràng sẽ giúp giải quyết các thách thức trong chiến lược của Chính phủ về các Mục tiêu Phát triển Kinh tế - Xã hội (SDGs), đồng thời đáp ứng hai trong số các mục tiêu chính của Ngân hàng Thế giới về Khung Đối tác Quốc gia tại Việt Nam là (a) cung cấp cơ sở hạ tầng và (b) mở rộng sự tham gia vào hoạt động kinh tế của người dân tộc thiểu số.

4. ĐẦU TƯ DÀI HẠN TRONG NGÀNH KHAI KHOÁNG VÀ RỦI RO

Ngành khai thác khoáng không là điển hình của ngành sản xuất và dịch vụ truyền thống, bởi vì nó đòi hỏi thời gian dài và đầu tư đáng kể vào thăm dò và phát triển trước khi bất kỳ dự án nào có thể thành công. Việc phát hiện một số tài nguyên khoáng sản chính ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương thường phải mất trung bình 18 năm kể từ khi bắt đầu thăm dò cho đến khi phát hiện ra mỏ

quặng. Do đó, để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có chất lượng vào khai thác, Nhóm Công tác về Khai khoáng đề nghị Chính phủ:

- a) So sánh chế độ tài khóa của Việt Nam với các quốc gia ngang hàng và cung cấp một chế độ tài khóa cạnh tranh với chế độ tài khóa của các quốc gia khác;
- b) Đơn giản hóa chế độ tài chính hiện hành để dễ giải thích cho các nhà đầu tư;
- c) Tạo sự ổn định tài chính và giảm tần suất thay đổi chính sách do thời gian thực hiện các dự án khai thác kéo dài; và
- d) Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn nội bộ, xem xét công nhận và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về tài nguyên khoáng sản (ví dụ: JORC).

Hoạt động đầu tư thăm dò thường gặp nhiều rủi ro và hay thay đổi mục tiêu khi tiến hành thăm dò, nhất là trong điều kiện tài nguyên khoáng sản ở độ sâu lớn trong lòng đất và ở khu vực có điều kiện địa chất phức tạp. Chính phủ phải bảo đảm việc quy hoạch thăm dò, khai thác mỏ, lập dự án đầu tư, xây dựng cơ chế, chính sách sẽ khuyến khích việc khai thác một cách hợp lý và có tính hiệu quả tốt nhất. Các công ty có kinh nghiệm thực hiện các chương trình thăm dò tiên tiến về mặt kỹ thuật và có trách nhiệm với môi trường cần được cấp phép nhanh chóng cho các dự án tiếp theo. Thăm dò liên tục là chìa khóa cho sự bền vững trong các dự án khai thác mỏ.

5. SỬA ĐỔI LUẬT KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VÀ GIẢM THUẾ KHOÁNG SẢN

Các cuộc hội thảo về việc xem xét và sửa đổi Luật Khoáng sản Việt Nam phải công khai và có sự tham vấn, tạo cơ hội cho các công ty khai thác mỏ của Việt Nam và FDI cũng như các chuyên gia khai thác quốc tế được tham gia, thông qua các báo cáo định kỳ và hội thảo chuyên ngành. Nhóm Công tác về Khai khoáng mong muốn được tham gia và đóng góp cho các hội thảo này, để hoạt động khai thác sạch, bền vững với môi trường có thể đóng góp một phần quan trọng vào quá trình tăng trưởng kinh tế ấn tượng của Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐIỆN VÀ NĂNG LƯỢNG

DOANH NGHIỆP FDI TIỀN PHONG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH

Thay mặt Nhóm Công tác Điện và Năng lượng của VBF (PEWG), chúng tôi xin trân trọng hoan nghênh lãnh đạo Chính phủ đã có những định hướng quản lý hiệu quả trong bối cảnh đầy thách thức về chính trị và kinh tế toàn cầu trong năm 2023. Đồng thời, trong năm qua, Bộ Công Thương đã từng bước thực hiện mục tiêu chiến lược của Chính phủ về việc tạo dựng nền móng để tạo đà cho công nghiệp tiếp tục phát triển bài bản, vững chắc. Có thể kể đến các Quy hoạch về phát triển điện lực quốc gia; Quy hoạch về hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu; Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đây là những khung khổ rất quan trọng để Việt Nam hướng tới một nền công nghiệp hiện đại, bền vững phục vụ sự phát triển của đất nước và cũng phù hợp với xu hướng kinh tế xanh, công nghiệp xanh của quốc tế. Một điểm sáng đáng ghi nhận nữa là Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng nhiều địa phương trong cả nước triển khai nhiều giải pháp kết nối khối doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp trong nước để phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ. Không chỉ có các tập đoàn, doanh nghiệp lớn, Bộ Công Thương còn chú trọng, quan tâm đến cả những doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ để hỗ trợ họ tăng trưởng và thích ứng với xu thế của Cách mạng công nghiệp 4.0.

Chúng tôi cũng vô cùng trân trọng việc Chính phủ ghi nhận Nhóm Công tác Điện và Năng lượng là một trong những đối tác mà các Nhóm Công tác cần hợp tác để triển khai Tuyên bố JETP. Điều này càng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hợp tác giữa các bên liên quan để cùng đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

Kính thưa quý vị, hôm nay, chúng ta đang đứng tại một ngã rẽ quan trọng trong hành trình của Việt Nam để trở thành một điểm sáng về sản xuất công nghệ cao và chuyển đổi số. Khi chúng ta đang hướng tới kỷ nguyên đầy biến đổi này, thì một yếu tố vẫn đóng vai trò then chốt - đó là điện. Không phải bất cứ nguồn điện nào, mà là nguồn điện ổn định, giá hợp lý, đáng tin cậy và bền vững. Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng khen ngợi trong việc đảm bảo cung cấp điện ổn định cho các doanh nghiệp và người dân, một minh chứng cho nỗ lực và tầm nhìn của Chính phủ. Tuy nhiên, cái bóng của tình trạng thiếu điện năm ngoái vẫn còn tồn tại, nhắc nhở chúng ta về những điểm yếu trong cơ sở hạ tầng năng lượng và những rủi ro tiềm ẩn mà chúng đặt ra đối với tham vọng kinh tế của đất nước. Bất chấp những thách thức này, chúng ta đã chứng kiến những bước tiến đáng kể hướng tới giải quyết các vấn đề này, đặc biệt là thông qua việc thành lập Ban chỉ đạo quốc gia cho các dự án năng lượng trọng điểm. Việc thành lập Ban chỉ đạo là một bước đi quan trọng, song hành trình phía trước vẫn còn dài.

Để duy trì sự tăng trưởng và vươn lên dẫn đầu trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao và quá trình chuyển đổi số, Việt Nam cần đẩy nhanh quá trình cải cách và đổi mới trong ngành điện. Điều này không chỉ đòi hỏi việc cải thiện cơ sở hạ tầng năng lượng mà còn cần một khung pháp lý mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả. Việc thực hiện các quy hoạch chiến lược như Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, xây dựng Nghị định về phát triển điện mặt trời mái nhà và hướng dẫn về cơ chế Hợp đồng mua bán điện trực tiếp là rất quan trọng. Chúng tôi vô cùng ủng hộ ba mục tiêu mà Ngài Thủ tướng đã đặt ra trong buổi làm việc với EVN vào ngày 13/1 vừa qua, và chúng tôi mong muốn được hợp tác với EVN trong việc chuyển đổi cơ chế điều hành ngành điện sang hướng dựa trên các nguyên tắc thị trường. Từ phía cộng đồng doanh nghiệp, chúng tôi cần EVN có sự vững vàng về mặt tài chính để các hợp đồng mua bán điện ký kết với EVN có thể được sử dụng trong việc thu xếp vốn cho dự án. Hành trình hướng tới ngành công nghiệp công nghệ cao và mục tiêu chuyển đổi số là không thể tránh khỏi và đang được diễn ra. Quá trình chuyển đổi này đòi hỏi nguồn cung ứng điện không

bị gián đoạn – đây là huyết mạch của các trung tâm dữ liệu, nhà máy bán dẫn và vô số doanh nghiệp kỹ thuật số đóng vai trò xương sống của nền kinh tế hiện đại của chúng ta. Các tập đoàn công nghệ cao luôn có các mục tiêu phát thải khí nhà kính nói chung, và khí CO₂ nói riêng, và tìm đến các quốc gia có thể cung cấp nguồn năng lượng đáp ứng nhu cầu này, thông qua cơ sở hạ tầng sản xuất và truyền tải năng lượng xanh phục vụ cho việc cung ứng liên tục.

Tình trạng thiếu điện năm ngoái là một lời nhắc nhở rõ ràng về sự mong manh của những tiến bộ chúng ta đã đạt được. Các doanh nghiệp đã bị ảnh hưởng, quá trình chuyển đổi bị đình trệ và lợi thế cạnh tranh bị giảm sút. Đây không thể là câu chuyện của chúng ta trong năm 2024. Chúng ta phải đảm bảo rằng cơ sở hạ tầng năng lượng của mình mạnh mẽ, đáng tin cậy và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu năng lượng khổng lồ của nền kinh tế kỹ thuật số. Một lượng lớn vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đã sẵn sàng và chờ đợi để hỗ trợ quá trình chuyển đổi này, chỉ đợi tín hiệu rõ ràng và chắc chắn hơn về thị trường.

Những thành tựu mà chúng ta biểu dương ngày hôm nay, như việc thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về các dự án năng lượng trọng điểm và việc ghi nhận Nhóm Công tác Điện & Năng lượng vào quá trình triển khai của Tuyên bố JETP, nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ hợp tác công - tư. Sự phối hợp giữa các Bộ Ngành và chỉ đạo quyết liệt từ lãnh đạo Chính phủ là cần thiết để dẫn dắt và vượt qua những thách thức của quá trình chuyển dịch năng lượng. Cộng đồng doanh nghiệp cũng đóng một vai trò quan trọng, đặc biệt là trong lúc nhiều quy định quan trọng đang được sửa đổi, ví dụ như Thông tư quy định về hợp đồng mua bán điện, quy định mới về cơ chế mua bán điện trực tiếp với mục tiêu giảm gánh nặng cho lưới điện của EVN và thúc đẩy đầu tư nước ngoài. Chúng tôi mong mỗi tiếng nói của các doanh nghiệp được lắng nghe, các quan ngại của doanh nghiệp được giải quyết và đóng góp của doanh nghiệp được công nhận.

Hôm nay, chúng tôi kêu gọi Chính phủ Việt Nam, các Bộ Ngành chủ chốt và các đối tác của chúng tôi trong cộng đồng doanh nghiệp đoàn kết trong nỗ lực này. Chúng ta phải làm việc cùng nhau để cải thiện khung chính sách, tăng cường cơ sở hạ tầng và đảm bảo rằng ngành điện của chúng ta không chỉ có khả năng đáp ứng nhu cầu của ngày hôm nay mà còn tạo điều kiện cho những đổi mới trong tương lai.

Hãy cùng tập hợp kiến thức, kinh nghiệm, nỗ lực và tầm nhìn của tất cả các bên liên quan để cùng nhau thúc đẩy Việt Nam hướng tới một tương lai thịnh vượng, dựa trên công nghệ. Hãy để hành động của chúng ta hôm nay trải đường cho tương lai của các thế hệ mai sau.

Để tổng kết lại bài trình bày của chúng tôi, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng nguồn cung ứng điện liên tục không chỉ phục vụ nhu cầu vận hành và hoạt động bình thường, mà còn là nền tảng cho việc phát triển kinh tế và công nghệ của Việt Nam. Trong guồng quay của kỷ nguyên số được thúc đẩy bởi ngành công nghiệp công nghệ cao và quá trình đổi mới, chúng tôi mong muốn mỗi watt điện sản xuất và tiêu thụ sẽ là một bước tiến gần hơn đến một tương lai nguồn điện ổn định, giá hợp lý, đáng tin cậy và bền vững của Việt Nam. Chúng tôi hy vọng nguồn cung ứng điện liên tục không chỉ là một chủ đề của Diễn đàn hôm nay, mà còn là một mục tiêu chúng ta phải thực hiện, để thúc đẩy ngành công nghiệp công nghệ của Việt Nam hướng đến những tầm cao mới./.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC THUẾ & HẢI QUAN

Kính thưa Ngài Thủ tướng Phạm Minh Chính, Kính thưa Ngài Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng, Kính thưa Lãnh đạo các Bộ, các địa phương, đại diện các doanh nghiệp là thành viên của Diễn đàn doanh nghiệp Việt nam và các quý vị đại biểu tham dự diễn đàn ngày hôm nay, tôi tên là Seck Yee Chung, Đại diện cho Nhóm Công tác Thuế và Hải quan của VBF.

Tăng trưởng xanh là một ưu tiên chiến lược của Chính phủ Việt Nam, đánh dấu sự cam kết của Việt Nam trong việc phát triển kinh tế mà không gây tổn hại đến môi trường và xã hội. Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp như khuyến khích sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, thúc đẩy công nghệ xanh, và đầu tư vào các ngành công nghiệp sạch, hiệu suất cao. Những nỗ lực này đã đem lại hiệu quả lớn và nâng cao vị thế và độ uy tín của đất nước trên trường quốc tế. Tuy nhiên, để tập trung nguồn lực cho các mục tiêu đó, việc tăng trưởng kinh tế thông qua tăng cường sức cạnh tranh của môi trường đầu tư quốc gia để thu hút và giữ chân các nhà đầu tư là hết sức quan trọng.

Trong bối cảnh đó, các chính sách cải cách thuế toàn cầu đã đặt ra nhiều thách thức cho mục tiêu duy trì năng lực cạnh tranh của môi trường đầu tư. Chính phủ Việt Nam đã có nhiều biện pháp như ban hành mới hay sửa đổi văn bản pháp luật, quy định các gói hỗ trợ đầu tư để từng bước tháo gỡ khó khăn, giúp các doanh nghiệp có niềm tin và nguồn lực để đối phó với tình hình mới. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định, chính sách vẫn còn tồn tại một số bất cập, chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư. Một số quy định trong các văn bản vẫn còn mâu thuẫn nhau, gây khó khăn trong quá trình áp dụng, cản trở quá trình đầu tư thông suốt của doanh nghiệp. Trong số đó, tôi xin phép trình bày 4 vấn đề quan trọng mang tính cấp bách như sau:

Thứ nhất, việc thực hiện cơ chế Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (“APA”) là cần thiết vì đây là xu thế chung mà các cơ quan thuế các nước đều đang áp dụng hiệu quả để quản lý nguồn thu từ các giao dịch xuyên biên giới, đồng thời mang lại lợi ích cho người nộp thuế ở Việt Nam. Tuy nhiên, sau 11 năm thực hiện thì số lượng các bộ hồ sơ APA được các người nộp thuế nộp lên Tổng Cục thuế đạt khoảng 30 bộ hồ sơ nhưng chưa có hồ sơ nào được phê duyệt. Việc này gây ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh, cũng như tiêu tốn thời gian và công sức theo đuổi của người nộp thuế tại Việt Nam trong bối cảnh khung pháp lý đã ban hành và đã có nhiều thông lệ tốt trên thế giới.

Xét ở góc độ các quốc gia láng giềng, điển hình như Hàn Quốc đã thông qua 240 bộ hồ sơ APA trong vòng 5 năm từ năm 2019 đến năm 2022, Trung Quốc đã ký kết 260 hồ sơ APA tính đến năm 2022. Ở Đông Nam Á, Singapore và Indonesia ký kết lần lượt 69 và 29 bộ hồ sơ APA tính đến hết 2022.

Để chính sách từ văn bản đi vào thực tế, chúng tôi kính đề nghị Chính phủ bố trí giải quyết các hạn chế nêu trên và thành lập Tổ công tác đặc biệt để thúc đẩy việc giải quyết, đàm phán và ký kết các Hồ sơ APA để hiện thực hóa cam kết xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với thông lệ quốc tế đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các nhà đầu tư nước ngoài đóng góp tích cực vào nền kinh tế Việt Nam.

Thứ hai, liên quan đến Dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư, chúng tôi thấy rằng đối tượng ưu đãi trong Dự thảo còn quá hẹp. Với điều kiện về quy mô vốn hoặc doanh thu rất cao, dẫn đến chỉ có số lượng rất ít doanh nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ cao có thể đạt được. Đối tượng của chính sách chưa bao gồm đầy đủ nhóm các nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, hay các nhà đầu tư chiến lược theo yêu cầu của Nghị quyết số 110/2023/QH15. Vì vậy, VBF kiến nghị bổ sung đối tượng sau vào Nghị định để chính sách đảm bảo toàn diện và đầy đủ hơn:

- (i) Bổ sung đối tượng doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghệ cao;
- (ii) Trong lĩnh vực công nghệ cao, nên xem xét nhà đầu tư là Tập đoàn lớn tức là tập đoàn có quy mô đầu tư ở Việt Nam từ 20.000 tỷ đồng hoặc từ 1 tỷ USD trở lên (thay vì xét theo từng doanh nghiệp hoặc từng dự án)
- (iii) Các doanh nghiệp/dự án trong các lĩnh vực sản xuất khác có tổng vốn đầu tư từ 20.000 tỷ đồng hoặc từ 1 tỷ USD trở lên.

Tại thời điểm này hàng loạt các nước đang nỗ lực nghiên cứu và ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư rất đa dạng. Ví dụ, Mỹ đưa ra hàng loạt các gói hỗ trợ hàng trăm tỷ \$ nhắm vào các lĩnh vực ưu tiên. Singapore cũng đưa ra chính sách Giảm trừ đầu tư có thể hoàn lại hỗ trợ đến 50% đối với các khoản chi phí đáp ứng điều kiện. Việt Nam có thể nghiên cứu và tham khảo các chính sách này trong quá trình xây dựng chính sách hỗ trợ.

Thứ ba, gần đây Tổng Cục hải quan tiếp tục đề xuất chỉ cho phép thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam được thực hiện thủ tục hải quan liên quan đến giao dịch mua bán, phân phối hàng hóa tại Việt Nam. Chính sách này sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và hạn chế nguồn thu cho ngân sách. Các thương nhân nước ngoài có hiện diện thương mại ở Việt Nam với uy tín và quan hệ kinh tế, thương mại toàn cầu, đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối và thúc đẩy hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Pháp luật thương mại hiện hành cũng không cấm thương nhân nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam thực hiện giao dịch mua bán, phân phối hàng hóa tại Việt Nam. Chính vì vậy, chúng tôi kiến nghị rằng không nên phân biệt đối xử với đối tượng này mà cần áp dụng đồng nhất và thực hiện quản lý thông qua quy định về các điều kiện kinh doanh, chế độ báo cáo, quản lý thuế để khuyến khích thương nhân nước ngoài tăng cường đầu tư và hiện diện thương mại tại Việt Nam, góp phần biến đất nước trở thành trung tâm kinh tế, tài chính của khu vực ASEAN và châu Á.

Thứ tư, Theo Nghị Định 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 05 năm 2007 của Chính Phủ, thương nhân nước ngoài phải có Giấy phép quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu thì mới được thực hiện hoạt động xuất khẩu hàng hóa từ nội địa vào kho ngoại quan/nhập khẩu hàng hóa từ kho ngoại quan vào nội địa hoặc xuất nhập khẩu tại chỗ. Trong khi đó, nhiều trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ xin giấy phép lên Bộ Công Thương nhưng sau 2 năm vẫn chưa được xử lý. Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, cần thiết phải làm rõ trường hợp nào cần xin Giấy phép cho quyền nhập khẩu, xuất khẩu của thương nhân nước ngoài và bổ sung hướng dẫn rõ ràng quy trình, thời gian cụ thể để thúc đẩy quá trình cấp giấy phép cho các doanh nghiệp.

Trên đây là một số ý kiến của Nhóm Thuế và Hải quan. Chúng tôi rất mong Chính Phủ, Bộ Kế hoạch và đầu tư và các ban ngành liên quan xem xét thấu đáo, toàn diện để sớm giải quyết các vướng mắc đã được chúng tôi tổng hợp và gửi trong báo cáo của nhóm công tác, trong đó có các vấn đề nêu trên, qua đó góp phần hoàn thiện khung pháp lý, cải thiện môi trường đầu tư, tạo niềm tin, tăng cường hội nhập và nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC THUẾ & HẢI QUAN**CÁC VẤN ĐỀ VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ**

Năm 2023 là một năm vô cùng khó khăn đối với Chính phủ Việt Nam cũng như toàn thể các doanh nghiệp trong diễn biến kinh tế, chính trị thế giới có nhiều biến động. Tình hình xung đột ở Châu Âu và Trung Đông đã kéo theo hàng loạt áp lực đến chi phí nguyên vật liệu, giá cả hàng hóa, bẻ gãy chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất và rất nhiều hệ lụy đến dòng tiền đầu tư, cũng như là thị trường lao động, thị trường tiêu thụ sản phẩm... Hơn nữa, các chính sách cải cách thuế toàn cầu đã đặt ra nhiều thách thức cho mục tiêu duy trì năng lực cạnh tranh của môi trường đầu tư tại Việt Nam.

Trước diễn biến đó, Chính phủ đã có nhiều biện pháp như ban hành mới hay sửa đổi nhiều văn bản pháp luật, quy định các gói hỗ trợ đầu tư và tín dụng để từng bước tháo gỡ khó khăn, góp phần củng cố sức khỏe môi trường đầu tư, giúp các doanh nghiệp có niềm tin và nguồn lực để đối phó với tình hình mới. Các chính sách này phần nào đã giúp các doanh nghiệp giảm bớt các gánh nặng tài chính, giải quyết được một số vướng mắc để tiến tới ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng cường sức chống chịu trước các áp lực, khó khăn.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc áp dụng các quy định, chính sách vẫn còn tồn tại một số bất cập, chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư. Một số quy định trong các văn bản vẫn còn mâu thuẫn nhau, gây khó khăn trong quá trình áp dụng hay khiến cho việc áp dụng không thống nhất và nhiều vướng mắc, cản trở quá trình đầu tư thông suốt của doanh nghiệp. Chúng tôi xin được nêu ra một số vấn đề tồn tại cần sớm được tháo gỡ như dưới đây.

1. Việc áp dụng Cơ chế thỏa thuận trước về Phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết còn tồn đọng qua nhiều năm**Vấn đề:**

Việc áp dụng cơ chế APA là cần thiết vì đây là xu thế chung mà các cơ quan thuế các nước đều đang áp dụng hiệu quả để quản lý nguồn thu từ các giao dịch xuyên biên giới. Xét về nguyên tắc, cơ chế này sẽ mang lại lợi ích cho cả người nộp thuế và là cầu nối để Việt Nam hòa nhập với xu thế chung về thuế quốc tế trên thế giới. Mặc dù do đây vẫn là một cơ chế thuế mới, Việt Nam còn chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn nhưng tính từ thời điểm đầu tiên ban hành hướng dẫn về APA là Thông tư 201/2013/TT-BTC (tháng 12/2013) và gần đây nhất là Điều 41 của Nghị định 126/2020/NĐ-CP và Thông tư 45/2021/TT-BTC thì đến nay đã là 8 năm nhưng chưa có hồ sơ APA song phương nào được phê duyệt, lưu hành dẫn tới tồn đọng số lượng lớn hồ sơ APA của người nộp thuế qua nhiều năm mà không được xử lý thỏa đáng trong khi đã có cơ sở pháp lý đã ban hành.

Theo quan sát, các khó khăn của người nộp thuế bao gồm:

- (i) Việt Nam chưa công bố cơ sở dữ liệu thương mại sử dụng trong việc xử lý các hồ sơ giao dịch liên kết và APA dẫn tới chưa có cơ sở pháp lý để kiểm chứng và xử lý khi thương lượng với cơ quan thuế các nước. Các cơ quan thuế trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia, Indonesia đều đang sử dụng cơ sở dữ liệu thương mại như là cơ sở dữ liệu đáng tin cậy trong xử lý Hồ sơ APA.
- (ii) Quy định hiện hành chưa rõ ràng trong việc tính và áp dụng khoảng biên độ giá thị trường chuẩn tại hồ sơ APA song phương sử dụng dữ liệu 1 năm hay bình quân 3 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ APA.
- (iii) Thông tư 41/2021/TT-BTC áp dụng theo thông lệ quốc tế bỏ thời gian xử lý hồ sơ APA lại từng giai đoạn nhưng thực tế chứng minh không có hồ sơ nào được xử lý dứt điểm kể từ năm 2014 đến nay và dẫn tới tồn đọng rất nhiều. Người nộp thuế cũng không được cập

nhật tiến độ xử lý hồ sơ thường xuyên. Trong khi đó các nước trong khu vực đã triển khai và xử lý rất hiệu quả cho người nộp thuế có thể kể đến như:

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Trung Quốc	156	177	206	226	260
Nhật Bản	146	145	Chưa có số liệu	Chưa có số liệu	Chưa có số liệu
Hàn Quốc	204	218	225	Chưa có số liệu	240
Singapore	Chưa có số liệu		Số liệu tính đến hết năm 2020: 46	Số liệu tính đến hết năm 2021: 58	Số liệu tính đến hết năm 2022: 69
Indonesia			153	Chưa có số liệu	Chưa có số liệu
Malaysia			421	Chưa có số liệu	Chưa có số liệu

Cục thuế địa phương đang được tham gia cùng Tổng cục thuế trong thẩm định, trao đổi, đàm phán APA và đồng thời là bên thanh tra, kiểm tra thuế của người nộp thuế. Tuy nhiên, Thông tư 41/2021/TT-BTC hướng dẫn khi hồ sơ APA dừng đàm phán, bị rút đơn, bị hủy bỏ hoặc bị thu hồi thì các thông tin, dữ liệu do người nộp thuế cung cấp tại hồ sơ đề nghị áp dụng APA chính thức, giải trình theo yêu cầu, báo cáo APA thường niên, báo cáo đột xuất sẽ không được cơ quan thuế sử dụng làm chứng cứ hay chứng từ để phục vụ các mục đích kiểm tra, thanh tra hay ấn định thuế đối với người nộp thuế. Điều này dẫn tới không đảm bảo cục thuế địa phương không sử dụng các thông tin, dữ liệu này trong thanh tra, kiểm tra thuế sau đó.

Kiến nghị:

- (i) Chính phủ Việt Nam cần quyết liệt chỉ đạo để Tổng Cục thuế xử lý dứt điểm các hồ sơ APA để tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế tránh việc bỏ khung thời gian xử lý hồ sơ (theo thông lệ quốc tế) dẫn tới tồn đọng ở các cấp và không được thông báo kịp thời tiến trình xử lý hồ sơ tới người nộp thuế nộp hồ sơ APA.
- (ii) Cơ quan thuế Việt Nam cần công bố chính thức cơ sở dữ liệu thương mại được sử dụng trong xử lý hồ sơ APA và tăng tính pháp lý của cơ sở dữ liệu thương mại này để người nộp thuế áp dụng.
- (iii) Đề nghị có quy định rõ ràng về việc tính và áp dụng khoảng biên độ giá thị trường chuẩn tại hồ sơ APA là áp dụng theo:
 - Sử dụng dữ liệu bình quân gia quyền 3 năm gần nhất của các công ty độc lập tương đồng được chọn tính tới thời điểm nộp hồ sơ APA.
 - Khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn đề xuất tại hồ sơ APA song phương / đa phương là tập hợp các giá trị từ bách phân vị thứ 25 đến bách phân vị thứ 75 theo thông lệ quốc tế.
- (iv) Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế cần sửa đổi quy định để Cục thuế địa phương không tham gia vào quá trình thẩm định, trao đổi, đàm phán APA. Cục thuế địa phương chỉ nên tham gia vào việc cung cấp thông tin cho Tổng Cục thuế khi cần thiết.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng có một số khuyến nghị khác để Chính Phủ và Bộ tài chính xem xét:

- (v) Bổ sung quy chế hướng dẫn cho Tổng Cục thuế về việc tham chiếu APA song phương đã ký bởi các công ty trong cùng tập đoàn của người nộp thuế với các cơ quan thuế nước ngoài khác cùng chức năng với người nộp thuế tại Việt Nam nhằm mục đích thúc đẩy nhanh tiến trình phê duyệt và thẩm định hồ sơ APA do đã có tiền lệ quốc tế.
- (vi) Bổ sung quy định khung thời gian xử lý hồ sơ APA để hỗ trợ người nộp thuế yên tâm triển khai các kế hoạch kinh doanh theo hồ sơ APA nộp.

2. Vấn đề đối tượng hỗ trợ đầu tư theo dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư

Vấn đề:

Theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội được thông qua ngày 29/12/2024 tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV vừa qua, Quốc hội đã “*đồng ý chủ trương, giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế tối thiểu toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư*”. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã và đang tích cực xây dựng Dự thảo Nghị định này.

Theo nội dung Dự thảo hiện tại, chúng tôi thấy rằng các đối tượng hỗ trợ còn trong phạm vi hẹp. Dự thảo đưa ra đối tượng là các doanh nghiệp có dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao (doanh nghiệp có dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao, các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao) đáp ứng điều kiện về quy mô vốn đầu tư trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm. Với điều kiện này về quy mô, chỉ có số lượng rất ít doanh nghiệp có thể đạt được, theo đó chính sách sẽ chỉ tập trung áp dụng cho một nhóm đối tượng hẹp, chưa đại diện được cho nhóm các nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, và cũng chưa đảm bảo đáp ứng được mục tiêu thu hút đối với các nhà đầu tư chiến lược như tinh thần Quốc hội đã đặt ra tại Nghị quyết số 110/2023/QH15 nêu trên.

Kiến nghị:

Để chính sách hỗ trợ đầu tư phát huy tác dụng hiệu quả trong việc ổn định môi trường đầu tư, giữ chân và thu hút các tập đoàn đầu tư lớn, chúng tôi xin có một số ý kiến đóng góp gửi tới Thủ tướng Chính Phủ, Bộ kế hoạch và đầu tư cùng các ban ngành liên quan để nghiên cứu và hoàn thiện Dự thảo Nghị định về hỗ trợ đầu tư nói trên như sau:

- (i) *Thứ nhất*, về lĩnh vực công nghệ cao, Dự thảo Nghị định hiện tại mới đưa ra các đối tượng là doanh nghiệp có dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao, các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao nhưng chưa bao gồm các đối tượng là doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghệ cao. Theo quy định, các doanh nghiệp trong khu công nghệ cao phải đáp ứng các điều kiện rất chặt chẽ, trong đó, lĩnh vực hoạt động của dự án phải thuộc các lĩnh vực công nghệ cao được khuyến khích đầu tư và sản phẩm của dự án được sản xuất tại Khu công nghệ cao phải thuộc Danh mục các sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích đầu tư sản xuất. Như vậy, các doanh nghiệp này cũng xứng đáng được đưa vào đối tượng hỗ trợ trong lĩnh vực công nghệ cao.
- (ii) *Thứ hai*, về quy mô đầu tư, hiện nay Dự thảo xem xét trên quy mô của từng doanh nghiệp hoặc từng dự án. Trên thực tế, đối với lĩnh vực công nghệ cao, việc nghiên cứu phát triển có tính chuyên sâu và có hàm lượng công nghệ cao nhưng thường được ứng dụng trên các chi tiết, linh kiện sản phẩm nhỏ nhưng có tính quyết định, chủ chốt về công nghệ hoặc các vật liệu mới. Vì tính ứng dụng chuyên sâu của từng công nghệ, các tập đoàn công nghệ thường triển khai riêng theo từng dự án hoặc từng công ty con để thực hiện hoạt động đầu tư cho từng loại sản phẩm với các công nghệ đặc thù. Vì vậy, thực tế cho thấy các công ty

và các dự án công nghệ cao thường có quy mô nhỏ. Nếu chỉ xem xét quy mô theo từng dự án hoặc công ty con, mà không xem xét trên đối tượng nhà đầu tư là cả tập đoàn thì sẽ bỏ sót những nhà đầu tư chiến lược quan trọng về công nghệ. Hiện tại, có những tên tuổi lớn về công nghệ, có hoạt động đầu tư và cam kết lâu dài tại Việt Nam với rất nhiều các công ty con và các dự án đầu tư. Xét trên quy mô của cả tập đoàn thì có thể đạt mức quy mô tổng vốn đầu tư trên 12 nghìn tỉ đồng nhưng xét trên từng dự án thì không thể đạt được. Chúng tôi đề xuất chính sách hỗ trợ cho các nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao nên cân nhắc xem xét áp dụng đối với Tập đoàn lớn xét theo quy mô đầu tư ở Việt Nam của cả Tập đoàn. Ví dụ, mức vốn đầu tư của tập đoàn ở Việt Nam từ 20.000 tỷ đồng hoặc từ 1 tỷ USD trở lên thì các dự án trong lĩnh vực công nghệ cao của họ sẽ thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư. Chính sách này có ý nghĩa quan trọng để thu hút các tập đoàn lớn có uy tín, đây là yếu tố quan trọng để các tập đoàn đưa ra quyết định lựa chọn Việt Nam là điểm đến để thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp trong lĩnh vực công nghệ cao.

(iii) *Thứ ba*, chúng tôi đề xuất bổ sung thêm vào đối tượng hỗ trợ các doanh nghiệp có quy mô lớn hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất khác có tổng vốn đầu tư từ 20.000 tỷ đồng hoặc từ 1 tỷ USD trở lên. Mặc dù không phải là lĩnh vực công nghệ cao nhưng với quy mô vốn như lớn từ 20.000 tỷ đồng hoặc từ 1 tỷ USD trở lên, các dự án đầu tư này sẽ rất cần được khuyến khích và thu hút vì đi theo nó sẽ là cả một hệ sinh thái các doanh nghiệp vệ tinh từ khâu cung cấp linh kiện, vật tư phụ trợ, các đơn vị logistic, v.v. đều là những mắt xích không thể thiếu. Việc đưa ra những khoản hỗ trợ đầu tư phù hợp cho các đối tượng mở rộng trên cũng được xem như động lực giúp phát triển một hệ sinh thái toàn diện và khép kín, nâng cao năng lực sản xuất tại Việt Nam, tăng cường nội lực và giảm phụ thuộc vào năng lực cung cấp, sản xuất từ bên ngoài. Số lượng những dự án đầu tư với quy mô vốn đầu tư từ 1 tỷ USD trở lên ở Việt Nam không nhiều, chỉ có một vài tên tuổi lớn. Với quy mô vốn này, các nước trong khu vực cũng rất muốn thu hút, vì vậy, Việt Nam cần chủ động đưa ra chính sách thu hút đầu tư thật sự hấp dẫn mới cạnh tranh được với các nước trong khu vực.

(iv) *Thứ tư*, việc áp dụng thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu đặt ra thách thức không nhỏ đối với việc duy trì tính cạnh tranh về môi trường đầu tư của Việt Nam. Do đó, khi xây dựng các chính sách nhằm trong thu hút đầu tư, chúng tôi cho rằng Chính phủ Việt Nam cũng cần tham khảo kinh nghiệm các nước để đưa ra chính sách phù hợp và mang tính cạnh tranh.

Ngày 16/2/2024 vừa qua, nhằm khuyến khích các công ty thực hiện các khoản đầu tư lớn mang lại các hoạt động kinh tế thực chất cho Singapore, Bộ trưởng Tài chính Singapore đã đề xuất chính sách hỗ trợ đầu tư Giảm trừ Đầu tư có thể hoàn lại (Refundable Investment Credit - RIC) nhằm cung cấp hỗ trợ cho các đối tượng áp dụng bao gồm tất cả các doanh nghiệp có dự án đầu tư trong các lĩnh vực kinh tế quan trọng và các lĩnh vực tăng trưởng kinh tế mới bao gồm: Đầu tư vào dự án sản xuất mới (ví dụ: thành lập nhà máy mới, sản xuất năng lượng carbon thấp); Mở rộng hoặc thiết lập lĩnh vực hoạt động trong ngành dịch vụ số, dịch vụ chuyên nghiệp và quản lý chuỗi cung ứng; Mở rộng hoặc thành lập trụ sở chính, hoặc Trung tâm Chất lượng cao (Center of Excellence); Thiết lập hoặc mở rộng hoạt động của các công ty kinh doanh hàng hóa; Thực hiện các hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới; Thực hiện các giải pháp với các mục tiêu khử cacbon. Chính phủ Hoa Kỳ gần đây cũng đã bố trí hàng trăm tỷ đô la cho các chương trình bền vững và tài trợ khí hậu bên cạnh hoạt động sản xuất chất bán dẫn thông qua việc ban hành 3 bộ luật mới.

Có thể thấy các chương trình trên đã đưa ra chính sách hỗ trợ đầu tư đối với các đối tượng khá đa dạng. Chúng tôi thiết nghĩ để có thể cạnh tranh được với các quốc gia trên thế giới và khu

vực, Việt Nam cần hoàn thiện chính sách hỗ trợ đầu tư sao cho chính sách mang tính toàn diện và phát huy hiệu quả tốt hơn trong việc giữ chân và thu hút các tập đoàn đầu tư mang tính chiến lược.

3. Vấn đề thương nhân nước ngoài có hay không có hiện diện tại Việt Nam đều nên được thực hiện xuất nhập khẩu tại chỗ

Vấn đề:

Chúng tôi được biết Bộ Tài chính và Tổng Cục Hải quan (“TCHQ”) đang chủ trì đề xin ý kiến các cơ quan liên quan, doanh nghiệp về góp ý sửa đổi quy định liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ đã được quy định tại Điều 35 Nghị định 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Mặc dù vậy, TCHQ tiếp tục đề xuất chỉ cho phép thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam được thực hiện thủ tục hải quan liên quan đến giao dịch mua bán, phân phối hàng hóa tại Việt Nam, trong đó hàng hóa sẽ được mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam (sau đây gọi chung là “*giao dịch mua bán, phân phối hàng hóa tại Việt Nam*”).

Chúng tôi cho rằng việc không cho phép thương nhân nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam thực hiện thủ tục hải quan liên quan đến giao dịch mua bán, phân phối hàng hóa tại Việt Nam sẽ có ảnh hưởng lớn, tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của rất nhiều các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam cũng như làm hạn chế nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Cụ thể:

- (i) Các thương nhân nước ngoài tham gia trong các giao dịch mua bán, phân phối hàng hóa tại Việt Nam thường là công ty mẹ của các các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam, cũng là các công ty uy tín, hoạt động lâu năm và có các mối quan hệ kinh tế, thương mại với nhiều đối tác trên toàn cầu. Do vậy, các thương nhân nước ngoài này đóng vai trò rất quan trọng trong việc kết nối công ty con họ (là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam) với các đối tác khác trên toàn cầu (bao gồm cả các công ty con của đối tác này tại Việt Nam). Qua đó, thúc đẩy hoạt động mua bán, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam, tạo thêm việc làm cho người lao động, đóng góp nhiều hơn cho ngân sách nhà nước Việt Nam.
- (ii) Các thương nhân nước ngoài, khi tham gia vào các giao dịch mua bán, phân phối hàng hóa tại Việt Nam, đều có nghĩa vụ và đóng đầy đủ nghĩa vụ thuế nhà thầu tại Việt Nam
- (iii) Được quản lý thuế và có trách nhiệm đóng thuế nhà thầu theo quy định của pháp luật Việt Nam (cụ thể là Nghị định 126/2020/NĐ-CP và Thông tư 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính). Hơn nữa, việc quản lý các giao dịch giữa các bên có quan hệ liên kết cũng đã được quy định chi tiết trong các văn bản pháp luật về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết (cụ thể là Nghị định 132/2020/NĐ-CP)
- (iv) Hơn nữa, Khoản 1, Điều 22 của Luật thương mại năm 2005 quy định “*Chính phủ thống nhất quản lý việc cho phép thương nhân nước ngoài hoạt động thương mại tại Việt Nam*”. Mặc dù vậy, cho đến hiện tại, chỉ có Nghị định 90/2007/NĐ-CP ngày 31/05/2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối của thương nhân nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam, trong khi đó, chưa có quy định hướng dẫn liên quan đến thương nhân nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam. Do vậy, có thể hiểu rằng, pháp luật hiện hành không cấm thương nhân nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam thực hiện giao dịch mua bán, phân phối hàng hóa tại Việt Nam. Kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy rằng, các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore cũng không

có sự phân biệt và xử lý khác nhau đối với thương nhân nước ngoài trong vấn đề có hiện diện tại nước đó hay không.

Kiến nghị:

Chúng tôi kiến nghị rằng không nên có sự phân biệt giữa thương nhân nước ngoài có và không có hiện diện tại Việt Nam trong việc quản lý nhà nước đối với các giao dịch mua bán, phân phối hàng hóa tại Việt Nam. Thay vào đó, nên áp dụng đồng nhất và đưa ra các điều kiện kinh doanh, báo cáo định kỳ, quản lý thuế cụ thể để khuyến khích các thương nhân nước ngoài tăng cường đầu tư và hiện diện thương mại tại Việt Nam, biến Việt Nam dần trở thành trung tâm kinh tế, tài chính của khu vực ASEAN và châu Á, tạo thêm việc làm cho người lao động và hỗ trợ nguồn thu cho ngân sách nhà nước, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới hiện nay.

4. Vương mắc về Giấy phép quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam

Vấn đề:

Theo Nghị Định 90/2007/NĐ-CP, ngày 31 tháng 05 năm 2007 của Chính Phủ, nhiều cơ quan hải quan địa phương yêu cầu thương nhân nước ngoài phải có Giấy phép quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu thì mới được thực hiện hoạt động xuất khẩu hàng hóa từ nội địa vào kho ngoại quan/nhập khẩu hàng hóa từ kho ngoại quan vào nội địa hoặc xuất nhập khẩu tại chỗ. Chúng tôi thấy TCHQ cần phối hợp với Bộ Công thương và làm rõ:

(i) Trường hợp nào cần xin Giấy phép cho quyền nhập khẩu, xuất khẩu của thương nhân nước ngoài?

Trường hợp xuất nhập khẩu tại chỗ (hàng hóa di chuyển giữa hai doanh nghiệp trong Việt Nam) có yêu cầu Giấy phép quyền nhập khẩu, xuất khẩu của của thương nhân nước ngoài không? Trong khi theo công văn 8739/BCT-XNK ngày 07/12/2023 thì chỉ quyền nhập khẩu là nhập từ nước ngoài và bán tại Việt Nam, xuất khẩu là quyền mua hàng hóa tại Việt Nam để xuất khẩu. Trường hợp xuất nhập khẩu tại chỗ có áp dụng theo công văn 8739/BCT-XNK hay không?

(ii) Có những doanh nghiệp nộp hồ sơ lên Bộ Công thương nhưng gặp nhiều khó khăn

Cụ thể, trong bộ hồ sơ có các tài liệu do cơ quan ở nước sở tại của thương nhân nước ngoài cấp. Bộ Công thương cần thời gian để xác minh các cơ quan đó, đánh giá các cơ quan đó có thẩm quyền hay không. Quá trình này chưa có quy trình cụ thể trong quy định dẫn đến thời gian đánh giá hồ sơ xin Giấy phép quyền xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài mất rất nhiều thời gian.

Chúng tôi được biết có trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ xin giấy phép lên Bộ Công Thương, sau 2 năm vẫn chưa xử lý được.

Kiến nghị:

Chúng tôi kính mong TCHQ phối hợp với Bộ Công Thương giải đáp vương mắc về vấn đề Giấy phép quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam, cụ thể:

(i) Trường hợp nào cần xin Giấy phép cho quyền nhập khẩu, xuất khẩu của thương nhân nước ngoài?

Trường hợp xuất nhập khẩu tại chỗ (hàng hóa di chuyển giữa hai doanh nghiệp trong Việt Nam) có yêu cầu Giấy phép quyền nhập khẩu, xuất khẩu của thương nhân nước ngoài không?

- (ii) Cập nhật quy định về cấp Giấy phép quyền xuất khẩu, nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam với **quy trình, thời gian cụ thể để thúc đẩy quá trình cấp phép cho các doanh nghiệp.**

5. Hạn chế trong quy định về chuyển khẩu hàng hóa

Vấn đề:

Điều 30 Luật Thương mại 2005 quy định về chuyển khẩu hàng hóa:

"Điều 30. Chuyển khẩu hàng hoá

1. Chuyển khẩu hàng hóa là việc mua hàng từ một nước, vùng lãnh thổ để bán sang một nước, vùng lãnh thổ ngoài lãnh thổ Việt Nam mà không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.

2. Chuyển khẩu hàng hóa được thực hiện theo các hình thức sau đây:

...

c) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan, khu vực trung chuyển hàng hoá tại các cảng Việt Nam, không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam."

Và theo hướng dẫn tại Điều 18 Nghị định 69/2018/NĐ-CP:

"Điều 18. Kinh doanh chuyển khẩu

.....

2. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện hoạt động kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa."

Quy định nêu trên đã hạn chế các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đa dạng hóa các mô hình kinh doanh tại Việt Nam vì. Trong đó có rất nhiều mô hình kinh doanh mang lại lợi ích lớn cho Việt Nam. Với các quy định hiện tại và cách diễn giải hiện nay sẽ là bất lợi cho Việt Nam trong tương quan so sánh với các quốc gia khác. Các quy định hiện hành có thể gây cản trở sự phát triển toàn diện của môi trường đầu tư Việt Nam và làm mất đi những lợi thế hiện có của quốc gia.

Tục tiền chúng tôi đã gặp nhiều trường hợp các nhà đầu tư lớn mong muốn hiện diện tại Việt Nam để thành lập trung tâm đầu mối mua sắm hàng hóa tại Việt Nam (thường gọi là "Trading Hub"). Cụ thể, theo mô hình kinh doanh này, doanh nghiệp dự kiến Hàng hóa Việt Nam được xuất khẩu và đưa vào lưu giữ tại kho ngoại quan tại Việt Nam. Đồng thời, Hàng hóa nước ngoài cũng được các doanh nghiệp nước ngoài mua và đưa vào kho ngoại quan để sẵn sàng phục vụ khách hàng mà không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam. Hàng hóa sẽ được phân phối đi các khách hàng trên toàn thế giới từ kho này. Hàng hóa nước ngoài được tập trung vào kho ngoại quan tại Việt Nam nhằm mục đích đóng gói cùng với Hàng hóa Việt Nam để tạo thành những đơn hàng hoàn chỉnh cung cấp cho khách hàng nước ngoài. Do hàng hóa Việt Nam chiếm tỉ lệ lớn và đóng vai trò quan trọng trong mô hình kinh doanh này nên các doanh nghiệp trên đã chọn đặt Hub ung ứng hàng hóa tại Việt Nam để thuận tiện cho quá trình đóng gói, gom hàng và đồng bộ Hàng hóa Việt Nam với Hàng hóa nước ngoài để sẵn sàng cung cấp cho khách hàng.

Có thể thấy hoạt động trên đem lại rất nhiều lợi ích cho toàn bộ nền kinh tế cũng như là gia tăng ngân sách quốc gia, cụ thể:

- (i) Hoạt động này tăng lợi nhuận cho các chủ kho, tăng nguồn thu ngân sách từ việc các doanh nghiệp đầu tư vào kho bãi. Trên thực tế, một số Hub rộng hàng chục nghìn mét vuông vận hành tại nước ngoài đã vận chuyển hàng chục đến hàng trăm nghìn mét khối hàng hóa để xuất đi khắp toàn cầu. Những kế hoạch mở rộng Trading Hub của họ trong tương lai có

thể tối ưu mức độ khỏa lấp của các kho ngoại quan, tăng thêm nguồn thu cho các nhà đầu tư, xây dựng kho, tăng nguồn thu cho ngân sách.

- (ii) Các doanh nghiệp khi mở Trading Hub tại Việt Nam, tất yếu sẽ thuê các công ty Việt Nam cung cấp dịch vụ logistics để hỗ trợ quá trình mua bán của mình. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nước ngoài sẽ hình thành khối lượng vận chuyển hàng xuất khẩu đáng kể, theo đó hàng được vận chuyển từ Hub đến khách hàng trên toàn cầu. Phí dịch vụ logistics hàng năm phải trả ước tính lên tới khoảng hàng triệu USD, tạo ra nhiều hơn việc làm tại địa phương.
- (iii) Như đã nói ở trên, các doanh nghiệp trên sẽ mua một phần đáng kể hàng hóa từ các nhà sản xuất trong nước để phân phối ra nước ngoài. Điều đó sẽ giúp thúc đẩy sự phát triển kinh doanh của các nhà sản xuất Việt Nam cũng như tạo thêm việc làm cho người dân địa phương. Ngoài ra, nhờ cơ hội trở thành đối tác của các doanh nghiệp lớn, các nhà sản xuất Việt Nam cũng sẽ đóng góp thêm nhiều khoản thuế cho Ngân sách Nhà nước.
- (iv) Dựa trên bản chất của mô hình kinh doanh này, Trading Hub bắt buộc phải được đặt tại quốc gia của các nhà sản xuất chính. Do đó, nếu mô hình này không thể triển khai tại Việt Nam, các doanh nghiệp có thể sẽ phải đặt Hub tại một quốc gia khác và đặt sản xuất từ các nhà sản xuất chính tại quốc gia đó.
- (v) Trong trường hợp hàng hóa mua từ nhà cung cấp nước ngoài phải nhập khẩu vào Việt Nam trước khi xuất bán cho khách hàng nước ngoài, doanh nghiệp sẽ phải nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT khâu nhập khẩu. Tuy nhiên, do hàng hóa sau đó sẽ lại được xuất khẩu ra nước ngoài nên theo quy định hiện hành, Công ty có thể yêu cầu hoàn lại toàn bộ số thuế nhập khẩu và thuế GTGT đó. Nói cách khác, cuối cùng, Ngân sách Nhà nước sẽ không thu bất kỳ khoản thuế nhập khẩu và thuế GTGT nào đối với hàng hóa mua từ các nhà cung cấp nước ngoài. Vì vậy, việc lưu trữ hàng hóa được mua trong nước hay mua từ nước ngoài tại kho ngoại quan theo mô hình kinh doanh trên sẽ không ảnh hưởng đến thu Ngân sách Nhà nước từ thuế GTGT và thuế nhập khẩu.

Dù mô hình kinh doanh này mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam như trên nhưng doanh nghiệp đầu tư nước ngoài này đã không thể triển khai do vướng mắc liên quan đến phần Hàng hóa nước ngoài đưa vào kho ngoại quan bị coi là hoạt động chuyển khẩu mà doanh nghiệp không được thực hiện theo các quy định trên. Điều này vô hình chung đã hạn chế các cơ hội kinh doanh không chỉ của chính doanh nghiệp này mà còn của nhiều doanh nghiệp vệ tinh liên quan khác của Việt Nam, khiến Việt Nam mất đi nguồn thu tiềm năng đáng kể từ mô hình này.

Kiến nghị:

Với những phân tích được đưa ra, chúng tôi tin rằng mô hình kinh doanh trên sẽ mang lại những lợi ích đáng kể cho Chính phủ, cho người dân tại địa phương và cho ngành sản xuất của Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị Chính phủ và Bộ công thương nghiên cứu xem xét để sửa đổi các quy định hiện hành để có thể mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp, các tập đoàn mong muốn triển khai mô hình kinh doanh tương tự có thể thực hiện được tại Việt Nam.

Vì mục đích chính của mô hình kinh doanh này là để hàng hóa sản xuất bên ngoài Việt Nam được kết hợp với hàng hóa sản xuất bởi các nhà sản xuất trong nước để xuất khẩu sang khách hàng nước ngoài trong suốt quá trình của mối quan hệ giữa doanh nghiệp nước ngoài với người tiêu dùng cuối cùng, chúng tôi cho rằng hoạt động kinh doanh này không nên được cho là hoạt động kinh doanh chuyển khẩu.. Bản chất kinh doanh nên được xem xét theo một mô hình kinh doanh tổng thể thay vì xem xét theo từng lô hàng đơn lẻ.

Đối với Hàng hóa mua từ nhà cung cấp ở nước ngoài, chúng tôi kiến nghị doanh nghiệp không cần phải xin giấy phép nhập khẩu, thực hiện kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa đó khi đưa vào kho ngoại quan.

6. **Vướng mắc trong việc xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển**

Vấn đề:

Hiện nay, theo Nghị định 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ, các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Nghị định có thể nộp hồ sơ đề nghị cho Bộ Công thương hay Sở Công thương để xin xác nhận ưu đãi đối với các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Tuy nhiên việc áp dụng Nghị định này trong thực tế đã xảy ra một số vướng mắc như sau:

- (i) *Thứ nhất*, nhiều doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm là một chi tiết, bộ phận, linh kiện của các sản phẩm được liệt kê tại Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Nghị định nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi nhưng không được phê duyệt cho nhóm sản phẩm này. Thực tế, các nhà sản xuất chi tiết, bộ phận, linh kiện này là các nhà cung cấp chủ yếu cho các nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Nghị định. Do đó, việc sản xuất các chi tiết, bộ phận, linh kiện này là hết sức quan trọng, không thể thiếu trong quá trình hoàn thiện chuỗi sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ hoàn chỉnh. Hơn nữa, nhiều sản phẩm chi tiết, bộ phận và linh kiện này đóng vai trò chủ chốt và chiếm tỉ trọng giá trị lớn trong tổng giá trị thành phẩm đồng thời, có những bộ phận linh kiện đòi hỏi công nghệ sản xuất tiên tiến, trình độ cao hơn cả sản phẩm chính. Chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ cần phải được xem xét một cách toàn diện, có xét đến tất cả các khâu liên quan. Vì vậy, các dự án sản xuất các chi tiết, bộ phận, linh kiện cũng cần phải được khuyến khích, được hưởng các ưu đãi quy định cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Việc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ bỏ qua nhóm các đối tượng kê trên có thể làm giảm hiệu quả trong những mục tiêu mà Nghị định hướng tới.
- (ii) *Thứ hai*, trên thực tế quan sát, trong quá trình nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi chúng tôi nhận thấy các doanh nghiệp còn gặp rất nhiều khó khăn. Cụ thể, quá trình xin xác nhận ưu đãi mất rất nhiều thời gian, nhiều doanh nghiệp phải nộp hồ sơ bổ sung nhiều lần theo yêu cầu của cơ quan cấp phép. Nhiều vấn đề về tuân thủ trong quá khứ đã được doanh nghiệp hoàn tất các thủ tục để khắc phục, bổ sung với các cơ quan hữu quan nhưng cơ quan cấp phép vẫn dựa vào đó để từ chối hồ sơ. Những khó khăn này đã gây nên những khúc mắc, tốn kém về chi phí, thời gian cho doanh nghiệp, chưa thật sự phát huy hiệu quả của chính sách khuyến khích, làm hạn chế sự hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam.

Kiến nghị:

Chúng tôi đánh giá việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ là rất quan trọng và cần có cơ chế chính sách rõ ràng, thuận lợi nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tập trung sản xuất có hiệu quả, qua đó phát triển ngành công nghiệp Việt Nam. Với các phân tích trên, chúng tôi đưa ra các kiến nghị dưới đây để chính sách hỗ trợ thiết thực và phù hợp hơn với thực tiễn:

- Chúng tôi kiến nghị bổ sung các chi tiết, bộ phận, linh kiện của các sản phẩm quy định tại Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển hiện quy định tại Nghị định 111/2015/NĐ-CP vào Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; và.

- Lãnh đạo Bộ Công thương và Lãnh đạo Cục Công nghiệp là đơn vị thực hiện các thủ tục xác nhận thực hiện đơn độc trong công tác thẩm định và phê duyệt hồ sơ hỗ trợ để tháo gỡ các vướng mắc cụ thể trong quy trình thực hiện thủ tục hành chính đảm bảo đúng thời hạn quy định cho nhà đầu tư.

7. Các vấn đề về thuế khác

7.1 Vấn đề “Sử dụng công nghệ được thẩm định theo quy định của Luật Công nghệ cao, Luật Khoa học và Công nghệ” cần được thực hiện đúng bản chất để không ảnh hưởng đến quyền lợi của Doanh nghiệp thuộc dự án đầu tư quy mô lớn

Vấn đề

Theo quy định tại Nghị định 218/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP, một trong các điều kiện để dự án đầu tư quy mô lớn 12.000 tỷ được được hưởng ưu đãi thuế TNDN là “Sử dụng công nghệ được thẩm định theo quy định của Luật Công nghệ cao, Luật Khoa học và Công nghệ”.

Tuy nhiên, quy định hiện hành **không hướng dẫn chi tiết việc thực hiện thẩm định công nghệ cho mục đích xác định ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư quy mô lớn.**

Luật Công nghệ cao và Luật Khoa học và Công nghệ hiện nay chỉ có quy định liên quan đến thẩm định công nghệ cho các trường hợp sau:

- Quy trình thẩm định công nghệ đối với Dự án đầu tư trước khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định tại Điều 44, Nghị định 08/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật Khoa học công nghệ, Điều 31 đến Điều 34 Luật đầu tư 2014; Khoản 2, Điều 13, Luật chuyển giao công nghệ 2017. Theo đó, việc thẩm định công nghệ hoặc việc cơ quan có thẩm quyền phải có ý kiến về công nghệ là cần thiết trong trường hợp dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.
- Quy trình thẩm định công nghệ cho mục đích cấp Giấy chứng nhận Dự án ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định 55/2010/QĐ-TTg, Thông tư 32/2011/TT-BKHCN hướng dẫn Luật Công nghệ cao
- Quy trình thẩm định công nghệ cho mục đích cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp công nghệ cao theo Quyết định 55/2010/QĐ-TTg, Thông tư 32/2011/TT-BKHCN hướng dẫn Luật Công nghệ cao

Cả 3 quy trình trên đều không liên quan đến việc thẩm định công nghệ cho dự án đầu tư quy mô lớn được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư đang hoạt động.

Do không có quy trình thẩm định công nghệ cụ thể cho trường hợp dự án hưởng ưu đãi đầu tư theo tiêu chí quy mô lớn nên trong thực tế một số doanh nghiệp đã và đang gặp vướng mắc trong quá trình làm thủ tục xin áp dụng ưu đãi thuế dựa trên tiêu chí dự án đầu tư quy mô lớn theo quy định nêu trên.

Kiến nghị

Chúng tôi đề nghị Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ KHCN nghiên cứu ban hành hướng dẫn làm rõ tiêu chí về thẩm định công nghệ cho doanh nghiệp áp dụng quy định ưu đãi dựa trên đầu tư quy mô lớn trong trường hợp này. Quy định cần làm rõ việc:

- Có phải có quy trình riêng để thẩm định công nghệ cho các dự án đầu tư quy mô lớn hay không, và hướng dẫn cụ thể về quy trình; hoặc
- Làm rõ việc dự án phải được thẩm định công nghệ theo quy định của Luật đầu tư **nếu thuộc trường hợp** công nghệ cần phải được thẩm định hoặc có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền

trước khi được chấp thuận đầu tư hoặc được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Vấn đề “**Sử dụng công nghệ được thẩm định theo quy định của Luật Công nghệ cao, Luật Khoa học và Công nghệ**” cần được thực hiện đúng bản chất để không ảnh hưởng đến quyền lợi của Doanh nghiệp.

7.2. Vướng mắc về thủ tục kê khai ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) đối với Dự án đầu tư mở rộng có phân kỳ đầu tư theo giai đoạn

Vấn đề

Hiện nay, hướng dẫn về thủ tục kê khai ưu đãi thuế đối với Dự án phân kỳ đầu tư mới chỉ được quy định tại văn bản hướng dẫn Nghị định và Luật (Thông tư 151/2014/TT-BTC), đồng thời mới chỉ áp dụng cho Dự án đầu tư mới mà chưa có quy định cho Dự án đầu tư mở rộng, trong khi bản chất việc phân kỳ đầu tư đối với dự án đầu tư mới và dự án ĐTMR là tương tự nhau. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp thực hiện các Dự án đầu tư mở rộng cũng thực hiện phân kỳ đầu tư và có ghi rõ các giai đoạn đầu tư và tiến độ đầu tư tương ứng. Tuy nhiên, do chưa có quy định cụ thể nên gặp khó khăn cho cả cơ quan thuế và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục kê khai ưu đãi thuế TNDN đối với trường hợp này. Cụ thể:

- Việc xác định đáp ứng tiêu chí tăng nguyên giá TSCĐ/tăng tỷ trọng nguyên giá TSCĐ sẽ căn cứ theo giá trị TSCĐ tăng thêm của giai đoạn đầu tư đầu tiên hay sau khi hoàn tất việc đầu tư theo toàn bộ vốn đầu tư đăng ký.
- Thời gian hưởng ưu đãi thuế đối với thu nhập phát sinh của từng giai đoạn đầu tư.

Theo đó, cần thiết phải có quy định cụ thể về nguyên tắc áp dụng ưu đãi thuế đối với dự án ĐTMR tại Luật thuế TNDN để tháo gỡ vướng mắc nói trên, đảm bảo tính thống nhất khi thực hiện và cũng đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư, khuyến khích nhà đầu tư tiếp tục đầu tư tại Việt Nam.

Kiến nghị

Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 14 và Điều 18 Luật thuế TNDN theo hướng nhất quán với dự án đầu tư mới có phân kỳ đầu tư. Việc áp dụng ưu đãi theo nguyên tắc đảm bảo nhà đầu tư được hưởng đủ thời gian ưu đãi nếu dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư đáp ứng điều kiện ưu đãi đầu tư. Cụ thể:

Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 14 Luật Thuế TNDN như sau:

4. Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (đầu tư mở rộng) nếu đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại khoản này thì được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (nếu có) hoặc được miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng quy định tại khoản này bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Dự án đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi quy định tại khoản này phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Nguyên giá tài sản cố định tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành **đầu tư số vốn đầu tư đã đăng ký đi vào hoạt động** đạt tối thiểu từ hai mươi tỷ đồng đối với dự án đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này hoặc từ mười tỷ đồng đối với các dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã

hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

b) Tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định tăng thêm **khi dự án đầu tư hoàn thành đầu tư số vốn đầu tư đã đăng ký** đạt tối thiểu từ 20% so với tổng nguyên giá tài sản cố định trước khi đầu tư;

c) Công suất thiết kế tăng thêm **khi dự án đầu tư hoàn thành đầu tư số vốn đầu tư đã đăng ký** tối thiểu từ 20% so với công suất thiết kế trước khi đầu tư.

Bổ sung Khoản 5 vào Điều 18 Luật Thuế TNDN như sau:

Điều 18. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế

....

5. Đối với dự án đầu tư (bao gồm cả Dự án đầu tư mới và Dự án đầu tư mở rộng) được cấp phép đầu tư mà trong Hồ sơ đăng ký đầu tư gửi cơ quan cấp phép đầu tư đã đăng ký số vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư kèm tiến độ thực hiện đầu tư, trường hợp các giai đoạn tiếp theo thực tế có thực hiện được coi là dự án thành phần của dự án đầu tư đã được cấp phép nếu thực hiện theo tiến độ (trừ trường hợp bất khả kháng, khó khăn do nguyên nhân khách quan trong khâu giải phóng mặt bằng, giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan Nhà nước, do thiên tai, hỏa hoạn hoặc khó khăn, bất khả kháng khác) thì các dự án thành phần của dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế cho thời gian còn lại của dự án đầu tư tính từ thời điểm dự án thành phần có thu nhập được hưởng ưu đãi.

Trong thời gian triển khai các dự án thành phần theo từng giai đoạn nêu trên nếu nhà đầu tư được cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư cho phép gia hạn thực hiện dự án và doanh nghiệp thực hiện theo đúng thời hạn đã được gia hạn thì cũng được hưởng ưu đãi thuế theo quy định nêu trên.

[Phương án 1]:

Đối với trường hợp Dự án đầu tư mở rộng, khi áp dụng hưởng ưu đãi thuế theo quy định nêu trên, nhà đầu tư phải có văn bản cam kết đáp ứng các điều kiện và tiêu chí hưởng ưu đãi thuế quy định tại Khoản 4 Điều 14 Luật này. Trường hợp trong quá trình triển khai dự án đầu tư mở rộng trên thực tế, nếu nhà đầu tư không đáp ứng các điều kiện và tiêu chí theo quy định, nhà đầu tư phải nộp lại số tiền đã kê khai, hưởng ưu đãi thuế kèm tiền phạt, tiền chậm nộp nếu có vào ngân sách nhà nước.

[Phương án 2]:

Đối với trường hợp Dự án đầu tư mở rộng, khi áp dụng hưởng ưu đãi thuế theo quy định nêu trên, thời điểm Dự án bắt đầu được hưởng ưu đãi được tính từ kỳ tính thuế Dự án đáp ứng điều kiện, tiêu chí hưởng ưu đãi thuế quy định tại Khoản 4 Điều 14 Luật này và được hưởng đủ thời gian ưu đãi thuế theo quy định.

7.3. Vấn đề Chi phí lãi vay của hợp đồng vay có sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất

Vấn đề

Khoản 3 Điều 16 Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định:

“3. Tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết:

a) *Tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế;”*

Trong thực tế phát sinh nhiều trường hợp doanh nghiệp đi vay ngân hàng A phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh bắt buộc phải trả lãi suất vay thả nổi (LIBOR) theo quy định tại hợp đồng vay.

Cho mục đích giảm thiểu rủi ro biến động lãi suất đi vay theo biến động thị trường, các doanh nghiệp đã ký kết với ngân hàng B hợp đồng “Hoán đổi lãi suất” để hoán đổi nghĩa vụ phải trả lãi suất thả nổi LIBOR thành lãi suất cố định. Hợp đồng này cũng nêu cụ thể về sản phẩm gốc là khoản vay và lãi suất vay thả nổi của doanh nghiệp với ngân hàng A.

- (i) Trường hợp lãi suất LIBOR cao hơn lãi suất cố định thì ngân hàng B sẽ trả cho doanh nghiệp phần chênh lệch lãi suất để doanh nghiệp chỉ trả cho ngân hàng A lãi suất cố định + phần chênh lệch lãi suất.
- (ii) Trường hợp lãi suất LIBOR thấp hơn lãi suất cố định thì doanh nghiệp chỉ trả lãi suất LIBOR cho ngân hàng A và phần chênh lệch lãi suất cho ngân hàng B.

Tuy nhiên, qua trao đổi với cơ quan thuế, chúng tôi được hướng dẫn khi tính chi phí lãi vay chịu cap 30% EBITDA không được bù trừ các khoản chênh lệch do lãi suất cố định thấp hơn lãi suất LIBOR để giảm trừ chi phí lãi vay của hoạt động chính đang hưởng ưu đãi, mà phải xác định riêng là thu nhập tài chính từ hoạt động kinh doanh khác để tính thuế suất TNDN phổ thông là 20%.

Chúng tôi thấy rằng, cách xử lý như vậy đang chưa đi vào bản chất của giao dịch do doanh nghiệp không tiến hành kinh doanh sản phẩm phái sinh như các ngân hàng thương mại mà chỉ nhằm mục đích giảm thiểu rủi ro biến động lãi suất.

Xét về bản chất, doanh nghiệp đã chuyển lãi vay từ thả nổi sang cố định và chỉ phải phát sinh chi phí lãi vay ở mức cố định sau khi chuyển rủi ro biến động lãi suất cho ngân hàng B. Như vậy chúng tôi hiểu rằng phần chênh lệch lãi vay đối với trường hợp (i) được giảm trừ chi phí đi vay và đối với trường hợp (ii) được ghi tăng chi phí đi vay.

Theo Điều 4 của Luật các Tổ chức tín dụng, “sản phẩm phái sinh” được định nghĩa là “*công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về giá trị của một tài sản tài chính gốc như tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ hoặc tài sản tài chính khác.*”

Vì hợp đồng hoán đổi lãi suất là 1 sản phẩm phái sinh nên luôn gắn liền với tài sản gốc (hay “khoản vay” gốc). Theo đó, mọi chênh lệch tăng giảm lãi suất phát sinh từ hợp đồng này nên được coi là giá trị tăng thêm/giảm đi của phần lãi vay gốc. Hay nói cách khác, chi phí lãi vay là giá trị bù trừ của 2 hợp đồng (Hợp đồng vay gốc và hợp đồng phái sinh hoán đổi lãi suất gắn với hợp đồng gốc).

Theo quy định tại Điều 6.2.a Thông tư 01/2015/TT-NHNN: “*a) Sản phẩm hoán đổi lãi suất một đồng tiền (Interest rate swap): Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất với khách hàng, trong đó các bên thỏa thuận định kỳ thanh toán cho nhau **khoản tiền lãi** bằng cùng một đồng tiền ... tính theo **lãi suất được nhận và phải trả đã thỏa thuận** (lãi suất cố định hoặc thả nổi) trên cùng giá trị khoản vốn danh nghĩa.*”

Như vậy, phần tiền lãi mà doanh nghiệp nhận được hoặc phải trả cho ngân hàng B theo hợp đồng hoán đổi lãi suất cần phải được hiểu là 1 phần của chi phí lãi vay.

Kiến nghị

Kiến nghị Bộ Tài chính/Tổng cục Thuế xem xét xử lý vướng mắc dựa trên bản chất thực tiễn giao dịch.

- a. Đối với việc xác định chi phí lãi vay theo Nghị định 132, chúng tôi kiến nghị nên sửa đổi thành:
“a) Tổng chi phí lãi vay (bao gồm cả chênh lệch tăng hoặc giảm lãi vay tương ứng từ việc sử dụng công cụ phái sinh lãi suất cho khoản vay gốc) sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay và phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế.” Trong lúc chưa sửa Nghị định 132 thì chúng tôi đề nghị được thực hiện theo bản chất như đã trình bày.
- b. Đối với việc xác định thu nhập được hưởng ưu đãi:
 Do bản chất hợp đồng hoán đổi lãi suất trong trường hợp này chỉ để phòng ngừa rủi ro biến động lãi suất, vẫn liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh chính đang hưởng ưu đãi và không phải một hoạt động kinh doanh riêng của doanh nghiệp, chúng tôi kiến nghị BTC/TCT hướng dẫn cho phép giảm trừ chi phí lãi vay của hoạt động kinh doanh chính mà không bị coi là thu nhập khác không hưởng ưu đãi.

7.4. Khoản hỗ trợ ban đầu (Upfront Supports) cho các giao dịch phân phối độc quyền sản phẩm bảo hiểm qua ngân hàng

Vấn đề

Trên thực tế và theo thông lệ thị trường, các doanh nghiệp bảo hiểm thanh toán các khoản hỗ trợ ban đầu (*upfront supports*) cho các giao dịch phân phối độc quyền sản phẩm bảo hiểm giữa doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức đại lý bảo hiểm là ngân hàng khi thiết lập mô hình "hợp tác phân phối sản phẩm bảo hiểm giữa doanh nghiệp bảo hiểm và ngân hàng" (“**Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu**”).

Tuy nhiên, hiện nay **xuất hiện lại khó khăn** do sự chưa nhất quán liên quan đến việc áp dụng (i) pháp luật chuyên ngành về kinh doanh bảo hiểm nhằm xác định **Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu** có phải là khoản chi phí mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép chi và hạch toán và (ii) dẫn đến việc các khoản chi phí này có được xem là chi phí hợp lý, hợp lệ mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép khấu trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nội dung trên hoàn toàn không phải là vấn đề mới vì đã từng được thảo luận và thống nhất ý kiến giữa Nhóm Công Tác Thuế và Tổng Cục Thuế liên quan đến việc chấp nhận Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu được xem là khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của các doanh nghiệp bảo hiểm được phép khấu trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bảo hiểm tại cuộc họp ngày 25/11/2020.

Trong bối cảnh hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn, để hạn chế các rủi ro tuân thủ quy định pháp luật và tăng chi phí cho các doanh nghiệp bảo hiểm có quan hệ đối tác phân phối sản phẩm bảo hiểm độc quyền qua ngân hàng, chúng tôi xin phép được nêu lại nội dung này như sau:

c. Bản chất của Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu:

Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu là một khoản tiền hỗ trợ ban đầu khi thiết lập mô hình "hợp tác phân phối sản phẩm bảo hiểm giữa doanh nghiệp bảo hiểm và ngân hàng". Theo đó, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ trả một khoản phí hỗ trợ trước cho ngân hàng để được là đối tác duy nhất phân phối sản phẩm bảo hiểm đến khách hàng của các ngân hàng này (Đối tác độc quyền).

Dựa trên sự thừa nhận rộng rãi của thông lệ quốc tế, Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu đã bắt đầu xuất hiện tại thị trường Việt Nam vào khoảng những năm 2010 và hiện đang tồn tại ở hầu hết các giao dịch phân phối độc quyền giữa doanh nghiệp bảo hiểm và ngân hàng. Nhìn chung, Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu sẽ phụ thuộc vào cách tính toán và đàm phán của các bên; tuy nhiên, về cơ bản, Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu được tính dựa trên 02 nguyên tắc sau:

- **Nguyên tắc bù đắp chi phí cơ hội:**
Trong mối quan hệ đối tác độc quyền giữa doanh nghiệp bảo hiểm và ngân hàng, đối tác phân phối là ngân hàng **chỉ được phép có một (01) đối tác độc quyền** là một (01) doanh nghiệp bảo hiểm tại một thời điểm trong suốt thời hạn của hợp đồng phân phối và do vậy đối tác ngân hàng phải mất đi các thu nhập, cơ hội kinh doanh mà đáng lẽ ra có thể sẽ có được nếu cùng lúc phân phối sản phẩm bảo hiểm cho nhiều đối tác là các doanh nghiệp bảo hiểm khác nhau. Do đó, Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu nhằm mục đích bù đắp phần chi phí cơ hội bị mất đi của các đối tác phân phối trong khoảng thời gian dài, có thể kéo dài từ 15 đến 19 năm. Điều này giải thích cho bản chất của Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu như đã được đề cập trên đây và lý do Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu thường sẽ không bị buộc phải gắn với bất kỳ kết quả kinh doanh hoặc chỉ tiêu nào dành cho đối tác phân phối là ngân hàng như được áp dụng đối với các khoản thưởng, thù lao khác.
- **Nguyên tắc tận dụng lợi thế về mạng lưới phân phối của đối tác phân phối, cụ thể là đối tác ngân hàng:**
Các doanh nghiệp bảo hiểm khi xác lập giao dịch độc quyền với các đối tác phân phối/đại lý tổ chức sẽ được độc quyền tiếp cận các hệ thống, cơ sở/mạng lưới giao dịch, nguồn nhân lực và các khách hàng của các đại lý tổ chức này và các tài sản do các Đại lý tổ chức phải đầu tư rất nhiều trong một khoảng thời gian dài mới có được. Do vậy, dựa trên các yếu tố đánh giá của doanh nghiệp bảo hiểm, Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu là **không đắt hơn các chi phí mà doanh nghiệp bảo hiểm phải tự đầu tư để xây dựng, vận hành và khai thác theo quy mô và lợi thế tương tự mà đối tác phân phối/đại lý tổ chức đã có sẵn.**

d. Quy định pháp luật điều chỉnh Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu và cách hiểu của doanh nghiệp bảo hiểm:

Hiện nay, **không có bất kỳ quy định pháp luật nào điều chỉnh trực tiếp về Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu**, mà theo đó, các bên liên quan sẽ tham khảo các nguyên tắc chung của các quy định có liên quan để xác định bản chất và quy định pháp luật điều chỉnh Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu.

Theo cách tiếp cận này, từ năm 2001 đến nay, pháp luật được vận dụng để xác định Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu được chia làm 02 giai đoạn:

- **Giai đoạn từ 01 tháng 04 năm 2001 đến 31 tháng 12 năm 2022:** được điều chỉnh bởi Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2010 và 2019*) có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nghị định 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017.
- **Giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2023 đến nay:** được điều chỉnh bởi Luật Kinh doanh bảo hiểm 2023 và Nghị định 46/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm 2023. Hiện tại, Bộ Tài chính đang soạn thảo Thông tư hướng dẫn Luật và Nghị định này.

Trong cả 02 giai đoạn trên, về phía doanh nghiệp bảo hiểm, chúng tôi nhận thấy Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu được xem là chi phí hợp lý, hợp lệ gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm và là thu nhập hợp pháp của ngân hàng nhận Khoản Hỗ Trợ Ban

Đầu với điều kiện đảm bảo được các quy định chuyên ngành về thuế với đầy đủ hóa đơn, chứng từ. Bởi lẽ:

- **Không có bất cứ quy định nào hạn chế hay cấm việc các doanh nghiệp bảo hiểm thanh toán Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu.** Bên cạnh đó, Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu là **không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội**;
- Chúng tôi cũng hiểu rằng Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu ***thuộc danh mục chi phí được quy định tại “các khoản chi phí, trích lập khác theo quy định pháp luật”*** được quy định tại Điều 69 về chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Nghị định 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Điều luật này tiếp tục được hướng dẫn cụ thể tại Điều 22 về nguyên tắc xác định chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Thông tư 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017.

Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 cũng có cách tiếp cận tương tự khi có quy định về “*các khoản chi phí, trích lập khác theo quy định pháp luật*” tại Điểm o Khoản 3 Điều 50.

- Trên cách hiểu đó, Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu này đã được bên thanh toán (doanh nghiệp bảo hiểm) và bên nhận thanh toán (ngân hàng) ghi nhận trong báo cáo tài chính được kiểm toán của từng bên và kê khai thuế đầy đủ tại các năm tài chính tương ứng, phù hợp với nguyên tắc kế toán và ghi nhận doanh thu, chi phí.
- Thực tế theo chúng tôi được biết báo cáo tài chính của đối tác ngân hàng có nhận Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu chưa từng có ý kiến loại trừ của kiểm toán độc lập khi hạch toán vào thu nhập từ Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu. Báo cáo tài chính của đối tác phân phối là ngân hàng được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của các đối tác này theo quy định của pháp luật bao gồm cả quy định áp dụng cho các tổ chức tín dụng, công ty niêm yết.

Như đã trình bày tại phần trên, cách hiểu và vận dụng của doanh nghiệp bảo hiểm đã nhận được sự đồng tình từ Tổng Cục Thuế. Cụ thể, tại bản Tóm tắt nội dung cuộc họp giữa Bộ Tài Chính và Diễn Đàn Doanh Nghiệp Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại **Vấn đề 21 – “Chi phí hỗ trợ đại lý bảo hiểm trả cho ngân hàng không được xem là chi phí được trừ”** đã được đưa vào thảo luận và các bên đã thống nhất rằng “***nhất trí với kiến nghị chi phí tương ứng nên được tính vào chi phí được trừ cho mục đích thuế doanh nghiệp***” (“***Tóm tắt cuộc họp***”). Tài liệu này hiện được công khai tại Báo Cáo Diễn Đàn Doanh Nghiệp Việt Nam Thường Niên 2020, tại cuộc họp thường niên của VBF ngày 22/12/2020 (“**Báo Cáo**”). Toàn văn Báo Cáo và Tóm tắt cuộc họp được công khai và có thể được truy cập theo đường dẫn tại trang thông tin điện tử của VBF. Chúng tôi kính gửi lại đường dẫn để dễ tham khảo (tại trang 233): <https://vbf.org.vn/wp-content/uploads/2020/12/VBF-2020-Report-VI.pdf>.

Vấn đề 21 trên không được tiếp tục thảo luận hoặc kiến nghị tại các Diễn Đàn Doanh Nghiệp Thường Niên vào các năm tiếp theo. Theo quy chế hoạt động và trao đổi của VBF và Chính phủ Việt Nam, **các nội dung nhất trí** tại các cuộc họp và được ghi nhận tại Báo cáo công khai của VBF sẽ được xem là đã giải quyết, **không** còn là vấn đề tồn đọng về áp dụng các quy định về thuế và **không** nêu lại tại các kỳ báo cáo thường niên sau đó của VBF. Do vậy, vấn đề chưa rõ về nội dung hạch toán chi phí cho mục đích thuế thu nhập doanh nghiệp

của **Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu** đã được xác nhận rõ ràng cho **thông lệ thanh toán Khoản hỗ trợ ban đầu** để các doanh nghiệp bảo hiểm và các đối tác phân phối/đại lý bảo hiểm là các ngân hàng tham khảo, tiến hành xác lập các giao dịch độc quyền và thanh toán, hạch toán Khoản Hỗ Trợ Ban Đầu.

Kiến nghị

Bằng kiến nghị này, chúng tôi kính mong Tổng Cục Thuế sẽ có xác nhận lại bằng văn bản chung cho các doanh nghiệp bảo hiểm và ngân hàng về thống nhất xác định **Khoản hỗ trợ ban đầu là chi phí hợp lý, hợp lệ, được phép khấu trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp bảo hiểm.**

7.5. Vướng mắc trong áp dụng chính sách hải quan và thực hiện Nghị định 18/2021/NĐ-CP

Vấn đề

Nghị định 18 của Chính phủ ban hành đã giải quyết được nhiều vướng mắc của doanh nghiệp chế xuất (DNCX, cho phép DNCX được áp dụng quy chế của DNCX ngay từ được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư („GCNĐKĐT”), đồng thời cho phép DNCX được hoàn thuế đã nộp thừa tại khâu nhập khẩu đối với hàng hóa đã nhập khẩu và phải nộp thuế trong giai đoạn Nghị định 18 chưa có hiệu lực.

Nghị định 18 có ý nghĩa rất quan trọng và tạo điều kiện cho các DNCX được áp dụng quy chế DNCX ngay từ khi được cấp giấy CNĐKĐT, theo đó, doanh nghiệp cho rằng không nên có sự phân biệt đối xử về việc áp dụng quy chế của DNCX đối với hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa mua từ nhà cung cấp nội địa. Thực tế, DNCX khi mua thiết bị hàng hóa từ nhà cung cấp nội địa phục vụ cho hoạt động xây dựng nhà máy trong giai đoạn Nghị định 18 chưa được có hiệu lực, mặc dù đã áp dụng quy chế của DNCX nhưng chưa làm được tờ khai hải quan do tại thời điểm mua hàng nội địa, Nghị định 18 chưa có hiệu lực.

Do vậy, doanh nghiệp mong muốn được hoàn thiện hồ sơ khai hải quan để tuân thủ quy định hiện hành về thuế và hải quan đối với giao dịch mua hàng hóa/thiết bị nội địa của DNCX. Tuy nhiên, do Nghị định 18 không có từ ngữ quy định cụ thể đối với tình huống bổ sung tờ khai hải quan hoặc các giấy tờ tương đương cho giao dịch mua hàng hóa từ doanh nghiệp nội địa trong giai đoạn Nghị định 18 chưa được ban hành nên DNCX hiện vẫn đang bị vướng mắc chưa hoàn thiện được hồ sơ hải quan đối với trường hợp này.

Kiến nghị

Để tạo điều kiện áp dụng nhất quán quy chế của DNCX đối với cả hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa mua nội địa của doanh nghiệp, đề nghị VPCP, Bộ tài chính xem xét xử lý vướng mắc cho DNCX theo hướng:

(i) Do quy định hiện hành chưa quy định trường hợp cho doanh nghiệp được tờ khai hải quan bổ sung, doanh nghiệp kính đề nghị Bộ tài chính tạo điều kiện giải quyết vướng mắc cho doanh nghiệp theo hướng Cơ quan hải quan xác nhận danh mục mua hàng hóa, thiết bị nội địa của DNCX trong giai đoạn xây dựng cơ bản trước khi Nghị định 18 ban hành mà chưa được làm tờ khai hải quan – danh mục máy móc thiết bị hiện tại đang được doanh nghiệp hạch toán và theo dõi là tài sản cố định. Danh mục được xác nhận này sẽ thay thế tờ khai hải quan để giúp DNCX hoàn thiện hồ sơ hải quan cho mục đích thuế; hoặc

(ii) Xét theo tình huống đặc thù (Nghị định 18 cho phép hàng hóa của DNCX được phép áp dụng quy chế của DNCX từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng doanh nghiệp chưa làm được tờ khai hải quan đối với hàng hóa mua trong thời điểm Nghị định 18 chưa được

ban hành), cho phép doanh nghiệp được áp dụng luôn thuế suất thuế GTGT 0% trên hóa đơn mua vào mà không phải thực hiện thủ tục hải quan hay thủ tục (i) nêu trên.

7.6. Về thuế GTGT vắng lai ngoại tỉnh

Vấn đề

Hiện nay tại Điều 13 Thông tư 80/2021/TT-BTC đang có quy định về việc nộp thuế GTGT vắng lai hoạt động xây dựng bằng 1% doanh thu chưa có thuế GTGT đối với hoạt động xây dựng tại từng tỉnh. Đồng thời, số thuế GTGT đã nộp tại tỉnh nơi có công trình xây dựng được bù trừ với số thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính. Quy định hiện nay đã bỏ chỉ tiêu [39] trên tờ khai 01/GTGT nên việc bù trừ sẽ do cơ quan thuế tự luân chuyển chứng từ.

Tuy nhiên, trường hợp toàn bộ hoạt động kê khai ở trụ sở chính đang có số chưa khấu trừ hết nhưng vẫn phát sinh phải nộp 1% ở ngoại tỉnh (thường phát sinh khi doanh nghiệp có hoạt động xây dựng lắp đặt đối với đa số khách hàng là doanh nghiệp chế xuất nên không phát sinh số phải nộp) thì số thuế VAT ngoại tỉnh này đang gặp vướng mắc về cách xử lý. Mặc dù theo quy định tại Điều 41, 42 của Thông tư 80 có quy định về việc Cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ hoàn nộp thừa đối với số thuế GTGT của doanh nghiệp của hoạt động xây dựng đã nộp vắng lai ngoại tỉnh. Tuy nhiên, trên thực tế, khi người nộp thuế nộp hồ sơ hoàn lên cơ quan thuế thì một số Cục thuế đang không tiếp nhận giải quyết hoàn mà yêu cầu doanh nghiệp tự đi xin hoàn tại từng tỉnh mà doanh nghiệp đã nộp thuế vắng lai.

Kiến nghị

Để đơn giản thủ tục hành chính, giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp, đối với trường hợp hoạt động xây dựng ngoại tỉnh không phát sinh số phải nộp tại trụ sở chính thì quy định nên theo hướng không yêu cầu phải phân bổ. Ví dụ: **tổng số thuế GTGT phải nộp cho các tỉnh nơi có hoạt động xây dựng ngoại tỉnh không được vượt quá số thuế GTGT phải nộp của người nộp thuế tại trụ sở chính** (tương tự quy định đối với phân bổ thuế GTGT của cơ sở sản xuất: không phân bổ khi tổng số thuế GTGT phải nộp cho các tỉnh nơi có cơ sở sản xuất không vượt quá số thuế GTGT phải nộp của người nộp thuế tại trụ sở chính).

Cách xử lý về mặt kê khai có thể theo hướng yêu cầu doanh nghiệp có hoạt động xây dựng ngoại tỉnh kê khai mẫu 05/GTGT ngoại tỉnh cùng thời điểm với mẫu 01/GTGT ở trụ sở chính (cùng kê khai và nộp thuế theo tháng) và chỉ phải kê khai phân bổ trên mẫu 05/GTGT nếu số thuế trên mẫu 01/GTGT phát sinh số phải nộp.

7.7. Thuế GTGT đối với máy móc thiết bị sử dụng cho xây dựng công trình cho Doanh nghiệp chế xuất (DNCX) theo hợp đồng xây dựng trọn gói

Vấn đề

Doanh nghiệp FDI nội địa là chủ thầu xây dựng chuyên thực hiện các hợp đồng xây dựng lắp đặt trọn gói dưới dạng hợp đồng xây dựng bao thầu nguyên vật liệu, hàng hóa, thiết bị như “*Công trình cải tạo nhà xưởng, thi công nhà chứa ga, thi công sàn nhà, mái che bãi đỗ xe, lắp đặt thiết bị PCCC, lắp đặt hệ thống điện*”. Trong đó, chủ thầu sẽ giao thầu phụ là doanh nghiệp nội địa thực hiện hạng mục cơ điện bao gồm giá trị các thiết bị điện được sử dụng để xây dựng công trình, là 1 phần không thể thiếu đối với việc xây dựng lắp đặt công trình để đưa vào sử dụng và vận hành theo điều kiện cơ bản.

Đây là các thiết bị được gắn vào tường hoặc 1 phần công trình để góp phần tạo ra công năng của công trình khi bàn giao như hệ thống điều hòa âm trần được sử dụng để làm mát nhà xưởng, hệ thống đèn điện để thắp sáng khi vận hành công trình, hệ thống quạt thông gió gắn tường, máy bơm nước lắp đặt để vận hành bể chứa nước và khu vệ sinh,... Khi bàn giao, chủ thầu xây dựng sẽ bàn giao nhà xưởng, công trìnhn xây dựng hoàn chỉnh có thể sử dụng cho chủ đầu tư.

Tuy nhiên, trong quá trình thanh kiểm tra, có trường hợp cơ quan thuế đã có quan điểm hoạt động xây dựng, lắp đặt kèm máy móc thiết bị trọn gói cho DNCX vẫn phải thực hiện thủ tục hải quan và yêu cầu chủ thầu xây dựng phải có tờ khai hải quan mới được áp dụng thuế suất GTGT đầu ra 0% và mới được hoàn thuế, chỉ được miễn tờ khai đối với giá trị nhân công xây dựng.

Chúng tôi thấy rằng quan điểm này chưa hợp lý, do:

- Nếu Hoạt động xây dựng, lắp đặt trong quy định này chỉ tính phần dịch vụ nhân công thì không cần phải có quy định ngoại trừ này vì dịch vụ thì luôn không cần tờ khai hải quan theo Khoản 2b Điều 9 Thông tư 219/2013. Hoạt động xây dựng lắp đặt ở đây cần được hiểu là bao gồm cả giá trị nhân công, thiết kế, vật liệu và thiết bị để tạo nên công trình hoàn chỉnh; sản phẩm cuối cùng mà nhà thầu xây dựng bàn giao cho DNCX là công trình xây dựng trọn gói, không cung cấp từng cấu phần dịch vụ nhân công, vật liệu và thiết bị riêng rẽ. Nếu không có các thiết bị điện theo thiết kế gắn vào công trình thì công trình không đảm bảo vận hành theo đúng công năng.
- Đoạn ngoại trừ này cũng nằm ở Khoản 2 – đề cập đến điều kiện về Tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu phải thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan, nên phải ngoại trừ cho hàng hóa chứ không cần ngoại trừ cho dịch vụ.
- Hơn nữa, căn cứ câu chữ của quy định ở đây thì về mặt thuế, thậm chí nếu quy định yêu cầu làm thủ tục hải quan thì hoạt động xây dựng, lắp đặt cho DNCX cũng là 1 trường hợp ngoại lệ, không cần đến điều kiện về Tờ khai để thỏa mãn là hoạt động xuất khẩu áp dụng thuế GTGT 0%.

Kiến nghị

Chúng tôi cũng quan sát thấy Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế có nhiều hướng dẫn cho các doanh nghiệp khác nhau nhưng nhất quán về nội dung. Cụ thể:

- Tại công văn số 14899/BTC-CST ngày 31/10/2013, Bộ Tài chính hướng dẫn việc **lắp đặt tron gói hệ thống cơ điện** cho DNCX, có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thì **được hoàn thuế và không cần tờ khai hải quan**.
- Công văn số 6689/BTC-CST ngày 27/05/2013 của Bộ Tài chính có nội dung việc **“thi công trọn gói bao gồm cung cấp vật tư, thiết bị và lắp đặt hoàn thiện hệ thống cơ điện** cho các nhà máy của DNCX... **thì được hoàn thuế và không cần tờ khai hải quan**.”
- Công văn 3469/BTC-CST ngày 19/03/2014, Bộ Tài chính dẫn chiếu quy định tại Điều 16, Thông tư 219, hướng dẫn doanh nghiệp nội địa ký hợp đồng **xây dựng công trình theo hình thức tổng thầu thiết kế** và thi công xây dựng thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, **không cần điều kiện tờ khai hải quan**.
- Công văn 2716/TCT-CS ngày 28/07/2022 hướng dẫn Cục thuế Vĩnh Phúc thực hiện theo Công văn 3469/BTC-CST nêu trên.

Các Công văn nêu trên đều có hướng dẫn rất rõ ràng và nhất quán. Các quy định làm căn cứ dẫn chiếu về mặt thuế và hải quan vẫn không thay đổi nên chúng tôi hiểu hướng dẫn này vẫn có hiệu lực. Tuy nhiên, do chỉ hướng dẫn cho 1 doanh nghiệp cụ thể nên không được cơ quan thuế địa phương chấp nhận giải trình.

Để tạo môi trường chính sách ổn định, thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chúng tôi khuyến nghị Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế có hướng dẫn chung tương tự dựa trên

các quy định hiện hành để giúp doanh nghiệp FDI yên tâm thực hiện hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

7.8. Vướng mắc trong việc kê khai hóa đơn đầu vào bị bỏ sót do quy định chưa rõ ràng

Vấn đề

Trước đây việc kê khai thuế GTGT của hóa đơn đầu vào được cơ quan thuế hướng dẫn nhất quán, căn cứ theo quy định tại Khoản 8, Điều 14, Thông tư 219/2013/TT-BTC, nghĩa là hóa đơn đầu vào bị bỏ sót được phép kê khai tại kỳ phát hiện hóa đơn bỏ sót nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế. Việc kê khai như vậy cũng được Tổng Cục thuế hướng dẫn cụ thể tại Công văn 4943/TCT-KK ngày 23/11/2015, Công văn 414/TCT-KK ngày 30/01/2018.

Tuy nhiên, kể từ khi Nghị định 126/2020/NĐ-CP được ban hành, một số cơ quan thuế căn cứ hướng dẫn về kê khai bổ sung tại Khoản 4b Điều 7 của Nghị định để hướng dẫn rằng hóa đơn đầu vào bị bỏ sót phải kê khai tại kỳ phát sinh hóa đơn (tức là phải làm tờ khai bổ sung KHBS cho kỳ chưa kê khai và kê khai chỉ tiêu 37, 38 tại kỳ hiện tại) dù người nộp thuế vẫn chưa được cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

Trong thực tế, việc doanh nghiệp nhận được hóa đơn về chậm do rất nhiều nguyên nhân (do nhân viên các phòng nghiệp vụ chuyển về chậm, do nhà cung cấp quên gửi hóa đơn, do hóa đơn cần xác minh lại nội dung, số tiền,...) trong khi hạn nộp tờ khai thuế GTGT hàng tháng khá gấp. Kế toán cần thực hiện nhập liệu, đối chiếu, rà soát và xin phê duyệt nhiều bước trước khi nộp Tờ khai và nộp thuế vào ngân sách nhà nước. Vì vậy, nếu phải quay lại các kỳ phát sinh hóa đơn để làm tờ khai bổ sung sẽ gây lãng phí thời gian và phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết. Việc kê khai hóa đơn bỏ sót tại kỳ phát hiện cũng không ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước do đây là thuế GTGT đầu vào, không làm phát sinh thêm thuế phải nộp và chậm nộp nếu không kê khai ở kỳ phát sinh.

Chúng tôi cũng hiểu rằng, Thông tư 219/2013 hiện nay vẫn còn hiệu lực và một số Cục thuế địa phương vẫn hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện kê khai hóa đơn đầu vào theo quy định của Thông tư 219/2013. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản chính thức của Tổng cục Thuế để thống nhất cách hiểu và cách xử lý đối với các hóa đơn đầu vào bị bỏ sót nên gây nhiều tranh cãi và khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện.

Kiến nghị

Để thống nhất cách xử lý và giảm thiểu thủ tục hành chính không cần thiết, chúng tôi đề xuất Tổng cục Thuế có công văn hướng dẫn cụ thể về cách kê khai thuế GTGT, đặc biệt đối với trường hợp hóa đơn đầu vào bị bỏ sót, tương tự như Công văn 4943/TCT-KK.

7.9. Vướng mắc trong việc ghi nhận chi phí đối với thuế GTGT đầu vào không kê khai khấu trừ hay không xin hoàn

Vấn đề

Thực tế có nhiều trường hợp doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đã phát sinh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh do nhiều lý do như cơ quan thuế địa phương chất vấn việc kê khai hóa đơn đầu vào liên quan đến kỳ đã được thanh kiểm tra thuế, hoặc do thuế đầu vào phát sinh liên quan đến hàng tạm nhập, tái xuất nên theo quy định doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục xin hoàn thuế tại cơ quan hải quan. Với trường hợp sau, do thủ tục xin hoàn thuế mất rất nhiều thời gian/công sức/chi phí, với nhiều trường hợp có giá trị thuế không cao, nhiều doanh nghiệp chấp nhận không thực hiện thủ tục hoàn thuế và chịu khoản chi phí này. Với các trường hợp nêu trên khi doanh nghiệp ghi nhận chi phí khoản thuế GTGT đầu vào liên

quan cho mục đích tính thuế TNDN, nhiều cơ quan thuế địa phương khi thanh kiểm tra đã yêu cầu loại các chi phí này khỏi chi phí tính thuế của doanh nghiệp.

Chúng tôi cho rằng cách xử lý trên là không đúng đạo lý, không công bằng với doanh nghiệp. Thay vì khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT đầu vào, việc doanh nghiệp ghi nhận chi phí không làm giảm số nợ ngân sách, mà xét tổng thể là tăng số nợ cho nhà nước. Xét về quy định, khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, có đầy đủ các chứng từ chứng minh giao dịch/việc thanh toán như hợp đồng, chứng từ thanh toán, tờ khai nhập khẩu... do vậy, khoản thuế GTGT đầu vào không khấu trừ hoặc hoàn cần phải được ghi nhận cho mục đích tính thuế TNDN.

Kiến nghị

Chúng tôi đề nghị Bộ Tài chính/Tổng Cục thuế xem xét lại vấn đề này và sớm có các hướng dẫn hợp lý, rõ ràng, thống nhất cho các cục thuế địa phương, theo đó cho phép doanh nghiệp được ghi chi phí hợp lệ đối với thuế GTGT đầu vào thực tế phát sinh trong các trường hợp đã nêu trên.

7.10. *Vướng mắc liên quan đến hoàn thuế GTGT với trường hợp phá sản, đóng cửa, giải thể*

Vấn đề

Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp được phép hoàn thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết với trường hợp phá sản, đóng cửa, giải thể.

Tuy nhiên, trên thực tế việc hoàn thuế cho các doanh nghiệp trong giai đoạn đóng cửa thường diễn ra rất chậm, nhiều trường hợp mặc dù đã liên tục liên hệ trong 7 đến 8 năm nhưng vẫn chưa có động thái đến từ phía Cơ quan thuế.

Cụ thể là trường hợp của Công ty TNHH Sofrecom Việt Nam – mã số thuế: 0103682989 đã nộp hồ sơ đóng cửa, giải thể từ năm 2018; Công ty Hitachi Plant Technologies, Ltd – Văn phòng chi nhánh Singapore – mã số thuế: 0104142954 đã nộp hồ sơ đóng cửa, giải thể từ năm 2019, v.v. nhưng đến nay vẫn chưa nhận được phản hồi từ phía Cơ quan Thuế.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị việc áp dụng các quy định trên thực tiễn phải phù hợp với các quy định hiện hành tránh tạo khó khăn cho doanh nghiệp.

7.11. *Xử lý thuế đối với hóa đơn của các doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (dưới đây gọi tắt là “doanh nghiệp bỏ trốn”)*

Vấn đề

Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định về hóa đơn, chứng từ thì với trường hợp doanh nghiệp bỏ trốn, việc sử dụng hóa đơn của các doanh nghiệp này chỉ bị coi là không hợp pháp trong 2 trường hợp sau:

1. hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ có ngày lập trên hóa đơn từ ngày cơ quan thuế xác định bên bán không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; và
2. hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ có ngày lập trên hóa đơn, chứng từ trước ngày xác định bên lập hóa đơn, chứng từ không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa có thông báo của cơ quan thuế về việc bên lập hóa đơn, chứng từ không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền

nhưng cơ quan thuế hoặc cơ quan công an hoặc các cơ quan chức năng khác đã có kết luận đó là hóa đơn, chứng từ không hợp pháp.

Trên thực tế, khi thanh kiểm tra tại doanh nghiệp, dù không có kết luận của cơ quan chức năng hay cơ quan công an về tính không hợp pháp của hóa đơn, nhiều cục thuế địa phương đã không cho phép doanh nghiệp được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và khấu trừ chi phí thuế TNDN đối với toàn bộ các hóa đơn có ngày lập trước ngày cơ quan thuế xác định bên bán không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký mặc dù doanh nghiệp có đầy đủ các tài liệu chứng minh giao dịch là có thật như hóa đơn, hợp đồng, chứng từ thanh toán, phiếu xuất kho, nhập kho, biên bản thanh lý và khoản chi nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc cơ quan thuế loại các hóa đơn này là hết sức bất hợp lý bởi đây là khoản thực chi và doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về mặt chứng từ, tài liệu theo quy định. Doanh nghiệp cũng không thể kiểm soát được khi mà thông tin về doanh nghiệp bỏ trốn chưa được công bố chính thức trên các trang thông tin của cơ quan thuế. Điều này đã gây thiệt hại không nhỏ cho các doanh nghiệp, gây mất lòng tin và ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh, khiến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn hơn.

Kiến nghị

Với phân tích trên, chúng tôi đề nghị Bộ tài chính/Tổng Cục thuế nghiên cứu xem xét vấn đề này và quy định rõ hơn vấn đề này trong Nghị định sửa đổi Nghị định 123, đồng thời có công văn hướng dẫn thống nhất cho các cơ quan thuế địa phương để có xử lý thỏa đáng cho doanh nghiệp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

7.12. *Vướng mắc trong thủ tục xin miễn, giảm thuế theo điều ước quốc tế đối với khoản vay của các Tổ chức tài chính quốc tế*

Vấn đề

- Theo quy định thuế nội luật (Khoản 1 Điều 1 và Khoản 3 Điều 17 Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính), thu nhập từ lãi tiền cho vay mà IFC nhận được từ Hợp đồng vay là đối tượng chịu thuế nhà thầu tại Việt Nam.
- Tuy nhiên, theo Điều lệ của IFC và Thông tư liên Bộ (Joint Ministerial Circular) ngày 06/05/1994 do Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký, IFC được hưởng quyền miễn trừ khỏi các loại thuế và thuế nhập khẩu đối với các tài sản và thu nhập của Công ty cũng như các hoạt động và giao dịch được phép theo Điều lệ tại Việt Nam. Thông tư liên Bộ ngày 06/05/1994 do Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký cũng khẳng định quyền miễn trừ và đặc quyền của IFC tại Việt Nam theo quy định tại Điều lệ.
- Nhiều doanh nghiệp đã thay mặt cho bên cho vay gửi Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/DUQT theo quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC tới Ngân hàng Nhà nước để xin xác nhận cho mục đích miễn thuế. Tuy nhiên, cho đến nay, việc xác nhận tại Văn bản đề nghị miễn thuế vẫn chưa được Ngân hàng Nhà nước thực hiện.
- Về vấn đề này, chúng tôi được biết Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính đã có rất nhiều các văn bản trao đổi qua lại và báo cáo Văn phòng Chính phủ. Nhưng đến nay, vẫn chưa có văn bản hướng dẫn nào chính thức được ban hành cho các doanh nghiệp để thực hiện.

Kiến nghị

Đề nghị Chính phủ xem xét và đưa ra giải pháp triệt để giúp tháo gỡ vướng mắc hiện nay của rất nhiều doanh nghiệp liên quan đến thủ tục xin miễn, giảm thuế đối với thu nhập của IFC từ Hợp đồng cho vay. Cụ thể, đề nghị NHNN thực hiện ký xác nhận vào phần xác nhận của cơ quan đề xuất ký kết Điều ước quốc tế để các doanh nghiệp có thể hoàn thiện hồ sơ xin miễn thuế.

7.13. *Về việc áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với nhà cung cấp ở nước ngoài hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số*

Vấn đề

Mặc dù quyền lợi này đã được quy định rất rõ tại Khoản 7 Điều 77 Thông tư 80, nhưng trên thực tế nhiều nhà cung cấp nước ngoài đã xem xét việc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam và nộp hồ sơ xin miễn thuế theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần nhưng chưa nhà cung cấp nào được hưởng quyền lợi này trong khi Tổng Cục thuế cũng không đưa ra được câu trả lời chính thức và rõ ràng về vấn đề này.

Kiến nghị

Đề nghị Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế xem xét và đưa ra văn bản hướng dẫn chính thức về vấn đề này để tránh gây bức xúc đối với các nhà cung cấp nước ngoài.

7.14. Về việc áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với nhà cung cấp ở nước ngoài hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số**Vấn đề**

Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 62 Thông tư 80/2021/TT-BTC, chúng tôi hiểu rằng hồ sơ xin miễn thuế của nhà cung cấp ở nước ngoài cần cung cấp Hợp đồng với khách hàng có xác nhận của người nộp thuế.

Về thực tiễn giao dịch, dịch vụ của các nhà cung cấp ở nước ngoài kinh doanh dựa trên nền tảng số cho rất nhiều khách hàng bao gồm cả cá nhân và tổ chức với số lượng giao dịch lớn. Các khách hàng cũng đều tiếp cận dịch vụ trên nền tảng số. Theo đó, các nhà cung cấp ở nước ngoài sẽ cung cấp các điều khoản chung hay hợp đồng dạng điện tử mà khách hàng phải chấp thuận khi sử dụng dịch vụ, và các điều khoản này cũng được công khai trên các nền tảng của các nhà cung cấp. Các khách hàng sẽ phải xác nhận đã hiểu và chấp thuận các điều khoản này trước khi hoàn thành thủ tục đăng ký sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp ở nước ngoài.

Với thực tiễn giao dịch như vậy, các nhà cung cấp ở nước ngoài chỉ có một mẫu điều khoản chung áp dụng cho tất cả khách hàng, và khách hàng chỉ cần đánh dấu chọn đồng ý với các điều khoản này trên các nền tảng kỹ thuật số công khai. Thông thường sẽ không có hợp đồng cứng với chữ ký cho mỗi khách hàng.

Kiến nghị

Kiến nghị Bộ Tài chính/Tổng cục Thuế xem xét xử lý vướng mắc dựa trên bản chất thực tiễn giao dịch để không ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam. Cụ thể, chấp nhận các điều khoản chung tiêu chuẩn công khai trên nền tảng số hay hợp đồng dạng điện tử có giá trị pháp lý tương đương với “Hợp đồng với khách hàng có xác nhận của người nộp thuế”.

7.15. Vướng mắc liên quan đến hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại Điều 64, Thông tư 80/2021/TT-BTC**Vấn đề**

Trên thực tế, có trường hợp chúng tôi đã nộp hồ sơ xin áp dụng hiệp định lên cơ quan thuế hơn một năm nhưng chưa có câu trả lời từ cơ quan thuế là chấp thuận hay không chấp thuận. Theo phản hồi của cán bộ là do phía cục thuế chưa có bộ phận chuyên trách để giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC.

Việc này gây ra khó khăn cho các doanh nghiệp khi nộp hồ sơ nhưng không được phản hồi, không có thời hạn trả kết quả cụ thể và không nắm được kết quả của hồ sơ đã nộp, cụ thể như trường hợp của ông Kitagawa Ken – mã số thuế: 8708449710 đã nộp hồ sơ xin miễn thuế thu

nhập cá nhân theo Hiệp định tránh thuế thuế hai lần giữa Việt Nam và Nhật Bản nhưng không nhận được phản hồi từ phía Cơ quan Thuế.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị Cơ quan Thuế cần lập bộ phận chuyên trách để xử lý hồ sơ theo đúng quy định. Trong trường hợp các Cơ quan Thuế tại địa phương không đủ thẩm quyền để xử lý thì nên có quy trình xử lý tập trung tại Tổng cục Thuế.

7.16. *Vướng mắc liên quan đến đối tượng xuất hóa đơn với hàng bán trả lại*

Vấn đề

Hiện nay đang có rất nhiều công văn hướng dẫn khác nhau từ các Cục thuế địa phương, Tổng Cục thuế liên quan đến bên nào (bên bán, bên mua) là đối tượng phải xuất hóa đơn đối với hàng bán trả lại. Việc này đã gây khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ với quy định của pháp luật về việc xuất hóa đơn.

Kiến nghị

Chúng tôi đề xuất bổ sung hướng dẫn cụ thể hơn đối với trường hợp này để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc tuân thủ quy định và đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

7.17. *Vướng mắc liên quan đến thời điểm phát hành hóa đơn điện tử của hàng xuất khẩu*

Vấn đề

Theo quy định hiện hành, thời điểm phát hành hóa đơn điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu và ngày xác định doanh thu xuất khẩu để tính thuế là sau khi làm xong thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu/ ngày xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan.

Như vậy, có 2 trường hợp xảy ra:

- Thời điểm xác định doanh thu xuất khẩu/ xuất hóa đơn GTGT điện tử là ngày hoàn thành giám sát hải quan;
- Thời điểm xác định doanh thu xuất khẩu/ xuất hóa đơn GTGT điện tử là ngày thông quan trên tờ khai hải quan.

Trên thực tế, ngày thông quan trên tờ khai hải quan không phải ngày hàng hóa thực tế đã hoàn thành thủ tục hải quan và thực xuất đi mà chỉ là ngày hoàn thành nghĩa vụ thuế ở khâu nhập khẩu. Hàng hóa chỉ thực xuất đi khi đã hoàn thành giám sát hải quan (ngày hoàn thành giám sát hải quan). Tuy nhiên, thông tin này không được cập nhật kịp thời trên website của tổng cục hải quan, dẫn đến gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp khi thực hiện.

Mặt khác, đối với doanh nghiệp thuộc diện ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan được xét ưu tiên thông quan trước, kể cả khi hàng hóa chưa đủ điều kiện chuyển giao quyền sở hữu cho người mua. Do vậy, trên thực tế, ngày thông quan trên tờ khai hải quan cùng thời điểm ngày đăng ký hải quan và ngày hoàn thành kiểm tra hải quan. Tại thời điểm này hàng vẫn chưa chắc chắn sẽ được xuất khẩu và người bán vẫn phải chịu rủi ro liên quan hàng bán.

Do đó, cần làm rõ ngày xác định doanh thu xuất khẩu là căn cứ theo tờ khai thông quan hay ngày hoàn thành giám sát hải quan.

Kiến nghị

Để phù hợp thực tế với các doanh nghiệp và việc xuất khẩu được chắc chắn, tránh những bất cập như đã phân tích, chúng tôi đề xuất sử dụng ngày hoàn thành giám sát hải quan (ngày qua khu vực giám sát hải quan) làm ngày xuất hóa đơn. Đồng thời đề nghị cơ quan hải quan cập nhật

dữ liệu kịp thời lên hệ thống hải quan để Doanh nghiệp và cơ quan thuế có căn cứ thực hiện, nếu trường hợp hệ thống hải quan cập nhật ko kịp thời thì căn cứ xuất hóa đơn và ghi nhận doanh thu xuất khẩu là ngày xếp lên Phương tiện thể hiện trên vận đơn.

Đồng thời, chúng tôi mong muốn được biết lộ trình cho việc ban hành nghị định điều chỉnh Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

7.18. *Phạt hành chính của Cục thuế Hà nội về vấn đề xuất hóa đơn cho hàng bán trả lại đối với các doanh nghiệp trên địa bàn*

Vấn đề

Như chúng tôi đã có đề cập chi tiết tại Vấn đề vướng mắc liên quan đến đối tượng xuất hóa đơn với hàng bán trả lại nêu tại tài liệu này, hiện nay đang có rất nhiều công văn hướng dẫn khác nhau từ các cục thuế địa phương về việc bên bán hay bên mua là bên cần xuất hóa đơn cho hàng trả lại. Trong quá khứ, suốt một thời gian dài cơ quan thuế và doanh nghiệp đều thống nhất quan điểm bên mua là bên sẽ xuất hóa đơn cho hàng trả lại. Chỉ trong thời gian gần đây, căn cứ vào một quy định cũng chưa hẳn là rõ ràng của Nghị định 123, đã có quan điểm khác là bên bán cần là bên xuất hóa đơn. Vấn đề này cho đến nay thực sự vẫn chưa có tính thuyết phục và còn nhiều tranh cãi, quan điểm chưa thống nhất giữa các địa phương. Trong bối cảnh đó, gần đây, Cục thuế Hà nội thực hiện rà soát và xử phạt vi phạm hành chính đối với nhiều doanh nghiệp trên địa bàn do họ chưa thực hiện theo quy định bên bán phải xuất hóa đơn khi bên mua trả lại hàng. Thực tế này là hết sức bất hợp lý, gây nhiều bất bình trong các doanh nghiệp, làm ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp và gây mất lòng tin vào sự minh bạch của pháp luật thuế.

Kiến nghị

Chúng tôi đề xuất Bộ tài chính/Tổng Cục thuế xem xét kịp thời vấn đề trên, có hướng dẫn rõ ràng, thống nhất về cách thức cũng như lộ trình thực hiện nếu phải thay đổi theo yêu cầu mới. Đồng thời, Tổng cục thuế cần có hướng dẫn chỉ đạo Cục thuế Hà nội về vấn đề đã nêu, để tránh thiệt thòi cho doanh nghiệp, đảm bảo sự công bằng của pháp luật thuế.

7.19. *Xử phạt vi phạm hành chính lỗi hành vi xuất hóa đơn muộn*

Vấn đề

Cụ thể, Công ty xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, ban đầu Công ty sử dụng hóa đơn thương mại (trong khi đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử), sau đó Công ty xuất lại bằng hóa đơn GTGT điện tử nhưng thời điểm xuất hóa đơn bị muộn so với thời điểm hàng hóa đã xuất khẩu.

Quan điểm của cơ quan thuế địa phương mà cụ thể là Cục thuế Hà Nội: Đoàn kiểm tra của Cục thuế Hà Nội khi tiến hành kiểm tra tại đơn vị đã phạt vi phạm hành chính hành vi xuất hóa đơn không đúng thời điểm, nhưng tính lỗi hành vi của từng hóa đơn đối cho tổng số **227 hóa đơn** với số tiền phạt vi phạm hành chính **trên 1 tỷ đồng** (phạt 5 triệu/hóa đơn), trong khi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Luật 15/2012/QH13 về Xử lý vi phạm hành chính thì mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với tổ chức là **100 triệu đồng**. Tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 125/2020 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn, quy định mức phạt tiền tối đa không quá **100 triệu đồng**.

Kiến nghị

Chúng tôi nhận thấy rằng mức phạt tiền đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 của Nghị định 125/2020/NĐ-CP là hoàn toàn phù hợp với

quy định tại Khoản 2 Điều 23 của Luật 15/2012/QH13, theo đó, khung tiền phạt cao nhất mà Chính phủ quy định đối với hành vi vi phạm đã không vượt quá **“Mức phạt tiền đối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước quy định”** tại Điểm c Khoản 1 và Khoản 2 Điều 24 của Luật 15/2012/QH13 là 100.000.000 đồng dành cho lĩnh vực về hóa đơn.

Đồng thời, chúng tôi thấy rằng Nghị định 125/2020/NĐ-CP đã bảo đảm đúng tinh thần về **“Mức phạt tiền đối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước quy định”** tại Điều 24 của Luật 15/2012/QH13 nêu trên căn cứ theo Khoản 1 Điều 7 Nghị định 125/2020/NĐ-CP về mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn là **“Phạt tiền tối đa không quá 100.000.000 đồng”**.

Như vậy: Chúng tôi hiểu rằng tổng mức phạt vi phạm hành chính của hành vi xuất hóa đơn không đúng thời điểm (không kể là bao nhiêu hóa đơn) sẽ **không vượt quá 100 triệu đồng**.

Tuy nhiên, theo chúng tôi tìm hiểu thì việc không áp dụng mức phạt tối đa cho các hành vi vi phạm hành chính về hoá đơn theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 24 Nghị Định 125/2020/NĐ-CP chỉ xảy ra ở Cục thuế Hà Nội, trong khi các cục thuế địa phương khác có cách hiểu và áp dụng mức trần phạt tiền vi phạm hành chính tối đa không quá 100 triệu đồng.

Vì vậy, kính đề nghị Bộ Tài chính có chỉ đạo làm rõ để thống nhất cách hiểu chỉ áp dụng mức trần 100 triệu đồng đối với các hành vi vi phạm về hóa đơn và tương tự như vậy đối với các hành vi vi phạm hành chính khác.

7.20 Kiến nghị về kê khai thuế TNCN đối với cá nhân nước ngoài sang Việt Nam công tác ngắn ngày

Vấn đề

Điều 2, Thông tư 119/2014/TT-BTC quy định: *“Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập”*. Do quy định hiện hành không đưa ra diễn giải cụ thể về khái niệm “thu nhập phát sinh tại Việt Nam”, có thể hiểu rằng, cá nhân nước ngoài phải kê khai thuế TNCN tại Việt Nam nếu đến công tác tại Việt Nam, cho dù cá nhân này chỉ có mặt tại Việt Nam 01 ngày.

Điều này dẫn đến khó khăn trong việc xác định nhóm cá nhân nước ngoài sang công tác tại Việt Nam thuộc đối tượng kê khai thuế TNCN và bất cập trong việc thực hiện kê khai thuế cho nhóm đối tượng này. Cụ thể:

- Trong trường hợp cá nhân nước ngoài sang Việt Nam nhưng không phải để thực hiện dịch vụ theo hợp đồng đã ký kết giữa cá nhân hoặc người sử dụng lao động tại nước ngoài với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam (tức không phải thực hiện hợp đồng nhà thầu), mà để thực hiện các nhiệm vụ khác như: tham gia các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, khảo sát thị trường, kiểm tra chất lượng sản phẩm tại nhà cung cấp, gặp gỡ các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, tham dự các khóa đào tạo với tư cách người được đào tạo, v.v..., việc coi cá nhân có phát sinh thu nhập tại Việt Nam là không hợp lý, vì việc đi công tác này không tạo ra thu nhập cho cá nhân cũng như người sử dụng lao động tại nước ngoài.
- Các thủ tục đăng ký mã số thuế (thời gian xử lý hồ sơ: 03 ngày làm việc), đăng ký tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế (nhiều cơ quan thuế yêu cầu phải cung cấp bản sao hộ chiếu có chứng thực trong trường hợp cá nhân không trực tiếp có mặt tại cơ quan thuế; cá nhân cũng cần có sim điện thoại của nhà mạng Việt Nam để nhận mã OTP), kê khai và nộp thuế còn tồn tại nhiều khó khăn, đặc biệt về khác biệt ngôn ngữ, cho cá nhân nước ngoài, trong nhiều trường hợp thời gian để hoàn thành tất cả thủ tục này còn vượt quá cả thời gian cá nhân có mặt tại Việt Nam.

Một số quốc gia trên thế giới đã đưa ra một số điều kiện mà cá nhân nước ngoài được miễn thuế TNCN khi cá nhân đến nước đó công tác, ví dụ:

- Đài Loan: cá nhân nước ngoài công tác tại Đài Loan không quá 90 ngày không chịu thuế TNCN tại Đài Loan nếu thu nhập của cá nhân được chi trả bởi công ty nước ngoài và không yêu cầu công ty tại Đài Loan hoàn trả lại chi phí.
- Malaysia: cá nhân không cư trú làm việc tại Malaysia không quá 60 ngày trong 01 hoặc 02 năm dương lịch liên tục được miễn thuế TNCN tại Malaysia.
- Singapore: cá nhân nước ngoài làm việc tại Singapore không quá 60 ngày/năm dương lịch được miễn thuế TNCN tại Singapore.
- Hồng Kông: cá nhân nước ngoài công tác tại Hồng Kông không quá 60 ngày/năm tính thuế có thể được miễn thuế TNCN tại Hồng Kông.

Kiến nghị

Nhằm tạo điều kiện để việc tuân thủ quy định về thuế TNCN trở nên khả thi đối với cá nhân nước ngoài là cá nhân **không cư trú** sang công tác tại Việt Nam ngắn ngày, chúng tôi kiến nghị nên đưa vào quy định một số trường hợp cá nhân nước ngoài sang công tác ngắn ngày tại Việt Nam **không phải kê khai thuế TNCN**, ví dụ như:

- Dựa theo số ngày có mặt tại Việt Nam của cá nhân, ví dụ: cá nhân có mặt tại Việt Nam dưới 30 ngày (tham khảo theo quy định trước đây tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 3, Pháp lệnh thuế TNCN đối với người có thu nhập cao 2001) hoặc cá nhân có mặt tại Việt Nam dưới 30 ngày và không quá 03 lần trong 01 năm (tương tự quy định về miễn giấy phép lao động cho cá nhân nước ngoài vào Việt Nam làm việc tại vị trí nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật tại Khoản 8, Điều 7, Nghị định 152/2020/NĐ-CP); và/hoặc
- Dựa theo mục đích nhập cảnh của cá nhân, ví dụ: miễn trừ kê khai thuế TNCN đối với các cá nhân sang Việt Nam theo diện miễn thị thực, thị thực DH (cấp cho người vào thực tập, học tập), thị thực HN (cấp cho người vào dự hội nghị, hội thảo), thị thực ĐT1/ĐT2/ĐT3/ĐT4 (cấp cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam) thị thực DL (cấp cho người vào du lịch), thị thực EV với mục đích nhập cảnh như dự hội nghị, hội thảo (summit, conference), thăm hỏi (official visit), đầu tư (investment), v.v... nếu các cá nhân này không nhận được thu nhập được chi trả hoặc chịu chi phí bởi công ty Việt Nam.

7.21 Kiến nghị đối với hồ sơ quy định đối với trường hợp xin công văn chấp thuận nhập cảnh vào Việt Nam đối với trường hợp là thân nhân của người lao động nước ngoài

Vấn đề

Theo quy định, người nước ngoài làm việc tại Việt Nam được đưa thân nhân (bố, mẹ, vợ, chồng, con) đến Việt Nam sống cùng mình. Để xin thị thực nhập cảnh thì người nước ngoài phải nộp giấy tờ chứng minh mối quan hệ với thân nhân. Những giấy tờ nói trên phải được hợp pháp hóa lãnh sự trước khi chuyển về Việt Nam để dịch chứng thực và nộp cho cơ quan Quản lý Xuất nhập cảnh (CQQLXNC”).

Tuy nhiên, khi chuyển sang hình thức nộp online, CQQLXNC yêu cầu những giấy tờ chứng minh quan hệ này phải được **chứng thực điện tử** trước khi nộp lên hệ thống trực tuyến. Điều này rất không khả thi vì toàn bộ tài liệu chứng minh quan hệ khi được hợp pháp hóa lãnh sự đều là tài liệu đã được sao y tại phòng công chứng ở nước ngoài và sau đó làm thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự. Do vậy, những tài liệu đã được hợp pháp hóa lãnh sự này không thể **chứng thực điện tử** tại Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam được do không phải là tài liệu gốc và đã được sao y ở nước ngoài khi làm thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự.

Kiến nghị

Đề nghị bỏ quy định phải nộp tài liệu chứng thực điện tử cho giấy tờ chứng minh mối quan hệ nói trên. Thay vào đó, người nộp hồ sơ chỉ cần scan màu và tải tài liệu đã được HPHLS và bản dịch chứng thực điện tử lên hệ thống để phục vụ cho việc cấp phép.

8 Các vấn đề về hải quan, thuế xuất nhập khẩu khác

8.1. Vướng mắc về thủ tục hải quan đối với hàng hóa mua bán giữa DNCX và nhà thầu theo hợp đồng xây dựng trọn gói

Vấn đề

Theo quy định tại **điểm b Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP** quy định “Vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng từ nội địa Việt Nam để xây dựng công trình, phục vụ cho điều hành bộ máy văn phòng và sinh hoạt của người lao động làm việc tại doanh nghiệp chế xuất không phải thực hiện quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra và giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp chế xuất, người bán hàng được lựa chọn thực hiện hoặc không phải thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu đối với vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng từ nội địa Việt Nam”. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản pháp luật nào đưa ra định nghĩa chi tiết về “hàng tiêu dùng”, dẫn đến khó khăn cho cả doanh nghiệp và Cơ quan Hải quan trong việc xác định mặt hàng nào là “hàng tiêu dùng” phục vụ cho hoạt động xây dựng công trình của DNCX bởi nhà thầu theo hợp đồng xây dựng trọn gói, qua đó, không thể xác định được các bên liên quan có được quyền để lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu hay không

Kiến nghị

Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan, kính đề nghị Bộ Tài chính/Tổng cục Hải quan và các Bộ ngành liên quan nghiên cứu và ban hành hoặc kiến nghị bổ sung quy định rõ hơn về nội dung hàng hóa mà DNCX và đối tác bán hàng được lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện thủ tục hải quan. Đặc biệt, làm rõ hơn khái niệm “hàng tiêu dùng” như được đề cập tại **điểm b Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP**.

8.2. Hàng hóa xuất khẩu gửi kho ngoại quan nhập khẩu trở lại nội địa chưa được nêu rõ trong Luật Hải quan và Nghị định hướng dẫn

Vấn đề

Quy định hiện hành về kho ngoại quan như sau:

- Khoản 10 Điều 4 Luật hải quan 54/2014/QH13:

“10. Kho ngoại quan là khu vực kho, bãi lưu giữ hàng hóa đã làm thủ tục hải quan được gửi để chờ xuất khẩu; hàng hóa từ nước ngoài đưa vào gửi để chờ xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào Việt Nam.”

- Khoản 1 Điều 85 Nghị định 08/2015/NĐ-CP:

1. Hàng hóa từ Việt Nam đã làm xong thủ tục hải quan xuất khẩu, hàng hóa từ nước ngoài chờ làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam hoặc chờ xuất khẩu sang nước thứ ba của các đối tượng được phép thuê kho ngoại quan quy định tại Khoản 1 Điều 84 Nghị định này được đưa vào lưu giữ trong kho ngoại quan.

- Khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư 39/2018/TT-BTC:

“2. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa từ khu phi thuế quan hoặc từ nội địa vào kho ngoại quan

a) Trách nhiệm của người khai hải quan:

a.1) Thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển kết hợp để đưa từ khu phi thuế quan vào kho ngoại quan theo quy định tại khoản 1 Điều 51c Thông tư này hoặc thủ tục hải quan đối với tờ khai xuất khẩu theo loại hình tương ứng để đưa hàng hóa từ nội địa vào kho ngoại quan theo quy định tại Chương II Thông tư này;

a.2) Thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều 52a Thông tư này khi đưa hàng hóa vào kho ngoại quan.

.....

4. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất kho ngoại quan để nhập khẩu vào nội địa hoặc nhập khẩu vào khu phi thuế quan hoặc tạm nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế

a) Trách nhiệm của người khai hải quan:

a.1) Khai tờ khai hải quan nhập khẩu theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

a.2) Thực hiện thủ tục hải quan nhập khẩu tương ứng từng loại hình theo quy định tại Chương II Thông tư này.

Trường hợp người khai hải quan là chủ hàng hóa gửi kho ngoại quan thì các chứng từ phải nộp hoặc xuất trình trong hồ sơ hải quan là các chứng từ khi nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào kho ngoại quan;

a.3) Thực hiện việc giám sát theo quy định khoản 4 Điều 52 Thông tư này.”

- Theo Công văn 4826/TCHQ-GSQL ngày 14/11/2022:

“Nhu vậy, hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan đưa vào gửi kho ngoại quan để chờ xuất khẩu, trong thời gian lưu giữ tại kho ngoại quan, doanh nghiệp được phép chuyển quyền sở hữu hàng hóa, nếu chủ hàng hàng hóa có nhu cầu nhập khẩu trở lại nội địa thì đăng ký tờ khai nhập khẩu theo loại hình tương ứng và thực hiện thủ tục nhập khẩu theo quy định tại Điều 91 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 59 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.”

Quy định hiện hành chưa cụ thể hóa trường hợp hàng hóa được phép đưa vào kho ngoại quan bao gồm hàng hóa từ nội địa chờ tái nhập khẩu.

Từ các quy định trên có thể thấy quy định hiện hành chưa cụ thể hóa trường hợp hàng hóa được phép đưa vào kho ngoại quan bao gồm **hàng hóa từ nội địa chờ tái nhập lại nội địa** như được hướng dẫn chi tiết tại Công văn 4826 nêu trên.

Kiến nghị

Hiện nay nhu cầu đưa hàng vào kho ngoại quan sau đó nhập trở lại nội địa ngày càng tăng, nhất là trong trường hợp dự thảo đề xuất bãi bỏ Điều 35 Nghị định 08/2015/NĐ-CP gần đây được Bộ Tài Chính gửi đến Văn phòng Chính Phủ theo Công văn 9133/BTC-TCHQ.

Tổng cục Hải quan đã ban hành Công văn 4826/TCHQ-GSQL hướng dẫn về vấn đề hàng xuất vào kho ngoại quan sau đó tái nhập vào Việt Nam như trích dẫn ở bên, theo đó, chúng tôi khuyến nghị Bộ tài chính và Tổng cục hải quan luật hóa trong quá trình sửa đổi nghị định và thông tư hướng dẫn về thuế xuất nhập khẩu, hải quan cụ thể hơn trường hợp hàng hóa từ nội địa (là thành phẩm từ hoạt động sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu, kinh doanh sản xuất) đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu và đưa vào kho ngoại quan sau đó được phép quay trở lại nội địa, theo đó, các chính sách thuế liên quan áp dụng theo mục đích nhập khẩu và các quy định hiện hành tương ứng (ví dụ như nếu doanh nghiệp nhập hàng từ kho ngoại quan để SX XK, gia công xuất khẩu thì được miễn thuế nếu các điều kiện miễn thuế theo quy định được áp ứng, v.v.).

8.3. Vướng mắc về việc thực hiện giao dịch mua bán giữa 2 DNCX và một bên thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam

Vấn đề

Liên quan đến các chính sách thay thế khi thủ tục XNKTC đối với giao dịch mua bán 3 bên theo Điều 35 Nghị định 08/2015/NĐ-CP không được phép thực hiện như nêu trong Công văn 9133/BTC-TCHQ:

Đối với đề xuất các doanh nghiệp Việt Nam tham gia giao dịch này nếu là doanh nghiệp thường thì có thể chuyển đổi thành doanh nghiệp chế xuất. Khi đó việc trao đổi hàng hóa giữa DNCX và doanh nghiệp nội địa là quan hệ xuất nhập khẩu.

Tuy nhiên, tại văn bản này chưa thấy nhắc đến trường hợp giao dịch mua bán 3 bên theo như điểm 1.c Điều 35 Nghị định 08/2015/NĐ-CP hiện tại giữa 2 doanh nghiệp chế xuất và một bên thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam. **Do đó, không rõ các DNCX trong trường hợp này có được phép thực hiện không.**

Kiến nghị

Chúng tôi khuyến nghị Bộ Tài chính/Tổng cục hải quan có hướng dẫn cụ thể hơn để doanh nghiệp có cơ sở thực hiện khi dự thảo được ban hành. Cụ thể, với giao dịch 3 bên 2 DNCX và thương nhân nước ngoài không có hiện diện thì:

- Các bên vẫn làm thủ tục hải quan (đăng ký tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu) hay
- Có thể thực hiện như giao dịch mua bán trong Việt Nam sử dụng hóa đơn như phương án 1 đề xuất trong Công văn 9133/BTC-TCHQ

8.4. Vướng mắc về thông báo cơ sở sản xuất và hợp đồng gia công và phụ lục hợp đồng (nếu có) trong trường hợp (i) Trường hợp DNCX nhận gia công cho doanh nghiệp nước ngoài và (ii) Trường hợp DNCX thuê doanh nghiệp nội địa hoặc DNCX gia công lại

Vấn đề

Theo Điều 76 Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư 39/2018/TT-BTC, quy định về thủ tục hải quan đối với trường hợp DNCX thuê doanh nghiệp nội địa gia công, DNCX nhận gia công cho doanh nghiệp nội địa, DNCX thuê DNCX khác gia công, DNCX thuê nước ngoài gia công. Chúng tôi có một số vướng mắc như sau:

(i) Điều khoản này không quy định việc DNCX nhận gia công cho doanh nghiệp nước ngoài. Do đó chúng tôi không rõ trong trường hợp DNCX gia công cho thương nhân nước ngoài thì:

- Có phải thực hiện thông báo hợp đồng gia công và phụ lục hợp đồng (nếu có) theo Điều 56 Thông tư 38/2015/TT-BTC sửa đổi tại khoản 36 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC hay không;
- Việc tiêu hủy phế liệu phế phẩm phát sinh từ hoạt động gia công có phải xin văn bản cho phép của Sở tài nguyên môi trường theo khoản 4 Điều 44 Nghị định 69/2018/NĐ-CP hay không?

(ii) Đối với trường hợp DNCX thuê doanh nghiệp nội địa gia công. Phía doanh nghiệp nội địa sẽ thực hiện thủ tục như gia công cho thương nhân nước ngoài, trong đó bao gồm việc thông báo hợp đồng gia công, thông báo cơ sở sản xuất, mở tờ khai nhập khẩu khi nhận NVL và tờ khai xuất khẩu khi trả lại sản phẩm.

Câu hỏi của chúng tôi đó là DNCX (bên thuê gia công) có phải thực hiện việc thông báo cơ sở nhận gia công tại nội địa và thông báo hợp đồng gia công ký với bên nội địa hay không?

(ii) Đối với trường hợp DNCX thuê DNCX khác gia công, cả 2 bên được lựa chọn không làm thủ tục hải quan liên quan.

- Đối với DNCX nhận gia công: có phải thông báo hợp đồng gia công và phụ lục hợp đồng (nếu có) theo Điều 56 Thông tư 38/2015/TT-BTC sửa đổi tại khoản 36 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC hay không?
- Đối với DNCX đi thuê gia công: có phải thông báo cơ sở nhận gia công tại DNCX còn lại và thông báo hợp đồng gia công và phụ lục hợp đồng (nếu có) theo Điều 62 Thông tư 38/2015/TT-BTC sửa đổi tại khoản 41 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC hay không?

Kiến nghị

Chúng tôi có một số đề xuất như sau:

- (i) Thông báo hợp đồng gia công và phụ lục hợp đồng gia công là một trong các điều kiện miễn thuế đối với doanh nghiệp thường khi thực hiện hoạt động gia công. Đối với DNCX, tất cả hàng hóa nhập khẩu đều thuộc đối tượng không chịu thuế theo khoản 4 Điều 2 Luật thuế xuất nhập khẩu nên DNCX không cần phải đáp ứng các điều kiện miễn thuế như các doanh nghiệp thường làm hoạt động gia công. Theo đó, DNCX nhận gia công cho doanh nghiệp nước ngoài thì **không phải** thông báo hợp đồng gia công và phụ lục hợp đồng (nếu có). Việc tiêu hủy phế liệu phế phẩm phát sinh từ hoạt động gia công vẫn nên xin văn bản cho phép của Sở tài nguyên môi trường theo khoản 4 Điều 44 Nghị định 69/2018/NĐ-CP.
- (ii) Phía DN nội địa nhận gia công đã thực hiện thông báo cơ sở sản xuất và thông báo hợp đồng gia công và phụ lục (nếu có) rồi. Do đó, DNCX trong trường hợp này không cần thông báo cơ sở nhận gia công tại nội địa và không cần thông báo hợp đồng gia công ký với bên nội địa.
- (iii) Tương tự như mục (i):
 - DNCX nhận gia công **không phải** thông báo hợp đồng gia công và phụ lục hợp đồng (nếu có);
 - DNCX đi thuê gia công **không phải** thông báo cơ sở nhận gia công tại DNCX còn lại và thông báo hợp đồng gia công và phụ lục hợp đồng (nếu có)

Liên quan đến vấn đề này, tại công văn 427/CCHQTN-TH ngày 27/7/2018 của Chi Cục Hải quan Thái Nguyên hướng dẫn trường hợp DNCX thuê DNCX khác gia công thì DNCX thuê gia công phải thông báo Hợp đồng gia công, phụ lục hợp đồng gia công với cơ quan hải quan theo khoản 2 Điều 56 Thông tư 38/2015/TT-BTC, sửa đổi bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC.

8.5. Trường hợp xuất nhập khẩu tại chỗ mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và chỉ định giao nhận với doanh nghiệp Việt Nam khác có áp dụng với nhiều hơn 1 thương nhân nước ngoài không

Vấn đề

Cơ chế XNKTC về cơ bản có sự tham gia của 3 bên gồm: nhà sản xuất Việt Nam, thương nhân nước ngoài và người nhận hàng Việt Nam.

Trên thực tế, cơ chế XNKTC do nhiều bên xuất khẩu thực hiện có thể có sự tham gia của 4 bên trở lên, bao gồm: nhà sản xuất Việt Nam, 2 thương nhân nước ngoài trở lên và người nhận hàng Việt Nam.

Sự khác biệt duy nhất trong cơ chế XNKTC thực tế là sự tham gia của nhiều thương nhân nước ngoài. Các vấn đề khác trong thủ tục hải quan vẫn được giữ nguyên như trong cơ chế XNKTC cơ bản, cụ thể là:

- Người xuất khẩu Việt Nam có trách nhiệm thực hiện thủ tục xuất khẩu XNKTC;
- Thương nhân nước ngoài ký hợp đồng với người xuất khẩu là bên chỉ định giao hàng;
- Người nhận hàng Việt Nam có trách nhiệm làm thủ tục nhập khẩu XNKTC.

Gần đây, một số Cục Hải quan tỉnh, thành phố dừng cho phép thực hiện cơ chế XNKTC này với lý do thủ tục XNKTC có trên 3 bên không phù hợp với quy định hiện hành về cơ chế XNKTC.

Kiến nghị

Chúng tôi cho rằng cách giải thích của một số Cục Hải quan tỉnh, thành phố áp dụng không phù hợp với quy định pháp luật. Cụ thể, tại điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy định về thủ tục XNKTC như sau:

“...Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao hàng, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam.”

Quy định trên không đề cập đến số lượng tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia mô hình này. Do đó, cách giải thích rằng cơ chế XNKTC chỉ giới hạn ở 3 bên với một người mua nước ngoài duy nhất là không đúng về mặt pháp lý.

8.6. Vướng mắc về việc hoàn thuế cho hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu nhưng sau đó tái xuất sang nước thứ 3 hoặc khu phi thuế quan

Vấn đề

(i) Căn cứ để hàng hóa được hoàn thuế nhập khẩu và miễn thuế xuất khẩu:

Theo Điều 34, Nghị định 134/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại Khoản 17, Điều 1, Nghị định 18/2021/NĐ-CP, hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu nhưng phải tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu, gồm:

- Hàng hóa nhập khẩu nhưng phải tái xuất ra nước ngoài bao gồm xuất khẩu trả lại chủ hàng, xuất khẩu hàng hóa đã nhập khẩu ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan để sử dụng trong khu phi thuế quan.
- Việc tái xuất hàng hóa phải được thực hiện bởi người nhập khẩu ban đầu hoặc người được người nhập khẩu ban đầu ủy quyền, ủy thác xuất khẩu.

(i) Theo phụ lục I, Thông tư 39/2018/TT-BTC thay thế Phụ lục II, Thông tư 38/2015/TT-BTC, không có quy định rõ ràng về khai báo phần Ghi chú trên tờ khai tái xuất hàng xuất khẩu.

(ii) Tuy nhiên, theo Công văn 4032/TCHQ-GSQL, đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất theo mã loại hình B13, doanh nghiệp cần lưu ý khi khai tờ khai xuất khẩu tại chỉ tiêu **“Phần ghi chú”** trên tờ khai xuất khẩu điện tử hoặc ô “ghi chép khác” của tờ khai giấy:

- Phải khai chính xác, trung thực số tờ khai nhập khẩu của hàng hóa nhập khẩu trước đây
- **Khai rõ “Hàng hóa thuộc đối tượng không thu thuế xuất khẩu, hoàn thuế nhập khẩu theo quy định”.**

Như vậy theo công văn 4032/TCHQ-GSQL, đối với các tờ khai tái xuất theo mã loại hình B13 mà không được ghi chú đúng hoặc không ghi chú **“Hàng hóa thuộc đối tượng không thu thuế xuất khẩu, hoàn thuế nhập khẩu theo quy định”** thì doanh nghiệp có rủi ro sẽ không được hoàn thuế nhập khẩu.

Kiến nghị

Chúng tôi nhận thấy có thể phát sinh 2 trường hợp:

- Trường hợp 1: Doanh nghiệp sử dụng mã loại hình B13 khi tái xuất hàng hóa, cơ quan hải quan có kiểm hóa và xác định được hàng hóa nguyên trạng, chưa gia công, chế biến nhưng doanh nghiệp không ghi chú (hoặc ghi không chính xác) “hàng hóa thuộc đối tượng không thu thuế xuất khẩu, hoàn thuế nhập khẩu theo quy định”.
- Trường hợp 2: Doanh nghiệp ưu tiên khi tái xuất ghi chú đầy đủ và đúng như hướng dẫn “hàng hóa thuộc đối tượng ... hoàn thuế nhập khẩu theo quy định”. Nhưng đối với doanh nghiệp ưu tiên thì không có luồng đỏ để kiểm hóa.

Kính mong Tổng cục Hải quan hướng dẫn hai trường hợp trên có được hoàn thuế nhập khẩu và GTGT đã nộp khâu nhập khẩu ban đầu không.

8.7. Trường hợp DNCX nhận gia công cho DNCX khác và lựa chọn không mở tờ khai, DNCX nhận gia công có phải tính toán và lưu định mức thực tế không

Vấn đề

DNCX có phải nộp báo cáo quyết toán (mẫu 15, mẫu 15a, và mẫu 16) cho hàng hóa nhận gia công từ DNCX?

Theo quy định hiện hành, khi DNCX thuê DNCX khác gia công, thì không phải thực hiện thủ tục hải quan khi giao, nhận hàng hóa (1).

Tuy nhiên, trước khi đưa nguyên liệu, vật tư, MMTB đi phục vụ hợp đồng gia công, DNCX thuê gia công phải thông báo Hợp đồng, và phụ lục Hợp đồng gia công với Hải quan (2).

Việc nộp báo cáo quyết toán trên thực tế cũng sẽ cần phải dựa vào “mã nguyên liệu, vật tư, mã sản phẩm đang theo dõi trong quản trị sản xuất và đã khai trên tờ khai hải quan khi nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, xuất khẩu sản phẩm.” (3). Mà theo quy định thì hàng hóa giao gia công giữa hai DNCX lại đang không yêu cầu mở cần thực hiện thủ tục hải quan. Do đó, sẽ không có cơ sở để có thể xây dựng và nộp báo cáo quyết toán cho hải quan.

Kiến nghị

DNCX nhận gia công từ DNCX không cần phải nộp báo cáo quyết toán đối với hàng hóa nhận và trả lại theo hợp đồng gia công. Tuy nhiên, Công ty sẽ vẫn cần phải có trách nhiệm lưu trữ chứng từ, dữ liệu liên quan tới hoạt động gia công.

8.8. Kiến nghị về (i) không nên truy thu thuế với chênh lệch dương và (ii) cách tính tiền chậm nộp với tiền thuế phát sinh từ chênh lệch âm

Vấn đề

(i) Không nên truy thu thuế với chênh lệch dương

Theo quy định tại điều 17 Nghị định 126/2020/NĐ-CP, trường hợp cơ quan hải quan xác định được nguyên nhân dẫn đến chênh lệch dương thì sẽ truy thu thuế với chênh lệch dương.

Chúng tôi nhận thấy quy định này chưa phù hợp. Trong thực tế sản xuất sẽ có trường hợp dẫn đến phát sinh chênh lệch dương như định mức thực tế có chênh lệch với định mức khai báo với cơ quan hải quan, dung sai khi nhập khẩu nguyên vật liệu với một số hàng hóa đặc thù như kim tiêm, linh kiện điện tử nhỏ như IC, chip, v.v. Hàng hóa thực tế vẫn còn trong kho của doanh nghiệp để tiếp tục đưa vào sản xuất của doanh nghiệp.

(ii) Cách tính tiền chậm nộp với tiền thuế phát sinh từ chênh lệch âm

- Theo khoản 4 Điều 55, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, “a) Thời hạn nộp thuế khai bổ sung, nộp số tiền thuế ấn định được áp dụng theo thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu”.

- Theo quy định khoản 6, Điều 17, Nghị định 126/2020/NĐ-CP

“6. Thời hạn nộp tiền thuế ấn định

a) Thời hạn nộp tiền thuế ấn định thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 55 Luật Quản lý thuế.

b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị ấn định thuế nhưng người khai thuế không kê khai trên tờ khai hải quan hoặc có kê khai trên tờ khai hải quan nhưng tờ khai hải quan bị hủy theo quy định của pháp luật về hải quan, hàng hóa nhập khẩu đã qua gia công, sản xuất không còn nguyên trạng như khi nhập khẩu ban đầu, hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế được cầm cố, thế chấp làm tài sản đảm bảo ... thời hạn nộp thuế là ngày ký ban hành quyết định ấn định thuế.

c) Trường hợp ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế, hàng hóa khác thuộc nhiều

tờ khai hải quan khác nhau **nhưng vẫn còn nguyên trạng khi nhập khẩu**, cơ quan hải quan không xác định được chính xác số lượng hàng hóa theo từng tờ khai nhập khẩu thì tờ khai để áp dụng thời hạn nộp tiền thuế ấn định là tờ khai nhập khẩu cuối cùng có mặt hàng bị ấn định thuế trong thời kỳ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Như vậy theo quy định trên, nếu hàng hóa đã qua gia công sản xuất thì thời hạn nộp thuế là ngày ấn định thuế (khi đó không phát sinh tiền lãi chậm nộp vì doanh nghiệp sẽ nộp thuế luôn ngay sau khi có ấn định thuế) – trường hợp tại điểm b. Còn nếu hàng hóa còn nguyên trạng thì tờ khai áp dụng thời hạn nộp tiền thuế là tờ khai nhập khẩu cuối cùng có mặt hàng bị ấn định thuế - trường hợp tại điểm c.

Quy định trên chưa hướng dẫn rõ ràng thời hạn nộp thuế trong trường hợp ấn định thuế đối với lượng nguyên liệu, vật tư thuộc loại hình nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu (bao gồm cả DNCX) phát **sinh chênh lệch âm** giữa số lượng tồn thực tế so với số lượng tồn khai báo cơ quan hải quan. Vì tại thời điểm ấn định, Cơ quan Hải quan và người khai hải quan **không thể xác định được chính xác hàng hóa bị ấn định thuế thuộc tờ khai nhập khẩu ban đầu nào**. Đồng thời khi bị ấn định thuế do phát sinh chênh lệch âm, thì lượng hàng hóa bị ấn định được **xem như không còn nguyên trạng** khi nhập khẩu nên phù hợp để áp theo điểm b khoản 6 thay vì theo điểm c khoản 6 Điều 17, Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

Kiến nghị

(i) Không nên truy thu thuế với chênh lệch dương

Chúng tôi kính mong TCHQ ghi nhận kiến nghị của chúng tôi về việc không truy thu thuế với chênh lệch dương.

(ii) Không tính tiền chậm nộp với tiền thuế phát sinh từ chênh lệch âm

- (1) Cần có quy định cụ thể về thời hạn nộp thuế cho trường hợp ấn định thuế đối với lượng nguyên liệu, vật tư thuộc loại hình nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu (bao gồm cả DNCX) phát **sinh chênh lệch âm** giữa số lượng tồn thực tế so với số lượng tồn khai báo cơ quan hải quan. Từ đó làm cơ sở để người khai hải quan nộp thuế và tính tiền chậm nộp (nếu có).
- (2) Xem xét xác định thời hạn nộp thuế trong trường hợp ấn định thuế đối với lượng nguyên liệu, vật tư thuộc loại hình nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu (bao gồm cả DNCX) phát **sinh chênh lệch âm** giữa số lượng tồn thực tế so với số lượng tồn khai báo cơ quan hải quan là ngày ký ban hành quyết định ấn định thuế như quy định **tại điểm b khoản 6 Điều 17, Nghị định 126/2020/NĐ-CP**. Do thực tiễn, việc quản lý dòng chảy nguyên vật liệu trong sản xuất rất khó để đảm bảo không có chênh lệch, đặc biệt với các doanh nghiệp có quy mô lớn và siêu lớn. Trong khi việc phát sinh chênh lệch **chỉ là dấu hiệu vi phạm, chưa phải căn cứ xác định hành vi vi phạm về việc sử dụng hàng hóa miễn thuế/không chịu thuế sai mục đích**. Do đó trường hợp ấn định thuế khi phát sinh hợp chênh lệch âm, thì thời hạn nộp thuế ấn định **nên quy định là ngày ký ban hành quyết định ấn định thuế**, đồng thời sẽ không tính tiền chậm nộp, nêu người khai hải quan nộp đủ tiền thuế ấn định theo thời hạn trong quyết định ấn định

8.9. Vướng mắc về hoàn thuế nhập khẩu cho sản phẩm gia công nhập từ DNCX sau đó xuất khẩu

Vấn đề

[Trường hợp 1]

Doanh nghiệp nội địa, thuê DNCX gia công. Nguyên vật liệu cung cấp cho DNCX theo hợp đồng gia công là nguyên vật liệu mua ở trong nước, có hóa đơn chứng từ đầy đủ rõ ràng, đã nộp thuế VAT theo quy định.

Khi nhập lại sản phẩm sau gia công hoàn chỉnh, doanh nghiệp nội địa mở tờ khai nhập khẩu và nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT trên phí gia công và nguyên liệu do DNCX nhận gia công cung ứng theo quy định. Sau đó doanh nghiệp nội địa lại xuất khẩu toàn bộ sản phẩm trên cho một doanh nghiệp chế xuất khác.

[Trường hợp 2]

Doanh nghiệp gia công xuất khẩu (không phải chế xuất) giao gia công lại một phần cho DNCX (giao bán thành phẩm hoặc 1 phần nguyên vật liệu). Sau đó nhập lại sản phẩm gia công rồi xuất khẩu sản phẩm gia công ra nước ngoài hoặc khu phi thuế quan.

[Trường hợp 3]

Doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu (không phải chế xuất) giao gia công lại một phần cho DNCX (giao bán thành phẩm hoặc 1 phần nguyên vật liệu). Sau đó nhập lại sản phẩm gia công rồi xuất khẩu sản phẩm gia công ra nước ngoài hoặc khu phi thuế quan.

Theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan tại các công văn 940/TCHQ-TXNK ngày 06/03/2023, 2093/TCHQ-TXNK ngày 04/05/2023, 467/TCHQ-TXNK ngày 29/01/2024 các trường hợp nêu trên không được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp cho sản phẩm gia công khi xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài/khu phi thuế quan.

Kiến nghị

TCHQ xem xét trường hợp hoàn thuế “Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu nhưng hàng hóa phải tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu” tại điểm c, khoản 1, Điều 19, Luật thuế Xuất nhập khẩu 107/2016/QH13 để phê duyệt cho trường hợp đang đề cập.

Bản chất trường hợp này không khác gì hoạt động sản xuất xuất khẩu hoặc hoạt nhập kinh doanh sản xuất sau đó sử dụng cho sản xuất xuất khẩu tuy nhiên trường hợp này lại không được hoàn thuế. Việc này sẽ tạo bất bình đẳng trong môi trường đầu tư.

Kính mong Quý TCHQ xem xét.

8.10. *Vướng mắc về các giao dịch chưa được hướng dẫn trong công văn 9133/BTC-TCHQ***Vấn đề**

Doanh nghiệp nội địa nhập khẩu nguyên vật liệu, nộp thuế, sản xuất sau đó xuất khẩu cho thương nhân nước ngoài và được chỉ định giao tại doanh nghiệp khác tại Việt Nam.

Trường hợp này có được hoàn thuế không?

Kiến nghị

Kính đề nghị Quý TCHQ và Bộ Tài chính ghi nhận, phản hồi và làm rõ trường hợp hai trường hợp sẽ được thực hiện thế nào khi đề xuất tại Công văn 9133/BTC-TCHQ chính thức có hiệu lực.

8.11. *Thời điểm áp dụng quy chế của doanh nghiệp chế xuất đối với Doanh nghiệp có giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) ghi rõ mục tiêu thành lập DNCX***Vấn đề**

Căn cứ khoản 3, Điều 26 Nghị định 35/2022/NĐ-CP:

“...3. Doanh nghiệp chế xuất được hưởng ưu đãi đầu tư và chính sách thuế đối với khu phi thuế quan kể từ thời điểm mục tiêu đầu tư thành lập doanh nghiệp chế xuất được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc Giấy xác nhận đăng ký doanh nghiệp chế xuất của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền. Sau khi hoàn thành quá trình xây dựng, doanh nghiệp chế xuất phải được cơ quan hải quan có thẩm quyền

*xác nhận việc đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trước khi chính thức đi vào hoạt động. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất không được xác nhận đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan thì không được hưởng chính sách thuế áp dụng đối với khu phi thuế quan. **Việc kiểm tra, xác nhận, hoàn thiện điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan của doanh nghiệp chế xuất thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.***

Căn cứ khoản 3 và 4 Điều 28a Nghị định 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 18/2021/NĐ-CP, Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (bao gồm cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng) được áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu kể từ thời điểm là DNCX nêu tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. DNCX phải gửi thông báo đã đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan chậm nhất 30 ngày trước thời điểm DNCX chính thức đi vào hoạt động. **Trường hợp cơ quan Hải quan kiểm tra và thông báo DNCX chưa đáp ứng thì DNCX được hoàn chỉnh các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan quy định nhiều lần nhưng không quá thời hạn 01 năm kể từ ngày cơ quan Hải quan cấp văn bản xác nhận lần đầu. Quá thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp văn bản xác nhận lần đầu, DNCX không thực hiện việc thông báo lại hoặc không đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định thì không được áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan.** DNCX phải nộp lại đủ các loại thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm đối với hàng hóa nhập khẩu đã được áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan.

Tuy nhiên, theo nội dung hướng dẫn tại Công văn số 2746/CTVPH-TTHT ngày 19/12/2023 của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc, thì DNCX **chỉ được áp dụng thuế suất GTGT 0% kể từ thời điểm DNCX được cơ quan Hải quan có thẩm quyền xác nhận về việc đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định.**

Nội dung hướng dẫn tại Công văn 2746/CTVPH-TTHT ngày 19/12/2023 của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc không phù hợp với quy định tại Nghị định của Chính phủ. Điều này gây tác động xấu đến chính sách thu hút đầu tư FDI của Việt Nam. Ngoài ra, cũng sẽ phát sinh thêm chi phí và thủ tục hành chính cho việc hoàn thuế/khấu trừ thuế sau khi DNCX được cơ quan Hải quan xác nhận đã đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan.

Kiến nghị

Đề nghị TCHQ có ý kiến và phối hợp làm việc với Tổng cục thuế để cơ quan thuế có hướng dẫn phù hợp, đảm bảo việc xử lý thuế bởi cơ quan thuế cũng phù hợp với các Nghị định và quy định hướng dẫn về hải quan. Cụ thể, DNCX sẽ được áp dụng quy chế của DNCX **kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy tờ pháp lý khác tương đương) ghi nhận là DNCX.** Cơ quan Hải quan sẽ kiểm tra và xử lý việc áp dụng quy chế của DNCX với các doanh nghiệp như hướng dẫn tại Nghị định 35/2022/NĐ-CP, Nghị định 18/2021/NĐ-CP.

- 8.12. *Vướng mắc về đối tượng được thực hiện được giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ nhiều lần trong một thời hạn nhất định theo một hợp đồng/đơn hàng với cùng người mua hoặc người bán thì được giao nhận hàng hóa trước, khai hải quan sau. Thế nào là “doanh nghiệp tuân thủ pháp luật hải quan”***

Vấn đề

Tại khoản 6 Điều 86 Thông tư 38/2015/TT-BTC, sửa đổi tại Thông tư 39/2018/TT-BTC, **doanh nghiệp tuân thủ pháp luật hải quan và đối tác mua bán hàng hóa cũng là doanh nghiệp tuân thủ pháp luật hải quan có hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được giao nhận**

nhiều lần trong một thời hạn nhất định theo một hợp đồng/đơn hàng với cùng người mua hoặc người bán thì được giao nhận hàng hóa trước, khai hải quan sau. Việc khai hải quan được thực hiện trong thời hạn tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày thực hiện việc giao nhận hàng hóa. Chúng tôi hiểu việc xác định mức độ tuân thủ có quy định tại Thông tư 81/2019/TT-BTC.

Theo đó có 5 mức:

1. Mức 1: Doanh nghiệp ưu tiên.
2. Mức 2: Tuân thủ cao.
3. Mức 3: Tuân thủ trung bình.
4. Mức 4: Tuân thủ thấp.
5. Mức 5: Không tuân thủ.

Các mức này doanh nghiệp có thể tra cứu tại customs.gov.vn chức năng tra cứu mức độ tuân thủ. Tuy nhiên, định nghĩa thế nào là “doanh nghiệp tuân thủ pháp luật hải quan” chưa được hướng dẫn tại khoản 6, Điều 86, Thông tư 38/2015/TT-BTC. Đồng thời, không rõ là mức độ mấy **được đánh giá là tuân thủ** và được **giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ nhiều lần trước khi mở tờ khai**.

Trong thực tế, có DNCX mua bán với doanh nghiệp nội địa và lựa chọn giao nhận hàng hóa nhiều lần trước khi mở tờ khai. Đảm bảo thời hạn mở tờ khai trong vòng 30 ngày từ ngày giao nhận hàng hóa. Cả 2 doanh nghiệp này có mức tuân thủ 3 khi tra trên website TCHQ. Tuy nhiên Đoàn KTSTQ cho **rằng cách tra cứu mức độ tuân thủ như vậy không đúng và hai doanh nghiệp đó không được giao nhận hàng hóa nhiều lần trước khi mở tờ khai**.

Kiến nghị

Chúng tôi kính mong TCHQ hướng dẫn cụ thể về định nghĩa doanh nghiệp tuân thủ pháp luật

(i) Mức độ tuân thủ thực hiện theo Thông tư 81/2019/TT-BTC

(ii) Doanh nghiệp ở mức tuân thủ mấy (2, 3, 4) thì được thực hiện giao nhận nhiều lần hàng xuất

nhập khẩu tại chỗ trước khi mở tờ khai theo khoản 6, Điều 86, Thông tư 38/2015/TT-BTC

8.13. Vướng mắc về hoàn thuế đối với hàng hóa nhập A12 được đưa vào sử dụng sản xuất hàng hóa xuất khẩu theo mã loại hình E62

Vấn đề

Khi xin hoàn thuế cho hàng hóa A12 sử dụng cho sản xuất hàng hóa xuất khẩu theo mã loại hình E62, các doanh nghiệp xác định số lượng nguyên vật liệu nhập A12 xin hoàn thuế như sau:

- sử dụng số liệu trên **hệ thống quản lý ERP**
- nguyên tắc **nhập trước xuất trước** (FIFO)
- bảng theo dõi **trừ lùi**

Tuy nhiên, một số cơ quan hải quan không chấp nhận phương pháp trên và yêu cầu doanh nghiệp phải xác định **đích danh**, xác định được nguyên liệu A12 xuất vào sản xuất thuộc tờ khai nhập khẩu nào. Điều này là không thể vì hệ thống kế toán, hệ thống ERP cũng không theo dõi được đích danh

Kiến nghị

Công ty kính đề nghị Quý TCHQ xác nhận cách hiểu nêu trên của Công ty là đúng.

Chúng tôi kính mong TCHQ hướng dẫn chúng tôi trường hợp này, cụ thể việc sử dụng nguyên tắc nhập trước xuất trước và sử dụng bảng theo dõi trừ lùi là phù hợp để các cơ quan hải quan tỉnh, thành phố, địa phương áp dụng thống nhất.

8.14. Vướng mắc về hồ sơ xin giảm thuế cho hàng hóa bị thiệt hại do hỏa hoạn bị từ chối do quá thời hạn 30 ngày mặc dù nghị định 18/2021/NĐ-CP đã có hiệu lực

Vấn đề

Điều 32, Nghị định 134/2016/NĐ-CP yêu cầu văn bản xác nhận nguyên nhân thiệt hại và Giấy chứng nhận giám định về số lượng hàng hóa bị mất mát hoặc tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa trong hồ sơ xin giảm thuế quá thời hạn 30 ngày. Thời hạn này không phù hợp với thực tế, do đó, điều khoản này đã được bãi bỏ tại Nghị định 18/2021/NĐ-CP.

Chúng tôi được biết trong thời gian hiệu lực của Nghị định 134/2016/NĐ-CP, Chính phủ đã chấp thuận hồ sơ giảm thuế cho một doanh nghiệp dù văn bản xác nhận nguyên nhân thiệt hại và Giấy chứng nhận giám định về số lượng hàng hóa bị mất mát quá hạn 30 ngày.

Tuy nhiên, hiện tại có doanh nghiệp khác phát sinh hỏa hoạn trong giai đoạn hiệu lực của Nghị định 134/2016/NĐ-CP, văn bản xác nhận nguyên nhân thiệt hại và Giấy chứng nhận giám định về số lượng hàng hóa bị mất mát quá hạn 30 ngày nhưng chưa được cơ quan hải quan chấp thuận hồ sơ giảm thuế. Nghị định 18/2021/NĐ-CP đã có hiệu lực, đã bãi bỏ điều khoản về 30 ngày nhưng hồ sơ của doanh nghiệp vẫn chưa được chấp nhận.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị TCHQ xem xét:

- (i) Cần đối xử công bằng với tất cả doanh nghiệp tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, hiệu quả.
- (ii) Hướng dẫn chấp thuận hồ sơ giảm thuế cho doanh nghiệp có hỏa hoạn xảy ra trước thời điểm nghị định 18/2021/NĐ-CP đã có hiệu lực và có văn bản xác nhận nguyên nhân thiệt hại và Giấy chứng nhận giám định về số lượng hàng hóa bị mất mát quá thời hạn 30 ngày.

8.15. Vướng mắc về thủ tục để kê khai nộp thuế cho các chênh lệch khi thực hiện kiểm kê hàng tồn của DNCX

Vấn đề

Trong quá trình hoạt động sản xuất của DNCX, định kỳ tiến hành hoạt động kiểm kê hàng tồn kho, theo đó, có thể phát hiện một số chênh lệch về số lượng giữa hàng hóa thực tế và tồn kho trên sổ sách kế toán, nhưng không thể tìm ra nguyên nhân phát sinh chênh lệch.

Các chênh lệch kiểm kê không rõ nguyên nhân có thể bị cơ quan hải quan thực hiện truy thu thuế khi thực hiện kiểm tra sau thông quan. Do vậy, để đảm bảo tính tuân, các DNCX sẵn sàng chủ động kê khai và nộp thuế cho các chênh lệch kiểm kê này ngay khi chênh lệch kiểm kê được phát hiện (trước khi có kiểm tra sau thông quan), nhưng do chưa có hướng dẫn cụ thể tại các quy định hiện hành, nên việc chủ động kê khai và nộp thuế của các doanh nghiệp không thể thực hiện được.

Kiến nghị

Kính đề nghị Quý TCHQ và Bộ Tài chính xem xét và có hướng dẫn cụ thể cho các doanh nghiệp về thủ tục để kê khai và nộp thuế cho các chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho ngay khi được phát hiện.

8.16. Vướng mắc khi áp dụng chính sách thuế đối với vật tư, linh kiện được DNCX cho doanh nghiệp nội địa mượn để sửa chữa máy móc thiết bị theo hợp đồng gia công

Vấn đề

Doanh nghiệp nội địa nhận gia công cho DNCX. Để thực hiện hợp đồng gia công này, doanh nghiệp nội địa đã mượn một số máy móc từ DNCX. Khi máy móc phát sinh hư hỏng cần sửa chữa, DNCX sẽ gửi cho doanh nghiệp nội địa một số vật tư, linh kiện để thực hiện hoạt động sửa chữa máy móc. Danh sách các máy móc và vật tư linh kiện sửa chữa được DNCX gửi sang cho doanh nghiệp nội địa đã được ghi cụ thể trong hợp đồng gia công.

Khi nhập khẩu các vật tư linh kiện từ DNCX để sử dụng cho mục đích sử chữa máy móc theo hợp đồng gia công, doanh nghiệp nội địa có được áp dụng miễn thuế nhập khẩu hay không?

Kiến nghị

Các vật tư, linh kiện này là một phần không thể thiếu giúp cho các máy móc thiết bị được gửi sang doanh nghiệp nội địa theo hợp đồng gia công có thể hoạt động liên tục, do vậy, nên được áp dụng miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Khoản 1, Điều 10 của Nghị định 134/2016/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 18/2021/NĐ-CP).

8.17. Chuyển giao máy móc thiết bị (MMTB) giữa các nhà máy tại Việt Nam theo dạng thuê / mượn

Vấn đề

Thông tin tổng quan:

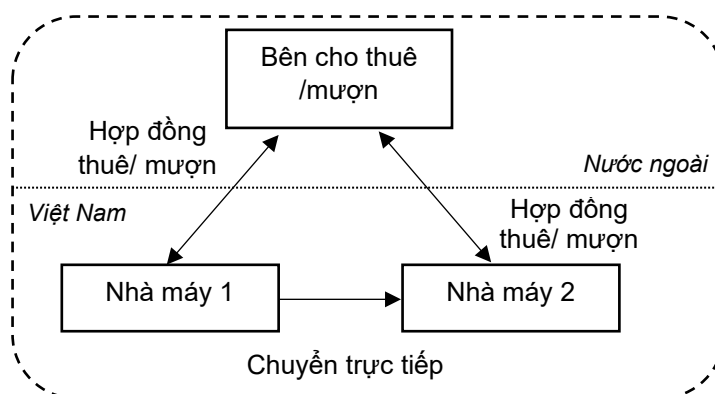
Nhiều tập đoàn đa quốc gia thiết lập đối tác với các nhà máy bên thứ ba tại Việt Nam (là DNCX) sản xuất những mặt hàng xuất khẩu mang lại trị giá xuất khẩu lớn cho Việt Nam.

- Để sản xuất các sản phẩm các tập đoàn này sẽ chuyển giao MMTB chuyên dụng đến các nhà máy tại Việt Nam nhằm đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng nhất quán của dây chuyền sản xuất giữa các nhà máy trên toàn thế giới. MMTB sẽ chuyển theo hình thức thuê / mượn và các tập đoàn vẫn là chủ sở hữu của những MMTB này. Tại thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam, nhà máy sẽ nhập khẩu theo loại hình tạm nhập - tái xuất (TN-TX).
- Với sự tăng trưởng trong số lượng nhà máy tại Việt Nam, trong quá trình sử dụng MMTB sẽ phát sinh những trường hợp phải chuyển giao một số MMTB giữa các nhà máy tại Việt Nam hoặc chuyển giao một dây chuyền MMTB cho những nhà máy mới thành lập tại Việt Nam.
- Việc chuyển giao trong nước này được thực hiện với mục đích đảm bảo tính liên tục của dây chuyền sản xuất, thực hiện nhanh chóng các đơn hàng, tiết kiệm thời gian và chi phí, đồng thời chất lượng MMTB sẽ được đảm bảo trong quá trình vận chuyển. Vì nếu phải chuyển giao từ các nhà máy ngoài Việt Nam, quy trình sản xuất sẽ bị đình trệ, cũng như chất lượng sử dụng, vận hành của MMTB có thể bị ảnh hưởng trong quá trình vận chuyển.

Quy trình chuyển giao MMTB trước đây:

Đối với các yêu cầu chuyển giao MMTB từ thời điểm trước đến tháng 11/2023, MMTB sẽ được chuyển giao trực tiếp giữa các nhà máy tại Việt Nam bằng hình thức xuất nhập khẩu (XNK) tại chỗ.

Quy trình cụ thể như sau:



- Bước 1. Nhà máy 1 sẽ làm thủ tục (tái) XK tại chỗ và thanh lý hợp đồng thuê / mượn với đối tác nước ngoài.
- Bước 2. Nhà máy 2 sẽ làm thủ tục (tạm) NK tại chỗ theo hợp đồng thuê / mượn với đối tác nước ngoài.

- MMTB sẽ được vận chuyển trực tiếp từ Nhà máy 1 đến Nhà máy 2 theo chỉ định của Bên cho thuê/mượn.

Cơ sở để thực hiện quy trình này được Tổng cục Hải quan (TCHQ) quy định và hướng dẫn tại các công văn sau:

1. Công văn số 6232/TCHQ-GSQL ngày 22/09/2017.
2. Công văn số 2015/TCHQ-GSQL ngày 27/03/2020.
3. Công văn số 3685/TCHQ-GSQL ngày 20/07/2021.
4. Công văn số 5199/TCHQ-GSQL ngày 02/11/2021.

Những công văn này dẫn chiếu đến các cơ sở pháp lý được liệt kê dưới đây (*):

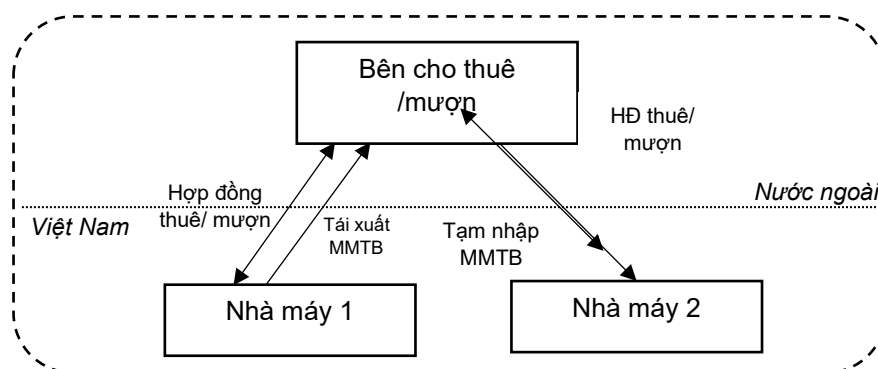
- Điều 41 Luật Quản lý ngoại thương,
- Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương
- Điểm c Khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ,
- Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 58 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

Quy trình chuyển giao MMTB hiện tại:

Tuy nhiên, vào ngày 24/11/2023, TCHQ ban hành Công văn số 6087/TCHQ-GSQL về thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất.

Công văn 6087 cũng dẫn chiếu đến những cơ sở pháp lý (*) được nêu ở các Công văn cùng chủ đề ở giai đoạn trước. Tuy nhiên, theo kết luận tại Công văn 6087, đối với hàng TN-TX sẽ không được áp dụng thủ tục XNK tại chỗ trong trường hợp đối tác nước ngoài chỉ định giao hàng hóa TN-TX tại Việt Nam cho doanh nghiệp Việt Nam khác.

Như vậy Công văn 6087 được ban hành đã thay thế hướng dẫn trước đây cho phép áp dụng quy trình XNK tại chỗ đối với hàng TN-TX. Quy trình mới theo công văn 6087 được thực hiện như sau:



- Bước 1: Nhà máy 1 sẽ làm thủ tục tái xuất trả MMTB cho đối tác nước ngoài. Theo trao đổi với Hải quan địa phương, trong trường hợp này, Nhà máy 1 cũng không thể tái xuất vào Kho Ngoại quan mà phải thực tái xuất trả cho đối tác tại nước xuất khẩu ban đầu.
- Bước 2: MMTB sẽ được thực xuất ra nước ngoài. Đối tác nước ngoài thực hiện thủ tục tái nhập và các quy trình nhập khẩu liên quan. Nếu có yêu cầu kiểm tra thực tế hàng hoá, hàng sẽ được xếp dỡ để Hải quan nước sở tại thực hiện kiểm tra.
- Bước 3: Đối tác nước ngoài xuất lại lô hàng MMTB đó cho Nhà máy 2 tại Việt Nam.
- Bước 4: Nhà máy 2 làm thủ tục nhập khẩu cho MMTB vào Việt Nam theo loại hình tạm nhập tái xuất theo hợp đồng thuê / mượn với đối tác nước ngoài.

Những ảnh hưởng trực tiếp đến quy trình chuyển giao MMTB

Như vậy với cùng một lô hàng MMTB cần phải chuyển từ Nhà máy 1 đến Nhà máy 2 đều ở Việt Nam để phục vụ sản xuất, hiện tại sẽ phát sinh thêm những thủ tục và chi phí không đáng có, cụ thể:

1. Thời gian chuyển giao kéo dài

Nếu như việc chuyển giao từ Nhà máy 1 đến Nhà máy 2 đều ở Việt Nam có thể tiến hành trong vòng 3 ngày (nếu thực hiện thủ tục XNK tại chỗ) tính từ thời điểm Nhà máy 1 bắt đầu quy trình XK tại chỗ đến lúc Nhà máy 2 hoàn thành thủ tục NK tại chỗ và đưa MMTB vào sử dụng.

Thì hiện tại, khi có yêu cầu chuyển giao MMTB từ Nhà 1 đến Nhà máy 2 đều ở Việt Nam, thời gian chuyển giao sẽ kéo dài hơn bao gồm thời gian khai báo xuất khẩu, thực xuất hàng hoá, tái nhập hàng hoá. Thời gian để hoàn thành quy trình tính từ thời điểm Nhà máy 1 bắt đầu quy trình tái xuất đến lúc Nhà máy 2 hoàn thành thủ tục tạm nhập và đưa MMTB vào sử dụng là 15 đến 21 ngày, tức là gấp 7 lần so với trước đây.

Đối với những MMTB công kênh hoặc nếu cần chuyển giao một dây chuyền MMTB, thời gian có thể kéo dài đến 30 ngày.

2. Chi phí chuyển giao tăng

Chi phí cho việc chuyển giao sẽ bao gồm những chi phí cộng thêm cho:

- Chi phí khai báo Hải quan NK, giám định hải quan tại nước ngoài cho cả 2 khâu nhập khẩu và xuất khẩu.
- Chi phí vận chuyển từ Việt Nam ra nước ngoài.
- Chi phí vận chuyển trở lại Việt Nam từ nước ngoài.
- Chi phí dỡ, bốc xếp MMTB, chi phí lưu kho, và rất nhiều chi phí khác liên quan trong quá trình vận chuyển, thông quan.

Theo ước tính, chi phí chuyển giao tính theo 1 container sẽ tăng 7 lần so với trước đây khi thực hiện XNK tại chỗ.

3. Các ảnh hưởng khác

Ngoài việc tăng chi phí, thời gian, việc bắt buộc “phải tái xuất trả cho thương nhân nước ngoài” theo Công văn 6087 còn dẫn đến một số ảnh hưởng tiêu cực khác như:

- Ảnh hưởng đến vận hành liên tục của dây chuyền sản xuất và việc hoàn thành đơn hàng
- Ảnh hưởng đến môi trường vì khí thải từ phương tiện vận chuyển.

Kiến nghị

Ngoài ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sản xuất, tăng thời gian và chi phí không đáng có, việc thay đổi trong quy trình này đã đồng thời giảm thiểu thuận lợi thương mại, đi ngược lại với mục tiêu cắt giảm thủ tục hành chính mà Chính phủ Việt Nam cũng như TCHQ / Bộ Tài chính đang hướng tới. Điều này trong ngắn hạn các nhà máy sẽ bị mất cơ hội hợp đồng sản xuất hoặc phát triển sản phẩm mới từ các tập đoàn, về lâu dài có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tính cạnh tranh của Việt Nam trong việc thu hút đầu tư nước ngoài.

Vì vậy, để để tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, XNK hàng hóa, tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, Công ty mong muốn đề xuất TCHQ tái cho phép thực hiện XNK tại chỗ đối với hàng TN-TX thuê / mượn trong trường hợp đối tác nước ngoài chỉ định giao hàng hóa TN-TX đó cho doanh nghiệp Việt Nam khác.

Cơ sở đề xuất:

- Cơ sở pháp lý không thay đổi: Những công văn hướng dẫn cho giai đoạn trước cũng như Công văn số 6087/TCHQ-GSQL ngày 24/11/2023 ban hành bởi TCHQ đều dẫn chiếu đến những cơ sở pháp lý giống nhau. Những cơ sở pháp lý này không thay đổi trong suốt quá

trình ra hướng dẫn của TCHQ, vì vậy hướng dẫn đưa ra dựa trên những cơ sở pháp lý này phải được thực hiện nhất quán.

- Quy trình XNK tại chỗ về bản chất vẫn yêu cầu khai báo hải quan xuất khẩu (tại chỗ) và nhập khẩu (tại chỗ), vì vậy sẽ không có tình trạng thất thoát về thuế đối với Hải quan và Nhà nước.

8.18. Xuất khẩu phế liệu phế phẩm ra nước ngoài không qua sơ, tiêu hủy

Vấn đề

Với lượng vốn đầu tư nước ngoài càng tăng vào ngành sản xuất công nghệ cao, càng nhiều nhà máy sản xuất sản phẩm điện tử sẽ được thành lập tại Việt Nam. Với đặc tính ngành, trong quá trình sản xuất, các nhà máy sẽ phát sinh một lượng phế liệu, phế phẩm cần được xử lý. Với xu thế bảo vệ môi trường và tận dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế bằng những công nghệ tiên tiến, nhu cầu xuất khẩu những phế liệu phế phẩm này ra nước ngoài đến các đối tác tái chế chuyên nghiệp sẽ ngày càng tăng cao.

Vì vậy những phế liệu, phế phẩm sau khi thu hồi được trên dây chuyền sản xuất sẽ được xuất khẩu trực tiếp đến các đối tác tái chế chuyên nghiệp chuyên xử lý phế liệu mà không trải qua quá trình sơ hủy, tiêu hủy tại Việt Nam. Điều này nhằm giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường, bởi vì trong trường hợp phải tiến hành các bước xử lý hạng nặng trước khi xuất khẩu, việc sơ tiêu hủy có thể có những tác động tiêu cực đến môi trường do những hạn chế về khả năng xử lý trong nước hiện nay đối với một số loại phế liệu nhất định cũng như phế liệu phế phẩm không thể được tái chế ở mức tối đa.

Liên quan đến việc xuất khẩu phế liệu phế phẩm ra nước ngoài mà không thông qua sơ-tiêu hủy tại Việt Nam, Tổng cục Hải quan đã ban hành Công văn số 1730/TCHQ-GSQL ngày 16 tháng 5 năm 2022, trong đó có nêu: “Việc sơ hủy phế liệu, phế phẩm hay phun sơn lên hàng hóa là do Công ty tự quyết định và phế liệu, phế phẩm xuất khẩu phải đáp ứng quy định tại khoản 1, Điều 55 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35, Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ Tài chính”.

Điểm 3 trong Công văn số 1730/TCHQ-GSQL cũng có nêu “Công ty kê khai trên tờ khai Hải quan theo đúng thực tế hàng hóa khi xuất khẩu là nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm và bổ sung cụm từ “hàng hư hỏng” sau tên hàng. Mã HS tương ứng với hàng hóa xuất khẩu tại thời điểm Công ty làm thủ tục hải quan và hàng hóa xuất khẩu phải đảm bảo không còn giá trị sử dụng ban đầu”.

Theo quy định được trích dẫn ở trên, phế liệu, phế phẩm được định nghĩa: “phế liệu là vật liệu loại ra trong quá trình gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu không còn giá trị sử dụng ban đầu được thu hồi để làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất khác; phế phẩm là thành phẩm, bán thành phẩm không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật (quy cách, kích thước, phẩm chất,...) bị loại ra trong quá trình gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và không đạt chất lượng để xuất khẩu”. Tuy nhiên, quy định hiện hành không định nghĩa cụ thể “không còn giá trị sử dụng ban đầu” và những phương pháp sơ hủy được cho phép, một số cơ quan hải quan địa phương đang hướng dẫn doanh nghiệp “không còn giá trị sử dụng ban đầu” có nghĩa là phế liệu, phế phẩm phải ở trạng thái đã xử lý thành dạng rác thải / chất thải nhôm, nhựa,..., và phân tách theo loại nguyên liệu như phế nhôm, phế sắt, phế nhựa, ... Để phế liệu phế phẩm có thể thành trạng thái phế nhôm nhựa như yêu cầu của Hải quan địa phương, cần phải thực hiện những phương pháp sơ tiêu hủy khác nhau, thậm chí là những bước xử lý phức tạp ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Còn đối với doanh nghiệp, những phế liệu, phế phẩm thải ra trong quá trình sản xuất có nghĩa đã không còn giá trị sử dụng như ban đầu và không thể tiếp tục sử dụng trong quy trình sản xuất đó. Bởi vì trong quá trình sản xuất, nhà máy luôn tiến hành nhiều khâu kiểm soát nghiêm

ngặt về chất lượng, nhằm loại ra những nguyên liệu, cụm tổ hợp, thành phẩm, bán thành phẩm bị lỗi hỏng trên chuyền sản xuất, không còn phù hợp để tiếp tục sử dụng cho quy trình sản xuất sản phẩm.

Kiến nghị

Việc xuất khẩu phế liệu phế phẩm không qua sơ tiêu huỷ tại Việt Nam qua các đối tác chuyên tái chế là cách thể hiện trách nhiệm, cam kết của các doanh nghiệp đối với việc bảo vệ môi trường tại Việt Nam nói riêng và môi trường toàn cầu nói chung.

Vì vậy, đối với phế liệu không còn giá trị sử dụng ban đầu và phế phẩm (bán thành phẩm, thành phẩm) không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật bị loại bỏ trong quá trình sản xuất, đề nghị cơ quan ban ngành có thẩm quyền cho phép các nhà máy, doanh nghiệp được xuất khẩu mà không thông qua việc sơ tiêu huỷ tại Việt Nam. Việc xác định “không còn giá trị sử dụng ban đầu” phải được bản thân nhà máy, doanh nghiệp tự xác nhận và chứng minh bằng các chứng từ tại nhà máy (như phiếu xuất kho để sản xuất, phiếu nhập kho phế liệu, phế phẩm, xác nhận của kỹ sư về những nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trên chuyền không đáp ứng yêu cầu về chất lượng phục vụ cho sản xuất sản phẩm..).

8.19. *Vướng mắc về việc thực hiện giao dịch mua bán giữa DNCX, doanh nghiệp nội địa và một thương nhân nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam***Vấn đề**

Trường hợp giao dịch mua bán 3 bên. Doanh nghiệp nội địa bán hàng hóa cho thương nhân nước ngoài **có hiện diện** tại Việt Nam. Thương nhân nước ngoài sau đó bán hàng hóa cho doanh nghiệp chế xuất (DNCX).

Dự kiến hàng hóa sẽ được vận chuyển thẳng từ doanh nghiệp nội địa sang DNCX.

Vậy trường hợp này có được thực hiện hay không?

Kiến nghị

Kính đề nghị Quý TCHQ hướng dẫn trường hợp mua bán 3 như mô tả có được thực hiện hay không.

Hợp tác cùng



Tài trợ Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên

Nhà tài trợ Kim Cương



Nhà tài trợ Bạch Kim



Nhà tài trợ Vàng



Nhà tài trợ Bạc

ALLEN & OVERY

A&G ASIA

Baker McKenzie



HM&P



Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF)



Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ

Ban Thư ký Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF)

Tầng 3B, Tòa nhà Văn phòng Horizon, 40 Cát Linh, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 84-24 3715 2223

Fax: 84-24 3715 2218

Email: info@vbf.org.vn

Website: www.vbf.org.vn

LinkedIn: www.linkedin.com/company/vietnam-business-forum-consortium/